|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc** |

**BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN ĐỐI VỚI**

**DỰ THẢO LUẬT GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ SỬA ĐỔI, THAY THẾ LUẬT GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ 2005**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BTTTT ngày /7/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông)*

**Tổng hợp: 91 cơ quan, tổ chức đã gửi ý kiến góp ý bằng văn bản.**

**Bao gồm: 51/63 tỉnh, thành phố và 25/29 Bộ, cơ quan ngang Bộ, 09 doanh nghiệp, 03 hiệp hội và 03 tổ chức chính trị xã hội.**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Điều | Khoản | Ý kiến | Tiếp thu, giải trình | Đơn vị góp ý | |
| I. DỰ THẢO TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ | | | | |
|  |  | Đề nghị bổ sung để làm rõ các Chính sách đã được phê duyệt được thể hiện qua các điều, khoản, điểm nào trong Dự thảo Luật. | Tiếp thu. Đã bổ sung, cập nhật trong dự thảo Tờ trình Chính phủ. | Bộ Công Thương | |
|  |  | Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bảo đảm thống nhất giữa Tờ trình và dự thảo Luật; làm rõ hơn việc giải quyết các mâu thuẫn, chồng chéo giữa Luật Giao dịch điện tử hiện hành với các Luật khác có liên quan (Luật Công nghệ thông tin, Luật Viễn thông, Luật Tần số vô tuyến điện, Luật An ninh mạng…). | Tiếp thu. Đã bổ sung, cập nhật trong dự thảo Tờ trình Chính phủ. | Bộ VHTTDL | |
|  |  | Tại Mục b, điểm 2, phần I (thuộc trang 3): “…Luật GDĐT được ban hành vào thời điểm ứng dụng công nghệ thông tin và GDĐT ở giai đoạn ban đầu, có nhiều vấn đề chưa được nhận diện”. Đề nghị bổ sung: “... Luật GDĐT được ban hành vào thời điểm ứng dụng công nghệ thông tin và GDĐT ở giai đoạn ban đầu, có nhiều vấn đề chưa được nhận diện đầy đủ”. | Tiếp thu. Đã bổ sung, cập nhật trong dự thảo Tờ trình Chính phủ. | Hà Tĩnh | |
|  |  | 1. Điểm a mục 2 Phần I, đề nghị phân tích, nêu cụ thể các quy định chồng chéo, mâu thuẫn hoặc trùng lặp với các quy định chuyên ngành được nêu tại nguyên nhân thứ ba.   2. Đề nghị bổ sung một mục về các nội dung còn có ý kiến khác nhau vào dự thảo Tờ trình. | Tiếp thu. Đã bổ sung, cập nhật trong dự thảo Tờ trình Chính phủ. | Bộ TNMT | |
|  |  | Về cơ sở pháp lý, đề nghị điều chỉnh, bổ sung căn cứ pháp lý xây dựng Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) phù hợp do dự án Luật này không nằm trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2021 (theo Nghị quyết số 17/2021/QH15 ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội). | Tiếp thu. Đã bổ sung, cập nhật trong dự thảo Tờ trình Chính phủ. | Hậu Giang | |
|  |  | Về tồn tại, hạn chế của Luật Giao dịch điện tử 2005, đề nghị bổ sung phân tích, làm rõ những bất cập, hạn chế còn tồn tại, quy định còn chồng chéo, mẫu thuẫn cụ thể là gì và được giải quyết như thế nào trong quá trình sửa đổi Luật | Tiếp thu. Đã bổ sung, cập nhật trong dự thảo Tờ trình Chính phủ. | Hậu Giang | |
|  |  | Về bố cục, nội dung cơ bản tại mục IV, dự thảo Tờ trình căn cứ “09 chính sách đã được thông qua theo Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ”, tuy nhiên, Nghị quyết số 48/NQ-CP không thông qua nội dung các chính sách này. Đề nghị hoàn thiện nội dung các chính sách trong dự thảo Luật theo Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 11 năm 2021. | Tiếp thu. Đã bổ sung, cập nhật trong dự thảo Tờ trình Chính phủ. | Hậu Giang | |
|  |  | Thể thức dự thảo Tờ trình, dự thảo Luật phải tuân thủ các mẫu Tờ trình, Luật tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Tiếp thu. | Hậu Giang | |
|  |  | Không sử dụng cụm từ “sau gần 15 năm thực hiện” do Luật Giao dịch điện tử được ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2005 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2006. | Tiếp thu. | Hậu Giang | |
|  |  | Tại nội dung dự thảo Tờ trình, đề nghị Ban soạn thảo làm rõ hơn một số tồn tại, hạn chế của Luật Giao dịch điện tử năm 2005, ví dụ như một số vướng mắc, bất cập liên quan đến các quy định về định danh và xác thực điện tử, chữ ký điện tử, hợp đồng điện tử,… | Tiếp thu. | Bộ Nội Vụ | |
|  |  | b) Về tên gọi của Luật, đề nghị bỏ cụm từ “sửa đổi” cho thống nhất với Khoản 2, Điều 104, Chương XI, dự thảo Luật quy định: “Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 hết hiệu lực thì hành kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành”. | Tiếp thu. | Bộ Nội Vụ | |
|  |  | c) Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung nội dung căn cứ trong cụm từ “Quốc hội ban hành Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi)” thành cụm từ: “Quốc hội ban hành Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) của Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội”. | Tiếp thu. | Bộ Nội Vụ | |
|  |  | Đề nghị bỏ nội dung “Thứ 4, việc sửa đổi Luật GDĐT (sửa đổi) nhằm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 52-TW ngày 27/7/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư…..” vì đây không phải là hạn chế mà chuyển nội dung này thể hiện rõ trong phần mục đích, quan điểm xây dựng Luật. | Tiếp thu. Đã lược bỏ nội dung này trong dự thảo. | BHXHVN | |
|  |  | Đề nghị bám sát nội dung về tồn tại, hạn chế trong thi hành Luật GDĐT (đã được nêu tại Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Luật Giao dịch điện tử - gửi kèm văn bản số 3364/BTTTT-CATTT ngày 31/8/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc Báo cáo tổng kết tình hình thi hành Luật Giao dịch điện tử và tài liệu này Chính phủ cũng đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong đề nghị của Chính phủ về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022). Trong đó nhấn mạnh đối với các tồn tại, hạn chế về: (1) phạm vi điều chỉnh; (2) thiếu quy định về thông điệp an toàn; quy định về địa điểm gửi, nhận thông điệp dữ liệu không phù hợp với tính chất của GDĐT; (3) chưa quy định rõ về chữ ký điện tử an toàn; (4) chưa quy định và công nhận giá trị pháp lý của chữ ký điện tử theo cấp độ; (5) thiếu quy định về danh tính số, xác thực điện tử; thiếu quy định về dịch vụ tin cậy và nhà cung cấp dịch vụ tin cậy; (6) chưa quy định giá trị pháp lý của một đề nghị giao kết hợp đồng dưới hình thức điện tử, tạo khoảng trống pháp lý đối với đề nghị giao kết hợp đồng điện tử; (7) chưa có quy định liên quan đến điều kiện có hiệu lực của hợp đồng điện tử;… | Tiếp thu một phần. Nội dung tồn tại hạn chế được khái quát lại các nội dung từ báo cáo tổng kết thi hành luật. | BHXHVN | |
|  |  | Về mục đích, quan điểm xây dựng Luật (Mục II) Ngoài các nội dung về mục đích, quan điểm xây dựng Luật đã thể hiện trong dự thảo Tờ trình, đề nghị bổ sung nội dung về quan điểm chỉ đạo như sau “Tổng hợp, đánh giá, rút kinh nghiệm thực tiễn việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về giao dịch điện tử trong thời gian qua kế thừa, phát triển những quy định hiện hành phù hợp đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn, sửa đổi những nội dung không còn phù hợp, bổ sung những quy định mới phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và yêu cầu hội nhập quốc tế và phù hợp với xu hướng phát triển trong tương lai”. | Tiếp thu. | BHXHVN | |
|  |  | Đề nghị đơn vị chủ trì thống nhất sử dụng cách viết tắt đối với cụm từ giao dịch điện tử (GDĐT) trong toàn bộ nội dung văn bản.  - Tại dòng thứ nhất, trang 2: Đề nghị điều chỉnh thành “..., Luật Viễn thông số 41/2009/QH12, Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12,...”.  - Tại dòng thứ 11 từ trên xuống, trang 2: Đề nghị điều chỉnh thành “Thứ nhất, Luật GDĐT năm 2005...., sau khi có Luật mẫu về Thương mại điện tử của ủy ban Liên hiệp quốc về Luật Thương mại quốc tế (UNCITRAL)...”  - Tại mục 1, Phần IV. Bố cục và nội dung cơ bản, trang 6: Đề nghị sửa đổi số từng Chương (Chương 1, Chương 2...) theo số La mã (Chương I, Chương II); điều chỉnh số liệu, nội dung, sửa đổi tiêu đề cho thống nhất, phù hợp với Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đối), cụ thế:  + Luật GDĐT (sửa đổi) sẽ có bố cục 11 chương và 104 Điều.  + Chương V: Giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử (7 Điều).  + Chương VII: Hệ thống giao dịch điện tử, nền tảng số và dịch vụ số.  - Tại mục 2. Nội dung cơ bản, trang 7: Đề nghị điều chỉnh thành “Các nội dung sửa đổi, bổ sung... thông qua theo Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ...”. Lý do: về đề nghị xây dựng Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) được thông qua tại mục 4, trang 5, Nghị quyết số 152/NQ- CP ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ. | Tiếp thu. Đã cập nhật chỉnh sửa trong dự thảo. | Quảng Ninh | |
|  |  | Tại đoạn văn bản số 3, mục I, đề nghị điều chỉnh nội dung "hỗ trợ đẩy mạnh mẽ ứng dụng công nghệ thông tin" thành "hỗ trợ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin";  - Tại khoản 1, mục IV:  + Đề nghị điều chỉnh nội dung "có bố cục 11 Chương và 103 Điều" thành "có bố cục 11 Chương và 104 Điều";  + Tại nội dung "Chương 5", đề nghị điều chỉnh nội dung "6 Điều" thành "7 Điều". | Tiếp thu và rà soát, chỉnh lý các lỗi kỹ thuật soạn thảo văn bản và hoàn thiện nội dung dự thảo Luật phù hợp với các chính sách và để cương dự thảo Luật. | Đồng Tháp | |
|  |  | Đối vơi Dự thảo Tờ trình Chính phủ, để có căn cứ cho các đề xuất sửa đổi, đề nghị xem xét bổ sung: (i) nội dung đánh giá về kết quả thực hiện Luật Giao dịch điện tử năm 2005; (ii) thuyết minh về các nội dung sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo Luật Giao dịch điện tử sửa đổi. | Tiếp thu, đã trình tóm tắt kết quả thực hiện Luật GDĐT 2005 tại mục Các tồn tại, hạn chế của Luật GDĐT 2005, dự thảo Tờ trình; thuyết minh các nội dung sửa đổi, bổ sung tại mục bố cục và nội dung cơ bản, dự thảo Tờ trình. | Ngân hàng Nhà nước | |
|  |  | Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) có nhiều nội dung liên quan đến quy định của Bộ luật dân sự (về giao dịch, hợp đồng...). Vì vậy, dự thảo Tờ trình nên đề cập thêm về nội dung đảm bảo tính đồng bộ với quy định của Bộ luật dân sự. | Tiếp thu. Đã cập nhật nội dung trong dự thảo Tờ trình Chính phủ | Bộ KHCN | |
|  |  | 1. Tại Phần III, Mục 3 của dự thảo, đề nghị đơn vị soạn thảo sửa lại đoạn: “…gồm đại diện của Văn phòng Chính phủ…”.  2. Tại Phần III, Mục 4 của dự thảo, đề nghị đơn vị soạn thảo sửa lại đoạn: “…tọa đảm, hội thảo, tham vấn các chuyên gia trong nước và nước ngoài…”. | Tiếp thu. Đã cập nhật nội dung trong dự thảo Tờ trình Chính phủ | Gia Lai | |
|  |  | Nội dung thuyết minh đối với các chính sách chưa đầy đủ thông tin để xác định tính cần thiết, chưa rõ nội dung có sự thay đổi so với các chính sách đã được quy định tại Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, hoàn thiện. Đề nghị bổ sung đầy đủ thông tin về các văn bản phân công triển khai xây dựng Luật của Quốc hội và phân công cơ quan chủ trì xây dựng Luật của Thủ tướng Chính phủ; bổ sung mục đề cập đến những vấn đề còn có ý kiến khác nhau (nếu có) để trình Chính phủ xem xét, quyết định... | Tiếp thu và thực hiện bổ sung căn cứ pháp lý đối với hồ sơ dự án Luật trong các bước tiếp theo bảo đảm tuân thủ dúng quy định pháp luật | Bộ NN&PTNT | |
|  |  | Tại mục IV.2 của dự thảo có nêu “Các nội dung sửa đổi, bổ sung tập trung vào các nhóm nội dung chính trong 09 chính sách đã được thông qua theo Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 06 tháng 05 năm 2021 của Chính phủ”. Tuy nhiên, Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 06/5/2021 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4 năm 2021 không đề cập Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi). Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông rà soát nội dung này. | Tiếp thu và thực hiện chỉnh lý thành Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ | Bộ Tài chính | |
|  |  | Dự thảo Tờ trình chưa đánh giá tác động tới ngân sách nhà nước do những điểm mới, sửa đổi của dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) so với Luật Giao dịch điện từ năm 2005, do đó Bộ Tài chính không có cơ sở góp ý về khả năng đảm bảo nguồn lực tài chính khi Luật được thực hiện. | Tiếp thu và thực hiện đánh giá tác động ngân sách tại báo cáo rà soát thủ tục hành chính; sẽ tiếp tục đánh giá tác động tới ngân sách trong quá trình xây dựng Luật | Bộ Tài chính | |
|  |  | Dự thảo Tờ trình nêu tại mục IV.1 “Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) sẽ có bố cục 11 Chương và 103 Điều”, tuy nhiên dự thảo Luật gửi kèm có 104 Điều. | Tiếp thu và rà soát, chỉnh lý các lỗi kỹ thuật soạn thảo văn bản và hoàn thiện nội dung dự thảo Luật phù hợp với các chính sách và để cương dự thảo Luật. | Bộ Tài chính | |
|  |  | Tại Mục II phần 1 về các tồn tại, hạn chế của Luật Giao dịch điện tử: Đề nghị quy định rõ hơn những điểm bất hợp lý, không phù hợp của Luật Giao dịch điện tử 2005 so với những pháp luật có liên quan và thực tiễn đặt ra trong tình hình mới để làm cơ sở sửa đổi, bổ sung quy định tại dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi). | Tiếp thu một phần, dự thảo Tờ trình đã phân tích khía cạnh luật khung... dẫn đến khó triển khai; ... chồng chéo giữa các luật... | Bộ Công an | |
|  |  | Điều 1 dự thảo Luật về phạm vi điều chỉnh quy định: “Luật này quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước, trong hoạt động kinh tế, xã hội, dân sự, thương mại, tài chính, ngân hàng và các lĩnh vực khác do pháp luật quy định”. Như vậy, Luật Giao dịch điện tử có phạm vi rộng, liên quan đến rất nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực dân sự, đầu tư. Tuy nhiên, tại Phần V dự thảo Tờ trình về tính thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật trong cùng lĩnh vực và các lĩnh vực có liên quan chưa thể hiện được nội dung rà soát dự thảo Luật với Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Bảo vệ người tiêu dùng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2018), Luật Đầu tư do đây là những văn bản luật quan trọng liên quan đến hoạt động dân sự, kinh tế, thương mại nói chung và hoạt động giao dịch điện tử nói riêng. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung nội dung rà soát liên quan đến các văn bản nêu trên và rà soát với các luật khác để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật. | Tiếp thu và bổ sung nội dung rà soát đối với dự thảo Luật và Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Bảo vệ người tiêu dùng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2018), Luật Đầu tư tại mục V dự thảo Tờ trình | Bộ Tư pháp | |
|  |  | Bên cạnh đó, tại phần V dự thảo Tờ trình có đề cập đến nội dung “Các văn bản hướng dẫn thi hành hoặc văn bản pháp luật khác cần phải sửa đổi để phù hợp với các quy định tại dự thảo Luật cũng đã được rà soát và được thể hiện cụ thể trong Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật (xin gửi kèm theo Tờ trình)”. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp không nhận được Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật, do đó không có đủ điều kiện, cơ sở để góp ý nội dung tác động của dự thảo Luật đến hệ thống pháp luật nói chung cũng như trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, ngành Tư pháp (như công chứng, chứng thực, đăng ký giao dịch bảo đảm…). | Tiếp thu và bổ sung báo cáo rà soát văn bản quy phạm pháp luật kèm theo hồ sơ thẩm định | Bộ Tư pháp | |
|  |  | Dự thảo Tờ trình dự án Luật vẫn đề cập đến các chính sách (như Tờ trình đề nghị xây dựng Luật), trong khi phải đề cập đến việc cụ thể hóa các chính sách đó thành các điều, khoản cụ thể trong nội dung dự thảo Luật như thế nào. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý. | Tiếp thu và bổ sung việc cụ thể hóa các chính sách đó thành các điều, khoản cụ thể trong nội dung dự thảo Luật như thế nào | Bộ Tư pháp | |
|  |  | Về thời gian dự kiến trình Quốc hội (phần VIII), nội dung này đã được Chính phủ đề xuất, trình Quốc hội thông qua làm cơ sở để triển khai thực hiện, đề nghị không quy định lại nội dung này. | Tiếp thu một phần, sửa tên mục thành thời gian trình quốc hội để đảm bảo đầy đủ nội dung trình, các việc tiếp theo cần thực hiện | Bộ Tư pháp | |
|  |  | Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại dự thảo Tờ trình, dự thảo Luật để đảm bảo đúng thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ), ví dụ:  - Đối với dự thảo Tờ trình: Tại mục 1 phần II, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc sửa (theo nội dung in đậm) như sau: “Khẳng định giá trị pháp lý cho giao dịch điện tử, công nhận giao dịch điện tử có giá trị pháp lý như giao dịch truyền thống trong môi trường thực…”; “Ưu tiên, khuyến khích thực hiện giao dịch điện tử bằng việc đưa ra các quy định, chính sách thực hiện giao dịch điện tử với chi phí thấp hơn, nhanh hơn, dễ dàng hơn, an toàn hơn giao dịch truyền thống”. | Tiếp thu và rà soát, chỉnh lý các lỗi kỹ thuật soạn thảo văn bản và hoàn thiện nội dung dự thảo Luật phù hợp với các chính sách và để cương dự thảo Luật. | Bộ Tư pháp | |
|  |  | Tại mục 1 phần IV (trang 6), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cập nhật số lượng điều của dự thảo Tờ trình thành 104 Điều để phù hợp với số điều quy định trong dự thảo Luật; mục 2 phần IV (trang 7) đề nghị sửa “Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2021” thành “Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2021”; mục VI (trang 9) đề nghị rà soát, chỉnh lý “cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ở Trung ương và địa phương” để bảo đảm phù hợp với quy định về quản lý nhà nước trong dự thảo Luật | Tiếp thu. Đã chỉnh sửa các nội dung này tại dự thảo Tờ trình | Bộ Tư pháp | |
| II. DỰ THẢO LUẬT | | | | |
| NHÓM 1: Ý KIẾN CHUNG | | | | |
|  |  | Luật Giao dịch điện tử được Quốc hội thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/03/2006, sau gần 15 năm triển khai thực hiện Luật có một số bất cập cần nghiên cứu sửa đổi cho phù hợp. Tuy nhiên, việc sửa đổi Luật cần có đánh giá, tổng kết việc thi hành làm cơ sở để đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung. | Tiếp thu. Trong hồ sơ đề nghị xây dựng Luật, Bộ TT&TT đã xây dựng báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Giao dịch điện tử 2005 và gửi kèm trong hồ sơ đề xuất. | Bộ GDĐT | |
|  |  | Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) có quy định nhóm thủ tục hành chính (TTHC) liên quan tới đăng ký kinh doanh dịch vụ tin cậy và dịch vụ tín nhiệm. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung bản đánh giá tác động TTHC theo quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Tiếp thu.  Đã bổ sung các báo cáo liên quan theo quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật | Bộ GDĐT | |
|  |  | Về trình tự, thủ tục, định dạng văn bản: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện theo quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và văn bản pháp luật có liên quan. | Tiếp thu. | Bộ GDĐT | |
|  |  | Luật Giao dịch điện tử đề cập đến nhiều khái niệm mới và khó, nhiều khái niệm liên quan đến lĩnh vực số, điện tử còn chưa có được sự hiểu biết đầy đủ, thống nhất trong tiếng Việt. Do đó, đề nghị xem xét xây dựng bổ sung các tài liệu để giải thích, minh họa cụ thể cho các khái niệm sử dụng trong Dự thảo. | Tiếp thu một phần, các khái niệm trong dự thảo Luật đã được mô tả một cách tường minh và dễ hiểu nhất. | Ngân hàng Nhà nước | |
|  |  | Về tên dự thảo Luật cần điều chỉnh lại thành “Luật Giao dịch điện tử” cho phù hợp. | Tiếp thu. | Cà Mau | |
|  |  | Hiện nay, trong một số trường hợp, doanh nghiệp và người dân mong muốn được thực hiện các giao dịch điện tử với cơ quan Nhà nước nhưng nhiều trường hợp cơ quan Nhà nước từ chối tiếp nhận bản điện tử hoặc tiếp nhận xong vẫn yêu cầu doanh nghiệp và người doanh nghiệp và người dân nộp thêm bản giấy, điều này gây cản trở rất lớn đối với việc điện tử hoá các dịch vụ công, thủ tục hành chính, gây mất thời gian, công sức, tiền bạc của người dân, và doanh nghiệp, thậm chí còn là cơ hội cho nhũng nhiễu, tiêu cực. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định để xác định các trường hợp cụ thể mà cơ quan Nhà nước buộc phải tiếp nhận và xử lý giao dịch điện tử gửi đến từ người dân và doanh nghiệp. | Tiếp thu, chỉnh lý theo hướng xây dựng nguyên tắc tại khoản 3, khoản 4 Điều 5 dự thảo | Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam,     Ủy ban dân tộc | |
|  |  | Chữ ký số tại Việt Nam chưa liên thông, chưa xác thực chéo được với hệ thống chứng thực chữ ký số quốc tế và các nền tảng phổ biến. Điều này cũng gây khó khăn trong giao dịch điện tử giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp nước ngoài. Đề nghị nghiên cứu xây dựng cơ chế quy định việc liên thông chứng thực chữ ký số tại Việt Nam với quốc tế. | Tiếp thu. Đã bổ sung nội dung sử dụng và công nhận chữ ký điện tử nước ngoài tại Điều 35. | Uỷ ban dân tộc | |
|  |  | Hiện nay, Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa có quy định cụ thể về việc công nhận giá trị pháp lý công nghệ sổ cái phân tán như công nghệ Blockchain (công nghệ sổ cái phân tán - DLT), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung các quy định pháp lý về công nghệ Blockchain trong Dự thảo Luật. | Tiếp thu một phần. Do tính chất công nghệ thay đổi nhanh chóng, hiện tại Luật GDĐT đã có quy định khung các vấn đề cơ bản trong hoạt động giao dịch điện tử chứ chưa quy định chi tiết về loại công nghệ. | Ban Cơ yếu Chính phủ | |
|  |  | Trong các giao dịch điện tử hiện nay, có rất nhiều giao dịch điện tử giữa cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung các quy định về các loại hình giao dịch điện tử này sao cho phù hợp, liên thông với thông lệ quốc tế. | Tiếp thu. Đã cập nhật nội dung quy định liên quan đến các hoạt động giao dịch điện tử trên các nền tảng số xuyên biên giới tại Chương 6 Hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử | Ban Cơ yếu Chính phủ | |
|  |  | Bổ sung thêm nội dung thanh tra, xử lý vi phạm và chế tài trong giao dịch điện tử. Vì các chứng cứ, đối tượng, phạm vi trong giao dịch điện tử khác với môi trường và các chứng cứ truyền thống. Vì vậy, việc thanh tra, xử lý cũng cần thực hiện trên môi trường điện tử để đảm bảo tính tuân thủ pháp luật và minh bạch trong giao dịch điện tử... | Tiếp thu. Đã bổ sung quy định về trách nhiệm giám sát của cơ quan quản lý nhà nước tại Chương 6. | Hải Phòng | |
|  |  | Về việc chấp nhận các giao dịch điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước: Hiện nay, nhiều trường hợp doanh nghiệp và người dân muốn được thực hiện các giao dịch điện tử với cơ quan nhà nước, nhưng bị từ chối tiếp nhận bản điện tử hoặc tiếp nhận xong vẫn yêu cầu doanh nghiệp và người dân nộp thêm bản giấy do chưa có quy định cụ thể về việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ bằng bản điện tử. Điều này gây cản trở rất lớn đối với việc điện tử hoá các dịch vụ công. Cơ quan chủ trì soạn thảo nên xem xét, bổ sung quy định nhằm xác định các trường hợp mà cơ quan nhà nước buộc phải tiếp nhận và xử lý giao dịch điện tử gửi đến từ người dân và doanh nghiệp. | Tiếp thu. Đã đưa ra nguyên tắc chung khi tiến hành giao dịch điện tử để đảm bảo tối ưu hóa, thay đổi quy trình để tiết kiệm thời gian, chi phí tại Điều 5. | Bộ VHTTDL | |
|  |  | Dự thảo Luật có quy định về một số hoạt động kinh doanh có điều kiện như: Hoạt động cung cấp dịch vụ về tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm (khoản 2 Điều 22); Hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử an toàn (khoản 3 Điều 31); Kinh doanh dịch vụ tin cậy, dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử, dịch vụ thông tin tín nhiệm số (Điều 40)… Tuy nhiên, các ngành, nghề trên chưa được quy định trong trong Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại Phụ lục V ban hành kèm theo Luật Đầu tư. Trong trường hợp cần thiết quy định các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trên, cơ quan chủ trì soạn thảo nên bổ sung quy định nhằm sửa đổi, bổ sung danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện tại Phụ lục V Luật Đầu tư. | Tiếp thu. Đã bổ sung các tài liệu liên quan đến bổ sung danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện đối với dịch vụ tin cậy. | Bộ VHTTDL | |
|  |  | - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát để bảo đảm dự thảo Luật điều chỉnh đầy đủ đối với việc phát hành, chiếu phim trên các nền tảng trực tuyến, nhất là các nền tảng xuyên biên giới (như: Netflix, Iflix, WeTV…). | Tiếp thu một phần. Dự thảo Luật đang hướng đến việc quy định nghĩa vụ cho các chủ quản nền tảng số theo từng loại đối tượng. Chi tiết tại Chương 6. | Bộ VHTTDL | |
|  |  | - Cơ quan chủ trì soạn thảo cần tiếp tục rà soát để chỉnh sửa một số lỗi về kỹ thuật. | Tiếp thu. | Bộ VHTTDL | |
|  |  | Một số ý kiến chung đề nghị nghiên cứu thêm:- Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử và chữ ký số phải được quản lý chặt chẽ đảm bảo yêu cầu. Dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử an toàn đề nghị là một dịch vụ công được kiểm soát chặt chẽ. Việc chứng thực phải được đăng ký, đăng bạ có hệ thống đảm bảo bảo mật và an toàn trong sử dụng, gắn liền với cơ sở dữ liệu dân cư bảo đảm xác thực định danh. | Tiếp thu:  Đã điều chỉnh quy định lại Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử thành tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký điện tử, do hoạt động chính hiện nay của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử là cấp phát chứng thư chữ ký điện tử (hay cụ thể là chứng thư số). Tại khoản 4 Điều 32 Dự thảo Luật đã có quy định cụ thể đối với việc kiểm tra hiệu chữ ký điện tử theo hướng được kiểm soát chặt chẽ bởi tổ chức có thẩm quyền. | Phú Yên | |
|  |  | Một số ý kiến chung đề nghị nghiên cứu thêm:- Việc kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin và quản lý rủi ro an toàn thông tin đươc thực hiện bởi cơ quan hoặc tổ chức được chỉ định. | Tiếp thu. Đã lược bỏ nội dung này do pháp luật an toàn thông tin mạng đã quy định về hoạt động này | Phú Yên | |
|  |  | Một số ý kiến chung đề nghị nghiên cứu thêm:- Việc kết nối cơ sở dữ liệu thông qua định dạng, cấu trúc, tiêu chuẩn, quy chuẩn về dữ liệu đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn về cấu trúc dữ liệu trao đổi. | Tiếp thu. Đã làm rõ thêm hoạt động kết nối chia sẻ dữ liệu tại Chương 5 về GDĐT của cơ quan nhà nước. | Phú Yên | |
|  |  | - Các Điều 32, 42, 47, 49 của dự thảo bố cục chưa đồng bộ, một số nội dung trùng lắp, đề nghị nghiên cứu biên tập lại, các điều kiện chung có thể quy định thành một điều riêng. | Tiếp thu. Đã bố cục lại các kết cấu của dự thảo Luật để phù hợp hơn với thực tiến. | Phú Yên | |
|  |  | Điều 1 dự thảo Luật này quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước, trong hoạt động kinh tế, xã hội, dân sự, thương mại, tài chính, ngân hàng và các lĩnh vực khác do pháp luật quy định. Vì vậy, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các quy định của pháp luật chuyên ngành để quy định tránh chồng chéo tại dự thảo. | Tiếp thu. Đã rà soát và lược bỏ các nội dung gây chồng chéo đến hoạt động của lĩnh vực do bộ, ngành khác quản lý | Bộ Công Thương | |
|  |  | Tương tự như mục 1.1, do liên quan đến nhiều pháp luật chuyên ngành, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, có mục riêng tại dự thảo Luật quy định rõ trách nhiệm các Bộ, ngành để đảm bảo phù hợp với phân công hiện hành theo quy định của pháp luật. | Tiếp thu một phần. Trách nhiệm quản lý của các bộ, ngành địa phương đã được quy định chung tại Điều 8 | Bộ Công Thương | |
|  |  | - Đề nghị làm rõ cơ sở, sự cần thiết, đánh giá khả năng chồng chéo, trùng lắp với quy định của Luật hiện hành trong các lĩnh vực an toàn thông tin, an ninh mạng, Luật Công nghệ thông tin và các Luật đang dự kiến xây dựng trình Quốc hội như dự thảo Luật công nghiệp công nghệ số cũng như giữa các khái niệm trong Dự thảo Luật này. Ví dụ: Khái niệm về “hệ thống giao dịch điện tử” và “hệ thống thông tin”, “thực thể trong giao dịch điện tử”, “người trung gian”, “ứng dụng di động” và “ứng dụng di động giao dịch điện tử | Tiếp thu. Đã lược bỏ một số khái niệm chồng chéo và không phù hợp trong dự thảo. | Bộ Công Thương | |
|  |  | - Đề nghị rà soát các nội dung được quy định với nội hàm, hình thức như giải thích từ ngữ và đưa các nội dung này tại Điều, khoản về giải thích từ ngữ (khoản 1, khoản 3 Điều 27, khoản 1, 2, 3 Điều 31, khoản 1 Điều 33, khoản 1, 2 Điều 34, Điều 40...). | Tiếp thu. | Bộ Công Thương | |
|  |  | Bộ Công Thương nhất trí với việc bổ sung hợp đồng thông minh vào dự thảo Luật này vì: (i) hợp đồng này không có đầy đủ các yếu tố cấu thành hợp đồng dân sự thông thường (theo pháp luật về dân sự); (ii) hợp đồng này sử dụng công nghệ để thực hiện trên môi trường điện tử, bằng phương thức điện tử; (iii) hợp đồng này có tính đặc thù không thể bị phủ nhận, hủy bỏ.    Tuy nhiên, tại dự thảo mới chỉ đề cập tới loại hợp đồng thông minh này, chưa có nội dung cụ thể về loại hợp đồng này. Vì vậy, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung điều khoản giao Chính phủ quy định chi tiết về loại hợp đồng này (có thể theo hướng áp dụng loại hợp đồng này theo dạng hợp đồng mẫu trong các lĩnh vực). | Tiếp thu. Trong quá trình xây dựng nội dung, đơn vị soạn thảo nhận thấy các vấn đề của hợp đồng điện tử hiện nay chưa gặp nhiều vướng mắc, các văn bản hướng dẫn và việc triển khai các hoạt động cung cấp dịch vụ này vẫn thực hiện mà không cần bổ sung điều chỉnh mới. Vì vậy đơn vị soạn thảo về cơ bản đã giữ lại nội dung trước đây về hợp đồng điện tử trong Luật GDĐT 2005. | Bộ Công Thương | |
|  |  | - Đề nghị bổ sung thêm quy định đối với cơ quan quản lý nhà nước có quyền tự thực hiện chứng thực chứng từ giấy tờ do cơ quan đó ban hành. Trong trường hợp không tự chứng thực được thì có thể sử dụng dịch vụ chứng thực của bên thứ ba và bên thứ ba phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Luật này. | Tiếp thu một phần. Đã bố cục lại kết cấu và nội dung của chương thông điệp dữ liệu và quy định rõ giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu chuyển đổi từ văn bản. | Bộ Công Thương | |
|  |  | - Hiện nay dự thảo Luật đang có quy định một số dịch vụ tin cậy mới có điều kiện nhưng chưa có trong danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư 2020, vì vậy, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo lưu ý để đảm bảo bổ sung đầy đủ các dịch vụ này; | Tiếp thu. Đã bổ sung các tài liệu liên quan đến bổ sung danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện đối với dịch vụ tin cậy | Bộ Công Thương | |
|  |  | - Đề nghị bổ sung Báo cáo rà soát sự tương thích, phù hợp với cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên có liên quan đến các nội dung của Luật này. Trong đó, đề nghị làm rõ quyền tiếp cận thị trường, đối xử quốc gia đối với từng dịch vụ tại Dự thảo Luật để phục vụ việc thực thi pháp luật về đầu tư (không được tiếp cận thị trường, hạn chế tiếp cận thị trường, tiếp cận thị trường có điều kiện) đồng thời đề xuất sửa đổi danh mục có liên quan ban hành kèm theo Nghị định 31/2021/NĐ-CP. | Tiếp thu.   Đơn vị soạn thảo đã bổ sung các báo cáo, tài liệu cần thiết theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật | Bộ Công Thương | |
|  |  | Đề nghị rà soát và sử dụng thống nhất cụm từ “bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng” thay cho “bảo vệ người tiêu dùng”. | Tiếp thu. Đã lược bỏ nội dung này do không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật | Bộ Công Thương | |
|  |  | Bổ sung 01 Điều quy định cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ thông tin xếp hạng tín nhiệm số để đảm bảo việc thực thi hiệu quả các nội dung quy định tại Điều 49 và Điều 50. | Tiếp thu một phần. Đơn vị chủ trì đã lược bỏ nội dung dịch vụ về tín nhiệm số để tránh phát sinh các dịch vụ kinh doanh có điều kiện chưa thực sự cần thiết phải điều chỉnh | Bộ Quốc Phòng | |
|  |  | - Bổ sung 01 điều quy định việc chuyển đổi thông điệp dữ liệu sang văn bản.  Lý do: Trên thực tiễn, các cơ quan, tổ chức có các hệ thống điện tử để khởi tạo thông điệp dữ liệu khác nhau, hoạt động độc lập không có sự kết nối, chia sẻ dữ liệu, khi đó các thông điệp dữ liệu cần phải chuyển thành dạng văn bản (in ấn) để có thể truyền tải thông tin, thực hiện giao dịch. | Tiếp thu. Đã bổ sung quy định này tại Điều 15 | Bộ Quốc Phòng | |
|  |  | Nghiên cứu, bổ sung các nội dung quy định đối với các giao dịch điện tử sử dụng công nghệ chuỗi khối (Blockchain) để kịp thời quản lý, điều chỉnh loại hình giao dịch điện tử mới, đang ngày càng phổ biến trên thế giới này. | Tiếp thu một phần. Do tính chất công nghệ thay đổi nhanh chóng, hiện tại Luật GDĐT đã có quy định khung các vấn đề cơ bản trong hoạt động giao dịch điện tử chứ chưa quy định chi tiết về loại công nghệ. | Bộ Quốc Phòng | |
|  |  | Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa thứ tự các chữ cái Tiếng Việt để quy định các điểm phù hợp, vì không có điểm đ nhưng có điểm e, cụ thể tại các điều, khoản sau: Khoản 2 Điều 31; khoản 3 Điều 44; khoản 6 Điều 46; khoản 11 Điều 49; khoản 1 Điều 77. Đồng thời, chỉnh sửa khoản 3 Điều 77 phù hợp, vì có 2 điểm đ.  4. Đề nghị cơ quan soạn thảo chuyển “Mục 1” chương VI đúng vị trí phù hợp; theo đó chuyển “Mục 1” từ trước Điều 42 đến trước Điều 40.  5. Đề nghị rà soát toàn bộ dự thảo để điều chỉnh khoảng trống giữa các chữ phù hợp cụ thể: khoản 3 Điều 51; điểm c khoản 4 Điều 51; điểm b khoản 5 Điều 53; khoản 3 Điều 74;… | Tiếp thu.   Đã điều chỉnh lại trong dự thảo. | Thừa Thiên Huế | |
|  |  | Tại thời điểm dự thảo Luật được gửi xin ý kiến, Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 chưa được Quốc hội thông qua. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng nội dung dự thảo Luật đảm bảo phù hợp với các chính sách và đề cương dự thảo Luật trong Đề nghị xây dựng Luật sau khi được Quốc hội thông qua. | Tiếp thu. | Hậu Giang | |
|  |  | Đề nghị cân nhắc, xem xét và phân tích kỹ tác động khi đưa các chính sách về quản lý dữ liệu số, nền tảng số, dịch vụ số trực tuyến vào dự thảo Luật Giao dịch điện tử để đảm bảo nội dung thống nhất và phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Luật. | Tiếp thu. Đã lược bỏ các nội dung chưa phù hợp đối với dự thảo Luật | Hậu Giang | |
|  |  | Đánh số thứ tự dự thảo văn bản theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Tiếp thu. | Hậu Giang | |
|  |  | Rà soát, chỉnh sửa các lỗi chính tả, ví dụ: “Luật Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, Luật Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia” (mục V dự thảo Tờ trình); “Luật giao dịch điện tử” (Điều 3 dự thảo Luật)… | Tiếp thu. | Hậu Giang | |
|  |  | Đề nghị thiết kế theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật BHVBQPPL “3. Tùy theo nội dung, văn bản quy phạm pháp luật có thể được bố cục theo phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm; các phần, chương, mục, tiểu mục, điều trong văn bản quy phạm pháp luật phải có tên. Không quy định chương riêng về thanh tra, khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm trong văn bản quy phạm pháp luật nếu không có nội dung mới.” Vì trong dự thảo Luật còn nhiều Điều chưa đảm bảo về kỹ thuật văn bản (VD: các Điều 32; 36; 47; 48; 49; 50; 52; 54; ….) | Tiếp thu.   Đã lược bỏ chương quy định về giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm | BHXHVN | |
|  |  | Trong dự thảo Luật có rất nhiều quy định về ngành nghề kinh doanh có điều kiện (VD: Dịch vụ về tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm (Điều 22); Quy định chung đối với dịch vụ tin cậy, dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử, dịch vụ tín nhiệm số (Điều 40); Dịch vụ số và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ số (Điều 54)) do vậy cần xem xét, rà soát quy định cụ thể để đảm bảo phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Đầu tư năm 2020 “4. Trường hợp luật khác ban hành sau ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành cần quy định đặc thù về đầu tư khác với quy định của Luật Đầu tư thì phải xác định cụ thể nội dung thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, nội dung thực hiện theo quy định của luật khác đó.” | Tiếp thu. Đã bổ sung các tài liệu liên quan đến bổ sung danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện đối với dịch vụ tin cậy | BHXHVN | |
|  |  | Đề nghị nghiên cứu, sửa đổi cụm từ “quy định của pháp luật có liên quan” thành “quy định của luật khác có liên quan”, bởi: Về mặt ngữ nghĩa, cụm từ “pháp luật” mang nghĩa chỉ chung hệ thống pháp luật, từ “luật” mang nghĩa chỉ các đạo luật cụ thể. Do đó, việc sử dụng cụm từ “quy định của luật khác có liên quan” sẽ phù hợp hơn, với hàm ý đề cập đến các đạo luật điều chỉnh của từng lĩnh vực cụ thể. | Tiếp thu. | Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam | |
|  |  | Tại Điều 41 giao Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cụ thể về các nội dung liên quan đến giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ tin cậy, dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử. Tuy nhiên, tại các mục 1 (dịch vụ tin cậy), mục 2 (dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử) của Chương VI đã quy định cụ thể đối với một số nội dung giao cho Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tại điểm a, b, c Điều 41 (Điều 42, Điều 47,...). | Tiếp thu. Đã hoàn thiện lại nội dung dự thảo về dịch vụ tin cậy tại Chương 3 | Cần Thơ | |
|  |  | đề nghị rà soát, chỉnh sửa các cụm từ “tiêu chuẩn, quy chuẩn” thành “tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật” để phù hợp với quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. | Tiếp thu | Bộ KHCN | |
|  |  | Đề nghị chỉnh sửa việc đánh dấu câu trong cuối các khoản, điểm… trong toàn dự thảo cho thống nhất. Ví dụ: dấu chấm phẩy “;”, dấu hai chấm “:”, dấu chấm “.”.  Đề nghị xem xét cụm từ “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa” để sửa lại thành “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa ” trong toàn dự thảo. | Tiếp thu. | Gia Lai | |
|  |  | Tại Dự thảo Luật đã bao quát nhiều nội dung hiện nay đang được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành khác nhau, trong đó có các quy định mới, có sự thay đổi liên quan đến trình tự, thủ tục, điều kiện cung cấp một số dịch vụ như: dịch vụ chứng thực chữ ký số, dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử. Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định về việc chuyển tiếp đối với những giấy phép, chứng nhận, giao dịch đã thực hiện theo các quy định hiện hành trong trường hợp Luật giao dịch điện tử sửa đổi có hiệu lực thi hành. | Tiếp thu. Đã bổ sung các nội dung chuyển tiếp liên quan đến các dịch vụ đang được cung cấp như dịch vụ chữ ký điện tử, cấp dấu thời gian. | Viettel | |
|  |  | Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định về định danh và xác thực điện tử, nguyên tắc, điều kiện cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử. Lý do: Hiện nay Bộ Công An phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông đang xây dựng Dự thảo Nghị định về định danh và xác thực điện tử. Bộ Công An cũng đã hoàn thiện CSDL Quốc gia về dân cư, làm cơ sở để cung cấp định danh gốc cho người dân. Từ đó, các doanh nghiệp, tổ chức cung cấp các dịch vụ Định danh, xác thực thuộc tính, xác thực điện tử bổ sung. Vì vậy, bên cạnh các điều khoản chung về Tài khoản giao dịch điện tử, cần có các quy định chi tiết về nguyên tắc, điều kiện cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử để tạo cơ sở cho việc áp dụng Nghị định định danh và xác thực điện tử | Tiếp thu. Đã bổ sung điều 51 Tài khoản định danh điện tử | Viettel | |
|  |  | Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định cụ thể trong Luật về quyền và nghĩa vụ của “Người trung gian” trong giao dịch điện tử, đặc biệt là các quy định về giới hạn trách nhiệm của “Người trung gian” trong giao dịch điện tử. | Bảo lưu. Do thuật ngữ người trung gian để thể hiện có bên thứ 3 tham gia vào giao dịch điện tử. Việc quy định quyền hạn và trách nhiệm của đối tượng này sẽ được quy định tại các Luật chuyên ngành. | Viettel | |
|  |  | Về việc chuyển đổi từ thông điệp dữ liệu sang văn bản  Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, nghiên cứu, bổ sung quy định về việc chuyển thông điệp dữ liệu sang văn bản và giá trị pháp lý của văn bản được chuyển đổi từ thông điệp dữ liệu. | Tiếp thu. Đã bổ sung quy định này tại Điều 15 | Viettel | |
|  |  | Để bổ sung danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và các điều kiện tương ứng, đề nghị cơ quan soạn thảo thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục được quy định bởi Luật Đầu tư và các văn bản khác có liên quan. | Tiếp thu. Đã bổ sung các tài liệu liên quan đến bổ sung danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện đối với dịch vụ tin cậy | Viettel | |
|  |  | Bổ sung các tài liệu liên quan theo Điều 59 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020), theo đó bao gồm: (i) báo cáo đánh giá thủ tục hành chính đối với các nội dung tại dự thảo Luật, (ii) báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (nếu có), (iii) báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật.    Trong quá trình xây dựng Luật, đề nghị Ban soạn thảo rà soát kỹ và bảo đảm các nội dung của dự thảo Luật không làm cản trở việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Luật (theo quy định tại Điều 5 khoản 5 Điều 6 khoản 3 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung). | Tiếp thu. Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp tục hoàn thiện hồ sơ xây dựng Luật trong đó có các nội dung trong góp ý của Quý Bộ bảo đảm tuân thủ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật | Bộ Ngoại giao | |
|  |  | Nghiên cứu, bổ sung các quy định cụ thể như giá trị pháp lý, trường hợp sử dụng và việc công nhận, liên thông giữa chữ ký điện tử chuyên dùng trong cơ quan nhà nước và chữ ký điện tử công cộng, gây khó khăn trong cung cấp các dịch vụ công trực tuyến và giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước với doanh nghiệp và người dân.  - Rà soát, sửa lỗi chính tả dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (ví dụ tại Khoản 1, Điều 19; Khoản 3 Điều 30…). | Tiếp thu. Đã quy định chi tiết về chữ ký điện tử tại mục 4 Chương III | TP HCM | |
|  |  | - Đề nghị xem xét, bổ sung và làm rõ hơn các quy định để đảm bảo an toàn dữ liệu điện tử và chữ ký điện tử, quyền lợi, trách nhiệm và các chế tài xử lý liên quan để đảm bảo hoạt động giao dịch điện tử được an toàn. | Tiếp thu một phần. Nội dung về an toàn dữ liệu đã được điều chỉnh trong pháp luật chuyên ngành về an toàn, an ninh mạng. Nội dung bảo đảm hoạt động giao dịch điện tử an toàn được bổ sung tại Điều Biện pháp bảo vệ giao dịch điện tử. | Bộ NN&PTNT | |
|  |  | Đề nghị rà soát về thể thức, nội dung, kỹ thuật trình bày theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và các biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số154/2020/NĐ-CP. | Tiếp thu. | Bộ NN&PTNT | |
|  |  | - Đề nghị xem xét và thống nhất đối với quy định về thừa nhận chứng thư điện tử phát hành bởi cơ quan, tổ chức nước ngoài tại dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) là thực hiện theo pháp luật chuyên ngành hay thực hiện theo quy định cụ thể của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định. Lý do: tại khoản 3 Điều 18 Dự thảo Luật quy định: “Chứng thư điện tử sẽ không bị từ chối giá trị pháp lý, hiệu lực hoặc khả năng thực thi chỉ vì nó được phát hành ở nước ngoài. Việc công nhận, thừa nhận chứng thư điện tử phát hành bởi cơ quan, tổ chức nước ngoài theo quy định pháp luật chuyên ngành đối với loại chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ hoặc được một cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo pháp luật chứng thực, công nhận.”; Khoản 8 Điều 29 Dự thảo Luật quy định: “Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cụ thể về việc thừa nhận chữ ký điện tử và chứng thư điện tử nước ngoài”. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh và cụ thể hóa lại nội dung này tại Chương II về Thông điệp dữ liệu | Bộ NN&PTNT | |
|  |  | Đề nghị sửa một số tên mũ điều, mũ chương để đảm bảo phù hợp, bao quát đầy đủ nội dung, cụ thể: Điều 34. Hợp đồng điện tử và giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử; Điều 36. Giao kết hợp đồng điện tử và hiệu lực hợp đồng điện tử; Chương VI: DỊCH VỤ TIN CẬY, HỖ TRỢ GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ VÀ TÍNH NHIỆM SỐ; Mục 5: QUẢN LÝ, GIÁM SÁT NỀN TẢNG SỐ, DỊCH VỤ SỐ VÀ HỆ THỐNG GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ. | Tiếp thu. Đã bố cục lại các kết cấu của dự thảo Luật để phù hợp hơn với thực tiến. | Bộ NN&PTNT | |
|  |  | Trong Dự thảo Luật có đề cập đến “người trung gian”, tuy nhiên chưa thấy các quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của “người trung gian” trong giao dịch điện tử, đặc biệt là các quy định về nghĩa vụ bảo mật thông tin của “người trung gian”. Ngoài ra, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định đối với trường hợp bên tham gia giao dịch bị chết, mất tích hoặc mất khả năng hành vi năng lực, khi đó sẽ phát sinh đối tượng nhận uỷ quyền, thừa kế,... Theo đó, đề nghị cân nhắc quy định chi tiết các hoạt động phát sinh này; các giao dịch này có được phép chuyển nhượng, cho tặng, thừa kế không và thực hiện như thế nào? | Bảo lưu. Do thuật ngữ người trung gian để thể hiện có bên thứ 3 tham gia vào giao dịch điện tử. Việc quy định quyền hạn và trách nhiệm của đối tượng này sẽ được quy định tại các Luật chuyên ngành. | Bộ NN&PTNT | |
|  |  | - Về thủ tục hành chính tại dự thảo Luật: Dự thảo Luật có 02 nhóm TTHC giao cho Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cụ thể (điểm a, c Điều 41): (1) Nhóm TTHC: “Đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ”; (2) Nhóm TTHC: “Cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, thay đổi nội dung, cấp lại, thu hồi tạm thời, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ”.   Ngoài ra, Dự thảo Luật còn quy định 02 TTHC chi tiết, gồm:  + TTHC: “Cấp Giấy chứng nhận hoạt động cung ứng dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử” (khoản 3 Điều 47).  + TTHC: “Cấp Giấy chứng nhận hoạt động cung ứng dịch vụ đánh giá tín nhiệm hệ thống giao dịch điện tử” (khoản 4 Điều 49).  Đề nghị rà soát các TTHC này: Đưa thông tin về Giấy phép thành lập hoặc đăng ký kinh doanh vào nội dung Đơn đề nghị (vì các thông tin này đã được cung cấp trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp), đồng thời bổ sung đầy đủ các bộ phận cấu thành của từng TTHC theo quy định tại Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính. | Tiếp thu. Đã lược bỏ nội dung dịch vụ tín nhiệm số và dịch vụ đánh giá tính nhiệm hệ thống giao dịch điện tử. | Bộ NN&PTNT | |
|  |  | - Đề nghị chỉnh sửa thể thức dự thảo Luật: thứ tự các khoản tại Điều 41; thứ tự các điểm tại các Điều 41, 44, 46, 49 và 77; sử dụng thuật ngữ “bảo đảm”/ “đảm bảo”, “nhà nước”/ “Nhà nước”, “hạ tầng”/ “cơ sở hạ tầng”, “người nhận”/ “người nhận thông điệp” trong toàn văn bản. | Tiếp thu. | Bộ NN&PTNT | |
|  |  | Đề nghị ghi rõ các Điều, khoản giao Chính phủ hướng dẫn trong Luật để có cơ sở xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn sau này. | Tiếp thu. Đã quy định cụ thể các vấn đề cần được Chính phủ quy định chi tiết tại Luật này. | Bộ KHĐT | |
|  |  | (1) Dự thảo quy định khá nhiều thủ tục hành chính, ảnh hưởng, tác động tới rất nhiều chủ thể trong xã hội. Đề nghị rà soát về sự cần thiết của từng thủ tục hành chính đề xuất tại dự thảo, đảm bảo thực hiện chủ trương của Chính phủ về cải cách quyết liệt, đồng bộ và hiệu quả các thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp; thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước (Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 ban hành theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ) | Tiếp thu. Đã lược bỏ các dịch vụ kinh doanh có điều kiện hoặc phát sinh các thủ tục hành chính. Chỉ tập trung vào các dịch vụ cốt lõi của hoạt động giao dịch điện tử. | Bộ Tài chính | |
|  |  | (2) Luật An toàn thông tin mạng năm 2015, Luật An ninh mạng năm 2018 và các văn bản quy định cụ thể các Luật này đã đề cập đầy đủ các khía cạnh về an toàn, an ninh mạng đối với hệ thống thông tin, bao gồm hệ thống giao dịch điện tử. Do đó, đề nghị dự thảo Luật Giao dịch điện tử tập trung quy định các yếu tố về an toàn, an ninh mạng có tác dụng bảo đảm giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu; không quy định về an toàn, an ninh mạng đối với các thành phần thuộc hệ thống thông tin. | Tiếp thu. Đã lược bỏ nội dung chương này và đưa các quy định liên quan đến an toàn thông tin vào các điều khoản cụ thể tại chương khác. | Bộ Tài chính | |
|  |  | (3) “Chính phủ điện tử”, “Chính phủ số” thuộc khái niệm cơ bản của hoạt động chuyển đối, được sử dụng tại nhiều văn bản chỉ đạo của Chính phủ, tuy nhiên chưa có văn bản pháp lý nào giải thích các khái niệm này. Đề nghị quy định cụ thể về nội hàm, làm rõ sự khác nhau giữa khác giữa các khái niệm này tại dự thảo. | Bảo lưu. Luật GDĐT tập trung đưa ra các khái niệm cơ bản nhất về hoạt động giao dịch điện tử, đối với các khái niệm chuyên sâu hoặc chi tiết sẽ được quy định tại các văn bản dưới luật, hoặc Luật chuyên ngành khác. Ví dụ Luật Chính phủ số. | Bộ Tài chính | |
|  |  | (4) Định danh điện tử, xác thực điện tử là những phương tiện cơ bản, cần thiết của giao dịch điện tử, tuy nhiên không được đề cập trong dự thảo. Đề nghị bổ sung quy định về định danh điện tử, xác thực điện tử. | Tiếp thu. Đã bổ sung điều 51 Tài khoản định danh điện tử | Bộ Tài chính | |
|  |  | Đề nghị rà soát sự cần thiết của tất cả các Điều thuộc Chương IV về an toàn dữ liệu và an toàn thông tin mạng trong giao dịch điện tử (Điều 89 – Điều 100), tránh quy định chồng chéo với các quy định của Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng, làm phát sinh thêm các yêu cầu, thủ tục không cần thiết, có thể làm chậm quá trình chuyển đổi số. | Tiếp thu. Đã lược bỏ nội dung chương này và đưa các quy định liên quan đến an toàn thông tin vào các điều khoản cụ thể tại chương khác. | Bộ Tài chính | |
|  |  | Tại một số Điều, khoản của dự thảo Luật đề cập “chữ ký số”, “chứng thư số” và “tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số” (khoản 17 Điều 4, điểm d khoản 2 Điều 10, khoản 3 Điều 18), tuy nhiên trong dự thảo Luật chưa có quy định cụ thể về các nội dung này. Đề nghị xem xét bổ sung quy định về các nội dung này trong chương IV theo hướng như sau (tại mục số 64 và 65): | Tiếp thu. Dự thảo hiện tại đã quy định rõ khái niệm về chữ ký điện tử và các mức độ tin cậy của chữ ký điện tử. Thuật ngữ chữ ký số không được sử dụng lại và được thay thế bởi chữ ký điện tử có mức độ tin cậy cấp độ 3 | Bộ Tài chính | |
|  |  | - “Chứng thư chữ ký điện tử”, “dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử”, “tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử” tại các Điều 30, 31, 32 chỉ tồn tại trong thực tế dưới dạng “chứng thư số”, “dịch vụ chứng thực chữ ký số”, “tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số”. Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại Phụ lục 4 của Luật Đầu tư có hạng mục “Kinh doanh dịch vụ chứng thực chữ ký số” (số thứ tự 130), không có hạng mục “Kinh doanh dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử”. Vì vậy, để tránh gây nhầm lẫn, phức tạp, khó hiểu (do phải phân biệt sự khác nhau giữa các khái niệm này) cho các đối tượng triển khai Luật Giao dịch điện tử, đề nghị xem xét sửa các quy định về “chứng thư chữ ký điện tử”, “dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử”, “tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử” thành quy định về “chứng thư số”, “dịch vụ chứng thực chữ ký số”, “tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số” trong toàn bộ dự thảo. | Tiếp thu. Đã cụ thể hóa và quy định rõ về các loại hình cung cấp dịch vụ chữ ký điện tử tại Mục 4 Chương 3. | Bộ Tài chính | |
|  |  | - Chữ ký số là loại chữ ký điện tử được sử dụng phổ biến hiện nay và được xác định là phương tiện để đảm bảo tính tin cậy cao nhất của thông điệp dữ liệu (như nêu tại điểm d khoản 2 Điều 10). Do đó, đề nghị bổ sung quy định về chữ ký số sau quy định về chữ ký điện tử. | Tiếp thu một phần. Dự thảo hiện tại đã quy định rõ khái niệm về chữ ký điện tử và các mức độ tin cậy của chữ ký điện tử. Thuật ngữ chữ ký số không được sử dụng lại và được thay thế bởi chữ ký điện tử có mức độ tin cậy cấp độ 3 | Bộ Tài chính | |
|  |  | a) Đề nghị thống nhất chuyển các nội dung liên quan đến giải thích từ ngữ tại các điều ra mục giải thích từ ngữ tại Điều 4, ví dụ: Thông điệp dữ liệu (Khoản 1, Điều 9), Chứng từ điện tử (Khoản 1, Điều 33), Hợp đồng điện tử (Khoản 1, Điều 34), Hợp đồng thông minh (Khoản 2, Điều 34)... | Tiếp thu. | Đà Nẵng | |
|  |  | b) Đề nghị bổ sung các nội dung, quy định liên quan đến định danh và xác thực điện tử. | Tiếp thu. Đã bổ sung điều 51 Tài khoản định danh điện tử | Đà Nẵng | |
|  |  | c) Đề nghị bổ sung các nội dung, quy định liên quan đến tài sản số, tiền kỹ thuật số (tiền số); công tác quản lý nhà nước, trách nhiệm, quyền hạn của các bên liên quan đối với hoạt động giao dịch tài sản số, tiền kỹ thuật số. | Tiếp thu một phần. Dự thảo Luật đã đưa ra những quy định chung làm nền tảng để các văn bản dưới luật hoặc luật khác có thể tham chiếu để đưa ra các quy định chi tiêt hơn đến các công nghệ mới. | Đà Nẵng | |
|  |  | BST đang cố gắng xây dựng Dự thảo Luật giao dịch điện tử khá chi tiết nhằm hạn chế tối đa các hướng dẫn dưới luật, tuy nhiên đây là vấn đề khá khó đối với điều kiện của Việt Nam hiện nay, do vậy cần kèm theo Đề án dự kiến sẽ có bao nhiêu Nghị định, Thông tư sẽ được ban hành. Mặt khác trong dự thảo Luật tại nhiều Chương, Mục đều có câu giao Chính phủ, Bộ... ban hành hoặc hướng dẫn, đề nghị nên xem xét gom lại, những gì đã rõ nên cố gắng đưa vào Luật, cố gắng giảm thiểu tối đa các văn bản hướng dẫn. | Tiếp thu. Đã khái quát hóa lại các nội dung trong dự thảo Luật tránh gây cảm giác dàn trải và quá chi tiết. | Hội Vộ tuyến điện tử | |
|  |  | Về kỹ thuật soạn thảo văn bản, đề nghị Ban soạn thảo rà soát lại tất cả các lỗi chính tả đang tồn tại. Tại một số Điều, các mục sau một số khoản chưa tuân thủ Luật soạn thảo văn bản hành chính số 80/2015/QH13 (sau các mục phải "chấm phẩy”, sau mục cuối cùng phải là dấu "chấm"). | Tiếp thu. | Hội Vộ tuyến điện tử | |
|  |  | Hiện nay, Bộ Tư pháp đang xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công chứng (sửa đổi), trong đó dự kiến quy định về vấn đề số hóa hoạt động công chứng, công chứng điện tử... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu xây dựng dự thảo Luật theo hướng quy định những vấn đề chung, mang tính nguyên tắc, kỹ thuật của giao dịch điện tử, còn các vấn đề đặc thù, chuyên ngành (ví dụ: trong lĩnh vực công chứng, chứng thực) sẽ do pháp luật trong lĩnh vực đó quy định để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh lại nội dung về dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu đảm bảo không chồng chéo với các hoạt động công chứng điện tử của Bộ Tư pháp đang dự kiến triển khai. | Bộ Tư pháp | |
|  |  | Đối với dự thảo Luật: Đề nghị rà soát kỹ kỹ thuật trình bày văn bản để chỉnh lý, hoàn thiện (Ví dụ: Điều 26: chỉnh lý “giao dịch bảo đảm” thành “giao dịch điện tử bảo đảm”; “chủ thể tài khoản giao dịch điện tử” thành “chủ tài khoản giao dịch điện tử”; Điều 102: chỉnh lý “biện pháp tạm thời” thành “biện pháp khẩn cấp tạm thời”; Điều 104: “biên pháp tạm thời”, “Luật tố tụng dận sự”, “hiệu lực thì hành”…) | Tiếp thu. Đã cập nhật, chỉnh sửa và lược bỏ các thuật ngữ chưa phù hợp. tại các nội dung này. | Bộ Tư pháp | |
|  |  | Bên cạnh đó, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật là “giao dịch điện tử” nhưng ở tên gọi Điều 101, Điều 102 bao gồm cả “hoạt động kinh tế số”, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý để bảo đảm thống nhất. | Tiếp thu.   Đã cập nhật lược bỏ nội dung kinh tế số tại nội dung này. | Bộ Tư pháp | |
|  |  | Như đã đề cập tại mục 2.1 nêu trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật theo quy định tại điểm b1 khoản 2 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020). Ngoài ra, nội dung dự thảo Luật có quy định nhiều thủ tục hành chính, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính trong dự thảo Luật theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) | Tiếp thu.   Đã bổ sung các báo cáo liên quan theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Bộ Tư pháp | |
|  |  | Dự thảo Luật có nhiều nội dung mang tính kỹ thuật chuyên ngành, do đó, ngoài lấy ý kiến dự thảo Luật theo quy định tại Điều 57 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến các chuyên gia về lĩnh vực này. Trên cơ sở đó hoàn chỉnh hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020). | Tiếp thu.   Trong quá trình xây dựng, đơn vị chủ trì soạn thảo thường xuyên trao đổi làm việc cùng các chuyên gia thuộc lĩnh vực để nghe ý kiến góp ý. | Bộ Tư pháp | |
|  |  | Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) chưa nêu khái niệm về “chữ ký số”, không quy định rõ sự khác biệt giữa “chữ ký số” với “chữ ký điện tử” (về loại hình chữ ký, cấp độ tin cậy, giá trị pháp lý khi áp dụng).  Do vậy, đề nghị làm rõ quy định về “chữ ký điện tử” (Mục 1 Chương IV) và “chữ ký số” (Khoản 2 Điều 10, Khoản 3 Điều 18, Khoản 1 Điều 79 | Tiếp thu. Dự thảo hiện tại đã quy định rõ khái niệm về chữ ký điện tử và các mức độ tin cậy của chữ ký điện tử. Thuật ngữ chữ ký số không được sử dụng lại và được thay thế bởi chữ ký điện tử có mức độ tin cậy cấp độ 3 | Tập đoàn dầu khí | |
|  |  | Trong dự thảo có nhắc tới EDI trao đổi dữ liệu điện tử là sự chuyển thông tin từ máy tính sang máy tính bằng phương thức điện tử theo một tiêu chuẩn đã được thỏa thuận về cấu trúc thông tin. Do đó cần nghiên cứu xây dựng các văn bản hướng dẫn về tiêu chuẩn GS1 EDI. | Tiếp thu. Khái niệm trao đổi dữ liệu điện tử đã được lược bỏ do không được sử dụng để quy định cho các nội dung trong dự thảo Luật. | Hội mã số mã vạch, VCCI | |
|  |  | Dự thảo Luật bao gồm nhiều yêu cầu về thủ tục đăng ký. Các yêu cầu đăng ký này có thể không khả thi do định nghĩa về các loại hình dịch vụ được cấp phép quá rộng, có khả năng dẫn đến gánh nặng tuân thủ không cần thiết cho doanh nghiệp và khó khăn trong thực thi đối với các cơ quan chức năng.  Loại bỏ các quy định dự thảo về đăng ký, thay vào đó, sử dụng các yêu cầu đăng ký hiện hành quy định tại các luật khác, xếp hạng tín nhiệm hoặc chứng nhận an ninh mạng. Điều này giúp đảm bảo tuân thủ tinh thần của Nghị quyết 02 cũng như tăng tính khả thi trong quá trình thực hiện, đồng thời tránh tình trạng chồng chéo giữa Luật này với các luật chuyên ngành hiện hành khác. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| NHÓM 2: Ý KIẾN CỤ THỂ | | | | |
| CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG | | | | |
| 1 | Khác | Xem xét sửa thành: Phạm vi điều chỉnh Luật này quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước, các hoạt động kinh tế, xã hội, dân sự, thương mại, tài chính, ngân hàng và các lĩnh vực khác do pháp luật Việt Nam quy định. | Tiếp thu. Thống nhất với quan điểm của các Bộ, ngành, tổ chức, doanh nghiệp theo hướng:  - Phạm vi điều chỉnh cần được quy định cách thức giao dịch điện tử bằng phương tiện điện tử;  - Luật này ko quy định lại các nội dung đã được pháp luật khác quy định liên quan đến các giao dịch trong đời thực, chỉ quy định cách thức thực hiện các giao dịch đó bằng phương tiên điện tử; quy định tính pháp lý cho các yếu tố thành phần giúp chuyển các giao dịch sang thực hiện một phần hoặc toàn bộ trên môi trường mạng;  - Là cơ sở để Luật khác quy định đặc thù về giao dịch điện tử trong các lĩnh vực cụ thể. | BỘ KHĐT | |
| 1 | Khác | Tại Điều 1 và Khoản 1, Điều 3, Chương I: Đề nghị cân nhắc sửa lại phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 (phạm vi điều chỉnh trong hoạt động của cơ quan nhà nước, trong hoạt động kinh tế, xã hội, dân sự, thương mại, tài chính, ngân hàng và các lĩnh vực khác do pháp luật quy định) để thống nhất với phạm vi điều chỉnh tại Điều 3 (phạm vi điều chỉnh giao dịch điện tử trong các lĩnh vực). Thực tế, dự thảo Tờ trình cũng đã thể hiện chính sách của nhà nước đối với dự thảo Luật là điều chỉnh trong tất cả các lĩnh vực. | Tiếp thu và điều chỉnh tại Điều 1 và Điều 3 dự thảo Luật | Bộ Nội Vụ | |
| 1 | Khác | Dự thảo hiện nay quy định khá toàn diện và chi tiết các vấn đề liên quan đến giao dịch điện tử, bao gồm cả một số vấn đề như an ninh mạng, an toàn thông tin, quản lý dữ liệu của Nhà nước, giải quyết tranh chấp, một số dịch vụ, loại hình hỗ trợ (dịch vụ chứng thực, dịch vụ tin cậy, nền tảng số, …), v.v.  Hiện nay, hệ thống pháp luật có liên quan như pháp luật về dân sự (Bộ luật Dân sự), giải quyết tranh chấp (Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Trọng tài thương mại), thương mại và đầu tư (Luật Thương mại, Luật Đầu tư), an ninh và an toàn thông tin (Luật An ninh mạng, Luật An toàn Thông tin mạng), v.v. đã tương đối hoàn chỉnh và đầy đủ. Do đó, chúng tôi đề xuất Dự thảo tập trung quy định, điều chỉnh những khía cạnh, loại hình đặc thù liên quan đến giao dịch điện tử, để tránh tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn giữa các văn bản Luật khác nhau, gây khó khăn cho công tác thực thi của cơ quan Nhà nước và của cá nhân, tổ chức liên quan. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh lại tại Điều 1. | GRAB, VCCI, VCCI | |
| 1 | Khác | Bổ sung các nội dung: Nguyên tắc bao trùm; trách nhiệm quản lý Nhà nước; thông điệp dữ liệu; tài khoản giao dịch điện tử, chữ ký điện tử, nền tảng. dịch vụ giao dịch điện tử.    Lý do: Để đảm bảo khái quát đầy đủ các vấn đề cần điều chỉnh của Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi). | Tiếp thu. Thống nhất với quan điểm của các Bộ, ngành, tổ chức, doanh nghiệp theo hướng:  - Phạm vi điều chỉnh cần được quy định cách thức giao dịch điện tử bằng phương tiện điện tử;  - Luật này ko quy định lại các nội dung đã được pháp luật khác quy định liên quan đến các giao dịch trong đời thực, chỉ quy định cách thức thực hiện các giao dịch đó bằng phương tiên điện tử; quy định tính pháp lý cho các yếu tố thành phần giúp chuyển các giao dịch sang thực hiện một phần hoặc toàn bộ trên môi trường mạng;  - Là cơ sở để Luật khác quy định đặc thù về giao dịch điện tử trong các lĩnh vực cụ thể. | Bộ Quốc Phòng | |
| 1 | Khác | Đề nghi bổ sung như sau: “Luật này quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước, trong hoạt động kinh tế, xã hội, dân sự, thương mại, tài chính, ngân hàng, lao động và các lĩnh vực khác do pháp luật quy định”. Lý do: Đề xuất bổ sung cụ thể lĩnh vực lao động vào phạm vi áp dụng để tạo cơ sở pháp lý cho việc sử dụng chữ ký điện tử đối với hợp đồng lao động. Do hiện nay trong các doanh nghiệp, để giảm thiểu hồ sơ giấy cũng như rút ngắn thời gian ký kết hợp đồng và các phụ lục hợp đồng, việc ký tài liệu hợp đồng lao động đang được áp dụng bằng phương thức điện tử. | Tiếp thu một phần, đã điều chỉnh lại nội dung về phạm vi tại Điều 1 | Viettel | |
| 1 | Khác | Theo quy định tại Điều 119 Bộ luật Dân sự về các hình thức giao dịch dân sự thì “ giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu được coi là giao dịch bằng văn bản và có hiệu lực tương đương với giao dịch bằng văn bản . Do đó , Dự thảo cần xác định bản chất của giao dịch điện tử trong Dự thảo là giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới dạng tin nhắn dữ liệu. Ban soạn thảo cần xem xét chỉ quy định nền tảng kỹ thuật số trong các vấn đề liên quan trực tiếp đến giao dịch điện tử theo hướng chuyên môn ( bằng cách xây dựng hệ thống công nghệ thông tin để cung cấp các công cụ trực tiếp tạo thuận lợi cho giao dịch điện tử ) . Trong trường hợp cần có quy định rộng , áp dụng cho tất cả các nền tảng kỹ thuật số , chúng tôi khuyến nghị nên tách thành bộ Luật dành riêng cho các nền tảng kỹ thuật số . | Tiếp thu. Thống nhất với quan điểm của các Bộ, ngành, tổ chức, doanh nghiệp theo hướng:  - Phạm vi điều chỉnh cần được quy định cách thức giao dịch điện tử bằng phương tiện điện tử;  - Luật này ko quy định lại các nội dung đã được pháp luật khác quy định liên quan đến các giao dịch trong đời thực, chỉ quy định cách thức thực hiện các giao dịch đó bằng phương tiên điện tử; quy định tính pháp lý cho các yếu tố thành phần giúp chuyển các giao dịch sang thực hiện một phần hoặc toàn bộ trên môi trường mạng;  - Là cơ sở để Luật khác quy định đặc thù về giao dịch điện tử trong các lĩnh vực cụ thể. | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 2 | Khác | Bổ sung các nội dung để có thể xác định được thế nào là “Giao dịch điện tử tại Việt Nam”.  Lý do: Giao dịch điện tử diễn ra chủ yếu trên môi trường mạng Internet việc lấy yếu tố vị trí địa lý để xác định đối tượng áp dụng là khó khả thi. | Tiếp thu. Đã chỉnh sửa nội dung tại Điều 2 theo hướng quan điểm Luật sẽ điều chỉnh hoạt động giao dịch điện tử mà: - Chủ thể tham gia giao dịch là pháp nhân Việt Nam, pháp nhân nước ngoài, cá nhân Việt Nam, cá nhân nước ngoài;  - Hoạt động giao dịch điện tử thực hiện trên lãnh thổ Việt nam | Bộ Quốc Phòng | |
| 2 | 1 | - Đề nghị làm rõ hơn về đối tượng áp dụng tại Điều 2: “áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến giao dịch điện tử tại Việt Nam”. Cần định nghĩa rõ hơn: liên quan đến giao dịch điện tử tại Việt Nam gồm những nội dung nào: có đối tượng giao dịch tại Việt Nam, hay một bên chủ thể của Hợp đồng tại Việt Nam, người Việt Nam, hay hành vi đăng nhập giao dịch tại Việt Nam... | Tiếp thu. Đã rà soát chỉnh sửa nội dung Điều 2 trong dự thảo Luật | Hải Phòng | |
| 3 | Khác | Tại Điều 3: Ban soạn thảo xem xét cách sử dụng các cụm từ “Luật chung”, “Luật chuyên ngành” vì chưa có quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Tiếp thu. Đã rà soát chỉnh sửa nội dung Điều 3 trong dự thảo Luật | Bộ KHCN | |
| 3 | Khác | Điều 3 – Áp dụng Luật giao dịch điện tử Các dịch vụ tài chính và nhiều dịch vụ khác đã phải tuân theo quy định và đăng kí theo các luật cụ thể khác của ngành . Việc áp dụng Luật Giao dịch điện tử có khả năng bị trùng lập và tạo thêm gánh nặng cho các chủ thể , nếu các chủ thể này phải xin giấy phép mới theo Luật này , vì Luật này thay thế các luật chuyên ngành cụ thể hiện hành .  Khuyến nghị : Các luật chuyên ngành hiện hành có liên quan nên thay thế Luật này . | Tiếp thu. Đã rà soát chỉnh sửa nội dung Điều 3 trong dự thảo Luật | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 3 | Khác | Giao dịch điện tử là một phương thức để thực hiện giao dịch dân sự nói chung theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015; do vậy, khi cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia các giao dịch điện tử cũng phải tuân thủ quy định chung của Bộ luật Dân sự. Bên cạnh đó, tùy từng chủ thể khác nhau còn phải tuân thủ các nguyên tắc khác tại luật chuyên ngành có liên quan (như đối với các ngân hàng, tổ chức tín dụng phải tuân thủ Luật Các tổ chức tín dụng; với pháp nhân thương mại phải tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại…). Do vậy, đề nghị lược bỏ nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 3 dự thảo Luật quy định về nguyên tắc áp dụng Luật Giao dịch điện tử trong hệ thống pháp luật. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh các luật chuyên ngành có liên quan cho phù hợp với quy định của dự thảo Luật Giao dịch điện tử thì đề nghị rà soát, bổ sung quy định tại dự thảo Luật việc sửa đổi, bổ sung các luật có liên quan cho phù hợp, tạo thuận lợi khi áp dụng. | Tiếp thu. Đã rà soát chỉnh sửa nội dung tại Điều 3 trong dự thảo Luật | Bộ Công an | |
| 3 | Khác | Khái niệm “luật chung”, “luật chuyên ngành” không được sử dụng trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, cân nhắc việc sử dụng khái niệm này tại Điều 3 và các điều luật khác (Ví dụ: khoản 2 Điều 17, khoản 4 Điều 18, khoản 3 Điều 43, Điều 44, Điều 45, khoản 3 Điều 52…) trong dự thảo Luật để bảo đảm sự phù hợp và thống nhất với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Tiếp thu. Đã lược bỏ các khái niệm này trong dự thảo Luật. | Bộ Tư pháp | |
| 3 | Khác | Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 sửa đổi, bổ sung Điều 12 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: “Trường hợp văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật do mình đã ban hành có quy định khác với văn bản mới nhưng cần tiếp tục được áp dụng thì phải được chỉ rõ trong văn bản mới đó”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật, bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Tiếp thu. Đã cập nhật lại thể thức trong dự thảo Luật | Bộ Tư pháp | |
| 3 | 3 | đề nghị thay nội dung “… thì áp dụng quy định của Luật Giao dịch điện tử” bằng nội dung “… thì áp dụng quy định của luật chuyên ngành” vì về nguyên tắc khi có sự khác biệt giữa luật chung (trong trường hợp này là Luật Giao dịch điện tử) và luật chuyên ngành thi ưu tiên áp dụng luật chuyên ngành để đảm bảo tính đặc thù của luật chuyên ngành đó; | Tiếp thu. Đã rà soát chỉnh sửa nội dung tại Điều 3 trong dự thảo Luật | MSB, VCCI | |
| 3 | 3 | Đề nghị cân nhắc quy định “3. Trường hợp luật chuyên ngành có liên quan không quy định hoặc có quy định nhưng khác với Luật giao dịch điện tử về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của Luật giao dịch điện tử.” để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật BHVBQPPL “3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau.” | Tiếp thu. Đã rà soát chỉnh sửa nội dung tại Điều 3 trong dự thảo Luật | BHXHVN | |
| 3 | 3 | 1. Khoản 3 Điều 3, đề nghị không quy định tại dự thảo Luật, vì khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 đã quy định: “Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau”. | Bảo lưu do Luật GDĐT là luật chung để Tiếp thu. Đã rà soát chỉnh sửa nội dung tại Điều 3 trong dự thảo Luật | Bộ TN&MT | |
| 3 | 3 | Tại khoản 3 Điều 3 dự thảo Luật quy định “Trường hợp Luật chuyên ngành có quy định nhưng khác với Luật Giao dịch điện tử về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của Luật Giao dịch điện tử”.  Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì “Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau”.  Như vậy, quy định về nguyên tắc áp dụng pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề tại khoản 3 Điều 3 dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) không phù hợp và thống nhất với quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đối với nội dung này, đề nghị áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Tiếp thu. Đã rà soát chỉnh sửa nội dung tại Điều 3 trong dự thảo Luật | Quảng Bình | |
| 3 | 3 | Khoản 3 Điều 3 dự thảo Luật quy định: “Trường hợp luật chuyên ngành có liên quan không quy định hoặc có quy định nhưng khác với Luật giao dịch điện tử về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của Luật giao dịch điện tử”. Trong khi đó, khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định: “Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau”. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc quy định tại khoản 3 Điều 3 dự thảo Luật để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với nguyên tắc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Tiếp thu. Đã rà soát chỉnh sửa nội dung tại Điều 3 trong dự thảo Luật | Bộ Tư pháp | |
| 3 | 3 | Ngoài ra, Khoản 3 Điều 3 Dự thảo Luật Giao dịch điện tử ("Dự thảo Luật" ) quy định “ Trường hợp luật chuyên ngành có liên quan không quy định hoặc có quy định nhưng khác với Luật giao dịch điện tử về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của Luật giao dịch điện tử ”. Trong khi đó, Dự thảo Luật bao gồm nhiều điều khoản quản lý các nhà cung cấp dịch vụ, ví dụ như các điều khoản về nghĩa vụ đăng ký, thông báo cung cấp dịch vụ hoặc nghĩa vụ báo cáo đã được ban hành theo các quy định hiện hành khác. Điều này có thể dẫn đến sự trùng lập vaới các luật chuyên ngành, làm gia tăng gánh nặng hành chính cho doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động. trong các lĩnh vực chuyên ngành như tài chính, ngân hàng, thương mại điện tử do những doanh nghiệp này đã phải tuân thủ các quy định về đăng ký, thông báo, báo cáo theo quy định của luật chuyên ngành hiện hành.  Khuyến nghị: Loại bỏ các điều khoản trùng lớp với luật hiện hành. Cụ thể, thu hẹp phạm vi điều chính của luật; Dữ thảo Luật nên tập trung vào tính hợp pháp của các khía cạnh điện tử của giao dích thay vì tập trung vào điều kiện kinh doanh, cấp phép và quy tốc hoạt động của các bên tham gia giao dịch điện tử, vốn đã được quy định trong các dự thảo luật khác. | Tiếp thu. Đã rà soát chỉnh sửa nội dung tại Điều 3 trong dự thảo Luật | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 3 | 4 | - Tại Khoản 4 Điều 3, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung từ “Nước” trước cụm từ “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, cụ thể như sau: “4. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật này và điều ước quốc tế mà Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế.” | Tiếp thu. Đã rà soát chỉnh sửa nội dung tại Điều 3 trong dự thảo Luật | Lai Châu | |
| 4 | Khác | Kiến nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, định nghĩa rõ và sử dụng thống nhất khái niệm “chữ ký số” và “chữ ký điện tử". Hiện nay trong dự thảo khái niệm này được sử dụng chưa thống nhất, ví dụ: “tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số" và “tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử” có tương đồng hay không.  Tương tự, nên định nghĩa rõ và phân biệt khái niệm như “môi trường số” và “môi trường điện tử”, “dữ liệu số” và “dữ liệu điện tử”. | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ Ngoại giao | |
| 4 | Khác | Đối với xã hội, giao dịch điện tử là một hoạt động khá mới, nhiều thuật ngữ kỹ thuật lại càng mới do vậy đề nghị BST đưa thêm một số Định nghĩa (giải thích từ ngữ) ở phần đầu của Luật như: nền tăng lớn số, nền tảng kinh tế hợp tác... , dịch vụ số, dịch vụ tín nhiệm số... | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp trong dự thảo luật tại Điều 4. | Hội Vô tuyến điện tử Việt Nam | |
| 4 | Khác | Điều 116 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “Giao dịch dân sự là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự”. Điều 1 của dự thảo quy định “Luật này quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động của cơ quan Nhà nước, trong hoạt động kinh tế, xã hội, dân sự, thương mại, tài chính, ngân hàng và các lĩnh vực khác do pháp luật quy định”; khoản 1 Điều 4 quy định “Giao dịch là các thỏa thuận, trao đổi, hợp đồng giữa các chủ thể về một vấn đề cụ thể”; khoản 2 Điều 4 quy định “Giao dịch điện tử là giao dịch được thực hiện bằng phương tiện điện tử”. Đề nghị nghiên cứu, rà soát quy định về giao dịch phù hợp với Bộ luật Dân sự | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ Tài chính | |
| 4 | Khác | Đồng thời, việc định nghĩa các khái niệm cũng còn chưa có sự tập trung thống nhất, ví dụ: Điều 4 khoản 17 và Điều 17 khoản 1 đang cùng định nghĩa về khái niệm “chứng thư điện từ”. Tương tự đối với khái niệm “Chữ ký điện tử" đang được giải thích chưa thống nhất tại Điều 27 khoản 1 và 3, do vậy nên có hướng diễn giải lại rõ ràng hơn. | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ Ngoại giao | |
| 4 | Khác | Đề nghị bổ sung giải thích từ ngữ cho cụm từ "Thông điệp dữ liệu”. | Tiếp thu. Đã bổ sung tại khoản 3 Điều 4. | Bộ Ngoại giao | |
| 4 | Khác | Đề nghị bổ sung giải thích một số khái niệm sử dụng trong dự thảo chưa rõ nội hàm: “Chính phủ điện tử”, “Chính phủ số” (đề cập tại điểm d khoản 3 Điều 77, Điều 78); “môi trường số” (đề cập tại khoản 5 Điều 6, điểm c khoản 2 và điểm h khoản 3 của Điều 77, Điều 97); “công nghệ số” (đề cập tại khoản 5 Điều 6, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 68, khoản 3 Điều 76, Điều 86, khoản 4 Điều 97); “phương tiện điện tử độc lập” (đề cập tại điểm b và c khoản 2 Điều 10); “hạ tầng Internet vạn vật” (đề cập tại điểm b khoản 3 Điều 77); “dữ liệu điện tử”, “số hoá”. | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ Tài chính | |
| 4 | Khác | Đề nghị nghiên cứu, bổ sung giải thích về “giao dịch số” như là một bộ phận của giao dịch điện tử nhằm phù hợp với xu hướng chuyển đổi số hiện nay. | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ Tài chính | |
| 4 | Khác | Đề nghị đưa tất cả các khái niệm, định nghĩa, giải thích từ ngữ vào Điều 4 (giải thích “chứng thư điện tử” tại khoản 1 Điều 17; giải thích “chữ ký điện tử” tại khoản 1 Điều 27; giải thích “chứng từ điện tử” tại khoản 1 Điều 33; giải thích “hợp đồng điện tử” tại khoản 1 Điều 34; giải thích “hợp đồng thông minh” tại khoản 2 Điều 34). | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ Tài chính | |
| 4 | Khác | Ngoài ra, việc giải thích từ ngữ cần thống nhất với các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan, tránh gây ra việc quy định chồng chéo, nhiều định nghĩa khác nhau dẫn đến không thống nhất, khó thực hiện. Ví dụ: Tại Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/05/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin có đưa ra các khái niệm: “Sản phẩm nội dung thông tin số”, “Dịch vụ nội dung thông tin số”. Cần làm rõ sự liên quan giữa khái niệm “Dịch vụ số” quy định tại dự thảo này và các khái niệm “Sản phẩm nội dung thông tin số”,“Dịch vụ nội dung thông tin số” quy định tại Nghị định số 71/2007/NĐ-CP. | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ Tài chính | |
| 4 | Khác | Đề nghị nghiên cứu, bổ sung giải thích cụ thể đối với thuật ngữ “chứng thực” vào Điều 3, Chương I của dự thảo Luật để làm căn cứ xác định điều kiện hợp pháp. | Tiếp thu một phần, dự thảo không quy định về thuật ngữ chứng thực tuy nhiên có đưa ra các khái niệm cụ thể cho các dịch vụ chứng thực. | Tổng Liên đoàn Lao Động VN | |
| 4 | Khác | Để nghị ban soạn thảo rà soát các thuật ngữ tại Điều 4, các thuật ngữ này không có trong các nội dung của dự thảo Luật (ví dụ: Các thực thể trong giao dịch điện tử, Sự tin cậy đối với thực thể giao dịch điện tử, Tính khả dụng của thực thể giao dịch điện tử ). | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ KHCN | |
| 4 | Khác | Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung các định nghĩa: “chữ ký số” Lý do: Trong Dự thảo có nhắc tới “chữ ký số” và “chữ ký điện tử”. Tuy nhiên, mới chỉ có định nghĩa về “chữ ký điện tử”. Do đó, cần thiết bổ sung thêm định nghĩa “chữ ký số” để phân biệt hai loại chữ ký này. | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Viettel | |
| 4 | Khác | Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung các định nghĩa: “số hóa” Lý do: Việc số hóa thông điệp dữ liệu từ bản giấy được nhắc tới tại Điều 9.2 Dự thảo và một số quy định khác. Tuy nhiên, chưa có định nghĩa thế nào là “số hóa”. Do đó, cần bổ sung thêm định nghĩa “số hóa” để thống nhất cách hiểu. | Bảo lưu. Khái niệm số hóa đã được sử dụng trong một số văn bản quy phạm pháp luật và có cách hiểu tường minh. | Viettel | |
| 4 | Khác | Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung các định nghĩa: “phương tiện điện tử độc lập” Lý do: Theo quy định tại Điều 10 của Dự thảo Luật chia mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu theo thứ tự từ thấp đến cao (từ cấp 1 đến cấp 4), trong đó với mức độ tin cậy cấp 2, cấp 3 có nêu khái niệm “phương tiện điện tử độc lập”. Tuy nhiên tại Điều 1 của Dự thảo Luật chỉ có định nghĩa về sự tham gia vào giao dịch điện tử của “phương tiện điện tử”, mà không có quy định rõ ràng thế nào là độc lập. | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Viettel | |
| 4 | Khác | Đề nghị thống nhất các thuật ngữ “chủ thể” (khoản 1), “bên giao dịch” (khoản 4), “người tham gia” (khoản 8), cân nhắc bổ sung giải thích các thuật ngữ này để thống nhất trong toàn văn bản | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ NN&PTNT | |
| 4 | Khác | Đề nghị bổ sung khái niệm về dữ liệu điện tử, chữ ký điện tử, chữ ký số, định danh và xác thực điện tử cho tổ chức và cá nhân, đồng thời làm rõ sự khác nhau giữa “chữ ký điện tử” và “chữ ký số”. Đề nghị sắp xếp theo thứ tự Bảng chữ cái tiếng Việt để tiện tra cứu. | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ Kế hoach Đầu tư | |
| 4 | Khác | Xem xét lại giải thích từ ngữ “Giao dịch” phù hợp với Bộ Luật dân sự 2015. Bộ Luật dân sự 2015 quy định: “Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự”; “Giao dịch dân sự là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự”. Ngoài ra, Giao dịch có thể xuất phát từ một bên mà không cần có sự thỏa thuận với bên còn lại, ví dụ: ủy quyền cho người khác thực hiện công việc thay mình, lập di chúc để lại di sản thừa kế | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ Kế hoach Đầu tư | |
| 4 | Khác | - Về “Giải thích từ ngữ” tại Điều 4, đề nghị làm rõ từ ngữ: “Chữ ký điện tử” và “chữ ký số”, đồng thời bổ sung nội dung trong Dự thảo để đảm bảo sử dụng cho đúng. | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Phú Yên | |
| 4 | Khác | Trong Dự thảo có nhiều điều khoản đề cập đến thuật ngữ “chữ ký số” và “chữ ký điện tử”, tuy nhiên chưa có định nghĩa trực tiếp về các thuật ngữ này. Đề nghị bổ sung định nghĩa “chữ ký số”; | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Ngân hàng Nhà nước | |
| 4 | Khác | Đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm một số khoản giải thích từ ngữ tại Điều 4, giải thích về "Dịch vụ tin cậy trong giao dịch điện tử”, “Dịch vụ tín nhiệm số ", “Chúng thư điện tử" tương ứng tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 40, Khoản 1 Điều 17. | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam | |
| 4 | Khác | Đề nghị xem xét đưa một số nội dung được giải thích tại khoản 1 Điều 14, 15; khoản 1, 17 Điều 17; khoản 1 của các Điều 27, 34, 36; khoản 1, 2, 3, 4 Điều 40; khoản 1 của các Điều 43, 44, 46, 53, 54, 55, 72, 3 74 để quy định tại Điều 4; cân nhắc thống nhất quy định tại khoản 1 Điều 55 và khoản 1 Điều 59; bổ sung giải thích từ ngữ đối với thuật ngữ “hệ chương trình” tại khoản 1 Điều 29. | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ NN&PTNT | |
| 4 | Khác | Thuật ngữ “chứng thực chữ ký số” được dùng tại Điều 10, Khoản 2, Điểm d và Điều 18, Khoản 3 nhưng chưa có giải thích. Đề nghị bổ sung giải thích tại Điều 4; | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Ngân hàng Nhà nước | |
| 4 | Khác | Thuật ngữ “Thông điệp dữ liệu điện tử” được sử dụng tại Điều 45 Khoản 5 mục g nhưng chưa có giải thích. Đề nghị bổ sung giải thích tại Điều 4; | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Ngân hàng Nhà nước | |
| 4 | Khác | Rà soát khoản 29. Sự tin cậy đối với một thực thể giao dịch điện tử; khoản 30. Tính chống chối bỏ đối với thông tin hoặc thực thể giao dịch điện tử; khoản 31. Tính bảo mật của thực thể giao dịch điện tử; khoản 32. Tính toàn vẹn của thực thể giao dịch điện tử; khoản 33. Tính khả dụng của thực thể giao dịch điện tử, có thể thiết kế thành điều khoản quy định về điều kiện, nguyên tắc thực thể giao dịch điện tử. Lý do: các từ ngữ tại các khoản trên không được sử dụng tiếp theo tại các điều khoản cụ thể của Dự thảo nên việc giải thích từ ngữ là chưa phù hợp.  Ngoài ra, rất nhiều thuật ngữ, khái niệm mới, do vậy đề nghị cân nhắc để bổ sung vào nội dung giải thích từ ngữ (VD: Hợp đồng thông minh; nền tảng số; dịch vụ số;….) | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bảo hiểm Xã hội Việt Nam | |
| 4 | Khác | Bổ sung các từ ngữ cần giải thích tại Điều 4: Nền tảng số, dịch vụ số… | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Hải Phòng | |
| 4 | Khác | Tại Điều 4, Chương I, có thể sắp xếp chuyển “Khoản 28” đứng trước “Khoản 27” để người đọc có thể hiểu rõ quy trình bắt đầu của “dịch vụ tin cậy”. |  | Bộ Nội Vụ | |
| 4 | Khác | Bỏ giải thích từ ngữ tại các Điều mà Điều 4 đã nêu (Ví dụ: Tại khoản 1 Điều 51: Hệ thống giao dịch điện tử là hệ thống thông tin được thiết lập để phục vụ một phần hoặc toàn bộ quy trình hoạt động giao dịch điện tử” tại khoản 9 Điều 4 đã có) | Tiếp thu và đã chỉnh lý lược bỏ khái niệm trên tại Điều 51. | Hải Phòng | |
| 4 | Khác | Tại Điều 4: Đề nghị bổ sung giải thích từ ngữ đối với các khái niệm “nền tảng số” (được đề cập tại khoản 1 Điều 53), “dịch vụ số” (được đề cập tại khoản 1 Điều 54) | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Long An | |
| 4 | khác | Bổ sung làm rõ khái niệm "chữ ký điện tử" và "chữ ký số" do hiện tại nhiều văn bản luật hiện tại đang dùng khái niệm chữ ký số ngoài ra trong văn bản dự thảo này đang dùng chữ ký điện tử nhiều lần | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | VNPT | |
| 4 | khác | Tại dự thảo Luật có các quy định liên quan đến chữ ký điện tử an toàn và chữ ký điện tử chuyên dùng (ví dụ: Điều 31, Điều 32,…). Qua rà soát, tại khoản 2 Điều 27 đã có giải thích khái niệm “chữ ký điện tử an toàn”; tuy nhiên, khái niệm“chữ ký điện tử chuyên dùng” thì dự thảo Luật chưa có giải thích. Do đó, để thống nhất trong cách hiểu và áp dụng, cần làm rõ khái niệm “chữ ký điện tử chuyên dùng”. | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Cân Thơ | |
| 4 | khác | Tại Điều 4, đề nghị ban soạn thảo bổ sung giải thích một số từ ngữ sau: “Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số”, “Khóa công khai”, “Khóa bí mật”; đồng thời thống nhất cách sử dụng đối với 2 cụm từ “chữ ký số” và “chữ ký điện tử” trong toàn bộ dự thảo Luật và làm rõ sự khác nhau giữa 2 khái niệm trên. | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ Giao thông Vận tải | |
| 4 | khác | Chuyển các điều khoản có nội dung giải thích từ ngữ trong các Điều khoản lên mục Điều 4 (Giải thích từ ngữ), ví dụ: Điều 34, Điều 53 khoản 1 và 2; Điều 40 khoản 1 (không bao gồm mục a, b, c, d); Khoản 1 của các Điều 36, Điều 43, Điều 44, Điều 45, Điều 51, Điều 54, Điều 61, Điều 72; ... | Tiếp thu. Đã cập nhật các khái niệm từ các Chương khác sang Điều 4. | Bộ Ngoại Giao | |
| 4 | khác | Điều 4 dự thảo Luật đưa ra 33 từ, cụm từ cần giải thích. Tuy nhiên, qua rà soát nội dung dự thảo Luật, Bộ Tư pháp nhận thấy còn nhiều nội dung mang tính giải thích từ ngữ đang được quy định ở các điều khoản cụ thể (Ví dụ: khoản 1 Điều 17; khoản 1 Điều 22; khoản 1, 3 Điều 27; khoản 2, 3 Điều 31; khoản 1 Điều 33; khoản 1,2 Điều 34; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 43; khoản 1 Điều 44; khoản 1 Điều 45; khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 102…). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát quy định tập trung tại Điều 4 để bảo đảm thống nhất, hợp lý. | Tiếp thu. Đã cập nhật các khái niệm từ các Chương khác sang Điều 4. | Bộ Tư pháp | |
| 4 | khác | Ngoài ra, đề nghị rà soát nội dung giải thích từ ngữ tại Điều 4 để bảo đảm chính xác, thống nhất, dễ hiểu, phù hợp với luật khác có liên quan (Ví dụ: khái niệm “giao dịch” tại khoản 1 chưa thống nhất với khái niệm “giao dịch dân sự” tại Điều 116 của Bộ luật Dân sự năm 2015… | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ Tư pháp | |
| 4 | 1 | Tại khoản 1, đề nghị cân nhắc giải thích từ ngữ “1. Giao dịch là các thoả thuận, trao đổi, hợp đồng giữa các chủ thể về một vấn đề cụ thể.” Vì phạm vi điều chỉnh của luật này giao dịch điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước, trong hoạt động kinh tế, xã hội, dân sự, thương mại, tài chính, ngân hàng và các lĩnh vực khác do pháp luật quy định, như vậy thì “các thoả thuận, trao đổi, hợp đồng” đã bao trùm hết toàn bộ nội dung phạm vi điều chỉnh này chưa? Đề nghị rà soát thêm (VD đề nghị của người dân khi làm các thủ tục hành chính với cơ quan quản lý nhà nước; các hành vi pháp lý…). | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | BHXHVN | |
| 4 | 1 | Đề nghị sửa lại như sau: “Giao dịch là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ giữa các chủ thể trong giao dịch” Lý do: Điều 116 Bộ luật Dân sự quy định: “Giao dịch dân sự là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự”. Do đó, đề xuất điều chỉnh khái niệm để đảm bảo thống nhất giữa các văn bản luật về cùng một vấn đề. | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Viettel | |
| 4 | 1 | 2. Khoản 1 Điều 4, đề nghị không quy định tại dự thảo Luật, vì pháp luật về dân sự đã quy định. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ TN&MT | |
| 4 | 1 | - Tại Điều 4 (Giải thích từ ngữ): Khoản 1 Điều 4 quy định “Giao dịch là các thoả thuận, trao đổi, hợp đồng giữa các chủ thể về một vấn đề cụ thể”. Trong khi đó, Điều 116 Bộ luật Dân sự quy định “Giao dịch dân sự là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự”. Việc giải thích từ ngữ “giao dịch” cần bảo đảm đầy đủ nội hàm tương tự như nội hàm “giao dịch dân sự” đã được quy định tại Điều 116 Bộ luật Dân sự, theo đó, cần làm rõ “giao dịch” có bao gồm “hành vi pháp lý đơn phương” hay không, để bảo đảm thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ VHTTDL | |
| 4 | 1 | Dự thảo đã đưa ra khái niệm đối với các từ/cụm từ “giao dịch” và “giao dịch điện tử” , tuy nhiên Dự thảo chưa làm rõ đây có phải là “giao dịch dân sự” như được quy định trong Bộ luật Dân sự (liên quan đến hợp đồng, hành vi làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của một hoặc nhiều bên) hay không. Việc xác định bản chất của giao dịch điện tử là cơ sở quan trọng để xác định quyền, nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc liên quan đến giao dịch điện tử.  Theo quy định tại Điều 119 Bộ luật Dân sự về Hình thức giao dịch dân sự , “giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu” được coi là giao dịch bằng văn bản và do đó, có hiệu lực tương đương giao dịch bằng văn bản. Do đó, Dự thảo cần phải xác định bản chất của giao dịch điện tử trong Dự thảo chính là giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | GRAB, VCCI | |
| 4 | 2 | Đề nghị làm nổi bật 33 thuật ngữ được giải thích bằng chữ nghiêng hoặc đặt trong dấu ngoặc kép (“,”) để dễ phân biệt, tra cứu và sử dụng. | Tiếp thu. | Kon Tum | |
| 4 | 2 | Thuật ngữ “giao dịch điện tử” nêu tại khoản 2 được hiểu là “Giao dịch điện tử là giao dịch được thực hiện bằng phương tiện điện tử”. Với việc mô tả quá ngắn gọn, dễ dẫn đến các cách hiểu và vận dụng khác nhau trong thực tiễn. Đề nghị bổ sung các thành tố khác nhằm làm rõ hơn nội hàm của thuật ngữ này,như chủ thể giao dịch, mục tiêu giao dịch, các phương tiện và hình thức giao dịch… | Bảo lưu. Khái niệm này giữ lại theo quy định tại Luật GDĐT 2005 | Kon Tum | |
| 4 | 4 | Khoản 4 giải thích “Giao dịch trực tuyến là giao dịch điện tử mà các bên giao dịch được kết nối qua môi trường mạng theo thời gian thực”. Điều 4 Luật Công nghệ thông tin 2006 quy định “Môi trường mạng là môi trường trong đó thông tin được cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông qua cơ sở hạ tầng thông tin”. Như vậy môi trường mạng bao gồm mạng viễn thông, do đó đề nghị xem xét bổ sung các quy định tương ứng phù hợp đối với giao dịch qua mạng viễn thông như: Gọi điện thoại, nhắn tin. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ Tài chính | |
| 4 | 5 | Đề nghị sửa lại như sau: Các thực thể trong giao dịch điện tử (gọi chung là thực thể giao dịch điện tử) bao gồm thông điệp dữ liệu, tài khoản giao dịch điện tử, chữ ký điện tử, hợp đồng điện tử, chứng từ điện tử, và các thực thể khác ở dạng dữ liệu điện tử được sử dụng hoặc tạo ra trong quá trình giao dịch điện tử. Lý do: Thống nhất thuật ngữ “tài khoản giao dịch điện tử” trong Dự thảo Luật. Làm rõ thêm các thực thể khác thuộc thực thể giao dịch điện tử phải ở dạng dữ liệu điện tử. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Viettel | |
| 4 | 5 | Khoản 5 đề nghị viết lại theo hướng giải thích, thống nhất với cách viết của các khoản còn lại: “Các thực thể trong giao dịch điện tử là các hoạt động liên quan được sử dụng hoặc tạo ra trong quá trình giao dịch điện tử (gọi chung là thực thể giao dịch điện tử) bao gồm thông điệp dữ liệu, tài khoản giao dịch, chữ ký điện tử, hợp đồng điện tử, chứng từ điện tử và các thực thể khác”. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ NN&PTNT | |
| 4 | 6 | Thuật ngữ “Thông điệp dữ liệu” nêu tại khoản 6 được hiểu “là thông tin được tạo ra, được gửi đi, được nhận và được lưu trữ bằng phương tiện điện tử”. Đề nghị làm rõ chủ thể nào tạo ra thông tin? Trường hợp thông tin được tạo ra không phải từ con người mà từ trí tuệ nhân tạo (AI) hoặc dữ liệu lớn (bigdata) hay công nghệ chuỗi (blockchain), có thuộc phạm vi giải thích của khoản này. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Kon Tum | |
| 4 | 7 | Đề nghị sửa lại như sau: Phương tiện điện tử là phương tiện sử dụng phần cứng, thiết bị số, phần mềm, hệ thống thông tin hoặc phương tiện khác hoạt động dựa trên công nghệ thông tin, công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ tương tự khác. Lý do: Đề xuất điều chỉnh lại khái niệm để chính xác hơn về mặt từ ngữ | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Viettel | |
| 4 | 7 | Tại Điều 3 khoản 17 Luật kế toán 2015 đã có định nghĩa “Phương tiện điện tử là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ tương tự”. Do đó, đề nghị rà soát lại khái niệm phương tiện điện tử tại Khoản 7, Điều 4 để hạn chế xảy ra mâu thuẫn, chồng chéo trong các văn bản luật; | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Ngân hàng Nhà nước | |
| 4 | 7 | Dự thảo định nghĩa phạm vi phương tiện điện tử rất rộng và trừu tượng, đề nghị liệt kê bổ sung các loại hình phương tiện điện tử làm ví dụ vì hiện nay ngay cả đối với các phương tiện cổ điển như điện tín, điện thoại, telex, fax... vẫn có những cách giải thích khác nhau về việc có xác định các phương tiện này là phương tiện điện tử hay không | Bảo lưu. Luật đưa ra các khái niệm ở mức cơ bản để khái quát hóa được tất cả các trường hợp có thể phát sinh. | MSB, VCCI | |
| 4 | 8 | Cần làm rõ về cấu trúc của Tài khoản giao dịch điện tử; bao gồm các thành phần cấu thành tài khoản giao dịch điện tử như: tên và mật khẩu đăng nhập hoặc hình thức xác thực khác được tạo lập bởi hệ thống giao dịch điện tử.  Ngoài ra, dự thảo quy định hiện đang giới hạn chức năng của “tài khoản giao dịch điện tử” chỉ là “công cụ để lưu trữ thông tin giao dịch”. Trong khi đó, Dự thảo đang cho phép chủ tài khoản giao dịch điện tử được dùng tài khoản giao dịch điện tử của mình để thực hiện giao dịch trên môi trường điện tử (theo khoản 2 Điều 25 về Quyền và trách nhiệm của chủ tài khoản giao dịch điện tử của Dự thảo). Như vậy tài khoản giao dịch điện tử không chỉ là công cụ lưu trữ thông tin giao dịch mà còn là công cụ để tham gia thực hiện giao dịch điện tử.  Khuyến nghị điều chỉnh: “Tài khoản giao dịch điện tử là công cụ để thực hiện giao dịch điện tử và lưu trữ thông tin các giao dịch đó của người tham gia giao dịch điện tử”. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | VNPT | |
| 4 | 8 | Khoản 8 giải thích “Tài khoản giao dịch điện tử là công cụ để lưu trữ thông tin giao dịch của người tham gia giao dịch điện tử” là chưa phù hợp, vì các nội dung quy định về tài khoản giao dịch điện tử trong dự thảo đang thể hiện tài khoản là thông tin gắn với chủ thể giao dịch, thông tin này có thể được tạo ra trước khi phát sinh giao dịch (không phải là công cụ lưu trữ giao dịch). Ngoài ra, việc giao dịch giữa các hệ thống, máy tính cũng có thể cần sử dụng đến tài khoản (tài khoản cấu hình cho giao dịch tự động), do đó đề nghị xem xét sửa “người tham gia giao dịch điện tử” thành “chủ thể tham gia giao dịch điện tử | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ Tài chính | |
| 4 | 8 | Tại Khoản 8, Điều 4, Chương I, cần bổ sung giải thích từ ngữ cho “Tài khoản giao dịch điện tử” vì tài khoản giao dịch điện tử không chỉ là công cụ để lưu trữ thông tin giao dịch của người tham gia giao dịch điện tử mà còn lưu trữ tên, mật khẩu đăng nhập, thông tin của người giao dịch. Tương tự, dự thảo Luật cần làm rõ hơn một số định nghĩa như: “giao dịch điện tử”, “giao dịch trực tuyến”, “tài khoản giao dịch điện tử”, “chứng thư chữ ký điện tử”. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ Nội Vụ | |
| 4 | 30,31,32,33 | Đề nghị xem lại sự cần thiết giải thích một số từ ngữ như: “Tính chống chối bỏ đối với thông tin hoặc thực thể giao dịch điện tử”, “Tính bảo mật của thực thể giao dịch điện tử”, “Tính toàn vẹn của thực thể giao dịch điện tử”, “Tính khả dụng của thực thể giao dịch điện tử”,… Đề nghị đưa các nội dung này xuống quy định tại các Chương có liên quan. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ TN&MT | |
| 4 | 10 | tại Điều 3 khoản 3 Luật an toàn thông tin mạng 2015 đã có định nghĩ “Hệ thống thông tin là tập hợp phần cứng, phần mềm và cơ sở dữ liệu được thiết lập phục vụ mục đích tạo lập, cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin trên mạng”. Do đó, đề nghị rà soát lại khái niệm hệ thống thông tin tại Khoản 10, Điều 4 để hạn chế xảy ra mâu thuẫn, chồng chéo trong các văn bản luật; | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Ngân hàng Nhà nước | |
| 4 | 10 | Tại Điều 4 dự thảo Luật về giải thích từ ngữ: Bỏ quy định giải thích “hệ thống thông tin” vì thuật ngữ này đã được giải thích tại khoản 3 Điều 3 Luật An toàn thông tin mạng và bổ sung quy định giải thích đối với một số từ ngữ sử dụng trong dự thảo Luật như kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số, tính chống chối bỏ, tính khả dụng, hợp đồng thông minh | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ Công an | |
| 4 | 11 | Đề nghị bỏ cụm từ “máy tính”, sửa lại thành: “Ứng  dụng di động (Mobile Apps) là chương trình, phần mềm ứng dụng được thiết kế để vận hành trên thiết bị di động”. Mục đích để làm rõ Mobile Apps là một dạng chương trình ứng dụng dành riêng cho thiết bị di động. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Thanh Hoá | |
| 4 | 11 | Tại Khoản 11, Điều 4, Chương I: “Ứng dụng di động (Mobile Apps) là chương trình máy tính” khiến người đọc dễ hiểu lầm là ứng dụng có thể hoạt động cho PC (personal computer) như máy tính để bàn, laptop… Có thể rút gọn: “Ứng dụng di động (Mobile Apps) là phần mềm ứng dụng được thiết kế…”. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ Nội Vụ | |
| 4 | 12 | - Khoản 12, Điều 4: Xem xét sửa thành: Ứng dụng di động giao dịch điện tử (e-Transaction Mobile Apps) là ứng dụng di động cho phép người dùng tương tác, truy vấn thông tin, trao đổi với các cơ quan, tổ chức, cá nhân để thực hiện một phần hoặc toàn bộ quy trình hoạt động giao dịch điện tử. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | BỘ KHĐT | |
| 4 | 11,12,27 | - Xem xét, gộp định nghĩa Ứng dụng di động tại khoản 11 với Ứng dụng di động giao dịch điện tử tại khoản 12 ; Dịch vụ tin cậy trong giao dịch điện tử tại khoản 27 với Nhà cung cấp dịch vụ tin cậy tại khoản 28. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Đà Nẵng | |
| 4 | 15 | Nội dung cần bổ sung phần diễn giải thuật ngữ thiết bị do cần giải thích thuật ngữ chung để tránh cách hiểu khác ví dụ như các thiết bị di động: điện thoại cơ bản, điện thoại thông minh, máy tính bảng liệu có bao hàm trong phạm vi thuật ngữ | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | VNPT | |
| 4 | 17 | Khoản 17 giải thích về thuật ngữ Chứng thư chữ ký số và chứng thư số tuy nhiên thuật ngữ này không sử dụng trong Dự thảo, đề nghị xem xét bỏ Dự thảo nếu không cần thiết; | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Ngân hàng Nhà nước | |
| 4 | 13, 17 | Định nghĩa Chứng thực chữ ký điện tử tại khoản 13 và Chứng thư chữ ký số tại khoản 17 có những nội dung trùng lắp, đề nghị xem xét, điều chỉnh. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Đà Nẵng | |
| 4 | 18 | Khoản 18 đề cập đến khái niệm “Người trung gian” trong giao dịch điện tử (GDĐT), đề nghị xem xét bổ sung các quy định quyền hạn và trách nhiệm của “Người trung gian” đối với giao dịch điện tử và các bên tham gia giao dịch; | Bảo lưu. Do thuật ngữ người trung gian để thể hiện có bên thứ 3 tham gia vào giao dịch điện tử. Việc quy định quyền hạn và trách nhiệm của đối tượng này sẽ được quy định tại các Luật chuyên ngành. | Ngân hàng Nhà nước | |
| 4 | 18 | Tại khoản 18 Điều 4 dự thảo Luật có đề cập đến người trung gian, theo đó người trung gian cũng giữ một vai trò quan trọng khi là người thực hiện việc gửi, nhận hoặc lưu trữ thông điệp dữ liệu nhưng chưa có quy định rõ về quyền và nghĩa vụ của người trung gian đối với các bên trực tiếp tham gia vào giao dịch điện tử gây ra nhiều bất cập trong việc đảm bảo an toàn của giao dịch điện tử khi có vấn đề xảy ra. Vì vậy, đề nghị bổ sung quy định về quyền và nghĩa vụ của người trung gian đối với các bên trực tiếp tham gia vào giao dịch điện tử. | Bảo lưu. Khái niệm này giữ lại theo quy định tại Luật GDĐT 2005 | Quảng Bình | |
| 4 | 19 | Khoản 19 đề nghị sửa thành: “Quy trình kiểm tra an toàn là quy trình được sử dụng để kiểm chứng, phát hiện các thay đổi hoặc lỗi xuất hiện nguồn gốc của thông điệp dữ liệu, chữ ký điện tử, nội dung của một thông điệp dữ liệu trong quá trình truyền, nhận và lưu trữ”. | Bảo lưu. Khái niệm này giữ lại theo quy định tại Luật GDĐT 2005 | Bộ NN&PTNT | |
| 4 | 20 | Đề nghị quy định rõ dữ liệu “dạng tương tự khác” | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ NN&PTNT | |
| 4 | 20 | Khoản 20, Điều 4, Chương I: Có thể bổ sung “Dữ liệu số là thông tin dưới dạng….” thành “Dữ liệu số là thông tin mô tả sự vật dưới dạng….” để nêu rõ vai trò của dữ liệu số. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ Nội Vụ | |
| 4 | 20 | Tương tự với 2 thuật ngữ “dữ liệu số” và “dữ liệu điện tử” cũng được sử dụng nhiều trong Dự thảo nhưng tại Dự thảo chưa có định nghĩa cho thuật ngữ “dữ liệu điện tử”. Đề nghị bổ sung định nghĩa “dữ liệu điện tử”; | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Ngân hàng  Nhà nước | |
| 4 | 22 | - Tại khoản 22 Điều 4, đề nghị sửa lại như sau “Cơ sở dữ liệu là tập hợp các dữ liệu được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, chia sẻ, quản lý và cập nhật thông qua phương tiện điện tử”. | Tiếp thu và thực hiện chỉnh lý tại dự thảo Luật. | Daklak | |
| 4 | 23 | Đề nghị quy định rõ xử lý dữ liệu là một trong các hoạt động “thu thập, ghi lại, tổ chức, cấu trúc, lưu trữ, điều chỉnh hoặc thay đổi, truy xuất, sử dụng, tiết lộ, xóa hoặc tiêu hủy dữ liệu” hay tất cả các hoạt động này | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ NN&PTNT | |
| 4 | 24 | Khoản 24 sử dụng cụm từ “cấu trúc thông tin” để giải thích cho thuật ngữ “trao đổi dữ liệu điện tử”. Trong khi đó, Khoản 20 đã dùng khái niệm “thông tin” để giải thích khái niệm “dữ liệu” và Khoản 21 đã dùng khái niệm “dữ liệu” để giải thích cho khái niệm “dữ liệu số”. Để hạn chế sử dụng nhiều thuật ngữ khác nhau cho cùng một khái niệm, đề nghị rà xem xét khả năng sử dụng cụm từ “cấu trúc dữ liệu” thay cho cụm từ “cấu trúc thông tin” và “trao đổi dữ liệu số” thay cho “trao đổi dữ liệu điện tử”. Khoản 24 giải thích về “Trao đổi dữ liệu điện tử là sự chuyển thông tin từ máy tính này sang máy tính khác bằng phương tiện điện tử…”. Tuy nhiên, bản thân máy tính cũng là phương tiện điện tử, hơn nữa ngoài máy tính còn nhiều phương tiện điện tử khác như điện thoại, thẻ, ổ đĩa…do đó đề nghị rà soát lại cụm từ “từ máy tính này sang máy tính khác”để đảm bảo bao hàm được các trường hợp trao đổi dữ liệu điện tử; | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Ngân hàng  Nhà nước | |
| 4 | 24 | Khoản 24 giải thích “Trao đổi dữ liệu điện tử (EDI – electronic data interchange) là sự chuyển thông tin từ máy tính này sang máy tính khác bằng phương tiện điện tử theo một tiêu chuẩn đã được thỏa thuận về cấu trúc thông tin”. Đề nghị sửa giải thích này do hiện nay, việc trao đổi dữ liệu điện tử không chỉ thuần túy từ máy tính sang máy tính mà còn thông qua các thiết bị chuyên dụng về dữ liệu (Datapower...) hoặc thông qua điện thoại thông minh. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ Tài chính | |
| 4 | 24 | Đề nghị sửa lại như sau: Trao đổi dữ liệu điện tử (EDI – electronic data interchange) là sự chuyển thông tin từ thiết bị điện tử này sang thiết bị điện tử khác bằng phương tiện điện tử theo một tiêu chuẩn đã được thỏa thuận về cấu trúc thông tin. Lý do: Thực tế hiện nay với sự phát triển đa dạng của các thiết bị điện tử thì dữ liệu không chỉ được trao đổi giữa các máy tính truyền thống mà còn được truyền tải trên các thiết bị thông minh như điện thoại, máy tính bảng… Do đó, cần mở rộng phạm vi khái niệm để đảm bảo phù hợp với thực tiễn. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Viettel | |
| 4 | 26 | Đề nghị bổ sung cụm từ “cơ sở” trước cụm từ “hạ tầng”, bổ sung từ “mạng” sau cụm từ “đường truyền”, đề nghị cân nhắc viết lại thành: “Tổ chức cung cấp dịch vụ mạng là tổ chức cung cấp hạ tầng đường truyền mạng và các dịch vụ khác có liên quan để thực hiện giao dịch điện tử, bao gồm tổ chức cung cấp dịch vụ Internet và tổ chức cung cấp dịch vụ truy cập mạng” | Báo lưu. Khái niệm này được giữ nguyên theo định nghĩa tại Luật GDĐT 2005 | Bộ NN&PTNT | |
| 4 | 27 | Bên cạnh đó, đề nghị quy định rõ nội hàm “dịch vụ tin cậy” tại khoản 27 Điều 4, “dịch vụ về tài khoản giao dịch điện tử” tại Điều 22 dự thảo Luật để phân biệt dịch vụ này với dịch vụ định danh và xác thực điện tử do Bộ Công an được giao thực hiện quản lý nhà nước theo quy định tại Quyết định số 34/2021/QĐ-TTg ngày 08/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh. Đồng thời, để bảo đảm an toàn, bảo mật và tính chính xác của danh tính người dùng trên môi trường điện tử khi tham gia các giao dịch điện tử nên dẫn chiếu, quy định việc sử dụng tài khoản định danh điện tử trong các hoạt động này cho chặt chẽ | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ Công an | |
| 4 | 29 | Đề nghị bổ sung định nghĩa hoặc giải thích cụ thể cho thuộc tính “được pháp luật bảo vệ cho thực thể đó”. Các thuộc tính còn lại đều đã có định nghĩa cụ thể ngoại từ thuộc tính này, dẫn đến khó nắm bắt được nội hàm của quy định và áp dụng trên thực tế. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Viettel | |
| 4 | 30 | Đề nghị sửa lại như sau: Tính chống chối bỏ đối với thực thể giao dịch điện tử là việc đảm bảo thông tin hoặc thực thể giao dịch điện tử không bị từ chối bởi một hoặc các bên tham gia vào việc tạo, truyền đưa, trao đổi, lưu trữ hoặc thực hiện một phần hay toàn bộ quá trình giao dịch điện tử liên quan đến thông tin hoặc thực thể giao dịch điện tử đó. Lý do: Thông tin đã được định nghĩa bao gồm trong thực thể giao dịch điện tử, do đó không quy định thông tin song song với thực thể giao dịch điện tử, tránh cách hiểu thông tin không nằm trong phạm vi thực thể giao dịch. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Viettel | |
| 4 | 32 | - Việc bảo vệ dữ liệu điện tử phải quy định có thời hạn, tại khoản 32 Điều 4 có quy định: “…thì cho đến khi không còn hiệu lực..”, đề nghị làm rõ thời gian hiệu lực của dữ liệu điện tử. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Ban Cơ yếu Chính phủ | |
| 4 | 32 | đề nghị bổ sung từ “khởi” trước từ “tạo” bảo đảm đủ ý, tính chặt chẽ của văn bản. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh, lược bỏ một số khái niệm chưa phù hợp tại Điều 4. | Bộ NN&PTNT | |
| 5 | 3 | Quy định về giá trị pháp lý của các giao dịch điện tử “đáp ứng các yêu cầu về mức độ tin cậy theo quy định của pháp luật”. Trong khi đó, quy định mức độ tin cậy và giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu đang được quy định tại Chương 2 Mục 1. Do đó đề nghị rà soát, trình bày cụ thể hơn về nội dung các quy định của pháp luật được đề cập tại Khoản 3; | Tiếp thu. Đã cập nhật tại Điều 5. | Ngân hàng  Nhà nước | |
| 5 | 3 | Đề nghị sửa lại như sau: Giao dịch điện tử được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu, đáp ứng các yêu cầu về mức độ tin cậy theo quy định của pháp luật thì được thừa nhận có giá trị pháp lý tương đương văn bản. Lý do: Trong Dự thảo Luật này và các luật có liên quan không tồn tại chế định “kết quả của giao dịch” nên việc xác định giá trị pháp lý của kết quả của giao dịch chưa có ý nghĩa rõ ràng, đề xuất sửa đổi thành “giao dịch”. Ngoài ra, Điều 11 của Dự thảo cũng chỉ đề cập đến Giá trị pháp lý tương đương văn bản của “giao dịch điện tử”. | Tiếp thu. Đã cập nhật tại Điều 5. | Viettel | |
| 5 | 4 | Việc chia sẽ dữ liệu theo Dự thảo Luật được hiểu là chỉ áp dụng qua các hệ thống thông tin riêng của cơ quan nhà nước mà chưa áp dụng với Cổng thông tin công khai của các cơ quan nhà nước. Trong khi đó, trên thực tế các doanh nghiệp khác khi thực hiện các giao dịch điện tử vẫn phải cung cấp lại những giấy tờ có thể kiểm tra, tra cứu trên các Cổng thông tin được công bố công khai của cơ quan nhà nước. Ví dụ như Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được Bộ Kế hoạch & Đầu tư công bố công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (tại địa chỉ dangkykinhdoanh.gov.vn). Vì vậy, để giảm thiểu thời gian, thủ tục thực hiện các giao dịch điện tử, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ quy định này và xem xét việc bổ sung trường hợp không yêu cầu phải nộp lại những dữ liệu là Giấy phép mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép đã thông báo | Tiếp thu. Đã cập nhật tại Điều 5. | Viettel | |
| 5 | 4 | Tại Điều 5: Đề nghị bỏ cụm từ “sẵn sàng” trong quy định tại khoản 4 “Không yêu cầu tổ chức, cá nhân khai, nộp lại những dữ liệu mà cơ quan nhà nước đang quản lý hoặc đã được cơ quan nhà nước khác sẵn sàng chia sẻ”, vì trường hợp các cơ quan nhà nước khác đã sẵn sàng nhưng chưa thực hiện việc chia sẻ dữ liệu thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính sẽ gặp vướng mắc khi không có đủ hồ sơ, dữ liệu để xử l | Tiếp thu, chỉnh sửa tại Chương V. Giao dịch điện tử của cơ quan Nhà nước, trong đó quy định trách nhiệm kết nối, chia sẻ dữ liệu của cơ quan nhà nước, quy định về dữ liệu mở cho tổ chưc, cá nhân khai thác, sử dụng... | Bộ Tài chính | |
| 5 | 4 | Tại khoản 4, Điều 5 có nội dung “Không yêu cầu tổ chức, cá nhân khai, nộp lại những dữ liệu mà cơ quan nhà nước đang quản lý hoặc đã được cơ quan nhà nước khác sẵn sàng chia sẻ”.  Trong thời gian đến, hầu hết dữ liệu hành chính đều do các cơ quan nhà nước quản lý, việc chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan đang gặp nhiều khó khăn, cần quy định rõ các dữ liệu cần chia sẻ trong Luật này. | Tiếp thu. Đã cập nhật tại Điều 5. | Đà Nẵng | |
| 5 | 4 | - Giao dịch điện tử là một hình thức của giao dịch dân sự đã được quy định tại Bộ luật Dân sự, trong đó, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự đã bao gồm các yếu tố bình đẳng, tự do, tự nguyện cam kết, thoả thuận, không xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích của người khác.   - Đối với khoản 4, chưa rõ cơ sở và cách thức để xác định dữ liệu nào đã được cơ quan Nhà nước quản lý. Trong trường hợp doanh nghiệp đã báo cáo cơ quan quản lý A, thì doanh nghiệp có quyền từ chối yêu cầu cung cấp dữ liệu đó của cơ quan quản lý B hay không?  - Đề xuất đảm bảo tối thiểu các nguyên tắc sau đối với giao dịch điện tử:  1. Giao dịch điện tử thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu đáp ứng các quy định tại Luật này được coi là giao dịch bằng văn bản và có giá trị pháp lý tương đương giao dịch bằng văn bản.  2. Giao dịch điện tử phải đảm bảo các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự.  3. Không được phân biệt đối xử đối với giao dịch điện tử và các bên tham gia giao dịch điện tử.  - Đề xuất bỏ khoản 6  - Đề xuất đưa khoản 4 vào Điều về Quản lý Nhà nước đối với giao dịch điện tử. Ngoài ra, Dự thảo cũng cần làm rõ thẩm quyền của từng cơ quan Nhà nước trong quản lý, báo cáo, tránh vượt thẩm quyền, gây chồng chéo về quy định và tăng gánh nặng tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp. | Tiếp thu. Đã cập nhật tại Điều 5. | GRAB, VCCI | |
| 5 | 4 | Khoản 4 Điều 5 dự thảo Luật: “Không yêu cầu tổ chức, cá nhân khai, nộp lại những dữ liệu mà cơ quan nhà nước đang quản lý hoặc đã được cơ quan nhà nước khác sẵn sàng chia sẻ”. Quy định hiện tại khó đảm bảo tính khả thi trong thực tế. Đề nghị cân nhắc quy định này theo hướng khuyến khích, có cơ chế đôn đốc, giám sát các cơ quan nhà nước chủ động chia sẻ dữ liệu để tạo thuận lợi trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử của người dân. | Tiếp thu. Đã chỉnh sửa tại Chương V. Giao dịch điện tử của cơ quan Nhà nước | Bộ Công Thương | |
| 5 | 5 | Sửa đổi thành "Tối ưu hóa quy trình trong giao dịch điện tử để tiết kiệm thời gian, chi phí, công sức của tổ chức, cá nhân...." | Tiếp thu. Đã cập nhật tại Điều 5. | VNPT | |
| 5 | 5 | Đề nghị xem xét làm rõ khái niệm “Tối đa hóa quy trình…” hoặc sửa đổi thành “Cụ thể hóa”, “Tối ưu hóa” để có được cách hiểu thống nhất. | Tiếp thu. Đã cập nhật tại Điều 5. | Ngân hàng Nhà nước | |
| 6 | 1 | cần điều chỉnh cụm từ “ ... và xã hội số. Thực hiện  giao dịch điện tử nhanh hơn ...” thành “ ... và xã hội số; đảm bảo thực hiện giao  dịch điện tử nhanh hơn ...”; đồng thời, tại khoản 3 Điều này, điều chỉnh từ “Đảm  bảo” thành “Công nhận” sẽ hợp lý hơn. | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh lại nội dung tại Điều 6. | Cà Mau | |
| 6 | 1 | Tại khoản 1, Điều 6 có nội dung “... Thực hiện giao dịch điện tử nhanh hơn, chi phí thấp hơn, thủ tục giản tiện hơn, an toàn hơn thực hiện giao dịch dưới các hình thức khác”.  Đề nghị không đưa nội dung này vào dự thảo Luật vì việc đánh giá lợi ích của giao dịch điện tử so với các hình thức giao dịch khác đã có trong Báo cáo đánh giá tác động chính sách; làm rõ chi phí thấp hơn được hiểu như thế nào (vì lệ phí dịch vụ công được quy định bởi luật phi và lệ phí...) | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh lại nội dung tại Điều 6. | Đà Nẵng | |
| 6 | 2 | Đề nghị bỏ nội dung liên quan đến miễn, giảm, hỗ trợ thuế, phí và lệ phí tại khoản 2 Điều 6 “áp dụng đồng bộ cơ chế, biện pháp khuyến khích ưu đãi, miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, thời gian xử lý theo quy định pháp luật nhằm tạo điều kiện phát triển thị trường, thúc đẩy giao dịch bằng phương tiện điện tử của tổ chức, cá nhân”; điểm b khoản 3 Điều 87 “Chính sách hỗ trợ về phí thực hiện giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước”; sửa nội dung quy định nêu trên tại khoản 2 Điều 6 thành “áp dụng đồng bộ cơ chế, các biện pháp khuyến khích ưu đãi theo quy định của pháp luật…”; sửa nội dung điểm b khoản 3 Điều 87 thành “Chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước có liên quan”. | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh lại nội dung tại Điều 6. | Bộ Tài chính | |
| 6 | 3.6 | Rà soát, chuyển khoản 3 (Đảm bảo giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, chứ ký điện tử…); khoản 6 (Đảm bảo an ninh, an toàn thông tin mạng trong GDĐT) thiết kế tại Điều 5 về Nguyên tắc chung tiến hành GDĐT cho phù hợp, thống nhất giữa nội dung và tiêu đề của điều khoản. | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh lại nội dung tại Điều 6. | Bảo hiểm Xã hội Việt Nam | |
| 6 | 5 | Để nghị xem xét sửa “Triển khai toàn bộ hoạt động của cơ quan nhà nước lên môi trường số… ” thành “Triển khai tối đa hoạt động của cơ quan nhà nước lên môi trường số …”, vì sẽ có những hoạt động của cơ quan nhà nước bắt buộc phải triển khai trên môi trường thực tế. | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh lại nội dung tại Điều 6. | Ngân hàng Nhà nước | |
| 6 | 5 | Quy định Triển khai toàn bộ hoạt động của cơ quan nhà nước lên môi trường số, đổi mới quy trình làm việc, cung cấp dịch vụ dựa trên công nghệ số và dữ liệu số. Tuy nhiên, có những hoạt động không triển khai trên môi trường mạng. Do đó, đề nghị xem xét, sửa đổi phù hợp. | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh lại nội dung tại Điều 6 dự thảo Luật. | Bộ Kế hoach Đầu tư | |
| 7 | Khác | Bổ sung quy định rõ nội dung liên quan đến quản lý nhà nước về nền tảng số, dịch vụ số và dữ liệu số vì tại Điều nay mới chỉ quy định quản lý nhà nước về hoạt động giao dịch điện tử. | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh nội dung tại Điều 7 dự thảo Luật. | Bộ Công an | |
| 7 | Khác | Bổ sung quy định trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với giao dịch điện tử trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh; giao dịch điện tử khác liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội. | Tiếp thu một phần. Đã quy định chung về trách nhiệm của bộ, cơ quan, ngang bộ thực hiện quản lý về giao dịch điện tử đối với lĩnh vực thuộc phạm vi, quyền hạn quản lý nhà nước của mình tại khoản 3 Điều 8. | Bộ Công an | |
| 7 | 1 | Tại Khoản 1, Điều 7, Chương I: Đề nghị cân nhắc bổ sung “xử lý vi phạm” vào nội dung quản lý nhà nước về hoạt động giao dịch điện tử, nền tảng số, dịch vụ số và dữ liệu số vì đây cũng thuộc nội dung quản lý nhà nước. | Tiếp thu. Đã cập nhật nội dung này tại Điều 7. | Bộ Nội vụ | |
| 7 | 1 | Bổ sung, sửa tiêu đề khoản 1 thành “Nội dung quản lý nhà nước về hoạt động giao dịch điện tử…”; | Tiếp thu. Đã điều chỉnh lại nội dung tại Điều 7. | Bảo hiểm Xã hội Việt Nam | |
| 7 | 1 | Đề nghị bỏ cụm từ “quy hoạch” tại điểm a, khoản 1, Điều 7 vì các nội dung liên quan đến quy hoạch thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Quy hoạch. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh lại nội dung tại Điều 7. | Đà Nẵng | |
| 7 | 1.2 | Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi): “1. Quản lý nhà nước về hoạt động giao dịch điện tử, nền tảng số, dịch vụ số và dữ liệu số” và “2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động giao dịch điện tử, nền tảng số, dịch vụ số và dữ liệu số”. Tuy nhiên trong nội dung quy định của khoản 1 và khoản 2 Điều 7 chỉ quy định cho hoạt động giao dịch điện tử mà không có nền tảng số, dịch vụ số và dữ liệu số. Đề nghị đơn vị soạn thảo rà soát thêm nội dung này. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh lại nội dung tại Điều 7. | Đài Truyền hình VN | |
| 7 | 2 | Nghiên cứu, bổ sung tại khoản 2 nội dung quy định về Trách nhiệm của cơ quan thuộc Chính phủ quản lý hệ thống ngành dọc của mình trong thực hiện giao dịch điện tử trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, để phù hợp với thực tiễn tổ chức thực hiện giao dịch điện tử hiện hành, VD: Nghị định số 166/2016/NĐ-CP về giao dịch điện tử lĩnh vực BHXH, BHYT và BHTN, chủ thể, đại diện phía cơ quan nhà nước trong cung cấp dịch vụ, dữ liệu và chủ trì triển khai giao dịch điện tử là Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Nghị định số 43/2021/NĐ-CP quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, Bảo hiểm xã hội Việt Nam là cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm, có trách nhiệm quản lý, duy trì, chia sẻ, kết nối dữ liệu về bảo hiểm xã hội theo quy định. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh lại nội dung tại Điều 8. | Bảo hiểm Xã hội Việt Nam | |
| 7 | 2 | Đề nghị biên tập lại điểm d khoản 2 thành: “Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động giao dịch điện tử trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình”. | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh nội dung tại Điều 8 dự thảo Luật. | Bộ NN&PTNT | |
| 7 | 2 | Tại Điều 7: Đề nghị sửa quy định tại điểm c khoản 2 “Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý Nhà nước về hoạt động giao dịch điện tử” thành “Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm thực hiện quản lý Nhà nước về hoạt động giao dịch điện tử đối với lĩnh vực thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn quản lý Nhà nước của mình”, để thống nhất với quy định tại điểm b khoản 2 “Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan thực hiện quản lý Nhà nước về hoạt động giao dịch điện tử”. | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh nội dung tại Điều 8 dự thảo Luật. | Bộ Tài chính | |
| 7 | 2 | Tại Điểm b, Khoản 2, Điều 7, Chương I: Đề nghị bổ sung cụm từ “và hoạt động cung cấp dịch vụ tin cậy, dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử”. Bởi vì, Điều 41 dự thảo giao “Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động giao dịch điện tử và hoạt động cung cấp dịch vụ tin cậy, dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử”. Trong khi đó, điểm b khoản 2 Điều 7 chỉ quy định trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc “... quản lý nhà nước về hoạt động giao dịch điện tử” là chưa đầy đủ. | Tiếp thu. Đã cập nhật, điều chỉnh nội dung tại Điều 8 dự thảo Luật. | Bộ Nội vụ | |
| 8 | Khác | Bổ sung 01 khoản quy định “Cung cấp, trao đổi, chia sẻ, thu thập, phát tán, sử dụng dữ liệu trái quy định”, để bao quát các tình huống, hành vi vi phạm có thể xả ra trong thực tiễn | Tiếp thu. Đã chỉnh sửa lại nội dung tại Điều 9 | Bảo hiểm Xã hội Việt Nam | |
| 8 | Khác | Điều 8 dự thảo Luật quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong giao dịch điện tử và Điều 83 dự thảo Luật quy định hành vi vi phạm về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu của cơ quan nhà nước. Ngoài các hành vi đã được liệt kê tại Điều 8 và Điều 83, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu bổ sung các hành vi vi phạm/bị cấm khác có thể nhận diện được để có đầy đủ cơ sở pháp lý xử lý tất cả các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động giao dịch điện tử nói chung. | Tiếp thu. Đã chỉnh sửa lại nội dung tại Điều 9 | Bộ Tư pháp | |
| 8 | Khác | Điều Các hành vi bị nghiêm cấm trong Điều này rất rộng và cần được làm rõ . Loại hành vi nào “ lợi dụng ” sẽ cấu thành hành vi vi phạm quy định này ? Bản chất của " thiệt hại ” mà điều khoản này phải bao gồm là gì ? Liệu một pháp nhân có vi phạm quy định này để gây ra thiệt hại tài chính . hoặc các thiệt hại khác ít có thể định lượng được hoặc liên kết thông qua quan hệ nhân quả ( ví dụ : danh tiếng ) không ? Hơn nữa , “ tham gia vào các giao dịch điện tử có nghĩa là gì đối với điều khoản này ? Điều này có bao gồm các cá nhân đang gửi hướng dẫn hoặc thực hiện các giao dịch điện tử , hoặc các nền tảng điện tử nơi các giao dịch diễn ra không ? . Khuyến nghị : Làm rõ liệu các nguyên tắc trong Điều này có dẫn đến hậu quả trực tiếp ( hình phạt ) hay không . Nếu vi phạm quy định này dẫn đến bị phạt , hãy nêu rõ các hình phạt đó là gì . | Tiếp thu. Đã chỉnh sửa lại nội dung tại Điều 9 | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 8 | 1 | - Tại khoản 1, Điều 8, trang 6: Đề nghị điều chỉnh thành “Cản trở hoạt động hợp pháp, thực hiện hoặc hỗ trợ hoạt động bất hợp pháp về giao dịch điện tử”. | Tiếp thu. Đã chỉnh sửa lại nội dung tại Điều 9 | Quảng Ninh | |
| 8 | 2 | Tại khoản 2, Điều 8, trang 6: Đề nghị điều chỉnh thành “Lợi dụng hoạt động giao dịch điện tử gây phương hại đến chủ quyền, lợi ích quốc gia,.. | Tiếp thu. Đã chỉnh sửa lại nội dung tại Điều 9 | Quảng Ninh | |
| 8 | 3 | Đề nghị xem xét sửa “Tạo ra hoặc phát tán chương trình phần mềm làm rối loạn, thay đổi, phá hoại hệ thống điều hành…” thành “Tạo ra hoặc phát tán chương trình phần mềm, dữ liệu số làm rối loạn, thay đổi, phá hoại hệ thống điều hành …” vì việc phát tán dữ liệu cũng có thể gây tổn hại cho hệ thống; | Tiếp thu. Đã chỉnh sửa lại nội dung tại Điều 9 | Ngân hàng Nhà nước | |
| 8 | 4 | Đề nghị xem xét sửa “Tham gia các hoạt động giao dịch điện tử nhằm mục đích chiếm đoạt, lừa đảo người khác…” thành “Tổ chức, tạo, tham gia các hoạt động giao dịch điện tử …” vì các việc tạo ra và tổ chức các hoạt động giao dịch điện tử với mục đích xấu cũng phải được nghiêm cấm. | Tiếp thu. Đã chỉnh sửa lại nội dung tại Điều 9 | Ngân hàng Nhà nước | |
| 8 | 4 | - Tại khoản 4, Điều 8, trang 6: Đề nghị điều chỉnh thành “Thực hiện các hoạt động giao dịch điện tử nhằm mục đích lừa đảo, chiếm đoạt tài sản hoặc làm tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân” | Tiếp thu. Đã chỉnh sửa lại nội dung tại Điều 9 | Quảng Ninh | |
| 8 | 4 | Khoản 4 Điều 8 dự thảo quy định nghiêm cấm hành vi “Tham gia các hoạt động giao dịch điện tử nhằm mục đích chiếm đoạt, lừa đảo người khác để thu lợi bất chính hoặc làm tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân”. Cơ quan chủ trì soạn thảo nên cân nhắc, bổ sung cụm từ “bất hợp pháp” sau cụm từ “chiếm đoạt”, đồng thời làm rõ đối tượng bị chiếm đoạt (chiếm đoạt cái gì) và bỏ cụm từ “để thu lợi bất chính hoặc làm tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân” do hành vi lừa đảo, chiếm đoạt bất hợp pháp tài sản, quyền tài sản đều là hành vi cần bị nghiêm cấm mà không phụ thuộc vào hậu quả của những hành vi này. | Bảo lưu do Từ "Chiếm đoạt" nội hàm đã mang ý nghĩa là hành động trái phép, do đó không cần thiết bổ nghĩa thành "Chiếm đoạt bất hợp pháp". | Bộ VHTTDL | |
| 4 | 8 | Đề nghị xem lại định nghĩa về Tài khoản giao dịch điện tử. Tài khoản giao dịch nói chung là hình thức duy trì thông tin đăng ký của người dùng cho các lần giao dịch, không phải là công cụ hay phương tiện. | Tiếp thu. Đã cập nhật lại khái niệm tại Điều 4 | Bộ GDĐT | |
| 8 | 7 | Cần đưa ra những yêu cầu, điều kiện, quy định cụ thể về việc xác định trường hợp nào bị xác định là “di chuyển trái phép” thông điệp dữ liệu; các trường hợp không được thay đổi, xóa thông điệp dữ liệu | Tiếp thu. Đã chỉnh sửa lại nội dung tại Điều 9 | VNPT | |
| 8 | 9 | “Gian lận, mạo nhận, chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép chữ ký điện tử của người khác”. \* Đề nghị sửa đổi: “Gian lận, mạo nhận, chiếm đoạt hoặc sử dụng chữ ký điện tử của người khác”. | Tiếp thu. Đã chỉnh sửa lại nội dung tại Điều 9 | Tiền Giang | |
| 8 | 9 | Đề nghị sửa lại như sau:  9. Gian lận, mạo nhận, giả mạo, chiến đoạt, sử dụng trái phép tài khoản giao dịch điện tử hoặc sử dụng trái phép chữ ký điện tử của người khác Lý do: Trên môi trường điện tử, việc giả mạo hoặc dùng các biện pháp kỹ thuật để chiếm đoạt tài khoản giao dịch điện tử của người khác cần phải được coi là hành vi trái pháp luật và nghiêm cấm. | Tiếp thu. Đã chỉnh sửa lại nội dung tại Điều 9 | Viettel | |
| CHƯƠNG II THÔNG ĐIỆP DỮ LIỆU | | | | |
| Khác |  | Tại Mục 1 “Giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu” thuộc Chương II: Đề nghị xem xét, bổ sung quy định chi tiết về các điều kiện cụ thể, tường minh mà một thông điệp dữ liệu phải đáp ứng để được công nhận là một chứng cứ hợp pháp. Hiện tại, quy định tại mục 1 thuộc Chương II dự thảo Luật chưa xác định chưa rõ ràng vấn đề này. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Tổng Liên Đoàn Lao động Việt Nam | |
| 9 | Khác | Tiêu đề của Điều 9 là “Hình thức thể hiện và tạo lập, chuyển đổi thông điệp dữ liệu”, tuy nhiên, trong nội dung của Điều không nhắc đến việc “chuyển đổi thông điệp dữ liệu”. Đề nghị bổ sung nội dung quy định về “chuyển đổi thông điệp dữ liệu”. | Tiếp thu đã cập nhật lại nội dung này tại Điều 10 | Bộ Tài chính | |
| 9 | Khác | Tại Điều 9: đề nghị xem xét các thông điệp dữ liệu được nêu trong dự thảo Luật Giao dịch điện tử phải được xác thực rõ người gửi và nhận dữ liệu, không cần quản lý người tạo ra thông điệp dữ liệu. | Tiếp thu đã cập nhật lại nội dung này tại Điều 10 | Đà Nẵng | |
| 9 | 1 | Tại khoản 1 Điều 9 có quy định hình thức thể hiện và tạo lập, chuyển đổi thông điệp dữ liệu như sau “Thông điệp dữ liệu được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử, văn bản điện tử, tài liệu điện tử, chứng từ điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức tương tự khác”: Đề nghị bổ sung như sau: “Thông điệp dữ liệu được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử, văn bản điện tử, tài liệu điện tử, chứng từ điện tử, chứng thư điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức tương tự khác” (Lý do: khoản 1 Điều 17 dự thảo Luật có quy định “Chứng thư điện tử là thông điệp dữ liệu được phát hành bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền mà thông tin trong đó công nhận, chứng nhận tư cách pháp nhân, hành vi hợp pháp hoặc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của cá nhân hay tổ chức, hoặc chứng nhận cho một phương tiện, máy móc, thiết bị, sản phẩm, dịch vụ đáp ứng các tiêu chí, tiêu chuẩn nhất định theo quy định của pháp luật”). | Tiếp thu đã cập nhật lại nội dung này tại Điều 10 | Long An | |
| 10 | Khác | Điều 10 chưa thể hiện hết nội dung quy định về giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, trong khi Điều 11 cũng đề cập đến giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu. Do đó, đề nghị xem xét gộp nội dung 2 điều này thành 1 điều. | Tiếp thu. Đã hoàn thiện lại nội dung mới tại Điều 11 | Bộ Tài chính | |
| 10 | Khác | Về giá trị pháp lý của Thông điệp dữ liệu (Điều 10)  Cân nhắc xem xét một cách diễn đạt pháp lý rõ ràng, dễ hiểu hơn để đảm bảo cho quá trình thực thi của điều luật. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Viện HLKHXH | |
| 10 | Khác | Bổ sung 01 Điều quy định giá trị pháp lý cụ thể của thông điệp dữ liệu tương ứng với từng mức độ tin cậy (từ cấp độ 1 đến cấp độ 4) để tạo cơ sở cho việc áp dụng các thông điệp dữ liệu có các mức độ tin cậy trên vào thực tế. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Điều 11 | Bộ Quốc Phòng | |
| 10 | 1.2 | Khoản 1, Khoản 2 Điều 10: Quy định “Thông tin trong thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì thông tin đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu. Giá trị pháp lý thông điệp dữ liệu được xác định dựa trên mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu. Có 4 mức độ tin cậy của Thông điệp dữ liệu”. Do đó, đề nghị làm rõ có cơ quan/tổ chức nào xác định/xác nhận các cấp độ tin cậy của Thông điệp dữ liệu | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | BỘ KHĐT | |
| 10 | 1 | Tại khoản 1 Điều 10, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và viết lại như sau: “Thông tin trong thông điệp dữ liệu có giá trị pháp lý. Giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu được xác định dựa trên mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu”. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Bộ Quốc Phòng | |
| 10 | 2 | “Các mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu theo thứ tự từ thấp đến cao ...”, cần điều chỉnh, bổ sung cho đầy đủ, rõ nghĩa hơn, cụ thể: “Mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu có 4 cấp theo thứ tự từ thấp đến cao …”. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Cà Mau | |
| 10 | 2 | Điểm b và điểm c: Đề nghị sửa cụm từ “được chứng thực thông qua ít nhất một phương tiện điện tử độc lập như điện thoại, email” thành “được chứng thực thông qua ít nhất một phương tiện điện tử độc lập” vì điện thoại, email chưa bao hàm toàn bộ các phương tiện điện tử và khái niệm phương tiện điện tử đã được giải thích tại Điều 4. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Ngân hàng   Nhà nước | |
| 10 | 2 | Đề nghị xem xét không xếp hạng cấp độ tin cậy đối với thông điệp dữ liệu đáp ứng quy định tại điểm a khoản 2 “không có thông tin về người gửi hoặc tạo và không có khả năng xác minh, chứng thực được tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu”, vì thông điệp dữ liệu đáp ứng quy định này hoàn toàn không đáng tin cậy (ở bất cứ cấp độ nào). | Tiếp thu. Đã lược bỏ việc phân loại mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu và viết lại quy định giá trị pháp lý của Thông điệp dữ liệu như tại Điều 11 Dự thảo Luật. | Bộ Tài   chính | |
| 10 | 2 | Đề nghị rà soát quy định tại điểm b khoản 2 “Thông điệp dữ liệu không có thông tin hoặc có nhưng không được chứng thực về người gửi hoặc tạo và tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu được chứng thực thông qua ít nhất một phương tiện điện tử độc lập như điện thoại, email”, vì nếu thông điệp dữ liệu không có thông tin về người tạo thì không có điểm mốc để so sánh, xác định thông điệp dữ liệu có toàn vẹn hay không. Đề nghị xem xét không xếp hạng cấp độ tin cậy đối với thông điệp dữ liệu không có thông tin về người tạo. | Tiếp thu. Đã lược bỏ việc phân loại mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu. | Bộ Tài   chính | |
| 10 | 2 | Tại khoản 2 Điều 10 có quy định các mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu theo thứ tự từ thấp đến cao (ví dụ điểm b quy định: “Cấp 2: Thông điệp dữ liệu không có thông tin hoặc có nhưng không được chứng thực về người gửi hoặc tạo và tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu được chứng thực thông qua ít nhất một phương tiện điện tử độc lập như điện thoại, email”): Đề nghị nghiên cứu quy định thành các trường hợp cụ thể (gạch đầu dòng) để nội dung quy định rõ ràng, dễ hiểu hơn. | Tiếp thu. Đã lược bỏ việc phân loại mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu. | Long An | |
| 10 | 2 | Tại điểm b khoản 2 Điều 10 quy định “Cấp 2: Thông điệp dữ liệu không có thông tin hoặc có nhưng không được chứng thực về người gửi hoặc tạo và tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu được chứng thực thông qua ít nhất một phương tiện điện tử độc lập như điện thoại, email;”, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét để chỉnh sửa nội dung quy định “thông qua ít nhất một phương tiện điện tử độc lập như điện thoại, email” phù hợp; vì phương tiện được liệt kê được hiểu không đồng nhất giữa điện thoại (phương tiện) với email (phần mềm). Nếu hiểu cụ thể hơn thì các phương tiện điện tử có thể gồm: máy Fax, máy vi tính, laptop,… | Tiếp thu. Đã lược bỏ việc phân loại mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu. | Thừa Thiên Huế | |
| 10 | 2 | Đề nghị bổ sung việc phân loại mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu gắn với nội dung liên quan đến định danh và xác thực điện tử. | Tiếp thu một phần. Đã lược bỏ việc phân loại mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu. Việc gắn với mức độ tin cậy và định danh xác thực điện tử được quy định tại giá trị pháp lý của tài khoản giao dịch điện tử tại Điều 51,52,53 | Đà Nẵng | |
| 10 | 2 | Đề nghị đánh giá sự cần thiết phân loại 04 mức độ của thông điệp dữ liệu vi phạm vi quản lý chủ yếu của dự thảo Luật là thông điệp dữ liệu có mức độ tin cậy 3 và 4; các thông điệp dữ liệu có mức độ tin cậy 1 và 2 không đảm bảo tính xác thực, tính toàn vẹn và tính pháp lý. | Tiếp thu. Đã lược bỏ việc phân loại mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu. | Đà Nẵng | |
| 10 | 1.2 | Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định làm rõ giá trị pháp lý cụ thể của thông điệp dữ liệu tương ứng với từng cấp độ cụ thể của mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu, tạo cơ sở cho việc áp dụng các thông điệp dữ liệu dữ liệu trên thực tế. | Tiếp thu. Đã lược bỏ việc phân loại mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu. | Viettel | |
| 10 | 2 | Tại điểm c, đề nghị sửa lại như sau: Cấp 3: Thông điệp dữ liệu có thông tin được chứng thực về người gửi hoặc tạo và tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu được chứng thực thông qua ít nhất một phương tiện điện tử độc lập như điện thoại, email; Thông điệp dữ liệu có sự bảo đảm từ phía cá nhân, tổ chức cung cấp hạ tầng, phương tiện điện tử cho người gửi hoặc tạo thông điệp dữ liệu nhằm chứng thực cho việc kiểm soát được tính toàn vẹn của thông tin chứa trong thông điệp dữ liệu trong quá trình từ lúc khởi tạo, gửi và lưu trữ trên hệ thống thì được công nhận có mức độ tin cậy cấp 3 | Tiếp thu. Đã lược bỏ việc phân loại mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu. | Viettel | |
| ##### | Khác | Điều 10, Điều 11 và Điều 12 đều cùng chung ý nghĩa quy định về giá trị pháp lý của “Thông điệp dữ liệu". Vì vậy, đề nghị bộ phận soạn thảo xem xét quy định tại một Điều để tiện theo dõi, áp dụng. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam | |
| 11 | Khác | Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét việc sử dụng khái niệm “như văn bản” và “tương đương văn bản” tại Điều 11 và Điều 5 khoản 3 Dự thảo. Trường hợp các khái niệm này có ý nghĩa giống nhau đề nghị sử dụng thống nhất một thuật ngữ, trường hợp có ý nghĩa khác nhau đề nghị có giải thích cụ thể về ý nghĩa khác nhau của các khái niệm này. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Viettel | |
| 11 | Khác | Thông điệp dữ liệu hợp lệ như tài liệu Theo Điều 10 ( 2 ) ( c ) . Cấp độ 3 yêu cầu tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu được chứng nhận thông qua ít nhất một phương tiện điện tử độc lập như điện thoại hoặc email Nếu các thông điệp dữ liệu này là trao đổi email , thì nó cần được bảo mật bởi một tổ chức cung cấp cơ sở hạ tầng hoặc phương tiện điện tử để chứng thực sự kiểm soát tính toàn vẹn của thông tin chứa trong đó từ việc khởi tạo , gửi và lưu trữ trên hệ thống Một thông điệp dữ liệu được gửi qua Microsoft Outlook , Gmail của Google hoặc các nền tảng nhắn tin email phổ biến khác có đủ không ? Còn các tin nhắn khác trên các nền tảng mạng xã hội hoặc trang web của công ty thì sao ? Vui lòng cung cấp sự rõ ràng , vì “ thông tin bằng văn bản đã được giả định là bao gồm bất kỳ trường hợp nào trong số này và chứng thực kiểm soát tính toàn vẹn ” chính xác nghĩa là gì . Nếu bất kỳ nền tảng nhắn tin hoặc đăng bài trực tuyến hoặc nhà cung cấp dịch vụ nào cần cung cấp chứng thực chủ động về điểm này , thì điều này sẽ không thực té . Hơn nữa , có nhiều trường hợp thông điệp dữ liệu phải có giá trị như nhau mà không được cơ sở hoặc nhà cung cấp dịch vụ chứng nhận xác nhận . Điều này sẽ ảnh hưởng như thế nào đến các trường hợp email được lưu dưới dạng PDF ? Nếu một truy vấn hoặc cuộc trò chuyện xảy ra trên trang liên hệ của trang web , trò chuyện hoặc các phương tiện nhắn tin khác và email xác nhận hoặc hồ sơ được gửi đến người tham gia , thì điều đó có còn yêu cầu quy trình chứng nhận không?  Khuyến nghị : Làm rõ ý nghĩa của việc “ chứng thực việc kiểm soát tính toàn vẹn của thông tin có trong đó từ việc khởi tạo , gửi và lưu trữ trên hệ thống ". Chúng tôi khuyến nghị rằng việc sử dụng bất kỳ phần mềm , nền tảng trực tuyến hoặc dịch vụ Saas nào nên tự động đáp ứng yêu cầu này mà không yêu cầu bất kỳ hành động hoặc kiểm tra nào với tổ chức cung cấp cơ sở hạ tầng hoặc phương tiện điện tử | Tiếp thu. Đã lược bỏ việc phân loại mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu và viết lại quy định giá trị pháp lý của Thông điệp dữ liệu như tại Điều 11 Dự thảo Luật. | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 11 | Khác | Tại Điều 11: Đề nghị bỏ so sánh “công nhận hợp lệ như văn bản giấy” tại khoản 1 “Trường hợp pháp luật yêu cầu thông tin phải được thể hiện bằng văn bản thì thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu và công nhận hợp lệ như văn bản giấy nếu thông điệp dữ liệu đáp ứng yêu cầu mức độ tin cậy cấp 3 hoặc cấp 4”, do việc lấy “văn bản giấy” làm chuẩn mực gây cản trở các sáng kiến cải tiến áp dụng cho thông điệp dữ liệu (buộc thông điệp dữ liệu phải sao chép phương thức của văn bản giấy) và không còn phù hợp với bối cảnh của Chính phủ điện tử hiện nay và quá trình chuyển đổi số đang diễn ra (văn bản điện tử của cơ quan nhà nước được hình thành trong các hệ thống Quản lý văn bản điều hành đã trở nên nổi trội hơn rất nhiều so với văn bản giấy; nhiều loại giao dịch điện tử mới xuất hiện trong xã hội không liên quan hay căn cứ cách thức giao dịch bằng văn bản giấy). | Tiếp thu. Nội dung đã được điều chỉnh lại như tại Điều 12 Chương II về thông điệp dữ liệu. | Bộ Tài chính | |
| 11 | Khác | Điều 11 dự thảo Luật quy định: “Trường hợp pháp luật yêu cầu thông tin phải được thể hiện bằng văn bản thì thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu và công nhận hợp lệ như văn bản giấy nếu thông điệp dữ liệu đáp ứng yêu cầu mức độ tin cậy cấp 3 hoặc cấp 4”; khoản 3 Điều 33 dự thảo Luật quy định: “Chứng từ điện tử có giá trị pháp lý như văn bản giấy và/hoặc bản gốc khi đáp ứng yêu cầu về mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu quy định tại Điều 11 Luật này”.  Quy định này chỉ đúng với các giao dịch được thể hiện dưới hình thức thông thường, không có yêu cầu bắt buộc về hình thức. Đối với các giao dịch pháp luật quy định phải công chứng thì quy định này không phù hợp, mâu thuẫn với quy định của Luật Công chứng năm 2014. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo có phương án xử lý vấn đề này theo hướng có quy định loại trừ những trường hợp pháp luật quy định giao dịch phải được thể hiện dưới một hình thức nhất định (ví dụ: Hợp đồng phải được công chứng, chứng thực) thì phải tuân thủ hình thức đó. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Bộ Tư pháp | |
| 11 | 2 | Đề nghị sửa lại như sau: Thông điệp dữ liệu được sử dụng và có giá trị như bản chính văn bản giấy và/hoặc bản gốc văn bản, cho phép thay thế cho bản chính văn bản giấy và/hoặc bản gốc văn bản khi thông điệp dữ liệu đó đáp ứng được các điều kiện của thông điệp dữ liệu ở mức độ tin cậy cấp 4. Lý do: Trong Dự thảo Luật không có định nghĩa bản chính, bản gốc. Căn cứ theo Nghị định 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư có 02 định nghĩa về “Bản gốc văn bản” và “Bản chính văn bản giấy”. - “Bản gốc văn bản” là bản hoàn chỉnh về nội dung, thể thức văn bản, được người có thẩm quyền trực tiếp ký trên văn bản giấy hoặc ký số trên văn bản điện tử. - “Bản chính văn bản giấy” là bản hoàn chỉnh về nội dung, thể thức văn bản, được tạo từ bản có chữ ký trực tiếp của người có thẩm quyền. Do đó, đề xuất sửa đổi thuật ngữ tại quy định này để đảm bảo sự thống nhất giữa các văn bản pháp luật. | Tiếp thu. Đã điều chỉnh lại nội dung tại Điều 13. | Viettel | |
| 12 | Khác | Quy định chi tiết về các trường hợp thông điệp dữ liệu được sử dụng làm chứng cứ, bổ sung quy định về thông điệp dữ liệu có yếu tố nước ngoài | Tiếp thu một phần. Nội dung Luật hiện tại quy định các vấn đề chung liên quan đến thông điệp dữ liệu.  Việc Quy định chi tiết về các trường hợp thông điệp dữ liệu được sử dụng làm chứng cứ sẽ được cụ thể trong pháp luật chuyên ngành về tố tụng.  Đã tiếp thu bổ sung quy định về thông điệp dữ liệu có yếu tố nước ngoài tại Điều 12 Dự thảo Luật. | VNPT | |
| 12 | Khác | Về tên gọi của Điều khoản, cần sử dụng thống nhất là "Thông điệp dữ liệu” thay vì chỉ sử dụng từ “Thông điệp”.  Điều 12 Dự thảo quy định: “Thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị dùng làm chứng cử chỉ vì đó là một thông điệp dữ liệu" ,trong trường hợp này, Ban soạn thảo cần thống nhất sử dụng các thuật ngữ như “giá trị làm chứng cứ hay“ giá trị chứng cứ". | Tiếp thu. Đã cập nhật lại trong dự thảo. | Viện Hàn lâm KHXH | |
| 12 | Khác | Quy định về giá trị làm chứng cứ của thông điệp dữ liệu đề nghị cần quy định cụ thể về các trường hợp thông điệp dữ liệu được sử dụng làm chứng cứ, bổ sung quy định về thông điệp dữ liệu có yếu tố nước ngoài. | Tiếp thu một phần. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu.   Nội dung Luật hiện tại quy định các vấn đề chung liên quan đến thông điệp dữ liệu, việc thông điệp dữ liệu có yếu tố nước ngoài căn cứ theo tình hình thực tế để áp dụng các quy định tại Luật này. | BỘ KHĐT | |
| 12 | 1 | - Khoản 1, Điều 12: Xem xét lại sự cần thiết quy định tại Khoản này, do Khoản 2, 3 Điều này đã quy định Thông điệp dữ liệu có thể được dùng làm chứng cứ. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | BỘ KHĐT | |
| 12 | 1 | Khoản 1, Điều 12 và Khoản 1 Điều 10 trùng lặp nội dung “Thông tin trong thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì thông tin đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu”. | Tiếp thu. Đã lược bỏ nội dung bị trùng lặp | BỘ KHĐT | |
| 12 | 1 | Nghiên cứu bỏ khoản 1 Điều 12 vì các nội dung này đã được thể hiện tại khoản 1 Điều 10 và khoản 2 Điều 12. | Tiếp thu. | Bộ Quốc Phòng | |
| 11, 12 | Khác | - Tại Điều 11 (Thông điệp dữ liệu có giá trị như văn bản) và Điều 12 (Thông điệp có giá trị làm chứng cứ): Cần có điều khoản chuyển tiếp cho những thông điệp dữ liệu được tạo ra trước khi Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) có hiệu lực mà chưa đáp ứng được các mức độ tin cậy theo quy định tại Điều 10, Điều 11 dự thảo Luật. | Tiếp thu. Đã bổ sung quy định chung về điều khoản chuyển tiếp cho những nội dung mới quy định trong Luật sửa đổi tại Chương Điều khoản thi hành của Luật. | Bộ VHTTDL | |
| 12 | 2 | Khoản 2 xác định rằng: “Giá trị chứng cứ của thông điệp dữ liệu được xác định căn cứ vào độ tin cậy của cách thức khởi tạo, lưu trữ hoặc truyền gửi thông điệp dữ liệu; cách thức bảo đảm và duy trì tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu; cách thức xác định người khởi tạo và các yếu tố phù hợp khác”. Giá trị làm chứng cứ này có thể liên quan gì với các mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu đã quy định ở Điều 10 hay không. Nếu có thì có thể viện dẫn mức độ tin cậy tại Điều 10 để quy định về giá trị chứng cứ của thông điệp dữ liệu.   Hơn nữa, việc xác định một thông điệp dữ liệu là chứng cứ hay không còn chịu sự điều chỉnh của Luật Tố tụng Hình sự, Luật Tố tụng Dân sự. Điều 86 Bộ Luật Tố tụng Hình sự và Điều 93 Bộ luật Tố tụng Dân sự đều chỉ quy định về “Chứng cứ và các “Nguồn chứng cứ”. Do đó, Ban soạn thảo có thể cân nhắc để sử dụng lại các thuật ngữ trên nhằm đảm bảo cho tính thống nhất của hệ thống pháp luật. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Viện Hàn lâm KHXH | |
| 12 | 3 | - Khoản 3 quy định rằng “Thông điệp dữ liệu có mức độ tin cậy cấp 3 , cấp 4 mặc nhiên có giá trị chứng cử mà không cần phải trải qua quá trình chứng thực, xác minh”. Điều khoản này sẽ được giải thích như thế nào vì theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Bộ luật Tố tụng Dân sự, chứng cứ phải được thu thập theo trình tự, thủ tục nhất định, nghĩa là phải đảm bảo dấu hiệu hình thức của chứng cứ. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Viện Hàn lâm KHXH | |
| 12 | 3 | Khoản 3 Điều 12 dự thảo Luật (thông điệp có giá trị làm chứng cứ) quy định “Thông điệp dữ liệu có mức độ tin cậy cấp 3, cấp 4 mặc nhiên có giá trị chứng cứ mà không cần phải trải qua quá trình chứng thực, xác minh” là không hợp lý; bởi vì, theo quy định của khoản 1 Điều 108 Bộ luật Tố tụng hình sự mọi chứng cứ phải được kiểm tra, đánh giá để xác định tính hợp pháp, xác thực và liên quan đến vụ án; do vậy, đề nghị bỏ khoản 3 Điều 12 dự thảo Luật | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Bộ Công an | |
| 12 | 3 | Đề nghị bổ sung nội dung sau: Thông điệp dữ liệu có mức độ tin cậy cấp 3, cấp 4 mặc nhiên có giá trị chứng cứ mà không cần phải trải qua quá trình chứng thực, xác minh. Giá trị chứng cứ của thông điệp dữ liệu có mức độ tin cậy cấp 1, cấp 2 được xác định thông qua chứng thực, xác minh. Lý do: Dự thảo quy định có 4 cấp độ tin cậy nhưng không quy định cụ thể giá trị pháp lý của cấp độ tin cậy cấp 1 và cấp 2. Do đó đề nghị bổ sung để quy định được hoàn thiện, thống nhất. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Viettel | |
| 12 | 3 | Giá trị chứng cứ phải do cơ quan chức năng kết luận, do đó đề nghị sửa khoản 3 Điều 12 dự thảo như sau: “Thông điệp dữ liệu có mức độ tin cậy cấp 3, cấp 4 mặc nhiên có giá trị chứng cứ mà không cần phải trải qua quá trình chứng thực, xác minh trừ trường hợp có kết luận về việc không có giá trị chứng cứ của cơ quan có thẩm quyền”. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Phú Yên | |
| 13 |  | Rà soát, làm rõ trường hợp nào (ngoài cấp 3, 4) được công nhận có giá trị làm chứng cứ khi đã trải qua quá trình chứng thực, xác minh. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | BHXHVN | |
| 13 | 1 | Đề nghị bổ sung thêm điểm d về cho phép sử dụng nhiều thông điệp dữ liệu lưu trữ khác nhau để đảm bảo các điều kiện a, b, c bởi vì nhiều trường hợp trường hợp không thể kết xuất thông tin gốc ra một dạng lưu trữ có thể cùng lúc đảm bảo các điều kiện a, b, c (ví dụ trường hợp chịu các hạn chế về an toàn thông tin, hệ thống thông tin không hỗ trợ hoặc điều kiện trang thiết bị không cho phép). | Tiếp thu một phần. Đã điều chỉnh cập nhật lại nội dung này cho phù hợp với thực tiễn tại Điều 16 | Bộ GDĐT | |
| 13 | 1 | Điều 13 về lưu trữ thông điệp dữ liệu có thể bổ sung cụm từ: “truy xuất nguồn gốc” để phục vụ khả năng truy vết các giao dịch:  a) Thông điệp dữ liệu đáp ứng yêu cầu của tính khả dụng: nội dung, thông tin của thông điệp dữ liệu đó có thể truy cập và sử dụng được để tham chiếu, truy xuất nguồn khi cần thiết;  c) Thông điệp dữ liệu đó được lưu trữ theo một cách thức nhất định cho phép xác định nguồn gốc khởi tạo, nơi đến, ngày giờ gửi hoặc nhận thông điệp dữ liệu đảm bảo khả năng có thể truy xuất nguồn gốc | Tiếp thu. Đã điều chỉnh cập nhật bổ sung cum từ “đảm bảo khả năng có thể truy xuất nguồn gốc của thông điệp dữ liệu” tại Điều 16 | Hội mã số mã vạch, VCCI | |
| 13 | 2 | Đề nghị sửa lại như sau: Trường hợp văn bản, chứng từ, hồ sơ, tài liệu hoặc thông tin được lưu trữ dưới dạng thông điệp dữ liệu thì thời hạn lưu trữ đối với thông điệp dữ liệu tuân thủ theo quy định pháp luật chuyên ngành tương tự đối với văn bản, chứng từ, hồ sơ, tài liệu hoặc thông tin đó. Lý do: Làm rõ quy định liên quan tới thời hạn lưu trữ của các văn bản, chứng từ, hồ sơ, tài liệu hoặc thông tin được lưu trữ dưới dạng thông điệp dữ liệu | Tiếp thu. Nội dung đã được điều chỉnh lại tại Điều 16 | Viettel | |
| 13 | 2 | FPT xin đề nghị Quý Bộ làm rõ thời hạn lưu trữ của thông điệp dữ liệu. Vì các dịch vụ ký kết tài liệu điện tử hiện đang được cung cấp bởi các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin. Thời gian lưu trữ nên là sự thỏa thuận giữa Doanh nghiệp và khách hàng, miễn sao đảm bảo tính toàn vẹn và hợp lệ của thông điệp dữ liệu. | Tiếp thu. Nội dung đã được điều chỉnh lại tại Điều 16 | FPTIS | |
| 13 | 3 | 3. Đề nghị rà soát, bổ sung giải thích một số từ ngữ đã được quy định trong dự thảo Luật để đảm bảo rõ ràng, thống nhất, dễ hiểu khi áp dụng trong thực tiễn (ví dụ: “mức độ 4” tại khoản 3 Điều 13, “trọng tài” tại khoản 2 Điều 39,…). | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Bộ TN&MT | |
| 13 | 3 | Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu làm rõ việc số hóa văn bản đã được nhiều bên ký kết thì cần đảm bảo yêu cầu tin cậy mức độ 4 từ bên lưu trữ hay tất cả các bên ký kết văn bản. Ví dụ: Hợp đồng được ký bởi hai bên, vậy khi số hóa hợp đồng chỉ cần bên lưu trữ ký số hay cả hai bên cần ký số lại hợp đồng này. | Tiếp thu. Đã bổ sung quy định cụ thể về Chuyển đổi hình thức từ văn bản giấy sang thông điệp dữ liệu và quy định về Chuyển đổi hình thức từ văn bản giấy sang chứng thư điện tử tại Điều 15 Chương II về thông điệp dữ liệu | Viettel | |
| 13 | 4 | 4. Khoản 4 Điều 13, khoản 3 Điều 33, đề nghị xem xét để bảo đảm thống nhất, đồng bộ với pháp luật chuyên ngành (ví dụ quy định pháp luật về đất đai trong thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). | Tiếp thu. Trên cơ sở nội dung chung của Luật GDĐT khi áp dụng với các lĩnh vực chuyên ngành sẽ do cơ quan quản lý chuyên ngành quy định cụ thể. | Bộ TN&MT | |
| 14 | Khác | Đề nghị chuyển quy định khái niệm “Người khởi tạo thông điệp dữ liệu” (tại Điều 14 Mục 2 Chương II) sang Mục 1 Chương II để làm rõ cho các nội dung được quy định tại “Điều 10. Giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu”. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Long An | |
| 14 | Khác | Đề nghị xem xét dùng một từ ngữ thống nhất từ các thuật ngữ “tạo ra”, “tạo lập”, “khởi tạo” nếu không ảnh hưởng đến nội dung Dự thảo; | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Ngân hàng Nhà nước | |
| 14 | 1 | điểm b, ý 1: Đề nghị sửa lại thành: “Một thông điệp  dữ liệu được xem là của người khởi tạo nếu thông điệp dữ liệu đó được gửi bởi người khởi tạo thông điệp dữ liệu, hoặc được gửi bởi một hệ thống thông tin được thiết lập để hoạt động tự động do người khởi tạo thông điệp chỉ định”.  do: Theo Điều 14, khoản 1, điểm a: “Người đại diện hợp pháp” mới chỉ là một trong các đối tượng của “Người khởi tạo thông điệp dữ liệu”.. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Thanh Hoá | |
| 14 | 1 | Đề nghị bổ sung cụm từ bôi đậm: Một thông điệp dữ liệu được xem là của người khởi tạo nếu thông điệp dữ liệu đó được gửi bởi người khởi tạo hoặc người đại diện hợp pháp của người khởi tạo gửi hoặc được gửi bởi một hệ thống thông tin được thiết lập để hoạt động tự động do người khởi tạo chỉ định | Bảo lưu. Quy định về thể thức văn bản quy phạm pháp luật không cho phép việc định dạng này. | VNPT | |
| 14 | 1 | Đề nghị sửa lại điểm b như sau: Trong trường hợp các bên tham gia giao dịch không có thỏa thuận khác thì việc xác định người khởi tạo một thông điệp dữ liệu được quy định như sau:   - Một thông điệp dữ liệu được xem là của người khởi tạo nếu thông điệp dữ liệu đó được gửi bởi người khởi tạo hoặc người đại diện, người được ủy quyền hợp pháp của người khởi tạo gửi hoặc được gửi bởi một hệ thống thông tin được thiết lập để hoạt động tự động do người khởi tạo chỉ định;   Lý do: Bổ sung đề phù hợp với quy định về người khởi tạo tại điểm a | Tiếp thu. | Viettel | |
| 14 | 1 | Tại điểm b, khoản 1 Điều 14: “Kể từ thời điểm người nhận biết có lỗi kỹ thuật trong việc truyền gửi thông điệp dữ liệu hoặc đã sử dụng các phương pháp xác minh lỗi được người khởi tạo chấp thuận; hoặc nhận được thông báo từ người khởi tạo rằng thông điệp dữ liệu được gửi ra không phải do ý chí của người khởi tạo thì không áp dụng quy định tại điểm a và điểm b khoản này”.  Đề nghị sửa thành: “Kể từ thời điểm người nhận biết có lỗi kỹ thuật trong việc truyền gửi thông điệp dữ liệu hoặc đã sử dụng các phương pháp xác minh lỗi được người khởi tạo chấp thuận; hoặc nhận được thông báo từ người khởi tạo rằng thông điệp dữ liệu được gửi ra không phải do ý chí của người khởi tạo thì người khởi tạo không phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông điệp dữ liệu đó.” | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Đài Truyền hình Việt Nam | |
| 14 | 2 | Khoản 2, Điểm a: Đề nghị rà soát lại khái niệm “rời khỏi” trong đoạn “Thời điểm gửi một thông điệp dữ liệu là thời điểm thông điệp dữ liệu đó rời khỏi hệ thống thông tin” vì trong một số trường hợp thông điệp điện tử được gửi đi nhưng không bắt buộc phải rời khởi hệ thống. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Ngân hàng Nhà nước | |
| 14 | 2 | Đề nghị: Cơ quan soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh lại định nghĩa về địa điểm gửi thông điệp dữ liệu thay vì là địa chỉ vật lý thành hệ thống thông tin được thiết lập để hoạt động tự động do người khởi tạo chỉ định. Lý do: Việc gửi thông điệp dữ liệu khác với việc gửi văn bản giấy theo địa điểm vật lý nên việc quy định địa điểm gửi thông điệp dữ liệu như dự thảo chưa phù hợp, dữ liệu phải được gửi từ hệ thống thông tin, không phải được gửi từ địa điểm vật lý. | Tiếp thu một phần.  Đã bố cục lại nội dung và chỉnh sửa tại Điều 18 Dự thảo Luật. Nội dung này giữ nguyên như Luật GDĐT 2005 và Luật Mẫu 1996.  Thực tiễn trong hoạt động thương mại điện tử và pháp luật về giao dịch điện tử của các quốc gia trên thế giới đều quy định như dự thảo Luật.  Mục đích của việc quy định như dự thảo nhằm hướng tới một địa điểm mang tính pháp lý gắn với pháp nhân hoặc thể nhân | Viettel | |
| 14 | 2 | Điểm b) Địa điểm gửi thông điệp dữ liệu là trụ sở của người khởi tạo nếu người khởi tạo là cơ quan, tổ chức hoặc nơi cư trú của người khởi tạo nếu người khởi tạo là cá nhân. Trường hợp người khởi tạo có nhiều trụ sở thì địa điểm gửi thông điệp dữ liệu là trụ sở có mối liên hề mặt thiết nhất với giao dịch.  FPT xin đề nghị Quỷ Bộ xem xét lại địa điểm này. Các giao dịch khởi tạo hay kỹ kết điện tử được thực hiện trên không gian interet, không phụ thuộc vào một địa điểm cố định nào. Thực tế là người sử dụng có thể thực hiện việc khởi tạo, gửi, ký kết thông điệp tại bất cứ đâu miễn là có truy cập được vào mạng Internet. Vì vậy, FPT đề xuất không nên quy định cụ thể theo địa điểm vật lý như trong dự thảo. | Tiếp thu một phần.  Thực tiễn trong hoạt động thương mại điện tử và pháp luật về giao dịch điện tử của các quốc gia trên thế giới đều quy định như dự thảo Luật. Mục đích của việc quy định như dự thảo nhằm hướng tới một địa điểm mang tính pháp lý gắn với pháp nhân hoặc thể nhân | FPTIS | |
| 14 | 2 | Tại điểm b, khoản 2, Điều 14 có nội dung “Địa điểm gửi thông điệp dữ liệu là trụ sở của người khởi tạo nếu người khởi tạo là cơ quan, tổ chức hoặc nơi cư trú của người khởi tạo nếu người khởi tạo là cá nhân. Trường hợp người khởi tạo có nhiều trụ sở thì địa điểm gửi thông điệp dữ liệu là trụ sở có mỗi liên hệ mật thiết nhất với giao dịch".  Cần quy định cụ thể hơn về địa điểm gửi thông điệp dữ liệu; đề nghị làm rõ tiêu chí xác định “trụ sở có mối liên hệ mật thiết nhất với giao dịch”. | Tiếp thu một phần.  Thực tiễn trong hoạt động thương mại điện tử và pháp luật về giao dịch điện tử của các quốc gia trên thế giới đều quy định như dự thảo Luật. Mục đích của việc quy định như dự thảo nhằm hướng tới một địa điểm mang tính pháp lý gắn với pháp nhân hoặc thể nhân | Đà Nẵng | |
| 14 | 2 | Tại Điểm a, Khoản 2, Điều 14, Mục 2, Chương II: Do các cá nhân có quyền được sử dụng thiết bị di động để giao dịch nên người khởi tạo có thể ở nhiều địa điểm khác nhau (có thể là các địa điểm mới không có mối liên hệ mật thiết nhất với giao dịch), chỉ cần đảm bảo người khởi tạo được xác thực là chủ tài khoản, hoặc được ủy quyền theo đúng quy định của pháp luật. | Tiếp thu một phần.  Đã bố cục lại nội dung và chỉnh sửa tại Điều 18 Dự thảo Luật. Nội dung này giữ nguyên như Luật GDĐT 2005 và Luật Mẫu 1996.  Thực tiễn trong hoạt động thương mại điện tử và pháp luật về giao dịch điện tử của các quốc gia trên thế giới đều quy định như dự thảo Luật.  Mục đích của việc quy định như dự thảo nhằm hướng tới một địa điểm mang tính pháp lý gắn với pháp nhân hoặc thể nhân | Bộ Nội vụ | |
| 14 | 2 | Tại điểm b, khoản 2, Điều 14, “Trường hợp người khởi tạo có nhiều trụ sở thì địa điểm gửi thông điệp dữ liệu là trụ sở có mối liên hệ mật thiết nhất với giao dịch”, nội dung diễn đạt “có mối liên hệ mật thiết nhất” còn chưa cụ thể, cần diễn đạt rõ ràng cụ thể hơn để có cơ sở xác định địa điểm gửi thông điệp dữ liệu | Tiếp thu một phần.   Thực tiễn trong hoạt động thương mại điện tử và pháp luật về giao dịch điện tử của các quốc gia trên thế giới đều quy định như dự thảo Luật.  Mục đích của việc quy định như dự thảo nhằm hướng tới một địa điểm mang tính pháp lý gắn với pháp nhân hoặc thể nhân | Cà Mau | |
| 14.15 |  | Tại Điều 14, 15: Đề nghị bỏ quy định về “Địa điểm gửi thông điệp dữ liệu” tại điểm b khoản 2 Điều 14; bỏ quy định về “Địa điểm nhận thông điệp dữ liệu” tại điểm b khoản 2 Điều 15 vì không phù hợp áp dụng cho giao dịch điện tử. | Tiếp thu một phần.   Thực tiễn trong hoạt động thương mại điện tử và pháp luật về giao dịch điện tử của các quốc gia trên thế giới đều quy định như dự thảo Luật.  Mục đích của việc quy định như dự thảo nhằm hướng tới một địa điểm mang tính pháp lý gắn với pháp nhân hoặc thể nhân | Bộ Tài chính | |
| 14.15 | 2 | Dự thảo cần làm rõ các tiêu chí cụ thể để xác định một trụ sở được coi là “có mối liên hệ mật thiết nhất với giao dịch”. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | VNPT | |
| 14.15 | Khác | Điều 14, Điều 15: Quy định về địa điểm nhận thông điệp dữ liệu “Địa điểm nhận thông điệp dữ liệu là trụ sở của người nhận nếu người nhận là cơ quan, tổ chức hoặc nơi cư trú thường xuyên của người nhận nếu người nhận là cá nhân”. Trường hợp người nhận có nhiều trụ sở thì địa điểm nhận thông điệp dữ liệu là trụ sở có mối liên hệ mật thiết nhất với giao dịch”. Việc gửi nhận thông điệp dữ liệu thông qua các hệ thống thông tin/ứng dụng được thực hiện trên môi trường mạng nên có thể được thực hiện ở bất kỳ địa điểm nào, không chỉ giới hạn tại trụ sở, nơi cư trú thường xuyên. Do đó, quy định địa điểm là trụ sở là chưa phù hợp, cần sửa đổi | Tiếp thu một phần.  Đã bố cục lại nội dung và chỉnh sửa tại Điều 18 Dự thảo Luật. Nội dung này giữ nguyên như Luật GDĐT 2005 và Luật Mẫu 1996.  Thực tiễn trong hoạt động thương mại điện tử và pháp luật về giao dịch điện tử của các quốc gia trên thế giới đều quy định như dự thảo Luật.  Mục đích của việc quy định như dự thảo nhằm hướng tới một địa điểm mang tính pháp lý gắn với pháp nhân hoặc thể nhân | BỘ KHĐT | |
| 15 |  | Đề nghị bổ sung quy định đối với trường hợp các bên tham gia giao dịch có thoả thuận khác để đảm bảo quy định đầy đủ đối với tất cả các tình huống phát sinh trong thực tế, nếu đã có quy định khác thì đề nghị viện dẫn cụ thể (khoản 1, 2). | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Bộ NN&PTNT | |
| 15 | 1 | Đề nghị sửa lại điểm a như sau: Người nhận thông điệp dữ liệu là cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc người đại diện, người được ủy quyền hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó được chỉ định nhận thông điệp dữ liệu từ người khởi tạo thông điệp dữ liệu nhưng không bao hàm người trung gian chuyển thông điệp dữ liệu đó. Lý do: Sửa đổi định nghĩa cho tương ứng với định nghĩa của Người khởi tạo thông điệp dữ liệu. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Viettel | |
| 15 | 1b,2a | Hai quy định này đang trùng nhau ở việc quy định Trong trường hợp các bên tham gia giao dịch không có thoả thuận khác thì: Người nhận được xem là đã nhận được thông điệp dữ liệu nếu thông điệp dữ liệu được nhập vào hệ thống thông tin do người đó chỉ định. Tuy nhiên, điểm b khoản 1 quy định thêm một điều kiện là “thông điệp dữ liệu đó có thể truy cập được” còn điểm b khoản 2 lại không quy định điều kiện này. Đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét, quy định thống nhất về nội dung này. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Viettel | |
| 15 | 2 | Đề nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh lại định nghĩa về địa điểm nhận thông điệp dữ liệu thay vì là địa chỉ vật lý thành hệ thống thông tin được thiết lập để hoạt động tự động do người nhận chỉ định. Lý do: Việc nhận thông điệp dữ liệu khác với việc nhận văn bản giấy theo địa điểm vật lý nên việc quy định địa điểm nhận thông điệp dữ liệu như dự thảo chưa phù hợp, dữ liệu phải được nhận tại hệ thống thông tin, không phải được nhận tại địa điểm vật lý. | Tiếp thu một phần.  Đã bố cục lại nội dung và chỉnh sửa tại Điều 18 Dự thảo Luật. Nội dung này giữ nguyên như Luật GDĐT 2005 và Luật Mẫu 1996.  Thực tiễn trong hoạt động thương mại điện tử và pháp luật về giao dịch điện tử của các quốc gia trên thế giới đều quy định như dự thảo Luật.  Mục đích của việc quy định như dự thảo nhằm hướng tới một địa điểm mang tính pháp lý gắn với pháp nhân hoặc thể nhân | Viettel | |
| 15 | 2 | Tại điểm b, FPT đề nghị Quý Bộ xem xét lại điểm này như góp ý ở điều 14 khoản 2 điểm b ở trên. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Bộ Công an | |
| 17,18,19 | Khác | Điều 17, 18, 19 đều có nội dung quy định về giá trị pháp lý của chứng thư điện tử (khoản 2 và 3 của Điều 17, Điều 18, khoản 2 Điều 19) . Đề nghị xem xét cấu trúc lại nội dung của 3 Điều này, đưa các quy định liên quan đến giá trị pháp lý của chứng thư điện tử vào trong 1 Điều. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Bộ Tài chính | |
| 17 | 1 | Đưa vào Điều 4, Giải thích từ ngữ | Tiếp thu. | VNPT | |
| 17 | 1 | Tại đoạn 2 Khoản 1 Điều 17, Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, thay thế cụm từ “chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ” thành cách gọi chung là “chứng nhận” trong các Điều 17, 18 và 19 | Tiếp thu một phần. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Bà Rịa  Vũng Tàu | |
| 17 | 2 | Sửa thành "Chứng thư điện tử có thể thay thế giấy chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ bản giấy nếu bản chứng thư điện tử số hóa đáp ứng các điều kiện sau:" | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | VNPT | |
| 17 | 2 | Tại Điều 17, khoản 2, điểm b, đề nghị sửa lại nội dung: “…Việc yêu cầu chứng thư điện tử đáp ứng mức độ tin cậy cấp 3 hay cập 4 tuân thủ theo quy định pháp luật chuyên ngành về loại chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ”. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Gia Lai | |
| 18 | khác | Tại Điều 18. Giá trị pháp lý và công nhận hợp pháp của chứng thư điện tử:  Đề nghị nghiên cứu, bổ sung trường hợp giá trị của chúng thư điện tử sẽ bị vô hiệu hay vẫn có giá trị khi đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thư bị giải thể, phá sản, không còn hoạt động. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Đà Nẵng | |
| 18 | khác | Đề nghị xem xét diễn đạt quy định tại khoản 1, 4 theo hướng khẳng định đảm bảo công khai, minh bạch: “Chứng thư điện tử được công nhận giá trị pháp lý, hiệu lực, khả năng sử dụng, thực thi như các văn bản giấy khác,...”. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Bộ NN&PTNT | |
| 18 | 1 | Sửa thành "Chứng thư điện tử có giá trị pháp lý, có hiệu lực và khả năng sử dụng, thực thi " | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | VNPT | |
| 18 | 2 | Khoản 2 Điều 18 quy định “Trong trường hợp pháp luật quy định thông tin phải ở dạng văn bản, thì yêu cầu đó được đáp ứng ...”, cần điều chỉnh lại thành “Trong trường hợp pháp luật quy định thông tin phải ở dạng văn bản, thì quy định đó được đáp ứng ...” cho phù hợp. | Tiếp thu. Đã cập nhật lại nội dung tại Điều 14. | Cà   Mau | |
| 18 | 2 | Đề nghị bỏ quy định tại khoản 2 Điều 18 “Trong trường hợp pháp luật quy định thông tin phải ở dạng văn bản, thì yêu cầu đó được đáp ứng đối với chứng thư điện tử nếu thông tin trong đó có thể truy cập được để có thể sử dụng cho việc làm sở cứ sau này”, do không thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 17 “Trong trường hợp pháp luật yêu cầu về giấy chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ thì có thể sử dụng chứng thư điện tử nếu đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:…”. | Tiếp thu. Đã cập nhật lại nội dung tại Điều 14. | Bộ Tài chính | |
| 18 | 2 | Tại Điều 12 của Dự thảo Luật đã có quy định về điều kiện để thông điệp dữ liệu có giá trị làm chứng cứ - tức là có giá trị sử dụng trong giải quyết các vụ việc theo quy định của pháp luật. Trong khi đó, tại khoản 2 Điều 18 của Dự thảo Luật quy định về việc chứng thư điện tử (là thông điệp dữ liệu được phát hành bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền) có giá trị tương đương văn bản “nếu thông tin trong đó có thể truy cập được để có thể sử dụng cho việc làm sở cứ sau này”. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, làm rõ nội dung “làm sở cứ” của chứng thư điện tử có đồng nhất với khái niệm “làm chứng cứ” tại Điều 12 hay không? Đồng thời cần cụ thể hóa điều kiện, tiêu chí để chứng thư điện tử được sử dụng “làm sở cứ”. | Tiếp thu. Đã cập nhật lại nội dung tại Điều 14. | Viettel | |
| 18 | 2 | Tại khoản 2, Điều 18 có quy định “Trong trường hợp pháp luật quy định thông tin phải ở dạng văn bản, thì yêu cầu đó được đáp ứng đối với chứng thư điện tử nếu thông tin trong đó có thể truy cập được để có thể sử dụng cho việc làm sở cứ sau này”: Đề nghị điều chỉnh như sau “Trong trường hợp pháp luật quy định thông tin phải ở dạng văn bản, thì yêu cầu đó được đáp ứng đối với chứng thư điện tử nếu thông tin trong đó có thể truy cập được để có thể sử dụng cho việc làm căn cứ sau này”. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Long An | |
| 18 | 2 | Tại khoản 2 Điều 18 quy định “Trong trường hợp pháp luật quy định thông tin phải ở dạng văn bản, thì yêu cầu đó được đáp ứng đối với chứng thư điện tử nếu thông tin trong đó có thể truy cập được để có thể sử dụng cho việc làm sở cứ sau này.”, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét quy định cụm từ “làm sở cứ” cho phù hợp. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Thừa Thiên Huế | |
| 18 | 3 | Đề nghị bỏ hoặc chuyển nội dung khoản 3 Điều 18 “Trong trường hợp pháp luật quy định hoặc yêu cầu về chữ ký của cá nhân, tổ chức, thì chứng thư điện tử đáp ứng yêu cầu đó nếu được ký bằng chữ ký số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số hợp pháp cấp hoặc một phương pháp chứng thực tin cậy được sử dụng để xác định cá nhân, tổ chức ký và xác nhận sự chấp thuận của cá nhân, tổ chức đó đối với thông tin có trong chứng thư điện tử” thành quy định áp dụng chung cho tất cả các loại thông điệp dữ liệu có yêu cầu về chữ ký, không chỉ áp dụng riêng cho chứng thư điện tử. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Bộ Tài   chính | |
| 18 | 3 | Dự thảo quy định trong trường hợp pháp luật yêu cầu về chữ ký của cá nhân, tổ chức thì chứng thư điện tử chi được coi là đáp ứng yêu cầu đó nếu được ký bằng chữ ký số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp pháp cấp... Thực tế hiện nay đang có rất nhiều hình thức chữ ký điện tử được sử dụng như chữ ký được tạo bằng phần mềm trên thư điện tử, gắn hình ảnh được scan của chữ ký tay, ký trên màn hình interactive, mã OTP, sinh trắc học.... Về nguyên tắc việc chấp nhận hình thức chữ ký điện tử nào là do các bên tham gia giao dịch tự thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm về tính an toàn. Do đó quy định tại Khoản này đã hạn chế các hình thức chữ ký điện tử đang được sử dụng trên thực tế, đề nghị điều chỉnh lại quy định theo hướng chấp thuận nhiều hình thức chữ ký điện tử khác nha | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | MSB, VCCI | |
| 19 | 1 | Khuyến nghị quy định chi tiết về nội dung này | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | VNPT | |
| 19 | 1 | Đề nghị bổ sung đối tượng áp dụng quy định tại khoản 1 về “điều kiện đảm bảo tin cậy khi sử dụng, lưu trữ chứng thư điện tử”, vì nội dung quy định này chỉ phù hợp áp dụng cho các cơ quan, tổ chức có chức năng cung cấp chứng thư điện tử hoặc công chứng; không phù hợp áp dụng cho đối tượng được cấp chứng thư điện tử. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Bộ Tài   chính | |
| 19 | 1 | Gạch đầu dòng thứ tư, khoản 1 Điều 19: “chứng thu” thành “chứng thư”. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Long An | |
| 19 | 1 | Nội dung tại gạch đầu dòng thứ 4, khoản 1, Điều 19, dự thảo Luật: “Đảm bảo tính toàn vẹn của chứng thu điện tử”. Đề nghị sửa lại: “Đảm bảo tính toàn vẹn của chứng thư điện tử”. | Tiếp thu. Nội dung đã được bố cục và điều chỉnh lại để phù hợp với thực tiễn hơn tại Chương II về thông điệp dữ liệu. | Tiền Giang | |
| 19 | 1 | Tại khoản 1 Điều 19: đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa bố cục văn bản thống nhất theo điều, khoản, điểm. | Tiếp thu. | Thừa Thiên Huế | |
| 19 | 1 | đề nghị sửa nội dung “Đảm bảo tính toàn vẹn của chứng thư điện tử” thành “Đảm bảo tính toàn vẹn và xác thực của chứng thư điện tử”. | Tiếp thu. | Bộ TT&PTNT | |
| 19 | 3 | Sửa thành: Trường hợp thay đổi hình thức giấy sang điện tử chỉ có hiệu lực khi có thông tin khẳng định việc thay đổi hình thức được thêm vào chứng thư điện tử | Tiếp thu. Đã hoàn thiện lại nội dung này tại Điều 15. | VNPT | |
| 19 | 4 | Đề nghị bỏ quy định tại khoản 4 “Sau khi phát hành chứng thư điện tử phù hợp với khoản 2 và khoản 3 Điều này chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ sẽ không còn hiệu lực hoặc giá trị”; bỏ quy định tại khoản 7 “Sau khi phát hành chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ có thể chuyển giao phù hợp với khoản 5 và khoản 6 Điều này chứng thư điện tử sẽ không còn hiệu lực hoặc giá trị”. Do các quy định này dẫn đến việc tại một thời điểm chỉ tồn tại một hình thức của chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ (dưới dạng văn bản hoặc dưới dạng chứng thư điện tử), gây khó khăn trong giao dịch trên thực tế. | Tiếp thu một phần.   Đã quy định lại nội dung chuyển đổi hình thức giữa văn bản giấy và thông điệp dữ liệu tại Điều 15 | Bộ Tài   chính | |
| 19 | 4 | chứng thư điện tử và chứng từ giấy có thể cùng tồn tại, không nên bắt buộc khi có chứng từ điện tử thì phải chấm dứt hiệu lực của chúng từ giấy, do đó đề nghị bỏ nội dung của Khoản này | Tiếp thu. Đã hoàn thiện lại nội dung này tại Điều 15. | MSB, VCCI | |
| 19 | 4 | Đề nghị cân nhắc bỏ khoản 4 quy định các chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ sẽ không còn hiệu lực và giá trị sau khi phát hành chứng thư điện tử vì giấy chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ có thể vẫn cần được lưu trong hồ sơ của cá nhân, cơ quan, tổ chức; trong một số trường hợp, khi pháp luật yêu cầu bản giấy để đối chiếu, kiểm tra thì bản giấy vẫn phải có giá trị pháp lý | Tiếp thu một phần.   Đã quy định lại nội dung chuyển đổi hình thức giữa văn bản giấy và thông điệp dữ liệu tại Điều 15 | Bộ Công an | |
| 19 | 4 | Khuyến nghị bỏ quy định này do Khoản 4 Điều 19 đã công nhận hiệu lực của việc chuyển đổi của chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ từ hình thức giấy sang hình thức điện tử nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19. Đồng thời, việc chuyển đổi như vậy sẽ làm chấm dứt hiệu lực hoặc giá trị của các chứng nhận, văn bản, chứng chỉ bản giấy. Tuy nhiên trên thực tế, việc chuyển đổi số trong giao dịch điện tử có thể không đồng nhất, dẫn đến việc có cơ quan, tổ chức yêu cầu chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ ở bản giấy và có nơi thì yêu cầu các hồ sơ đó ở bản điện tử. Điều này sẽ gây khó khăn cho người sử dụng chứng | Tiếp thu.  Đã quy định cụ thể trường hợp “chứng thư điện tử mà pháp luật cho phép chuyển nhượng quyền sở hữu và chỉ được tồn tại dưới một hình thức duy nhất” thì mới yêu cầu chấm dứt hiệu lực của bản gốc khi chuyển đổi hình thức tại Khoản 3 Điều 24 dự thảo Luật. | VNPT | |
| 19 | 4 | Tại khoản 4, Điều 19 có nội dung “Sau khi phát hành chứng thư điện tử phù hợp với khoản 2 và khoản Điều này chứng nhận, văn bằng, chúng chỉ sẽ không còn hiệu lực hoặc giá trị.”, nội dung này mâu thuẫn với khoản 3, Điều 5 “ Các kết quả của giao dịch điện tử được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu, đáp ứng các yêu cầu về mức độ tin cậy theo quy định của pháp luật thì được thừa nhận có giá trị pháp lý tương đương văn bản”. Đề nghị xem xét, điều chỉnh. | Tiếp thu. Đã hoàn thiện lại nội dung này tại Điều 15. | Đà Nẵng | |
| 19 | 4 | đề nghị cân nhắc quy định này để bảo đảm phù hợp với các luật khác có quy định về hình thức của văn bản giấy nhằm đáp ứng yêu cầu, điều kiện đặc thù nào đó, theo đó quy định chứng thư điện tử phù hợp với khoản 2, khoản 3 Điều này có giá trị sử dụng như văn bản giấy hoặc có giá trị thay thế văn bản giấy trong những trường hợp nhất định (mất, hỏng…). | Tiếp thu. Đã hoàn thiện lại nội dung này tại Điều 15. | Bộ Tư pháp | |
| 19 | 4.7 | Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh theo hướng: Chứng thư điện tử có thể được chuyển đổi sang thành Giấy chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ bản giấy hoặc ngược lại. Sau khi chuyển đổi thì các văn bản này có giá trị như nhau. Lý do: Để đảm bảo đa dạng các hình thức văn bản (văn bản giấy + văn bản điện tử) được chấp nhận, tạo thuận lợi cho các bên trong quá trình giao dịch. | Tiếp thu. Đã hoàn thiện lại nội dung này tại Điều 15. | Viettel | |
| 19 | 5,6,2007 | Cần làm rõ hiệu lực của văn bằng, chứng chỉ khi chuyển đổi hình thức lưu giữ từ văn bản sang giấy và ngược lại. Và cách thức kiểm tra được giá trị chứng thư điện tử trên môi trường điện tử | Tiếp thu. Đã hoàn thiện lại nội dung này tại Điều 15. | VNPT | |
| 19 | 5 | Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định cụ thể về phương pháp tin cậy để thay đổi từ hình thức điện tử sang giấy trong Luật hoặc giao nhiệm vụ hướng dẫn cụ thể về phương pháp này trong văn bản dưới luật. | Tiếp thu. Đã hoàn thiện lại nội dung này tại Điều 15. | Viettel | |
| 19 | 6 | Tại khoản 6 quy định về việc thay đổi hình thức điện tử sang giấy có hiệu lực: Đề nghị quy định rõ cách thức, thẩm quyền thêm thông tin, khẳng định việc thay đổi hình thức vào giấy chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ. | Tiếp thu. Đã hoàn thiện lại nội dung này tại Điều 15. | Bộ Công an | |
| 19 | 7 | Tại khoản 7 Điều 19 quy định “Sau khi phát hành chứng thư điện tử phù hợp với khoản 2 và khoản 3 Điều này chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ sẽ không còn hiệu lực hoặc giá trị.”, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa súc tích, lôgic nội dung quy định. Theo đó, nội dung này có thể quy định như sau:  Sau khi phát hành chứng thư điện tử phù hợp với khoản 2 và khoản 3 Điều này thì chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ sẽ không còn hiệu lực hoặc giá trị.  Tương tự, đề nghị thực hiện rà soát nội dung của dự thảo để chỉnh sửa phù hợp với nội dung như trên. | Tiếp thu. Đã hoàn thiện lại nội dung này tại Điều 15. | Thừa Thiên Huế | |
| 19 | 7 | Tại khoản 7 quy định về hiệu lực và giá trị của chứng thư điện tử: Đề nghị cân nhắc việc quy định về việc hết hiệu lực và giá trị của chứng thư điện tử; bởi vì, sau khi chuyển đổi chứng thư điện tử sang bản giấy thì hồ sơ chứng thư điện tử vẫn được lưu trữ tại cơ quan, tổ chức cấp. Đồng thời, việc quy định chứng thư điện tử hết hiệu lực và giá trị sẽ gây khó khăn trong trường hợp yêu cầu cấp lại bản giấy chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ khi bản chính bị mất, thất lạc hoặc hư hỏng. | Tiếp thu. Đã hoàn thiện lại nội dung này tại Điều 15. | Bộ Công an | |
| CHƯƠNG III TÀI KHOẢN GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ | | | | |
| Khác |  | Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình cụ thể thêm việc phân loại các loại tài khoản giao dịch điện tử (bao gồm tài khoản giao dịch điện tử “thông thường” và tài khoản giao dịch điện tử đảm bảo) đảm bảo phân định rõ tránh chồng chéo đối với dịch vụ, hoạt động về định danh, danh tính số do Bộ Công an đang triển khai thực hiện. | Tiếp thu và điều chỉnh lý phân loại tài khoản giao dịch điện tử tại Điều 53 của dự thảo | Bộ Công Thương | |
| Khác |  | Đề nghị bổ sung các nội dung quản lý đối với các tổ chức có quyền thu thập, xử lý các dữ liệu về Tài khoản giao dịch điện tử, bao gồm quyền cấp phát, cập nhật, thu hồi, hủy bỏ. | Bảo lưuquan điểm do Tài khoản giao dịch điện tử không thực hiện các nội dung như tài khoản định nên không thu thập dữ liệu về định danh | Bộ GDĐT | |
| 21 | 1 | Dự thảo quy định chỉ tài khoản giao dịch bảo đảm mới đáp ứng yêu cầu của pháp luật về chứng minh thông tin giao dịch trong khi đó Điều 22, Khoản 2 Dự thảo quy định hoạt động cung cấp dịch vụ về tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm là hoạt động kinh doanh có điều kiện. Quy định này đã hạn chế các hình thức giao dịch điện tử phổ biến ví dụ như qua hộp thư điện tử (email)… vì thực tế từng doanh nghiệp đều có thể tự tạo tài khoản thư điện tử cho mình, đây không phải là một hoạt động kinh doanh có điều kiện của doanh nghiệp. Do đó đềnghị bỏ điều kiện “tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm” và thay bằng “tài khoản giao dịch điện tử | Tiếp thu và điều chỉnh theo ý kiến là tài khoản giao dịch điện tử | MSB, VCCI | |
| 21 | 2 | Khoản 2, Điều 21 giải thích về Tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm, Khoản 8, Điều 4 giải thích về Tài khoản giao dịch điện tử. Đề nghị xem xét nội dung giải thích về Tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm về Điều 4. Giải thích từ ngữ để phù hợp với cấu trúc của Dự thảo. | Tiếp thu và chỉnh lý 2 khái niệm, hiện tại dự thảo chỉ quy định về tài khoản giao dịch điện tử | Ngân hàng Nhà nước | |
| 22 | Khác | - Đề nghị xác định loại hình kinh doanh của dịch vụ về tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm. | Tiếp thu điều chỉnh tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm thành tài khoản giao dịch điện tử và không phải là loại hình kinh doanh | GRAB, VCCI | |
| 22 | Khác | Đề nghị làm rõ hoạt động tạo lập, duy trì, lưu trữ thông tin giao dịch người dùng của các website, ứng dụng di động phục vụ giao dịch điện tử có phải là cung cấp dịch vụ về tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm hay không. | Tiếp thu điều chỉnh không còn hoạt đọng tạo lập, duy trì, lưu trữ thông tin giao dịch | GRAB, VCCI | |
| 22 | Khác | Dịch vụ tài khoản giao dịch điện tử được bảo mật Hiện nay , hầu hết các trang web , ứng dụng di động trực tuyến đều có chức năng tạo và lưu trữ thông tin giao dịch của người dùng . Đối với nhiều website thương mại điện tử và ứng dụng đi động , hầu hết các tài khoản giao dịch điện tử đều đáp ứng các điều kiện của tài khoản giao dịch điện tử có bảo đảm . Việc xây dựng và vận hành hệ thống tài khoản điện tử , tài khoản điện tử bảo đảm cho người dùng và người bán chủ yếu nhằm phục vụ quá trình giao dịch thông thường của các bên trên website , ứng dụng di động , hỗ trợ các bên tự quản lý , theo dõi lịch sử giao dịch của mình . Như vậy , trong trường hợp người tham gia có tài khoản điện tử yêu cầu trang web . hoặc ứng dụng di động cung cấp thông tin giao dịch cho bên thứ ba thì các trang web và ứng dụng di động này có được coi là cung cấp dịch vụ trên tài khoản giao dịch bảo đảm không và tuân thủ các điều kiện và trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ liên quan đến tài khoản giao dịch điện tử được bảo đảm hay không ? Dự thảo Luật không xác định loại hình dịch vụ cho tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm này ( dịch vụ hoặc hoạt động trung gian hoặc hoạt động khác ) , và loại hình này hiện chưa được quy định trong Danh mục ngành , nghề . Đầu tư kinh doanh có điều kiện theo Luật Đầu tư . Khuyến nghị : Xác định loại hình kinh doanh của dịch vụ tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm và làm rõ hoạt động tạo , duy trì , lưu trữ thông tin giao dịch của người dùng trên các website , ứng dụng di động phục vụ giao dịch điện tử có cung cấp dịch vụ tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm hay không. | Tiếp thu  Đã rà soát và chỉnh sửa các quy định về tài khoản giao dịch tại các điều 52, 53 của dự thảo Nghị định. | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 22 | 1.2 | Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu xây dựng chính sách theo hướng cho phép các giao dịch thông qua các tài khoản giao dịch điện tử thông thường có thể được chứng thực bởi bên thứ ba, nếu đảm bảo các yêu cầu của tài khoản giao dịch điện tử bảo đảo thì nội dung giao dịch có thể được chứng minh thay vì quy định bắt buộc chỉ có thực hiện giao dịch thông qua tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm ngay từ đầu. | Tiếp thu điều chỉnh lược bỏ nội dung dịch vụ này | Viettel | |
| 22 | 3 | Tổ chức đủ điều kiện cung cấp dịch vụ về tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm khi được cấp Giấy chứng nhận của Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định tại Điều 41 của Luật này | Tiếp thu điều chỉnh lược bỏ nội dung dịch vụ này | VNPT | |
| 22 | 3 | Khoản 3 Điều 22 quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ về tài khoản giao dịch điện tử và viện dẫn áp dụng điều kiện quy định tại Điều 41 về giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ tin cậy, dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử. Như vậy, điều kiện cung cấp dịch vụ về tài khoản giao dịch điện tử và điều kiện cung cấp dịch vụ tin cậy, dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử là giống nhau, vậy việc phân biệt các dịch vụ này nhằm mục đích gì, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu làm rõ. | Tiếp thu điều chỉnh, tài khoản giao dịch điện tử hiện không cần tổ chức cung cấp dịch vụ, các bên tham gia dịch tự lựa chọn loại tài khoản phù hợp với nhu cầu tại Điều 53 | Bộ Tư pháp | |
| 22 | 3 | Điều 41 Dự thảo quy định về Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ tin cậy, dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử. Tuy nhiên, dịch vụ về tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm lại không thuộc một trong các dịch vụ dịch vụ tin cậy, dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 40 Dự thảo. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh lại Điều 40 bao gồm cả dịch vụ về tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm hoặc bổ sung quy định riêng về điều kiện cung cấp dịch vụ này. | Tiếp thu điều chỉnh lược bỏ nội dung dịch vụ này | Viettel | |
| 22 | 4 | Kiến nghị bỏ nội dung này do Trích dẫn sai điều luật. Tuy nhiên nội dung về quyền trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ về tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm đã được quy định tại Điều 26 nên không cần nhắc lại ở đây | Tiếp thu điều chỉnh lược bỏ nội dung dịch vụ này | VNPT | |
| 22 | 4 | Điều 39 không có khoản 6, đồng thời Điều 39 quy định về Hợp đồng điện tử và Hợp đồng điện tử mẫu. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét dẫn chiếu lại đúng điều khoản phù hợp với quan điểm soạn thảo | Tiếp thu và điều chỉnh thảm chiếu về nội dung trên | Viettel | |
| 22 | 4 | Đề nghị rà soát, sửa đổi nội dung dẫn chiếu khoản 4 Điều 22 vì Điều 39 dự thảo Luật không có khoản 6. | Tiếp thu và thực hiện rà soát, đồng nhất về dẫn chiếu trong toàn bộ dự thảo | Bộ Quốc Phòng | |
| 22 | 4 | Tại khoản 4 Điều 22 dự thảo Luật quy định: “Trách nhiệm tổ chức cung cấp dịch vụ về tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm quy định tại khoản 6 Điều 39 Luật này”. Tuy nhiên nghiên cứu quy định tại Điều 39 dự thảo Luật quy định về hợp đồng điện tử và hợp đồng điện tử mẫu chỉ quy định khoản 1 và khoản 2 (không có khoản 6) đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu rà soát để chỉnh sửa cho phù hợp. | Tiếp thu điều chỉnh lược bỏ nội dung dịch vụ này | Quảng Ninh | |
| 23 | Khác | Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung, làm rõ phạm vi các thông tin nào phải bảo mật trong các thông tin liên quan đến tài khoản giao dịch điện tử, để dễ dàng xác định và áp dụng trên thực tế. | Tiếp thu điều chỉnh lược bỏ nội dung dịch vụ này | Viettel | |
| 23 | Khác | Đây là một điều khoản bảo mật mang tính tuyệt đối và nên có thêm những ngoại lệ phù hợp phố biển trong một số trường hợp bảo mật cụ thể . Ví dụ , tổ chức cùng các nhẫn viên , quản lí , và giám sát ) thường tiết lộ thông tin một trong các trường hợp sau : Với sự đồng ý của khách hàng hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng với khách hàng . • Cho đại diện của khách hàng trong các thủ tục chứng thực di chúc , • Cho các luật sư , kế toán , kiểm toán viên và các cố vấn về tuân thủ, rủi ra hoặc chuyên môn của tổ chức . Cho các cơ quan chức năng : Căn cứ lệnh tòa án thủ tục phá sản hoặc các khiếu nại pháp lý khác . Tuân thủ pháp luật ; Trường hợp sáp nhập , mua lại , tái cơ cấu ; Yêu cầu bảo hiểm ; Đánh giá mức độ tín nhiệm ; Việc tiết lộ chỉ liên quan đến việc thực hiện các chức năng hoạt động của đơn vị được thuê ngoài ; Gửi người kiểm soát dữ liệu ( hoặc dựa trên hướng dẫn của người kiểm soát dữ liệu ) trong trường hợp dữ liệu giao dịch điện tử cấu thành dữ liệu cá nhân Khuyến nghị : Bao gồm các trường hợp ngoại lệ rõ ràng dựa trên các danh mục được đề xuất của chúng tôi. | Tiếp thu  Đã rà soát và chỉnh sửa các quy định về tài khoản giao dịch tại các điều 52, 53 của dự thảo Nghị định. | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 23 | 1 | Điều 23, khoản 1 kiến nghị sửa thành: “Các cá nhân thuộc tổ chức thực hiện việc tạo lập, lưu trữ tài khoản giao dịch điện tử không được tiết lộ trái phép các thông tin của tài khoản giao dịch điện tử.” | Tiếp thu điều chỉnh lược bỏ nội dung dịch vụ này | Bộ Ngoại giao | |
| 23 | 3 | Quy định “Tổ chức tạo lập, lưu trữ tài khoản giao dịch điện tử không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản giao dịch điện tử cho tổ chức, cá nhân khác”. Quy định này làm hạn chế việc hợp tác, liên kết của các doanh nghiệp, trong việc sử dụng chung định danh điện tử. Do đó, đề nghị xem xét, quy định cho phù hợp. | Tiếp thu điều chỉnh, tài khoản giao dịch điện tử hiện không cần tổ chức cung cấp dịch vụ, các bên tham gia dịch tự lựa chọn loại tài khoản phù hợp với nhu cầu tại Điều 53 | BỘ KHĐT | |
| 24 | Khác | Tại Điều 24, đề nghị rà soát và thống nhất cách đặt tên gọi bằng tiếng Anh của “Nền tảng chia sẻ nội dung số trực tuyến” và “Nền tảng cung cấp ứng dụng số”, bên cạnh đó, cân nhắc thay đổi cách gọi “apps store” dành cho “Nền tảng cung cấp ứng dụng số” vì dễ gây nhầm lẫn với Nền tảng ứng dụng cho các thiết bị chạy trên hệ điều hành iOS - App store. | Đề nghị bên nền tảng giải trình nội dung này | Bộ GTVT | |
| 24 | Khác | Tại Điều 24: Đề nghị xem xét sửa “cơ sở dữ liệu dự phòng” thành “hệ thống dự phòng”, do việc dự phòng cần được yêu cầu đối với cả mức ứng dụng, không chỉ mức cơ sở dữ liệu. | Tiếp thu điều chỉnh, tài khoản giao dịch điện tử hiện không cần tổ chức cung cấp dịch vụ, các bên tham gia dịch tự lựa chọn loại tài khoản phù hợp với nhu cầu tại Điều 53 | Bộ Tài chính | |
| 24 | Khác | Đề nghị xem xét lại tính khả thi của quy định này. Do việc đảm bảo có cơ sở dữ liệu dự phòng cũng chưa đủ để đảm bảo dịch vụ tài khoản được đảm bảo hoạt động an toàn và liên tục. | Tiếp thu điều chỉnh, tài khoản giao dịch điện tử hiện không cần tổ chức cung cấp dịch vụ, các bên tham gia dịch tự lựa chọn loại tài khoản phù hợp với nhu cầu tại Điều 53 | BỘ KHĐT | |
| 24 | Khác | Sao lưu dữ liệu được định nghĩa như thế nào ? Điều này có luôn luôn là yêu cầu bắt buộc ? Đa phần các công ty đều có cơ sở dữ liệu để duy trì liên tục việc kinh doanh , tuy nhiên không phải tất cả các thông tin đều được sao lưu . Các điều khoản quy định về việc sao lưu như thế nào ? Các điều khoản này nên được quy định sớm nhất có thể để nhận phản hồi về việc liệu các quy định này có tính hợp lí và phù hợp với thực tế hay không , dựa trên các điều khoản chi tiết của điều luật . Lấy ví dụ , nếu việc sao lưu cần được áp dụng đối với toàn bộ cơ sở dữ liệu , dựa trên thời gian thực tế hoặc trong 24 giờ , trong phạm vi quốc gia , .... điều này có thể thiếu tính hợp lí . Việc sao lưu cơ sở dữ liệu cần dựa trên các đánh giá nội bộ của tổ chức dựa trên các yếu tố cần thiết để duy trì hoạt động kinh doanh liên tục và khắc phục thảm họa.  Khuyến nghị : Giải thích cụ thể các yêu cầu này để các tổ chức lựa chọn đánh giá và thiết lập việc sao lưu cơ sở dữ liệu để đảm bảo việc kinh doanh liên tục và hệ thống khắc phục sau thảm họa . Tất cả các quy định liên quan cần được làm rõ trong Dự thảo luật thay vì được đưa ra sau này. |  | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 24 | 2 | Việc xây dựng cơ sở dữ liệu dự phòng của tổ chức tạo lập, lưu trữ tài khoản giao dịch điện tử thực hiện theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông  FPT đề nghị Quý Bộ cần làm rõ hơn các quy định về Cơ sở dữ liệu dự phòng, vì hiện nay. Bộ TTTT chưa có quy định cụ thể nào cho vấn đề này | Tiếp thu điều chỉnh, tài khoản giao dịch điện tử hiện không cần tổ chức cung cấp dịch vụ, các bên tham gia dịch tự lựa chọn loại tài khoản phù hợp với nhu cầu tại Điều 53 | FPTIS | |
| 25 | 1 | Sửa thành :"Chủ tài khoản giao dịch điện tử có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm trong việc cung cấp hoặc để lộ lọt thông tin tài khoản giao dịch điện tử”." | Tiếp thu điều chỉnh lược bỏ nội dung dịch vụ này | VNPT | |
| 25 | 1 | Đề nghị quy định chi tiết các “hành vi vi phạm trong việc cung cấp thông tin tài khoản giao dịch điện tử” | Tiếp thu điều chỉnh lược bỏ nội dung dịch vụ này | BỘ KHĐT | |
| 25 | 2 | Tại khoản 2 Điều 25 có quy định “Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giao dịch điện tử phải chịu trách nhiệm về tài khoản giao dịch điện tử của mình trên khi thực hiện giao dịch trên môi trường điện tử”: Đề nghị điều chỉnh như sau “Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giao dịch điện tử phải chịu trách nhiệm về tài khoản giao dịch điện tử của mình trong khi thực hiện giao dịch trên môi trường điện tử”. | Tiếp thu điều chỉnh lược bỏ nội dung dịch vụ này | Long An | |
| 25 | 2 | Dự thảo cần bỏ từ “trên” trước cụm từ “khi thực hiện giao dịch”. Cụ thể: “2. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giao dịch điện tử phải chịu trách nhiệm về tài khoản giao dịch điện tử của mình khi thực hiện giao dịch trên môi trường điện tử”. | Tiếp thu điều chỉnh lược bỏ nội dung dịch vụ này | Cao Bằng | |
| 25 | 2 | Sửa thành: "Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giao dịch điện tử phải chịu trách nhiệm về tài khoản giao dịch điện tử của mình khi thực hiện giao dịch trên môi trường điện tử." | Tiếp thu điều chỉnh lược bỏ nội dung dịch vụ này | VNPT | |
| 25 | 2 | Tại Điều 25, khoản 2: Đề nghị bỏ từ “trên”, sửa lại thành: “Tổ chức, cá  nhân tham gia hoạt động giao dịch điện tử phải chịu trách nhiệm về tài khoản  giao dịch điện tử của mình khi thực hiện giao dịch trên môi trường điện tử”. Vì  từ “trên” không có nghĩa trong câu | Tiếp thu điều chỉnh lược bỏ nội dung dịch vụ này | Thanh Hoá | |
| 25 | 5 | Khoản 5: “xác thực điện tử” là điều kiện bắt buộc để thực hiện giao dịch điện tử. Trong Dự thảo, Thuật ngữ “xác thực điện tử” đã được sử dụng tại Khoản 5, Điều 25 và Điều 78, do đó đề nghị bổ sung giải thích thuật ngữ “xác thực điện tử” tại Điều 4. Giải thích từ ngữ; | Tiếp thu điều chỉnh bổ sung xác thực điện tử vào nội dung của Tài khoản định danh điện tử Tại Điều 52 | Ngân hàng Nhà nước | |
| 25 | 5 | Đề nghị làm rõ sự khác nhau giữa “phương tiện xác thực” và “phương tiện chứng nhận” quy định tại khoản 5. | Tiếp thu: Đã viết loại và loại bỏ hai nội dung trong ý kiến | Bộ Tài chính | |
| 25 | 6 | Tại khoản 6 dự thảo quy định “Đối với tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm, thông báo ngay cho khi mất kiểm soát phương tiện chứng nhận hoặc phát hiện có hành vi sử dụng trái phép tài khoản giao dịch của mình hoặc lý do khác có thể gây mất an toàn” là chưa rõ nghĩa. Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định cụ thể việc thông báo cho đơn vị nào trong trường hợp tài khoản giao dịch điện tử bị mất kiểm soát phương tiện chứng nhận | Cơ quan chủ trì soạn thảo đã loại bỏ yêu cầu cấp phép nên không còn quyền và trách nhiệm và tổ chức cung cấp dịch vụ, cũng không còn quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ | Cao | |
| 25 | 6 | Đề nghị bổ sung và làm rõ đối tượng có trách nhiệm nhận thông báo của chủ tài khoản trong quy định này. | Cơ quan chủ trì soạn thảo đã loại bỏ yêu cầu cấp phép nên không còn quyền và trách nhiệm và tổ chức cung cấp dịch vụ, cũng không còn quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ | VNPT | |
| 25 | 6 | Về quyền và trách nhiệm của chủ tài khoản giao dịch điện tử (khoản 6 Điều 25), đề nghị chỉnh lý thành: “Đối với tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm, thông báo ngay cho tổ chức cung cấp dịch vụ về tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm khi mất kiểm soát phương tiện chứng nhận hoặc phát hiện có hành vi sử dụng trái phép tài khoản giao dịch của mình hoặc lý do khác có thể gây mất an toàn” để bảo đảm phù hợp với khoản 3 Điều 26 dự thảo Luật. | Cơ quan chủ trì soạn thảo đã loại bỏ yêu cầu cấp phép nên không còn quyền và trách nhiệm và tổ chức cung cấp dịch vụ, cũng không còn quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ | Bộ Tư pháp | |
| 25 | 6 | Tại khoản 6 Điều 25, đề nghị ban soạn thảo bổ sung đầu mối tiếp nhận thông tin khi chủ tài khoản mất kiểm soát phương tiện chứng nhận hoặc phát hiện có hành vi sử dụng trái phép tài khoản giao dịch của mình hoặc lý do khác, cụ thể như sau:  "6. Đối với tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm, thông báo ngay cho bên cung cấp dịch vụ khi mất kiểm soát phương tiện chứng nhận hoặc phát hiện có hành vi sử dụng trái phép tài khoản giao dịch của mình hoặc lý do khác có thể gây mất an toàn." | Cơ quan chủ trì soạn thảo đã loại bỏ yêu cầu cấp phép nên không còn quyền và trách nhiệm và tổ chức cung cấp dịch vụ, cũng không còn quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ | Bộ Giao thông Vận tải | |
| 25 | 6 | Tại Điều 25, khoản 6: Đề nghị thêm cụm từ “tổ chức cung cấp dịch vụ về tài khoản giao dịch bảo đảm” và sửa lại thành: “Đối với tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm, thông báo ngay cho tổ chức cung cấp dịch vụ về tài khoản giao dịch bảo đảm khi mất kiểm soát phương tiện chứng nhận hoặc phát hiện có hành vi sử dụng trái phép tài khoản giao dịch của mình hoặc lý do khác có thể gây mất an toàn”.  Lý do: Cần chỉ rõ việc thông báo cho tổ chức cung cấp dịch vụ về tài khoản giao dịch bảo đảm, vì tại Điều 26, khoản 3, quy định: Tổ chức cung cấp dịch vụ về tài khoản giao dịch bảo đảm có trách nhiệm: “Bảo đảm kênh tiếp nhận thông tin và việc sử dụng dịch vụ của chủ thể tài khoản giao dịch điện tử là liên tục 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần” | Cơ quan chủ trì soạn thảo đã loại bỏ yêu cầu cấp phép nên không còn quyền và trách nhiệm và tổ chức cung cấp dịch vụ, cũng không còn quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ | Thanh Hoá | |
| 25 | 6 | Tại khoản 6 Điều 25 có quy định “6. Đối với tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm, thông báo ngay cho khi mất kiểm soát phương tiện chứng nhận hoặc phát hiện có hành vi sử dụng trái phép tài khoản giao dịch của mình hoặc lý do khác có thể gây mất an toàn.”: Đề nghị rà soát, bổ sung nội dung như sau“6. Đối với tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm, thông báo ngay cho tổ chức cung cấp dịch vụ về tài khoản giao dịch bảo đảm khi mất kiểm soát phương tiện chứng nhận hoặc phát hiện có hành vi sử dụng trái phép tài khoản giao dịch của mình hoặc lý do khác có thể gây mất an toàn.” | Cơ quan chủ trì soạn thảo đã loại bỏ yêu cầu cấp phép nên không còn quyền và trách nhiệm và tổ chức cung cấp dịch vụ, cũng không còn quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ | Long An | |
| 25 | 6 | Khoản 6 Điều 25: dự thảo quy định “Đối với tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm, thông báo ngay cho khi mất kiểm soát phương tiện chứng nhận hoặc phát hiện có hành vi sử dụng trái phép tài khoản giao dịch của mình hoặc lý do khác có thể gây mất an toàn", đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, bổ sung đối tượng nhận thông báo. | Cơ quan chủ trì soạn thảo đã loại bỏ yêu cầu cấp phép nên không còn quyền và trách nhiệm và tổ chức cung cấp dịch vụ, cũng không còn quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ | Lạng Sơn | |
| 25 | 6 | Tại khoản 6 Điều 25 quy định “Đối với tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm, thông báo ngay cho khi mất kiểm soát phương tiện chứng nhận hoặc phát hiện có hành vi sử dụng trái phép tài khoản giao dịch của mình hoặc lý do khác có thể gây mất an toàn.”, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định nội dung rõ ràng, súc tích; vì thuật ngữ “…thông báo ngay cho….” chưa rõ ràng và khó xác định thời gian. | Cơ quan chủ trì soạn thảo đã loại bỏ yêu cầu cấp phép nên không còn quyền và trách nhiệm và tổ chức cung cấp dịch vụ, cũng không còn quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ | Thừa Thiên Huế | |
| 25 | 6 | Đề nghị điều chỉnh thành “Đối với tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm, thông báo ngay cho tổ chức tạo lập, cung cấp dịch vụ về tài khoản giao dịch điện tử khi mất kiểm soát...”. | Cơ quan chủ trì soạn thảo đã loại bỏ yêu cầu cấp phép nên không còn quyền và trách nhiệm và tổ chức cung cấp dịch vụ, cũng không còn quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ | Quảng Ninh | |
| 25 | 6 | Điều 25 – Quyền và trách nhiệm của chủ tài khoản thực hiện giao dịch điện tử Điều luật này khá mơ hồ và thiếu nhiều thông tin quan trọng . Ví dụ , tại khoản 6 , ai là người cần được thông báo ? Khi nào cần được thông báo ? “ Mất kiểm soát có nghĩa là gi ? Điều này có nhiều điểm tương đồng với các điều khoản quy định về việc vi phạm quyền tự do cá nhân , nơi các quy định này phù hợp hơn . Nếu như điều khoản này không bị loại bỏ , nó cần bổ sung thêm các thông tin liên quan đến người nhận , thời gian nhận , các yêu cầu quan trọng liên quan đến việc báo cáo , ngưỡng mất kiểm soát hoặc sử dụng trái phép ( Ví dụ trong hoàn cảnh nào thì chủ tài khoản thực hiện giao dịch điện tử có khả năng cao bị thiệt hai ) mà có tác dụng cảnh cáo .. Khuyến nghị : Loại bỏ hoặc sửa đổi khoản này | Tiếp thu điều chỉnh lược bỏ nội dung dịch vụ này | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 25 | 2 | Đề nghị rà soát lỗi dư chữ, dẫn đến quy định không rõ nghĩa tại khoản 2 Điều 25 “Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giao dịch điện tử phải chịu trách nhiệm về tài khoản giao dịch điện tử của mình trên khi thực hiện giao dịch trên môi trường điện tử”, dư chữ “trên”. | Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát và chỉnh lý lỗi chính tả | Đaklak | |
| 26 | Khác | Đề nghị điều chỉnh thành “Quyền và trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ về tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm”. | Cơ quan chủ trì soạn thảo đã loại bỏ yêu cầu cấp phép nên không còn quyền và trách nhiệm và tổ chức cung cấp dịch vụ, cũng không còn quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ | Quảng Ninh | |
| 26 | Khác | Đề nghị sửa lại như sau: Điều 26 Quyền và trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ về tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm Lý do: Đảm bảo sử dụng thống nhất thuật ngữ trong văn bản. | Cơ quan chủ trì soạn thảo đã loại bỏ yêu cầu cấp phép nên không còn quyền và trách nhiệm và tổ chức cung cấp dịch vụ, cũng không còn quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ | Viettel | |
| 26 | Khác | Đề nghị bổ sung trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ về tài khoản giao dịch bảo đảm khi tiết lộ thông tin của khách hàng. | Cơ quan chủ trì soạn thảo đã loại bỏ yêu cầu cấp phép nên không còn quyền và trách nhiệm và tổ chức cung cấp dịch vụ, cũng không còn quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ | Bộ NN&PTNT | |
| 26 | Khác | Điều 26 – Quyền và nghĩa vụ của chủ tài khoản thực hiện thanh toán trực tuyến Dịch vụ thường xuyên 24/7 có thể coi là bất khả thi đối với phần lớn thiết bị điện tử . Phải có các quy định về ngoại lệ cho việc bảo trì định kì và bất chợt . Không phải tất cả dịch vụ đều thường trực toàn thời gian , và một số có những lúc ngừng hoạt động.  Khuyến nghị : Quy định rằng chủ tài khoản thực hiện thanh toán trực tuyến cần được thông báo về tình trạng hoạt động của dịch vụ , bao gồm cả thời gian bảo trì | Tiếp thu điều chỉnh lược bỏ nội dung dịch vụ này | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 26 | 6 | Đề nghị sửa lại như sau: Lưu thông tin liên quan đến tài khoản giao dịch điện tử để đảm bảo các thông tin này có thể truy cập và sử dụng tại Việt Nam trong tối thiểu 05 năm hoặc một thời hạn khác theo quy định pháp luật chuyên ngành kể từ ngày thu hồi tài khoản giao dịch điện tử. Lý do: - Đối với việc lưu trữ thông tin tại Việt Nam, đề nghị không quy định bắt buộc dữ liệu chỉ được lưu trữ tại Việt Nam. Do hiện nay các dịch vụ cloud rất phát triển, địa điểm vật lý của phần cứng lưu trữ thông tin có thể ở ngoài lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, quy định nên mở theo hướng chỉ cần đảm bảo dữ liệu có thể truy xuất từ Việt Nam. - Về thời gian lưu trữ dữ liệu cần bổ sung như đề xuất để tránh xung đột với các quy định khác của pháp luật về thời hạn lưu trữ thông tin. | Tiếp thu, điều chỉnh các mức độ tin cậy của tài khoản giao dịch điện tử áp dụng các mức độ đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, do đó nội dung lưu trữ sẽ theo quy định về an toàn thông tin | Viettel | |
| 26 | 8 | Đề nghị bổ sung thêm khoản 8 tại Điều 26 như sau:“Có quyền tự quản lý, vận hành hệ thống và ban hành chính sách dịch vụ nhằm cung cấp dịch vụ về tài khoản giao dịch bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan”. | Tiếp thu, điều chỉnh các mức độ tin cậy của tài khoản giao dịch điện tử áp dụng các mức độ đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, do đó nội dung lưu trữ sẽ theo quy định về an toàn thông tin | VNPT | |
| CHƯƠNG IV CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ | | | | |
| Khác |  | Hiện nay, dự thảo đang quy định dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử và các điều kiện để thực hiện dịch vụ này tại mục 2 Chương IV, tuy nhiên dịch vụ này thuộc nhóm dịch vụ tin cậy quy định tại Chương VI dự thảo này. Do đó, đề nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu, kết cấu lại mục 2 Chương IV vào nội dung Chương VI để đảm bảo logic. | Cơ quan chủ trì soạn thảo không tìm thấy nội dung hợp đồng điện tử trong mục 2 chương IV | Bộ Công Thương | |
| Khác |  | FPT đề nghị làm rõ định nghĩa cho các hình thức ký điện tử mở rộng.  Cụ thể, Chữ ký điện tử là một tập hợp rất rộng của nhiều hình thức kỷ điện tử khác nhau. Tuy nhiên như đề cập trong dự thảo luật thì sẽ hiểu ngay là chỉ có chữ ký số mới đáp ứng được các yêu cầu này. Đề xuất mở rộng cho cả các hình thức ký điện tử khác như ký ảnh hoặc ký ảnh có xác thực ; hoặc kết hợp nhiều hình thức kỷ điện tử trên cùng một văn bản như vậy việc ký kết tài liệu điện tử sẽ thuận tiện và dễ dàng hơn trong thực tế triển khai  Vì vậy tại chương này chỉ cần phân biệt, định nghĩa các loại chữ ký điện tử. Việc sử dụng loại chữ ký điện tử nào vào văn bản, thông điệp điện tử nào đã được quy định tại chương khác liên quan đến chứng tử, hợp đồng điện t | Tiếp thu, điều chỉnh các mức độ tin cậy của tài khoản giao dịch điện tử áp dụng các mức độ đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, do đó nội dung lưu trữ sẽ theo quy định về an toàn thông tin | FPTIS | |
| Khác |  | Đề nghị thêm một mục cho giao dịch điện tử trong hoạt động công chứng. Dịch vụ này rất quan trọng trong xã hội Pháp quyền, hiện tại dự thảo Luật giao dịch điện tử chưa đề cập. | Bảo lưu: Nội dung về công chứng đã có Luật công chứng nên không quy định điều chỉnh trong Luật này | Hội Vô tuyến điện tử | |
| Khác |  | - Đề nghị bổ sung giải thích từ ngữ trong các khái niệm giữa “Lưu trữ” và “Lưu giữ” để phù hợp với Luật Lưu trữ. | Tiếp thu. Đã lược bỏ các khái niệm không phù hợp trong dự thảo Luật, | Ban Cơ yếu Chính phủ | |
| Khác |  | Tại chương IV: Chữ ký điện tử: Đề nghị bổ sung nội dung liên quan đến việc phân định giữa khái niệm chữ ký điện tử và chữ ký số để tránh gây rắc rối, nhầm lẫn cho người sử dụng. | Tiếp thu, điều chỉnh chỉ sử dụng nội dung chữ ký điện tử xuyên suốt Dự thảo Luật | Hà Nam | |
| 27 | Khác | Tại Điều 27 Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) có 2 mức độ chữ ký điện tử: Chữ ký điện tử đảm bảo an toàn và chữ ký điện tử của thiết bị. Tuy nhiên lại chưa có quy định rõ ràng về trường hợp sử dụng các mức độ chữ ký điện tử. Điểm này dẫn đến việc ứng dụng chữ ký điện tử trong thực tế còn chưa hiệu quả và khả thi như mong muốn. Vì vậy đề nghị bộ phận soạn thảo quy định rõ ràng hơn đối với các trường hợp sử dụng. | Tiếp thu và điều chỉnh cấp độ chữ ký điện tử thành 3 mức độ tại Điều 32 dự thảo Luật. | Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam | |
| 27 | Khác | Bổ sung quy định rõ ràng về các cấp độ an toàn của chữ ký điện tử và các khái niệm, điều kiện của từng loại chữ ký, các trường hợp sử dụng các loại chữ ký điện tử tương ứng | Tiếp thu và điều chỉnh cấp độ chữ ký điện tử thành 3 mức độ tại Điều 32 dự thảo Luật. | VNPT | |
| 27 | Khác | Tại Điều 27 dự thảo Luật về chữ ký điện tử và điều kiện bảo đảm an toàn cho chữ ký điện tử: Bổ sung quy định chữ ký điện tử có giá trị khi được tạo lập bởi cơ quan, tổ chức được cấp phép và danh tính chủ thể chữ ký điện tử đã được xác thực thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các nền tảng trao đổi, xác thực thông tin khác do cơ quan nhà nước quản lý theo quy định pháp luật. | Tiếp thu và chỉnh lý có nhiều cấp độ cho chữ ký điện tử, do đó việc xác thực thông qua các cơ sở dữ liệu nêu trong ý kiến sẽ được cụ thể hoá bằng nghị định hướng dẫn | Bộ Công an | |
| 27 | 1 | Khoản 1 quy định “Chữ ký điện tử là dữ liệu điện tử được gắn hoặc kết hợp một cách lô gíc với một thông điệp dữ liệu, có khả năng xác định người ký và xác nhận sự chấp thuận của người đó với nội dung thông điệp dữ liệu”, vì vậy, chữ ký điện tử có vai trò rất quan trọng trong việc xác định mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu. Do đó, đề nghị rà soát và xem xét bổ sung nội dung làm rõ mối quan hệ giữa các quy định về chữ ký điện tử tại Điều 27 và mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu quy định tại Điều 10. | Tiếp thu và thực hiện chỉnh lý Thông điệp dữ liệu đã điều chỉnh không chia các mức độ, mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu được căn cứ theo mức độ tin cậy của chữ ký điện tử tại Chương II | Ngân hàng Nhà nước | |
| 27 | 2 | Điểm b khoản 2 Điều 27: đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét chỉnh sửa nguyên tắc “Đảm bảo nội dung thông điệp dữ liệu không bị thay đổi” thành “Kiểm soát được nội dung thông điệp sau khi ký”. Lý do: thực tế cho thấy, sau khi văn bản được ký số phát hành có khả năng bị can thiệp chỉnh sửa nội dung, phần mềm ký số chỉ kiểm soát được tài liệu đã bị chỉnh sửa can thiệp vào nội dung đã bị ký số. Vì vậy việc sử dụng cụm từ “Đảm bảo nội dung thông điệp dữ liệu không bị thay đổi” trong nguyên tắc là chưa phù hợp. | Bảo lưu: Chữ ký điện tử là việc xác nhận lên thông điệp dữ liệu của chủ thể ký nên yêu cầu bắt buộc khi thông điệp dữ liệu sau khi ký thì thông điệu dữ liệu không thể bị thay đổi | Lạng Sơn | |
| 27 | 2 | Sửa thành "Được tạo ra bằng phương tiện điện tử đảm bảo an toàn, được kiểm soát của người ký hoặc người đại diện được ủy quyền hợp pháp của người ký tại thời điểm ký" | Tiếp thu một phần đã thêm nội dung "được kiểm soát của người ký", uỷ quyền thì theo quy định của uỷ quyền pháp luật dân sự nên ko quy định vào luật này | VNPT | |
| 28 | 1 | Điều 28, khoản 1 kiến nghị sửa lại cách diễn giải cho rõ ý. | Tiếp thu và thực hiện chỉnh lý tại Điều 33 của dự thảo đảm bảo tường minh đối với giá trị pháp lý của chữ ký điện từ | Bộ Ngoại Giao | |
| 28 | 2 | Tại khoản 2 Điều 28: đề nghị điều chỉnh như sau để đồng bộ với cách trình bày tại khoản 3, khoản 4 Điều 28“Trong trường hợp pháp luật quy định văn bản cần có chữ ký thì yêu cầu đó đối với một thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng nếu chữ ký điện tử được sử dụng để ký thông điệp dữ liệu đó đáp ứng quy định khoản 2 Điều 27 của Luật này”. | Tiếp thu và thực hiện bổ sung ý kiến trên tại nội dung nguyên tắc sử dụng chữ ký điện tử tại Điều 38 | Long An | |
| 28 | 2 | Dự thảo quy định trong trường hợp pháp luật quy định văn bản cần có chữ ký thì chữ ký điện tử phải được chứng thực bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký điện tử an toàn. Như đã trình bày ở trên, hiện nay có rất nhiều hình thức chữ ký điện đang được sử dụng, quy định tại Điểm này là bắt khả thi đối với đa số các hình thức chữ ký điện tử trừ chữ ký số... Đề nghị bỏ điều kiện quy định tại Điểm này. Trong trường hợp có nghĩ ngờ về tính xác thực của chữ ký điện tử, có thể yêu cầu giám định của chuyên gia tương tự như đối với chữ ký tử | Tiếp thu và điều chỉnh cấp độ chữ ký điện tử thành 3 mức độ tại Điều 32 dự thảo Luật. | MSB, VCCI | |
| 28 | 2,3,2004 | Đề nghị thống nhất cách trình bày tại các khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 28, chỉnh lý nội dung tại khoản 2 Điều 28 như sau:  “Trong trường hợp pháp luật quy định văn bản cần có chữ ký thì yêu cầu đó đối với một thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng nếu chữ ký điện tử được sử dụng để ký thông điệp dữ liệu đó đáp ứng quy định khoản 2 Điều 27 của Luật này.  a) Cho phép xác định người ký;  b) Đảm bảo nội dung thông điệp dữ liệu không bị thay đổi;  c) Được tạo ra bằng phương tiện điện tử đảm bảo an toàn, được kiểm soát duy nhất của người ký tại thời điểm ký;  d) Được chứng thực bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử an toàn.” | Tiếp thu và điều chỉnh cấp độ chữ ký điện tử thành 3 mức độ tại Điều 32 dự thảo Luật. | Bộ Giao thông Vận tải | |
| 28 | 5 | Tại Điều 28, khoản 5: Đề nghị bỏ cụm từ “phương tiện điện tử tạo chữ ký điện tử”, sửa lại thành: “Chính phủ quy định cụ thể việc quản lý và sử dụng chữ ký điện tử của cơ quan, tổ chức, chữ ký điện tử của thiết bị”. Phương tiện điện tử tạo chữ ký điện tử có thể thay đổi nhanh trong tương lai, vì thế không nên quy định cụ thể về phương tiện điện tử; cần quy định đáp ứng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn. | Tiếp thu, điều chỉnh lại nội dung trên trong dự thảo | Thanh Hoá | |
| 28 | 7 | Dự thảo quy định Nhà nước công nhận giá trị pháp lý của chữ ký điện tử và chúng thư điện tử nước ngoài khi có độ tin cậy tương đương theo quy định của pháp luật Việt Nam. Theo nguyên tắc của luật tư pháp quốc tế, giá trị pháp lý của chữ ký (bao gồm cả chữ ký điện tử) do pháp luật quốc gia mà cá nhân, tổ chức đó mang quốc tịch quyết định. Do đó đề nghị sửa đổi cho phù hợp với quy định của pháp luật quốc tế, tránh trường hợp pháp luật Việt Nam yêu cầu hình thức chữ ký điện tử mà pháp luật nước ngoài không có dẫn đến không thể tiến hành giao kết theo phương thức điện tử được. Đồng thời đề nghị bổ sung quy định việc lưu trữ hợp đồng, chứng thư điện tử sẽ do các bên tham gia giao dịch tự thực hiện và tự chịu trách nhiệm về công ngh | Tiếp thu, điều chỉnh lại nội dung trên trong dự thảo | MSB, VCCI | |
| 29 | 1 | Đề nghị làm rõ hơn do đề xuất mô tả/định nghĩa cho từ "thiết bị đó" vì trong thực tế có nhiều phương thức ký điện tử và trong một số trường hợp việc tạo chữ ký điện tử có thể có sự tham gia của nhiều thiết bị ví dụ Remote signing. | Tiếp thu và điều chỉnh cấp độ chữ ký điện tử thành 3 mức độ tại Điều 32 dự thảo Luật. | VNPT | |
| 29 | 1 | Khái niệm “người ký” tại Dự thảo Luật đã được mở rộng thêm trường hợp “người đại diện hợp pháp của người đó”, tức là bao gồm cả trường hợp người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo ủy quyền, cũng như trường hợp một người có nhiều người đại diện hợp pháp. Đây là một điểm mới so với các quy định hiện hành, phát sinh nhiều tình huống pháp lý mới khi “người ký” không trực tiếp xác nhận trên thông điệp dữ liệu. Vì vậy đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ “ý chí của mình” tại quy định này được hiểu là ý chí của “người ký”, hay ý chí của người đại diện hợp pháp của người đó. Trong trường hợp người đại diện hợp pháp của người ký thực hiện ký thông điệp dữ liệu, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung các quy định liên quan nhằm đảm bảo an toàn, tính toàn vẹn cũng như tính chống chối bỏ của chữ ký điện tử của người đó. | Tiếp thu và điều chỉnh cấp độ chữ ký điện tử thành 3 mức độ tại Điều 32 dự thảo Luật. | Viettel | |
| 29 | 2 | Điểm a nên sửa lại theo hướng quy định người sở hữu chữ ký điện tử (chữ ký số) cần bảo đảm sử dụng đúng mục đích, hợp pháp theo quy định pháp luật. | Tiếp thu và điều chỉnh cấp độ chữ ký điện tử thành 3 mức độ tại Điều 32 dự thảo Luật. | Bộ Ngoại giao | |
| 29 | 2 | Tại điểm b: Đề nghị bỏ cụm từ “sử dụng các phương tiện thích hợp để”, sửa lại thành: “Khi phát hiện chữ ký điện tử có thể không còn thuộc sự kiểm soát của mình, phải kịp thời thông báo cho các bên chấp nhận chữ ký điện tử và cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử trong trường hợp chữ ký điện tử đó có chứng thực”.  Lý do: Trong trường hợp khẩn, việc lựa chọn “sử dụng các phương tiện thích hợp” là không khả thi trong ngăn chặn một giao dịch bất hợp pháp. | Tiếp thu và điều chỉnh cấp độ chữ ký điện tử thành 3 mức độ tại Điều 32 dự thảo Luật. | Thanh Hoá | |
| 29 | 2 | Tại điểm c: Đề nghị sửa lại như sau: Áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo đảm tính chính xác và toàn vẹn của mọi thông tin trong chứng thư chữ ký điện tử trong trường hợp chứng thư chữ ký điện tử được dùng để chứng thực chữ ký điện tử. Lý do: Sửa đảm bảo sử dụng thống nhất thuật ngữ liên quan trong văn bản. | Tiếp thu và điều chỉnh cấp độ chữ ký điện tử thành 3 mức độ tại Điều 32 dự thảo Luật. | Viettel | |
| 29 | 4 | Sửa thành: "Bên chấp nhận chữ ký điện tử là bên đã có thỏa thuận chấp thuận việc lựa chọn chữ ký điện tử của người ký điện tử. Trường hợp các bên tham gia giao dịch điện tử không có thỏa thuận về việc lựa chọn chữ ký điện tử, một bên được coi là chấp nhận chữ ký điện tử là bên đã thực hiện những nội dung trong thông điệp dữ liệu" | Tiếp thu đã chỉnh vào nguyên tắc sử dụng chữ ký điện tử | VNPT | |
| 29 | 7 | Tại Điều 29, khoản 7, đoạn: “Nhà nước công nhận giá trị pháp lý của chữ ký điện tử và chứng thư điện tử nước ngoài nếu chữ ký điện tử hoặc chứng thư điện tử đó có độ tin cậy tương đương với độ tin cậy của chữ ký điện tử và chứng thư điện tử theo quy định của pháp luật.”    Đề nghị làm rõ chủ thể Nhà nước là cơ quan, tổ chức hoặc ở phạm vi quốc gia nào (ví dụ: Việt Nam công nhận...). | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | Gia Lai | |
| 29 | 7 | Giá trị pháp lý của chữ kí số và chứng thư điện tử nước ngoài. – Việc sở hữu hợp đồng điện tử có chữ kí số bằng dung không được hợp pháp hóa tại Việt Nam do việc đăng kí chữ kí số và chứng thư điện tử không được quy định rõ ràng hoặc chậm trễ gây ra nhiều rủi ro cho các doanh nghiệp.  Khuyến nghị : Bộ TT & TT nên liên hệ với các nhà cung cấp chứng chỉ điện tử và chữ ký điện tử uy tín trên thế giới | Tiếp thu và đã bổ sung các nguyên tắc công nhận giá trị pháp lý của chữ ký điện tử và chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài tại Điều 35 | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 30 | 1 | Đề xuất cần bổ sung nghiệp vụ Thay đổi thông tin Chứng thư chữ ký điện tử. | Bảo lưu do về mặt nghiệp vụ thì khi thay đổi thông tin chứng thư điện tử là thu hồi Chứng thư cũ và cấp chứng thư mới nên vẫn thuộc nghiệp vụ thu hồi và cấp mới chứng thư. | VNPT | |
| 30 | 1 | Tại khoản 1 Điều 30 dự thảo Luật (hoạt động dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử và nội dung của chứng thư chữ ký điện tử), đề nghị bổ sung quy định “cấp lại, cấp đổi” chứng thư điện tử vì trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị mất hoặc muốn thay đổi thông tin về chữ ký số thì tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử kiểm tra, xác minh, cấp lại hoặc cấp đổi chứng thư chữ ký điện tử. | Bảo lưu do về mặt nghiệp vụ thì khi thay đổi thông tin chứng thư điện tử là thu hồi Chứng thư cũ và cấp chứng thư mới nên vẫn thuộc nghiệp vụ thu hồi và cấp mới chứng thư. | Bộ Công an | |
| 30 | 4 | đề nghị quy định cụ thể nội dung Chính phủ quy định tại khoản điểm i khoản 4. | Bảo lưu do nội dung cụ thể hoá sẽ được đưa vào Nghị định Chính phủ | Bộ NN&PTNT | |
| 31 | 1 | chỉnh sửa, bổ sung như sau: “1. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử bao gồm tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử an toàn, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử chuyên dùng Chính phủ và tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử chuyên dùng được phép thực hiện các hoạt động chứng thực chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật”. | Tiếp thu và quy định nội dung về tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử chuyên dùng trong cơ quan nhà nước đã được quy định thành Điều 34 trong Luật | Ban Cơ yếu Chính phủ | |
| 31 | 1 | Khoản 1 Điều 31 sửa đổi, bổ sung như sau: “1. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử bao gồm tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử an toàn, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử chuyên dùng Chính phủ và tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử chuyên dùng khác được phép thực hiện các hoạt động chứng thực chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật”. | Tiếp thu và quy định nội dung về tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử chuyên dùng trong cơ quan nhà nước đã được quy định thành Điều 34 trong Luật | Bộ Quốc Phòng | |
| 31 | Khác | Bổ sung 01 khoản tại Điều 31, cụ thể như sau: “2a. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử chuyên dùng Chính phủ là tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử cho các cơ quan Đảng, Nhà nước”. | Tiếp thu và quy định nội dung về tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử chuyên dùng trong cơ quan nhà nước đã được quy định thành Điều 34 trong Luật | Ban Cơ yếu Chính phủ | |
| 31 | Khác | Đề nghị rà soát số thứ tự các khoản tại Điều 31 (khoản 4 lặp lại 2 lần).  Tại Điều 31 có quy định quyền và nghĩa vụ của “Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử an toàn” tại khoản 4. Tuy nhiên chưa đề cập quyền và nghĩa vụ chung của các “Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử” cũng như chưa đề cập cụ thể quyền và nghĩa vụ của“Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử chuyên dùng”: đề nghị nghiên cứu bổ sung. | Tiếp thu và quy định nội dung về tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử chuyên dùng trong cơ quan nhà nước đã được quy định thành Điều 34 trong Luật | Long An | |
| 31 | 1 | Đề nghị bổ sung khái niệm và các tiêu chí của chữ ký điện tử chuyên dùng được đề cập tại quy định này | Tiếp thu và quy định nội dung về tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử chuyên dùng trong cơ quan nhà nước đã được quy định thành Điều 34 trong Luật | VNPT | |
| 31 | 4 | Tại Điều 31 của dự thảo: đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa thứ tự các khoản phù hợp, vì có hai khoản 4. Đồng thời thực hiện căn lề văn bản phù hợp theo quy định của pháp luật. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | Thừa Thiên Huế | |
| 31 | 4 | Tại điểm c:Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định làm rõ yêu cầu mức độ tin cậy đối với hệ thống thiết bị kỹ thuật, quy trình và nguồn lực. Lý do: Bổ sung để làm rõ quy định, tạo cơ sở áp dụng trên thực tế. | Bảo lưu do nội dung cụ thể hoá sẽ được đưa vào Nghị định Chính phủ | Viettel | |
| 31 | 4 | Tại điểm g: Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung cụ thể quy định về mức độ ảnh hưởng của sự cố dẫn đến phải thực hiện thông báo đến các bên liên quan cũng như hình thức của việc thông báo (SMS, email, văn bản,…). Lý do: Bổ sung để làm rõ quy định, tạo cơ sở áp dụng trên thực tế. | Bảo lưu do nội dung cụ thể hoá sẽ được đưa vào Nghị định Chính phủ | Viettel | |
| 31 | 5 | Đề nghị chỉnh lý số thứ tự của các khoản tại Điều 31 như sau:   “5. Chính phủ quy định chi tiết các quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử an toàn quy định tại khoản 4 Điều này.” | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | Bộ Giao thông Vận tải | |
| 32 | Khác | Bổ sung 01 khoản tại Điều 32: “5. Ban Cơ yếu Chính phủ quản lý, duy trì Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ điện tử chuyên dùng Chính phủ. Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử chuyên dùng Chính phủ.”. | Bảo lưu do nội dung cụ thể hoá sẽ được đưa vào Nghị định Chính phủ | Ban Cơ yếu Chính phủ | |
| 32 | Khác | Tại Điều 32 (Điều kiện và chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử): Theo Điều 40 dự thảo Luật, dịch vụ tin cậy bao gồm: dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử; dịch vụ chứng thực (cấp dấu) thời gian; dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu và chứng thư điện tử; dịch vụ chứng thực giao dịch, giao kết và hợp đồng điện tử. Điều kiện cung cấp dịch vụ tin cậy (trong đó có dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử) đã được quy định tại Điều 42 dự thảo Luật, do đó, nội dung Điều 32 hiện nay đang trùng với Điều 42 dự thảo Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo cần rà soát, điều chỉnh để tránh trùng lặp về nội dung này. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | Bộ VHTTDL | |
| 32 | 1 | Tại điểm a: Đề nghị sửa lại thành: “Có phương án sử dụng nhân viên kỹ thuật và nhân viên quản lý phù hợp với việc cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử”. | Bảo lưu do nội dung cụ thể hoá sẽ được đưa vào Nghị định Chính phủ | Thanh Hoá | |
| 32 | 1 | Bổ sung 01 khoản tại Điều 32, cụ thể: “5. Ban Cơ yếu Chính phủ quản lý, duy trì Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ điện tử chuyên dùng Chính phủ; Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử chuyên dùng Chính phủ”. | Bảo lưu do nội dung cụ thể hoá sẽ được đưa vào Nghị định Chính phủ | Ban Cơ yếu Chính phủ | |
| 32 | 2 | Đề nghị sửa lại như sau: Nhân sự quy định tại Điểm b khoản này phải có bằng đại học trở lên, chuyên ngành an toàn thông tin hoặc công nghệ thông tin hoặc điện tử viễn thông và không có tiền án, tiền sự. Lý do: Điều chỉnh lại do lỗi trích dẫn. | Bảo lưu do nội dung cụ thể hoá sẽ được đưa vào Nghị định Chính phủ | Viettel | |
| 32 | 2 | Đề nghị rà soát, điều chỉnh chuyển nội dung tại điểm b khoản 2 Điều 32 “Có đội ngũ nhân sự chịu trách nhiệm: Quản trị hệ thống; Vận hành hệ thống; Bảo đảm an toàn thông tin của hệ thống” gộp với nội dung tại điểm a khoản 1 Điều 32 “1. Có đủ nhân viên kỹ thuật chuyên nghiệp và nhân viên quản lý phù hợp với việc cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử” để phù hợp với tiêu đề, nội dung của các khoản quy định tại Điều 32. | Bảo lưu do nội dung cụ thể hoá sẽ được đưa vào Nghị định Chính phủ | Bộ Giao thông Vận tải | |
| 32 | 2 | Về nhân sự tại điểm b , đề nghị sửa như sau: a) Điều kiện về nhân sự  - Người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.  - Có nhân sự có bằng đại học trở lên, chuyên ngành an toàn thông tin hoặc công nghệ thông tin hoặc điện tử viễn thông và không có tiền án, tiền sự, chịu trách nhiệm: Quản trị hệ thống; Vận hành hệ thống; Bảo đảm an toàn thông tin của hệ thống.” | Bảo lưu do nội dung cụ thể hoá sẽ được đưa vào Nghị định Chính phủ | Phú Yên | |
| 32 | 2 | Tại ý thứ 2 điểm b khoản 2 Điều 32 dự thảo quy định: “Nhân sự quy định tại Điểm a khoản này phải có bằng đại học trở lên, chuyên ngành an toàn thông tin hoặc công nghệ thông tin hoặc điện tử viễn thông và không có tiền án, tiền sự.” Tuy nhiên, điểm a khoản 2 Điều 32 quy định về điều kiện của chủ thể của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử an toàn. Đề nghị dự thảo viện dẫn cho chính xác. - Tại điểm a khoản 6 Điều 46 dự thảo quy định “Cung cấp đầy đủ và chính xác các thông tin quy định tại mục a khoản 2 cho tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử khi đăng ký sử dụng dịch vụ” là chưa cụ thể. Đề nghị dự thảo viện dẫn cho chính xác. | Bảo lưu do nội dung cụ thể hoá sẽ được đưa vào Nghị định Chính phủ | Cao Bằng | |
| 32 | 3.4 | Đề nghị bổ sung từ “hoạt” trước từ “động” trong mũ khoản 3 và 4, điểm c khoản 4 Điều này. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | Bộ NN&PTNT | |
| 32 | 3.4 | Tại Điều 32: Đề nghị sửa “Bộ Thông tin và Truyền thông quy định” tại khoản 3 và 4 thành “Chính phủ quy định”, do việc quy định về thủ tục hành chính (“Trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ…”, Thủ tục cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, phục hồi và thu hồi…”,…) không thuộc thẩm quyền của cấp Bộ (theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2014). | Tiếp thu một phần và bảo lưu một phần: Các nội dung chi tiết về điều kiện cho các thủ tục sẽ do Nghị đinh Chính phủ quy định. Các nội dung thuần tuý về xử lý thủ tục sẽ do cấp Bộ quy định. | Bộ Tài chính | |
| Chương V GIAO KẾT VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ | | | | |
| Khác |  | Tại Chương V quy định về giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử, cần nghiên cứu bổ sung quy định về: Hợp đồng điện tử vô hiệu; phạt vi phạm; bồi thường thiệt hại; sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng;… nhằm đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ cho các bên khi tham gia giao dịch. | Bảo lưu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không thuộc phạm vị điều chỉnh của dự thảo mà cần được quy định tại các pháp luật chuyên ngành khác. | Cần Thơ | |
| Khác |  | Đề nghị bổ sung quy định về công chứng trong giao dịch điện tử vì theo quy định pháp luật hiện hành rất nhiều giao dịch bắt buộc phải được công chứng mới có hiệu lực | Bảo lưu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không thuộc phạm vị điều chỉnh của dự thảo mà cần được quy định tại các pháp luật chuyên ngành khác. | MSB, VCCI | |
| Khác |  | Thực tế giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử cho thấy, khi giao dịch mua bán trên nền tảng số có nhiều trường hợp hàng hóa/dịch vụ được cung cấp không thỏa đáng/không đảm bảo yêu cầu như cam kết trên mạng/nền tảng số, do đó cần có quy định về khoảng thời gian nhất định để thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với việc khiếu nại, hoàn trả hàng hóa/dịch vụ, bồi hoàn, hủy giao dịch,... để bảo vệ người tiêu dùng tham gia giao dịch trên nền tảng số.  Vì vậy, kiến nghị bổ sung điều khoản quy định về “thời gian trì hoãn sau giao dịch” đối với một số hợp đồng điện tử. | Bảo lưu do tại dự thảo mới sau khi chỉnh lý, chương V đã được điều chỉnh theo hướng kế thừa Luật Giao dịch điện tử 2005 | Tập đoàn dầu khí | |
| Khác |  | Đề nghị loại bỏ cụm từ “giao kết” trong toàn bộ chương này. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý |  | |
| 33 | 1 | Đưa vào Điều 4, Giải thích từ ngữ | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | VNPT | |
| 33 | 1 | “Chứng từ” được sử dụng trong nhiều lĩnh vực, do đó việc quy định “Chứng từ điện tử là hợp đồng, đề nghị, thông báo, xác nhận hoặc các tài liệu khác ở dạng thông điệp dữ liệu do các bên đưa ra liên quan tới việc giao kết hay thực hiện hợp đồng” (khoản 1) sẽ hạn chế việc áp dụng “chứng từ điện tử” trong các hoạt động không liên quan tới giao kết và thực hiện hợp đồng. Để tránh sự hạn chế này, đề nghị sửa khoản 1 Điều 33 thành “Chứng từ điện tử trong giao kết và thực hiện hợp đồng là…; được quy định cụ thể tại các Điều [liệt kê số hiệu các Điều quy định về chứng từ điện tử trong giao kết và thực hiện hợp đồng]... của Luật này ”. Quy định như vậy (hoặc tương tự) sẽ cho phép áp dụng “chứng từ điện tử” trong các hoạt động khác (được quy định cụ thể tại các văn bản quy phạm pháp luật khác như quy định về kế toán, thuế, hải quan, ngân sách nhà nước…). | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Bộ Tài chính | |
| 33 | 3 | Tại mục 3, Điều 33: đề nghị bỏ từ “hoặc” và từ “khi” và viết lại như sau: “3. Chứng từ điện tử có giá trị pháp lý như văn bản giấy và bản gốc đáp ứng các yêu cầu về mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu quy định tại Điều 11 Luật này” | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Quảng Ngãi | |
| 33 | 3 | Đề nghị sửa khoản 3 “Chứng từ điện tử có giá trị pháp lý như văn bản giấy và/hoặc bản gốc khi khi đáp ứng các yêu cầu về mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu quy định tại Điều 11 Luật này” thành: “Chứng từ điện tử có giá trị pháp lý khi đáp ứng các yêu cầu về mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu quy định tại Điều 11 Luật này”, để tránh lấy “văn bản giấy” làm chuẩn mực | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Bộ Tài chính | |
| 33 | 3 | Tại Điều 33 (Chứng từ điện tử và giá trị pháp lý của chứng từ điện tử): Khoản 3 Điều 33 dự thảo Luật quy định “Chứng từ điện tử có giá trị pháp lý như văn bản giấy và/hoặc bản gốc khi khi đáp ứng các yêu cầu về mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu quy định tại Điều 11 Luật này”. Tuy nhiên, Điều 11 dự thảo Luật chỉ quy định 04 mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu, do đó cơ quan chủ trì soạn thảo cần làm rõ mức độ tin cậy nào trong Điều 11 mà chứng từ điện tử phải đáp ứng để được công nhận là có giá trị pháp lý như văn bản giấy và/hoặc bản gốc | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Bộ VHTTDL | |
| 33, 34 | Khác | Đề nghị cân nhắc quy định phân biệt rõ “chứng từ điện tử” và “hợp đồng điện tử”. Bởi vì, Điều 33 giải thích thuật ngữ “chứng từ điện tử” và Điều 34 giải thích thuật ngữ “hợp đồng điện tử” có nội hàm trùng nhau (là hợp đồng được thiết lập dưới dạng thông điệp dữ liệu...). | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Bộ Nội vụ | |
| 34 | Khác | Tại Điều 34, Chương V, về Hợp đồng điện tử, đề nghị xem xét, bố cục lại Khoản 2 và Khoản 3 cho phù hợp (có thể lồng ghép Khoản 2 vào trong Khoản 3). Đề nghị Ban soạn thảo xem xét, bổ sung thêm một số quy định như: “Nội dung hợp đồng”; “hợp đồng điện tử vô hiệu”; “sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng điện tử”; “quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao kết hợp đồng điện tử”; “cách xử lý hợp đồng điện tử vô hiệu”. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Bộ Nội vụ | |
| 34 | Khác | Tại Điều 34 dự thảo Luật (hợp đồng điện tử và thừa nhận giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử): Đề nghị rà soát, chỉnh lý quy định về hợp đồng điện tử trong dự thảo Luật này cho phù hợp với quy định về hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015 để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Bộ Công an | |
| 34 | Khác | - Tại Điều 34: các nội dung quy định chồng chéo, chưa rõ ràng, đề nghị xem xét, điều chỉnh lại toàn bộ. Trong đó, lưu ý một số điểm chính sau:  + Đề nghị định nghĩa lại Hợp đồng điện tử như sau: “Hợp đồng điện tử là hợp đồng được thiết lập giữa các chủ thể thông qua phương tiện điện tử”.  + Đề nghị xem lại sự cần thiết của Hợp đồng thông minh, việc định nghĩa hợp đồng thông minh chưa phù hợp.  + Đề nghị làm rõ nội dung tại điểm d, khoản 3 “Hợp đồng điện tử được giao kết giữa người với phương tiện điện tử.  + Khoản 6: đề nghị làm rõ ý nghĩa cụm từ “hệ thống thông tin tự động”, hệ thống thông tin tự động thực chất chỉ là phương tiện điện tử. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Đà Nẵng | |
| 34 | Khác | Đề nghị bổ sung khoản 7 giao Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng thông minh. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | BHXHVN | |
| 34 | 2.3 | Khoản 2: Hợp đồng thông minh & Khoản 3: Các loại hợp đồng điện tử  FPT đề xuất Quý Bộ cần có quy định cụ thể hơn về nội dung và hình thức áp dụng đối với loại hợp đồng này. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | FPTIS | |
| 34 | 1 | Đưa vào Điều 4, Giải thích từ ngữ | Tiếp thu. | VNPT | |
| 34 | 2 | - Khoản 2: Đề nghị làm rõ nội dung về hợp đồng thông minh.  Lý do: Dự thảo đưa ra khái niệm nhưng chưa có hướng dẫn cụ thể đối với hợp đồng thông minh, cụ thể, không xác định được chủ thể của hợp đồng, thời điểm hợp đồng được giao kết và có hiệu lực hay hết hiệu lực. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | GRAB, VCCI | |
| 34 | 3 | - Đề nghị xác định rõ các tiêu chí và mục đích của việc phân loại hợp đồng điện tử, ví dụ có quy định khác nhau giữa các loại hợp đồng điện tử khác nhau hay không.  - Đề nghị xem xét lại tính hợp pháp, giá trị pháp lý của các hợp đồng, quan hệ không phải giữa các cá nhân, pháp nhân với nhau. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | GRAB, VCCI | |
| 34 | 3 | Khoản 3 Điều 34 chưa xác định rõ tiêu chí phân loại hợp đồng điện tử; các loại hợp đồng hiện nay được phân loại chưa đầy đủ theo các tiêu chí khác nhau như: chủ thể của hợp đồng (điểm a, b, d khoản 3); nội dung hợp đồng (điểm c khoản 3). Cơ quan chủ trì soạn thảo cần điều chỉnh khoản 3 Điều 34 theo hướng xác định rõ tiêu chí phân loại và các loại hợp đồng điện tử trong từng tiêu chí.   Theo quy định tại Điều 385 Bộ luật Dân sự năm 2015, “Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự”. Như vậy, hợp đồng là thỏa thuận giữa tổ chức, cá nhân với nhau. Tuy nhiên, cách phân loại tại điểm d khoản 3 Điều 34 sẽ dẫn đến cách hiểu có loại hợp đồng là sự thỏa thuận giữa người với một chủ thể không phải là con người. Về bản chất, hợp đồng điện tử được giao kết giữa người với phương tiện điện tử cũng là hợp đồng được giao kết giữa tổ chức, cá nhân với tổ chức, cá nhân khác thông qua phương thức giao kết là phương tiện điện tử. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo cần xem xét lại lại việc phân loại hợp đồng tại điểm d khoản 3 Điều 34, đồng thời xem xét, bổ sung việc phân loại hợp đồng được ký kết thông qua các hệ thống thông tin tự động với nhau như đã nêu tại khoản 6 Điều 34. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Bộ VHTTDL | |
| 34 | 3 | Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định cụ thể về phương tiện điện tử thực hiện giao kết hợp đồng tại điểm d. Lý do: Theo các quy định của pháp luật hiện hành, phương tiện điện tử chưa được coi là một chủ thể trong giao kết hợp đồng, phương tiện chỉ là phương tiện lưu trữ, truyền tải thông tin của các nhân, tổ chức. Do đó, cần có quy định cụ thể về trường hợp này. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Viettel | |
| 34 | 3 | Khoản 3 Điều 34 dự thảo Luật quy định về phân loại hợp đồng điện tử, tuy nhiên, không có nội dung quy định cụ thể đối với từng loại hợp đồng điện tử nên không rõ cách thức, nội dung đề nghị giao kết và thực hiện các loại hợp đồng điện tử này có gì khác nhau để phải phân loại. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, làm rõ. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Bộ Tư pháp | |
| 34 | 3 | Điểm d khoản 3 Điều 34 dự thảo Luật quy định: “Hợp đồng điện tử được giao kết giữa người với phương tiện điện tử”, phương tiện điện tử không phải là chủ thể của giao dịch theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, chỉ là phương tiện/phương thức thể hiện ý chí/giao tiếp của chủ thể giao dịch (là thể nhân hoặc pháp nhân), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý bảo đảm chính xác, phù hợp. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Bộ Tư pháp | |
| 34 | 4 | Sửa thành: "Hợp đồng điện tử được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu có giá trị pháp lý" | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | VNPT | |
| 34 | 5 | Điểm a khoản 5 Điều 34 dự thảo Luật quy định: “Chủ thể giao dịch (tài khoản giao dịch điện tử)”. Như vậy có thể tài khoản giao dịch điện tử chính là chủ thể giao dịch. Tuy nhiên, theo khoản 8 Điều 4 quy định về giải thích từ ngữ thì “tài khoản giao dịch điện tử” là “công cụ để lưu trữ thông tin giao dịch của người tham gia giao dịch điện tử”. Như vậy, quy định nêu trên chưa bảo đảm thống nhất, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu chỉnh lý. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Bộ Tư pháp | |
| 34 | 5 | Khoản 5 quy định “Giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử căn cứ theo mức độ tin cậy của các thực thể trong hợp đồng điện tử và quá trình giao kết hợp đồng”. Khoản 1 quy định “Hợp đồng điện tử là hợp đồng được thiết lập dưới dạng thông điệp dữ liệu theo quy định của Luật này”. Trong khi đó, tại Dự thảo chỉ có hướng dẫn về mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu Điều 10, không có hướng dẫn về mức độ tin cậy của thực thể. Do đó, đề nghị xem xét sửa đổi Khoản 5, Điều 34 gắn giá trị pháp lý của hợp động điện tử theo mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Ngân hàng   Nhà nước | |
| 34 | 5 | Khoản 5 “Giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử căn cứ theo mức độ tin cậy của các thực thể trong hợp đồng điện tử và quá trình giao kết hợp đồng” không quy định rõ ràng về mức độ tin cậy mà các thực thể trong hợp đồng điện tử và quá trình giao kết hợp đồng cần đạt được để xác định giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử. Đề nghị làm rõ nội dung quy định này. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Bộ Tài chính | |
| 34 | 5 | Đề nghị xem xét lại quy định tại điểm a khoản 5 “Giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử căn cứ theo mức độ tin cậy của các thực thể trong hợp đồng điện tử và quá trình giao kết hợp đồng, bao gồm: a) Chủ thể giao dịch (tài khoản giao dịch điện tử)”. Vì, tại khoản 1 Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập; ”. Quy định tại điểm a khoản 5 Điều 34 đồng nhất giữa “chủ thể giao dịch” và “tài khoản giao dịch điện tử” không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 117 Bộ luật Dân sự. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Bộ Tài chính | |
| 34 | 5 | Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định cụ thể về xác định giá trị pháp lý của một hợp đồng điện tử. Lý do: Dự thảo hiện tại quy định giá trị pháp lý của hợp đồng căn cứ theo mức độ tin cậy của các thực thể trong hợp đồng mà mỗi thực thể này có thể có các mức độ tin cậy khác nhau. Nếu không có quy định cụ thể thì sẽ không thể xác định được trên thực tế khi nào hợp đồng được coi là có hiệu lực. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Viettel | |
| 34 | 6 | Sửa thành: "Hợp đồng điện tử được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu có giá trị pháp lý" | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | VNPT | |
| 35 | 3 | Đề nghị quy định rõ về quyền và trách nhiệm giữa các bên khi thực hiện giao kết hợp đồng đối với hợp đồng thông minh và hợp đồng được giao kết giữa người và phương tiện điện tử để tạo thuận lợi khi áp dụng | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Bộ Công an | |
| 35 | 4 | Tại mục 4, Điều 35: đề nghị thêm từ “số” và viết lại như sau: “4. Việc tạo lập và xác thực tài khoản giao dịch điện tử là bắt buộc đối với các bên cung cấp hàng hóa, dịch vụ trên các nền tảng số”. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Quảng   Ngãi | |
| 35 | 5 | Tại điểm a), mục 5, Điều 35: đề nghị thêm từ “số” và viết lại như sau: “a) Đây là quy định bắt buộc của các nền tảng số và người sử dụng phải chấp nhận khi tham gia nền tảng số đó”. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Quảng Ngãi | |
| 35 | 5 | Tại khoản 5 quy định người sử dụng tham gia mua hàng hóa, dịch vụ trên các nền tảng phải tạo lập và xác thực tài khoản đối với giao dịch có phát sinh tranh chấp cần pháp luật bảo vệ, phát sinh khiếu nại, tố cáo; tuy nhiên, trước khi tham gia mua bán hàng hóa, dịch vụ trên các nền tảng, người tham gia không biết trước được việc mua bán có thể xảy ra tranh chấp, phát sinh các khiếu nại, tố cáo hay không; do vậy, nên cân nhắc bỏ quy định này tại điểm b, điểm c khoản 5 thì hợp lý hơn. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Bộ Công an | |
| 35 | 5 | Đề nghị bỏ điểm b, điểm c khoản 5 Điều 35. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | GRAB, VCCI | |
| 35 | 5 | Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại tính hợp lý và khả thi của quy định này. Lý do: Quy định tại điểm b và điểm c khi phát sinh tranh chấp hoặc các khiếu nại tố cáo thì mới bắt buộc phải tạo lập và xác thực tài khoản, tuy nhiên khi đó giao dịch liên quan tới hàng hóa, dịch vụ đã được thực hiện xong. Tài khoản được tạo ra và xác thực được tạo ra sau sẽ không gắn trực tiếp với giao dịch hoặc vấn đề tranh chấp. Như vậy, việc tạo lập và xác thực tài khoản trong trường hợp này có thể không mang lại ý nghĩa với việc giải quyết tranh chấp và khiếu nại. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Viettel | |
| 35 | 5 | Nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử Việc tạo và xác thực tài khoản người dùng diễn ra trước khi họ giao kết hợp đồng điện tử, trong khi tranh chấp, khiếu nại, tố cáo chi phát sinh sau khi hợp đồng đã được giao kết. Như vậy, nếu người dùng mua hàng hóa, dịch vụ trên các nền tảng mà không tạo, xác thực tài khoản rồi xảy ra tranh chấp, khiếu nại, tố cáo thì liệu họ có được pháp luật bảo vệ hay không? Quy định này là không hợp lý và mâu thuẫn với Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Ví dụ : người tiêu dùng có thể mua hàng tại một cửa hàng thực tế thông thường mà không cần xuất trình bất kỳ giấy tờ nào và sau đó vẫn được pháp luật bảo vệ nếu phát sinh khiếu nại hoặc tranh chấp với người bán hoặc nhà sản xuất.  Recommendation: Loại bỏ khoản 35.5b và 35.5c | Tiếp thu: Đã thực hiện điều chỉnh lược bỏ | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 35.36 | Khác | Xem lại sự cần thiết của Điều 35 và Điều 36, những nguyên tắc trong Điều 35 đã có trong nguyên tắc chung của giao dịch điện tử.  Trong trường hợp hợp đồng điện tử có những khác biệt so với hợp đồng giấy thông thường thì mới cần bổ sung những quy định riêng vào Luật này. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Đà Nẵng | |
| 36 | Khác | Về việc giao kết hợp đồng điện tử:  Đề xuất: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, nghiên cứu bổ sung quy định vào dự thảo theo hướng thừa nhận giá trị của các hình thức giao kết hợp đồng không sử dụng chữ ký điện tử được chứng thực để đảm bảo luật ban hành. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Viettel | |
| 36 | 1 | Đưa vào Điều 4, Giải thích từ ngữ | Tiếp thu | VNPT | |
| 36 | 2 | Khoản 2 Điều 36 dự thảo Luật đề nghị chỉnh lý thành: “Trong giao kết hợp đồng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác, đề nghị giao kết hợp đồng và giao kết hợp đồng có thể được thực hiện thông qua thông điệp điện tử” để phù hợp với Luật khác có liên quan. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Bộ Tư pháp | |
| 36 | 4 | Đề nghị sửa lại điểm c như sau: Nền tảng số hoặc hệ thống giao dịch điện tử phải có cơ chế cho phép người sử dụng rà soát, bổ sung, sửa đổi đối với các nội dung mà người sử dụng có thể tùy chỉnh và xác nhận toàn bộ nội dung giao dịch trước khi sử dụng chức năng giao kết hoặc đặt hàng trực tuyến để gửi đề nghị giao kết hợp đồng. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Viettel | |
| 36 | 4 | Đề nghị bỏ nghĩa vụ “cung cấp cho bên đề nghị giao kết đầy đủ thông tin về đối tượng giao kết và các điều khoản liên quan” của bên chấp nhận giao kết khi trả lời đề nghị giao kết hợp đồng tại điểm d. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Viettel | |
| 36 | 4 | Đề nghị sửa lại điểm đ như sau: Chấm dứt đề nghị giao kết hợp đồng … - Trường hợp bên mời giao kết không công bố rõ thời hạn trả lời đề nghị giao kết hợp đồng, nếu trong vòng 12 (mười hai) giờ hoặc một khoản thời gian hợp lý kể từ khi gửi đề nghị giao kết hợp đồng, bên đề nghị giao kết không nhận được trả lời đề nghị giao kết hợp đồng thì đề nghị giao kết hợp đồng của bên đề nghị giao kết được coi là chấm dứt hiệu lực. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Viettel | |
| 36 | 4 | điểm d) Chấm dứt đề nghị giao kết hợp đồng  Trường hợp bên mời giao kết không công bố rõ thời hạn trả lời đề nghị giao kết hợp đồng, nếu trong vòng 12 ( mười hai giờ kể từ khi gửi đề nghị giao kết hợp đồng. bên đề nghị giao kết không nhận được trả lời đề nghị giao kết hợp đồng thì đề nghị giao kết hợp đồng của bên đề nghị giao kết được coi là chấm dứt hiệu lực.  FPT xin đề nghị Quỷ Bộ làm rõ cơ sở đưa ra mốc thời gian là 12 tiếng. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | FPTIS | |
| 36 | 4 | Tại điểm đ, khoản 4, Điều 36: Đề nghị làm rõ về các trường hợp hợp đồng điện tử bị coi là vô hiệu, hậu quả pháp lý của hợp đồng điện tử vô hiệu. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Hà Nam | |
| 36 | 4 | Đề xuất điều chỉnh: Nền tảng số hoặc hệ thống giao dịch điện tử phải có cơ chế cho phép người sử dụng rà soát để xác nhận/ bổ sung hoặc sửa đổi nội dung giao dịch trước khi sử dụng chức năng giao kết hoặc đặt hàng trực tuyến để gửi đề nghị giao kết hợp đồng | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | VNPT | |
| 36 | 4 | Tại điểm đ, Trên thực tế, đối với việc giao kết hợp đồng điện tử, nhất là những hợp đồng có yếu tố nước ngoài (một bên chủ thể của hợp đồng là người nước ngoài, sinh sống ở nước ngoài; giao kết hợp đồng trên nền tảng số nước ngoài...) sẽ có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giao kết hợp đồng như lệch múi giờ, chất lượng của phương tiện điện tử,...    Do vậy, kiến nghị cân nhắc điều chỉnh thời hạn trả lời đề nghị giao kết hợp đồng là 24 giờ thay vì 12 giờ như tại Dự thảo Luật | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Tập đoàn dầu khí | |
|  |  | Bổ sung về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng điện tử, quy định về hợp đồng điện tử vô hiệu, cách giải quyết các tranh chấp phát sinh của hợp đồng điện tử; hoặc tham chiếu đến các quy định pháp luật dân sự về chế định hợp đồng | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | VNPT | |
| 36 | 4 | Tại điểm đ, ý 1: Đề nghị bỏ ý “Việc trả lời chấp nhận  sau thời hạn này được coi là một thông điệp mời giao kết hợp đồng khác từ phía bên mời giao kết”, sửa lại thành “Trường hợp bên mời giao kết có công bố thời hạn trả lời đề nghị giao kết hợp đồng, nếu hết thời hạn này mà bên đề nghị giao kết vẫn không nhận được trả lời thì đề nghị giao kết hợp đồng chấm dứt hiệu lực.  Việc trả lời chấp thuận sau thời hạn này sẽ không có hiệu lực như một thông điệp. Các bên giao kết sẽ thực hiện một đề nghị giao kết hợp đồng mới”. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Thanh Hoá | |
| 36.37 | Khác | Tại tên gọi Điều 36 quy định về giao kết hợp đồng điện tử, đề nghị giao kết, chấp nhận giao kết và hiệu lực hợp đồng điện tử. Tuy nhiên, phần nội dung của Điều chưa có quy định về hiệu lực hợp đồng điện tử. Do đó, cần nghiên cứu, bổ sung thêm. Tương tự, tại tên gọi Điều 37 có nêu “thực hiện hợp đồng điện tử”; tuy nhiên, nội dung Điều chưa có quy định. Do đó, cần nghiên cứu, bổ sung thêm. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Cần Thơ | |
| 37 | 3 | Tại Điều 37: Đề nghị sửa quy định tại khoản 3 “Hệ thống máy chủ được đầu tư hoặc thuê ngoài lưu trữ thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường số phải được đặt tại Việt Nam” thành “Hệ thống hạ tầng được đầu tư hoặc thuê ngoài lưu trữ thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường số phải được đặt tại Việt Nam”, vì ngoài máy chủ thì việc lưu trữ thông tin còn cần sử dụng thêm các thiết bị khác (thiết bị lưu trữ/sao lưu, thiết bị mạng...). | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Bộ Tài chính | |
| 38 | Khác | Đề nghị làm rõ mức độ được xác thực đảm bảo tin cậy được quy định do Theo quy định này của Dự thảo thể hiện việc chấp thuận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu thông báo trong quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử nếu dữ liệu thông báo đó được xác thực đảm bảo tin cậy. Khoản 2 Điều 10 quy định về các mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu theo thứ tự với 4 cấp độ từ thấp đến cao. Tuy nhiên Điều 38 lại chưa xác định được “thông báo được xác thực đảm bảo tin cậy” là thông điệp dữ liệu với độ tin cậy ở mức độ nào. | Tiếp thu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không thuộc phạm vị điều chỉnh của dự thảo mà cần được quy định tại các pháp luật chuyên ngành khác. | VNPT | |
| 38 | Khác | Đề nghị sửa lại như sau: Trong giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử, thông báo dưới dạng thông điệp dữ liệu có giá trị pháp lý như thông báo bằng văn bản nếu thông điệp dữ liệu thông báo được xác thực đảm bảo tin cậy | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Viettel | |
| 38 | Khác | Về giá trị pháp lý của thông báo trong giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử (Điều 38): Bổ sung quy định cụ thể mức độ tin cậy của thông báo dưới dạng thông điệp dữ liệu cần đạt đến cấp độ bao nhiêu (từ cấp I đến cấp 4) thì có giá trị tương đương như thông báo bằng phương pháp truyền thống. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Bộ Quốc Phòng | |
| 38 | Khác | Dự thảo yêu cầu thông điệp dữ liệu thông báo phải được xác thực bảo đảm tin cậy. Như đã trình bày ở trên, hiện nay có rất nhiều phương thức điện tử đang được sử dụng, việc xác thực bảo đảm tin cây là bất khả thi đối với nhiều phương thức điện tử. Do đó đề nghị bỏ quy định tại Điều này, trong trường hợp có nghi ngờ về tính xác thục của thống điệp, có thể yêu cầu giám định của chuyên gia tương tự như đối với văn bản giấy | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | MSB, VCCI | |
| 39 | Khác | Tại Điều 39, Chương V: Đề nghị đổi tên Điều thành “Hợp đồng điện tử mẫu” để phù hợp với nội dung của Điều này. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Bộ Nội vụ | |
| 39 | Khác | Tiêu đề của Điều 39 là “Hợp đồng điện tử và hợp đồng điện tử mẫu”, tuy nhiên trong nội dung của Điều chỉ quy định hợp đồng điện tử mẫu, không đề cập tới hợp đồng điện tử. Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa cho thống nhất giữa tên Điều và nội dung của Điều. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Bộ Tài chính | |
| 39 | 1.2 | Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định và làm rõ thêm nội dung về mối liên hệ giữa “Hợp đồng điện tử” và “Hợp đồng điện tử mẫu” như tiêu đề nội dung Điều 39, ngoài 2 nội dung quy định về “Hợp đồng điện tử mẫu” nêu trên | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Thừa Thiên Huế | |
| 39 | 2 | 5. Khoản 2 Điều 39, đề nghị xem xét dẫn chiếu cụ thể “trọng tài cung cấp nền tảng hòa giải và/hoặc trọng tài trực tuyến được cấp phép” được cấp phép theo quy định của pháp luật nào. Trường hợp chưa có quy định, đề nghị có quy định về nội dung này. 2 | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Bộ TNMT | |
| 39 | 2 | Khoản 2 Điều 39 dự thảo Luật quy định “tổ chức hòa giải và trọng tài cung cấp nền tảng hòa giải và/hoặc trọng tài trực tuyến được cấp phép”, đề nghị nghiên cứu làm rõ nội dung quy định này, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về hòa giải, trọng tài thương mại. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Bộ Tư pháp | |
| 39 | 2 | Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét về tính khả thi và sự phù hợp của quy định này với các quy định của pháp luật hiện hành. Lý do: Việc giải quyết tranh chấp giữa các bên trong hợp đồng do các bên thỏa thuận và có thể lựa chọn giải quyết qua tự hòa giải hoặc trọng tài hoặc tòa án. Quy định của Dự thảo chỉ giới hạn ở hòa giải và trọng tài sẽ làm giới hạn quyền lựa chọn của các chủ thể. Ngoài ra, việc giải quyết tranh chấp cũng bị giới hạn ở việc phải có nền tảng hòa giải/trọng tài trực tuyến sẽ làm hạn chế quyền lựa chọn giải quyết tranh chấp trực tiếp tại cơ quan tố tụng của các bên liên quan. | Tiếp thu. Nội dung về hợp đồng điện tử đã được điều chỉnh lại nội dung và kết cấu do trong quá trình tiếp thu ý kiến góp ý và thực tiễn triển khai, nội dung trên không gặp phải vướng mắc cần quy định lại để thực thi. Do đó dự thảo mới theo hướng sử dụng lại các quy định cũ của Luật GDĐT 2005 | Viettel | |
| Chương VI Dịch vụ tin cậy và hỗ trợ giao dịch điện tử | | | | |
| Khác |  | Về Chương IV (dịch vụ tin cậy và hỗ trợ giao dịch điện tử): Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung các quy định cụ thể về dịch vụ định danh điện tử, xác thực điện tử và dịch vụ tin cậy. Ngoài dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử còn có 03 loại hình dịch vụ có chức năng tương đồng, đều nhằm xác định tính chính xác của nội dung và người gửi dữ liệu điện tử (dịch vụ tin cậy, dịch vụ định danh điện tử, xác thực điện tử). Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo tiến hành rà soát và thống nhất các quy định trên, nhằm tránh nguy cơ chồng chéo quy định về các dịch vụ về xác thực điện tử. | Tiếp thu một phần. Dự thảo Luật đã đưa ra quy định về tài khoản định danh điện tử và một số vấn đề liên quan tại điều 52. Tuy nhiên không quy định chi tiết về dịch vụ định danh và xác thực điện tử trong dự thảo Luật này nhằm tránh phát sinh các dịch vụ kinh doanh có điều kiện chưa được quy định. | Bộ VHTTDL | |
| Khác |  | Tại Chương VI và Điều 78 dự thảo Luật quy định về dịch vụ tin cậy và tạo lập, xác thực điện tử trong Chính phủ điện tử, Chính phủ số: Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 34/2021/QĐ-TTg ngày 08/11/2021 quy định về định danh và xác thực điện tử trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh và Bộ Công an đang được Chính phủ giao xây dựng dự thảo Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử. Tài khoản định danh điện tử sẽ là tài khoản được sử dụng để thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công và các hoạt động khác theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân (trong đó, tài khoản định danh và xác thực điện tử được tạo lập bởi hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an được sử dụng bắt buộc trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công). Do vậy, đề nghị rà soát, chỉnh lý dự thảo Luật cho phù hợp, bảo đảm việc ứng dụng, sử dụng tài khoản định danh điện tử và xác thực điện tử vào hoạt động của Chính phủ điện tử, Chính phủ số, phục vụ các giao dịch điện tử và các hoạt động khác theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân. Trường hợp dịch vụ tin cậy có phạm vi, nội dung trùng lặp với dịch vụ định danh và xác thực điện tử thì đề nghị cân nhắc lược bỏ khỏi dự thảo Luật này. | Tiếp thu, đã rà soát để tránh trùng lặp dịch vụ định danh và xác thực điện tử | Bộ Công an | |
| Khác |  | Điều 22 quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ về tài khoản giao dịch điện tử; Điều 41 quy định về giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ tin cậy, dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử, Điều 42 quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ tin cậy, Điều 47 quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử; Điều 49 quy định về điều kiện và chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ đánh giá tín nhiệm hệ thống giao dịch điện tử; Điều 50 quy định về điều kiện và chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ thông tin xếp hạng tín nhiệm số. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 4 Luật Đầu tư năm 2020 quy định: “Quy định về tên ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong các luật khác phải thống nhất với Điều 6 và các Phụ lục của Luật Đầu tư”. Theo đó, tại Phụ lục IV về kinh doanh có điều kiện chỉ quy định đối với dịch vụ chứng thực chữ ký số (Mục 119), dịch vụ định danh và xác thực điện tử (Mục 131). Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình làm rõ về loại hình dịch vụ này, báo cáo Quốc hội xem xét bổ sung trong Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật Đầu tư (nếu cần thiết) để làm cơ sở quy định điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các lĩnh vực này. | Tiếp thu, Hiện dự thảo Luật chỉ còn dịch vụ tin cậy gồm (chữ ký điện tử; dấu thời gian; thông điệp dữ liệu). Đơn vị chủ trì sẽ báo cáo giải trình Quốc hội đối với các dịch vụ chưa có quy định tại Luật đầu tư. | Bộ Tư pháp | |
| Khác |  | Điều 40, 41, 46, 47 – Dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử . Điều 46 quy định Bộ TT & TT quản lý dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử , bao gồm cả việc cấp và thu hồi giấy phép kinh doanh . Điều này quy định trách nhiệm chung của Bộ TT & TT đối với tất cả các lĩnh vực liên quan đến dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử , không phân biệt giữa các lĩnh vực và doanh nghiệp. Nó có thể tạo ra xung đột về thể chế với các cơ quan chính phủ khác , chẳng hạn như NHNN , cơ quan hiện đang quản lí việc thanh toán Nhiều siêu ứng dụng cung cấp dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử dưới nhiều hình thức , hiện đang nằm dưới sự quản lý của các cơ quan nhà nước khác nhau. Họ đang tuân thủ việc cấp phép hành chính rộng rãi; do đó, việc yêu cầu giấy phép bổ sung về dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử là một gánh nặng hành chính không cần thiết.  Khuyến nghị: Bỏ việc cấp giấy phép mới cho dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử. | Tiếp thu: Đã điều chỉnh lại các hoạt động của dịch vụ tin cậy, lược bỏ dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 40 | Khác | Việc các hiệp hội, cơ quan, tổ chức thực hiện hoạt động xếp hạng, đánh giá tín nhiệm là phổ biến trong thực tiễn và cũng phù hợp với yêu cầu đảm bảo tính khách quan, trung lập trong đánh giá. Do vậy, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung thêm chủ thể là các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong việc xếp hạng tín nhiệm số và đánh giá tín nhiệm hệ thống giao dịch điện tử. | Tiếp thu và đã lược bỏ dịch vụ này tại dự thảo để tránh phát sinh các dịch vụ kinh doanh có điều kiện chưa thực sự cần thiết để điều chỉnh hoặc phải quản lý. | Bộ Công Thương | |
| 40 | Khác | Tại Điều 40 dự thảo Luật quy định về dịch vụ tín nhiệm số (gồm đánh giá, xếp hạng tín nhiệm số, đánh giá tín nhiệm hệ thống giao dịch điện tử); quy định này làm phát sinh thêm thủ tục hành chính cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân. Đồng thời, việc đánh giá mức độ tin cậy của hệ thống giao dịch điện tử và cung cấp thông tin về độ tin cậy của các đối tượng tham gia giao dịch điện tử là trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, việc để các tổ chức, doanh nghiệp đánh giá, xếp hạng có thể sẽ không bảo đảm yếu tố khách quan, minh bạch; do vậy, đề nghị cân nhắc chỉnh lý hoặc lược bỏ quy định về dịch vụ n | Tiếp thu và đã lược bỏ dịch vụ này tại dự thảo để tránh phát sinh các dịch vụ kinh doanh có điều kiện chưa thực sự cần thiết để điều chỉnh hoặc phải quản lý. | Bộ Công an | |
| 40 | Khác | Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung hướng dẫn về thủ tục đánh giá rút gọn trong trường hợp tổ chức muốn cung cấp nhiều dịch vụ (có thể sử dụng đánh giá của hồ sơ đã được cấp phép của dịch vụ liên quan), và quy định cụ thể hình thức nộp hồ sơ đề nghị cấp phép và nhận kết quả đánh giá theo hướng cho phép thực hiện qua hình thức trực tuyến. Đồng thời xem xét về việc không quy định chi tiết về trình tự, thủ tục cấp các loại giấy phép tại văn bản Luật mà sẽ được cụ thể tại văn bản dưới Luật nhằm thuận tiện trong trường hợp thực tiễn triển khai cần phải sửa đổi, bổ sung. | Tiếp thu, bổ sung quy định Chính phủ quy định chi tiết trình tự thủ tục (văn bản dưới Luật) | Viettel | |
| 40 | 1 | Điểm d khoản 1 Điều 40 quy định về “chứng thực giao dịch, giao kết và hợp đồng điện tử”, đề nghị chỉnh lý thành “chứng thực giao dịch, hợp đồng điện tử” để bảo đảm chính xác.  Theo quy định tại Điều 116 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì giao dịch dân sự là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương. Tuy nhiên, dự thảo Luật (chương V và nhiều nội dung quy định khác) mới chỉ có quy định về hợp đồng điện tử mà chưa có quy định liên quan đến hành vi pháp lý đơn phương điện tử, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung | Tiếp thu và đã lược bỏ dịch vụ này tại dự thảo. | Bộ Tư pháp | |
| 40 | 1 | đề nghị bổ sung Dịch vụ chứng thực phương pháp chứng thực tin cậy được sử dụng để xác định cá nhân, tổ chức ký và xác nhận sự chấp thuận của cá nhân, tổ chức đó đối với thông tin có trong chúng thư điện tử để phù hợp với quy định tại Điều 18, Khoản 3 Dự thảo | Tiếp thu, đã quy định trong nội hàm của dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu tại Điều 30 của dự thảo | MSB, VCCI | |
| 40 | 3 | Khoản 3 quy định về “dịch vụ thực hiện nhằm đánh giá mức độ tin cậy của hệ thống giao dịch điện tử và cung cấp thông tin về độ tin cậy của các đối tượng trong giao dịch điện tử” , do đó, đề nghị xem xét bổ sung trong Dự thảo các hướng dẫn về mức độ tin cậy của hệ thống giao dịch điện tử và mức độ tin cậy của đối tượng trong giao dịch điện tử tương tự như hướng dẫn về mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu tại Điều 10 để làm căn cứ đánh giá. | Tiếp thu và đã lược bỏ dịch vụ này tại dự thảo. | Ngân hàng Nhà nước | |
| 40 | 4 | Khoản 4 đề cập đến khái niệm “dịch vụ thông tin tín nhiệm số” nhưng khái niệm này chưa được giải thích trong Dự thảo, mà chỉ có khái niệm “Dịch vụ tín nhiệm số” được giải thích tại Khoản 3, Điều 40. Đề nghị rà soát để sử dụng và giải thích thuật ngữ một cách thống nhất. | Tiếp thu và đã lược bỏ dịch vụ này tại dự thảo. | Ngân hàng Nhà nước | |
| 40 | 4 | Tại khoản 4 Điều 40 có quy định “Kinh doanh dịch vụ tin cậy, dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử, dịch vụ thông tin tín nhiệm số là ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Việc kinh doanh dịch vụ tin cậy phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định của pháp luật có liên quan”: Đề nghị điều chỉnh như sau: “Kinh doanh dịch vụ tin cậy, dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử, dịch vụ thông tin tín nhiệm số là ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Việc kinh doanh dịch vụ tin cậy, dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử, dịch vụ thông tin tín nhiệm số phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định của pháp luật có liên quan”.    Đề nghị rà soát sử dụng thống nhất từ “nhà cung cấp dịch vụ” hay “tổ chức cung cấp dịch vụ” cho toàn dự thảo Luật (ví dụ: Điều 40 có đề cập “Dịch vụ tin cậy trong giao dịch điện tử (gọi tắt là dịch vụ tin cậy) là các dịch vụ do nhà cung cấp dịch vụ thực hiện thông qua môi trường mạng nhằm xác minh, chứng thực sự tin cậy trong giao dịch điện tử...”, “Dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử là các dịch vụ do nhà cung cấp dịch vụ thực hiện thông qua môi trường mạng nhằm hỗ trợ, thúc đẩy, tham gia thực hiện một phần hay toàn bộ quá trình giao dịch điện tử”, “Dịch vụ tín nhiệm số là các dịch vụ do nhà cung cấp dịch vụ thực hiện nhằm đánh giá mức độ tin cậy của hệ thống giao dịch điện tử và cung cấp thông tin về độ tin cậy của các đối tượng trong giao dịch điện tử”); Trong khi đó Điều 47 đề cập “Các tổ chức cung ứng dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử phải đảm bảo đáp ứng đủ các điều kiện sau...”, | Tiếp thu, chỉnh sửa điều này phù hợp quy phạm, trách nhiệm tuân thủ tuỳ theo từng dịch vụ; rà soát sử dụng thống nhất thành tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ. | Long An | |
| 40 |  | “Điều 40. Quy định chung đối với dịch vụ tin cậy, dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử, dịch vụ tín nhiệm số:  1. Dịch vụ tin cậy bao gồm:  a) Dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử;  …  3. Dịch vụ tín nhiệm số bao gồm:  a) Dịch vụ đánh giá tin nhiệm hệ thống giao dịch điện tử;  …” | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam | |
| 40 | 1 | Đưa vào Điều 4, Giải thích từ ngữ | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | VNPT | |
| 40 | 4 | 6. Khoản 4 Điều 40, đề nghị xem xét các ngành nghề kinh doanh có điều kiện được nêu tại Khoản này để bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đầu tư 2020. | Tiếp thu và đã thực hiện rà soát, đảm bảo các dịch vụ kinh doanh có điều kiện tuân thủ Luật Đầu tư hoặc giải trình Quốc hội khi cần thiết. | Bộ TNMT | |
| 40 | 6 | “thông tin quy định tại mục a, khoản 2 cho tổ chức cung cấp dịch vụ..." Đề nghị điều chỉnh mục thành điểm cho đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và bổ sung nội dung đó quy định tại Điều nào để đảm bảo tính khả thi khi Luật được ban hành. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý điểm, mục, tên điều phù hợp. | Tổng công ty đường sắt VN | |
| 41 | Khác | **Điều 41 về Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ tin cậy, dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung quy định tại dự thảo Luật (Điều này hiện không có nội dung mà chỉ giao Bộ TT&TT quy định cụ thể).** | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý bổ sung, giao Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận và chỉnh sửa tên điều phù hợp | Bộ KHCN | |
| 41 | Khác | Tại Điều 41: Đề nghị rà soát việc giao nhiệm vụ cho Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cụ thể về “a) Trình tự, thủ tục, đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ”, “c) Thủ tục cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, thay đổi nội dung, cấp lại, thu hồi tạm thời, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ”…, do các nội dung này thuộc thủ tục hành chính, không thuộc thẩm quyền quy định của cấp Bộ (theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2014). | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý bổ sung, giao Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận và chỉnh sửa tên điều phù hợp | Bộ Tài chính | |
| 41 | Khác | Khoản 1 Điều 22 dự thảo Luật quy định: “Dịch vụ về tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm là dịch vụ tạo lập, lưu trữ, quản lý, duy trì tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm, cung cấp thông tin giao dịch làm minh chứng theo yêu cầu của chủ tài khoản cho bên thứ 3”. Điều kiện cung cấp dịch vụ về tài khoản giao dịch đảm bảo quy định tại Điều 41 Luật này (Điều 41 là Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ tin cậy, dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử).  Như vậy, dịch vụ về tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm về bản chất cũng là một loại hình dịch vụ tin cậy, giúp xác định tính tin cậy cho chủ tài khoản đó. Tuy nhiên, việc xác mình tài khoản giao dịch điện tử bảo đảm có thể liên quan đến các dữ liệu cá nhân của người đó như số căn cước công dân, mã số thuế v.v…. Việc cho phép bên thứ ba có thể tiếp cận và lưu trữ dữ liệu cá nhân như vậy có thể đi ngược lại các nguyên tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo mật thông tin cá nhân đã được quy định tại các văn bản luật khác như Luật An ninh mạng, Luật An toàn thông tin mạng v.v… Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại tính khả thi khi quy định về loại hình dịch vụ trên, đồng thời xin ý kiến của Bộ Công An về nội dung trên. | Tiếp thu và đã lược bỏ dịch vụ này tại dự thảo. | Bộ Công Thương | |
| 41 | Khác | - Điều 41 dự thảo Luật giao Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ (điểm a); thủ tục cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, thay đổi nội dung, cấp lại, thu hồi tạm thời, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ (điểm c). Cơ quan chủ trì soạn thảo cần làm rõ sự khác biệt giữa hai nội dung này vì giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ thực chất là kết quả của việc đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ; do đó việc đề nghị cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, thay đổi nội dung, cấp lại, thu hồi tạm thời, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ và thủ tục đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ về bản chất là như nhau.  - Điểm b Điều 41 dự thảo Luật quy định Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cụ thể về “Tiêu chuẩn kỹ thuật và các điều kiện cần thiết khác đối với hoạt động cung cấp dịch vụ”. Cơ quan chủ trì soạn thảo nên quy định rõ các điều kiện cần thiết khác sẽ được giao Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định, tránh việc quy định thêm điều kiện ngoài những điều kiện đã được quy định tại các Điều 42, 47, 49 dự thảo Luật. | Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Luật. Lược bỏ nội dung 'các điều kiện cần thiết khác'; đồng thời bổ sung trách nhiệm quy định chi tiết các điều kiện cung cấp dịch vụ của Chính phủ. | Bộ VHTTDL | |
| 41 | 1 | Đề nghị bổ sung khoản 1 mới theo hướng: (1) Giấy chức nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ tin cậy, dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử là văn bản bằng bản giấy hoặc bản điện tử ghi lại những thông tin về ……. mà … cấp cho nhà cung cấp dịch vụ; (2) Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cụ thể về các nội dung sau đây:… | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý bổ sung, giao Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận và chỉnh sửa tên điều phù hợp | BHXHVN | |
| 41,42,43 | Khác | Tại Điều 41, 42, 45 dự thảo Luật quy định về điều kiện chung đối với dịch vụ tin cậy và điều kiện riêng đối với chứng thực hợp đồng điện tử có một số điều kiện: có Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ tin cậy; điều kiện về kỹ thuật, hệ thống công nghệ thông tin, giải pháp công nghệ, bảo đảm tính toàn vẹn dữ liệu, phương án định danh và chứng thực điện tử của các bên liên quan đến hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử, … mà đã được quy định tại pháp luật chuyên ngành và thực thi tốt trong thực tiễn như Nghị định 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử.  Trong trường hợp một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử, trước khi cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau: (i) phải Đăng ký đảm bảo tin cậy trong hoạt động của hệ thống giao dịch điện tử (theo khoản 1 Điều 52 dự thảo Luật, do dịch vụ này được thực hiện trên nền tảng của hệ thống giao dịch điện tử); (ii) phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ tin cậy (theo Điều 41 dự thảo Luật); (iii) phải Đăng ký cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử theo pháp luật chuyên ngành (theo quy định tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP); (iv) ngoài ra, các tổ chức này phải thực hiện các thủ tục hành chính khác về dịch vụ số, nền tảng số tại dự thảo Luật này. Như vậy, quy định của dự thảo như hiện nay rất chồng chéo, dẫn đến doanh nghiệp phải thực hiện nhiều thủ tục hành chính và không rõ ràng về thẩm quyền. | Tiếp thu và đã lược bỏ dịch vụ này tại dự thảo. | Bộ Công Thương | |
| 41.42 | Khác | Trong dự thảo Luật đang bị trùng nhiều ý với nội dung của Nghị định 52 / 2013 / NĐ CP về thương mại điện tử. Việc này có thể dẫn tới khó khăn cho doanh nghiệp trong việc xin cấp phép đối với các cơ quan Nhà nước, không phân định rõ về mặt thẩm quyền cấp giấy phép thuộc Cơ quan Nhà nước nào | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý, quy định rõ thẩm quyền (tuân thủ pháp luật chuyên ngành) | FPTIS | |
| 42 | Khác | Tại điểm b khoản 1 Điều 42 sửa đổi, bổ sung như sau: “Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, tổ chức là công dân Việt Nam và thưởng trú tại Việt Nam”. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | Bộ Quốc Phòng | |
| 42 | Khác | Tại Điều 42: Quy định tại điểm a khoản 1 về điều kiện đối với chủ thể và nhân sự cung cấp dịch vụ tin cậy “Là doanh nghiệp, tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam” không áp dụng được cho các trường hợp chủ thể cung cấp dịch vụ tin cậy là cơ quan nhà nước (Ban Cơ yếu Chính phủ cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, dịch vụ cấp dấu thời gian; Ủy ban nhân dân các cấp cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu và chứng thư điện tử). Đề nghị rà soát lại quy định này. | Bảo lưu do cụm từ 'tổ chức' có bao hàm cả cơ quan nhà nước theo thẩm quyền. | Bộ Tài chính | |
| 42 | 5 | - Về điều kiện hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy đối với dịch vụ chứng thực (cấp dấu) thời gian tại Điều 42 của dự thảo đề nghị nghiên cứu cơ chế đánh giá công nhận năng lực cung cấp các dịch vụ dán nhãn thời gian. Các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực thời gian đáp ứng các tiêu chí yêu cầu của chương trình để được công nhận như: vấn đề kỹ thuật; quản lý và vận hành; cơ sở vật chất; an ninh mạng,…;  - Đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 40 của dự thảo như sau:   “5. Nguồn thời gian của các tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy phải tuân theo quy định của pháp luật về nguồn thời gian chuẩn đo lưởng quốc gia.   Đồng hồ của máy chủ thời gian của các tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy phải được định kỳ hiệu chuẩn / kiểm định theo pháp luật về đo lường và bảo đảm duy trì độ chính xác trong quá trình sử dụng.”.  Lý do: Nguồn thời gian chuẩn đo lường quốc gia là chuẩn đo lường quốc gia về thời gian được phê duyệt theo quy định của Luật Đo lường. Các đồng hồ (có thể là đồng hồ của máy tính chủ chuyên dùng...) của tổ chức cung cấp dịch vụ để cung cấp thời gian cho mỗi giao dịch là phương tiện đo thời gian. Để đảm bảo tính thống nhất minh bạch, khách quan, chính xác, công bằng do tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy trong giao dịch điện tử thực hiện thì đồng hồ của máy chủ thời gian của các tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy phải được kiểm soát đo lường (kiểm định, hiệu chuẩn) theo quy định của pháp luật về đo lường. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý như sau:  - Dịch vụ cấp dấu thời gian tại dự thảo hiện đã quy định một số điều kiện cung cấp dịch vụ;  -Tiếp thu nội dung đồng hồ của máy chủ... và giao Chính phủ (T) quy định chi tiết các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. | Tổng cục Đo lường chất lượng | |
| 42 | 2 | Ký quỹ không kỳ hạn tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam để giải quyết các rủi ro và các khoản đền bù có thể xảy ra trong quá trình cung cấp dịch vụ do lỗi của Tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy thanh toán chi phi tiếp nhận và duy trì cơ sở dữ liệu trong trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận.  FPT đề nghị Quý Bộ nêu rõ nguyên tắc tính toán số tiền ký quỹ cần thiết được nêu trong mục này. | Tiếp thu và sẽ quy định giá trị ký quỹ sẽ được quy định chi tiết tại các văn bản hướng dẫn Luật. | FPTIS | |
| 43 | Khác | Bổ sung 01 khoản tại Điều 43, cụ thể như sau: “4a. Ban Cơ yếu Chính phủ quản lý, duy trì dịch vụ cấp dấu thời gian phục vụ chứng thực chữ ký điện tử chuyên dùng Chính phủ”. | Cơ quan chủ trì soạn thảoBảo lưu, lý do: Ban Cơ yếu Chính phủ thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao. | Ban Cơ yếu Chính phủ | |
| 43 | Khác | - Cấp dấu thời gian (Điều 43) Bổ sung 01 khoản, cụ thể: “4. Ban Cơ yếu Chính phủ quản lý, duy trì dịch vụ cấp dấu thời gian phục vụ chứng thực chữ ký điện tử chuyên dùng Chính phủ”.  Lý do: Bảo đảm phù hợp với khoản 5 Điều 2 Nghị định số 09 / 2014 / NĐ - CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Cơ yếu Chính phủ | Cơ quan chủ trì soạn thảoBảo lưu, lý do: Ban Cơ yếu Chính phủ thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao. | Bộ Quốc   Phòng | |
| 43 | 1 | Đưa vào Điều 4, Giải thích từ ngữ và định nghĩa lại do Hiện tại đang định nghĩa chứng thư điện tử thời gian tương đương với dấu thời gian điện tử là không chính xác, cụ thể là không phù hợp với nội dung ở Khoản 3 (nội dung của chứng thư) | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | VNPT | |
| 43 | 2 | **Các nghiệp vụ liên quan tới chứng thư cần đồng bộ với nhau tương tự như tại Điều 30 khoản 1** | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | VNPT | |
| 44 | 1 | **Đưa vào Điều 4, Giải thích từ ngữ. Và đề xuất mô tả rõ hơn nội hàm các khái niệm: chứng thư điện tử thông điệp sự khác nhau giữa chứng thư điện tử và chứng thư điện tử thông điệp; phân biệt giữa tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử và tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp.** | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | VNPT | |
| 44 | 2 | Các nghiệp vụ liên quan tới chứng thư cần đồng bộ với nhau tương tự như tại Điều 30 khoản 1 | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | VNPT | |
| 45 | Khác | Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc kỹ về sự cần thiết, tính khả thi và hợp lý của quy định về loại hình dịch vụ chứng thực giao dịch, giao kết và hợp đồng điện tử (với nội hàm dịch vụ theo quy định tại Điều 45 là “xác minh, xác thực hoặc chứng thực mức độ tin cậy của giao dịch, giao kết hợp đồng điện tử). Việc xác thực mức độ tin cậy của giao dịch, giao kết và hợp đồng có thể bao hàm cả việc xác minh năng lực hành vi của chủ thể, tính hợp pháp của giao dịch hoặc tài sản giao dịch… là những vấn đề vượt quá năng lực cũng như thẩm quyền của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ.  Với vai trò là luật khung về giao dịch điện tử, đặt trong tương quan với các luật chuyên ngành, Luật này chỉ nên quy định các vấn đề kỹ thuật nhằm đảm bảo độ tin cậy của thông điệp dữ liệu như chữ ký điện tử, dấu thời gian, chứng thư điện tử, chứng thực thông điệp dữ liệu (và các dịch vụ tin cậy tương ứng). Còn việc áp dụng các yếu tố kỹ thuật nói trên ở mức độ nào để chứng thực cho giao dịch, giao kết và hợp đồng điện tử trong từng lĩnh vực chuyên ngành (ngân hàng, bảo hiểm, tài chính, thương mại, dân sự…) thì cần thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý. Hiện dự thảo đã chỉnh sửa còn dịch vụ chữ ký điện tử, dấu thời gian, thông điệp dữ liệu mang tính cần thiết, là dịch vụ tin cậy; chỉ doanh nghiệp đủ năng lực, điều kiện mới có thể cung cấp dịch vụ; dự thảo Luật cũng đã quy định các nội dung kỹ thuật; chi tiết do Chính phủ quy định. | Bộ Công Thương | |
| 45 | 1 | Đưa vào Điều 4, Giải thích từ ngữ. Và đề xuất mô tả rõ hơn nội hàm của khái niệm chứng thư điện tử giao dịch, sự khác nhau giữa các chứng thư điện tử khác với chứng thư điện tử giao dịch, cách thức phân biệt giữa nhà cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử và nhà cung cấp dịch vụ chứng thực giao dịch | Tiếp thu và đã lược bỏ dịch vụ này tại dự thảo. | VNPT | |
| 45 | 2 | Các nghiệp vụ liên quan tới chứng thư cần đồng bộ với nhau tương tự như tại Điều 30 khoản 1 | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | VNPT | |
| 45 | 2 | điểm d khoản 8 Điều 45 quy định Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hoạt động của dịch vụ chứng nhận tài khoản giao dịch điện tử tin cậy, đề nghị làm rõ đây là dịch vụ gì, có phải là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hay không? Nếu có, đề nghị cân nhắc nghiên cứu, giải trình, báo cáo Quốc hội xem xét bổ sung trong Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật Đầu tư để làm cơ sở quy định điều kiện đầu tư kinh doanh đối với lĩnh vực này. | Tiếp thu và đã lược bỏ dịch vụ này tại dự thảo. | Bộ Tư pháp | |
| 46 | Khác | Tiêu đề của điều quy định về nguyên tắc hỗ trợ giao dịch điện tử. Tuy nhiên, nội dung của điều quy định về dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử, nguyên tắc thực hiện hỗ trợ trong giao dịch điện tử, quyền và trách nhiệm của tổ chức cung cấp, tổ chức sử dụng dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử, trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông. Đề nghị quy định thống nhất tiêu đề và nội dung của Điều. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | Tiền Giang | |
| 46 | 1 | Khoản 1 Điều 46 dự thảo Luật quy định: “Dịch vụ hỗ trợ giao dịch là dịch vụ trong đó nhà cung cấp dịch vụ được ủy quyền thực hiện một số hoặc toàn bộ các công đoạn của quá trình giao dịch điện tử”.  Nội hàm khái niệm “dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử” như trên còn rất mơ hồ, chưa rõ bao gồm các loại hình dịch vụ cụ thể gì, thậm chí có thể hiểu bao gồm các dịch vụ trung gian trong một số lĩnh vực chuyên ngành (thuế, bảo hiểm, chứng khoán, ngân hàng-tài chính, thương mại) và một số dịch vụ của nền tảng số. Từ đó, thiếu căn cứ để có thể xây dựng các quy định về quyền và trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử tại khoản 3, 4 Điều 46, điều kiện cung cấp dịch vụ tại Điều 47 cũng như chưa có căn cứ để giao trách nhiệm cho Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về dịch vụ này tại điểm a khoản 7 Điều 46. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ nội hàm khái niệm, có phân loại cụ thể các dịch vụ thuộc phạm vi loại hình dịch vụ trên, từ đó mới có căn cứ để quy định trách nhiệm của các bên. | Tiếp thu và đã lược bỏ dịch vụ này tại dự thảo để tránh phát sinh các dịch vụ kinh doanh có điều kiện chưa thực sự cần thiết để điều chỉnh hoặc phải quản lý. | Bộ Công Thương | |
| 46 | 1 | **Đề nghị bỏ nội dung quy định tại khoản 1 Điều 46 dự thảo Luật (nguyên tắc hỗ trợ giao dịch điện tử) vì nội dung này đã được quy định tại khoản 2 Điều 40 dự thảo Luật này.** | Tiếp thu và đã lược bỏ dịch vụ này tại dự thảo. | Bộ Công an | |
| 46 | 6 | - Tại Khoản 6 Điều 46; Khoản 1 Điều 77: không có hoặc thiếu Điểm đ, đề  nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại thứ tự các điểm tại các Khoản này để đảm bảo  thống nhất trong toàn bộ nội dung Luật hoặc bổ sung nội dung của điểm đ (nếu có). | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | Lai Châu | |
| 46 | 7 | 7. Điểm b khoản 7 Điều 46, đề nghị xem xét quy định trách hiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông về dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử: “Cấp, thu hồi Giấy chứng nhận hoạt động cung cấp dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử”. Tuy nhiên, dự thảo Luật không có quy định cụ thể trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động cung cấp dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử. Trường hợp không quy định tại dự thảo Luật, đề nghị có điều khoản giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý bổ sung, giao Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận và chỉnh sửa tên điều phù hợp | Bộ TNMT | |
| 46 | 7 | Tại điểm b khoản 7 Điều 46 dự thảo Luật, đề nghị bổ sung quy định “cấp lại, cấp đổi” Giấy chứng nhận hoạt động cung cấp dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử đề bảo đảm thuận lợi trong quá trình thực hiện pháp luật và thống nhất quy định tại khoản 7 Điều này. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý bổ sung, giao Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận và chỉnh sửa tên điều phù hợp | Bộ Công an | |
| 47 | Khác | Tại Điều 47 dự thảo Luật quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử. Tuy nhiên, nội dung điều này ngoài quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử còn quy định về quy trình, thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử; hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động cung ứng dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử; thời hạn Giấy chứng nhận; thu hồi Giấy chứng nhận; cấp lại Giấy chứng nhận. Vì vậy, đề nghị Ban soạn thảo xem xét, chỉnh lý lại tên của Điều 47 để đảm bảo sự thống nhất, tương thích giữa tên và nội dung của điều này. Bên cạnh đó, tại Điều 47 dự thảo Luật, chỉ quy định các khoản 3, 4, 5, 6 và 7 nhưng lại không quy định khoản 1 và khoản 2, do vậy, đề nghị xem xét, quy định các khoản của điều này cho phù hợp.  Tương tự, đề nghị Ban soạn thảo xem xét, chỉnh lý lại tên của Điều 46 cho phù hợp với nội dung của điều này. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | Kon Tum | |
| 47 | Khác | Tại Điều 47, không có các khoản 1, 2 chỉ có các khoản 3-7. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | Hội Vô tuyến điện tử | |
| 47 | Khác | Về cách trình bày: Điều 47 có khoản 3 đến khoản 7 nhưng không có khoản 1 và khoản 2. Do đó, đề nghị xem xét, quy định các khoản của Điều cho phù hợp. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | Tiền Giang | |
| 47 | Khác | Điều 47 quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử đề nghị bổ sung khoản 1, khoản 2 cho phù hợp. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | Tổng Công ty đường sắt VN | |
| 47 | Khác | Tương tự Điều 46: Tiêu đề Điều 47 quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử. Tuy nhiên, nội dung Điều ngoài quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử còn quy định về quy trình, thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử; hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động cung ứng dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử; thời hạn Giấy chứng nhận; thu hồi Giấy chứng nhận; cấp lại Giấy chứng nhận. Đề nghị quy định thống nhất tiêu đề và nội dung của Điều. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | Tiền Giang | |
| 47 | Khác | Đề nghị xem xét bổ sung quy định cơ quan, người có thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý bổ sung, giao Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận và chỉnh sửa tên điều phù hợp | Tiền Giang | |
| 47 | Khác | Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát chỉnh sửa lại thứ tự các khoản, điểm tại Điều 47 dự thảo Luật. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | Quảng Ninh | |
| 47 | Khác | Đề nghị thống nhất nội dung : bản sao chứng thực hoặc bản sao có công chứng (quy định tại Điều 50, khoản 9, điểm b). | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý, Sử dụng thống nhất thuật ngữ bảo sao công chứng | Gia Lai | |
| 47 | 1 | Dự thảo quy định hoạt động cung ứng dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử là một trong các hoạt động kinh doanh chính của tổ chức. Đề nghị sửa điều kiện nói trên thành “là một trong các hoạt động kinh doanh của tổ chức” để không hạn chế việc pháp luật chuyên ngành yêu cầu doanh nghiệp phải thực hiện một số dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử nhưng lại không coi có là hoạt động kinh doanh chính | Tiếp thu và đã lược bỏ dịch vụ này tại dự thảo. | MSB, VCCI | |
| 47 | 1.2 | - Đề nghị rà soát, chỉnh sửa lại các khoản cho chính xác. Dự thảo bị thiếu khoản 1, khoản 2.  - Tại khoản a: “Là doanh nghiệp có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trong đó hoạt động cung ứng dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử là một trong các hoạt động kinh doanh chính của tổ chức”.  Đề nghị sửa lại như sau: “Là doanh nghiệp, có hoạt động cung ứng dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử là một trong các hoạt động kinh doanh chính của tổ chức”. Tương tự, đề nghị xem xét, chỉnh sửa tại các nội dung khác của dự thảo.  Lý do: để thành lập doanh nghiệp, bắt buộc phải có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | Gia Lai | |
| 47 | 1.2 | Đề nghị rà soát số thứ tự các khoản thuộc Điều này (thiếu khoản 1, 2). | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | Bộ Tài chính | |
| 47 | 3 | Tại khoản 3, điểm e: “Giấy phép thành lập hoặc đăng ký kinh doanh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức (bản sao chứng thực).”  + Đề nghị xem xét lại việc nộp bản sao chứng thực đối với các hồ sơ cấp giấy chứng nhận hoạt động. Vì hiện nay, đang đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số, đẩy mạnh giao dịch điện tử, tăng cường khai thác các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu để hạn chế việc nộp các giấy tờ, hồ sơ trong thực hiện các thủ tục hành chính, …; nhưng yêu cầu doanh nghiệp phải chứng thực hồ sơ là chưa hợp lý. Tương tự, đề nghị xem xét, chỉnh sửa tại các nội dung khác của dự thảo. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý bổ sung, giao Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận và chỉnh sửa tên điều phù hợp | Gia Lai | |
| 47 | 3.4 | 8. Điều 47, đề nghị nghiên cứu các nội dung sau: - Điều 47 không có khoản 1, khoản 2, đề nghị thiết kế điều khoản điểm theo quy định của pháp luật về ban hàn văn bản quy phạm pháp luật. - Điểm a khoản 3, đề nghị bổ sung quy định cụ thể cách thức nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận, bảo đảm bao gồm cả hình thức trực tuyến thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. - Khoản 4, đề nghị xem xét các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép để bảo đảm đơn giản giấy tờ công dân. - Trường hợp không quy định tại dự thảo Luật, đề nghị có điều khoản giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý bổ sung, giao Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận và chỉnh sửa tên điều phù hợp | Bộ TNMT | |
| 47 | 6 | **Đề nghị rà soát nội dung tại gạch đầu dòng thứ 2 của điểm b khoản 6 “Ngay khi nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp chứng nhận về việc thu hồi Giấy chứng nhận cung ứng dịch vụ trung gian trong giao dịch điện tử…”, vì khoản này quy định về quy trình, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử.** | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý bổ sung, giao Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận và chỉnh sửa tên điều phù hợp | Bộ Tài   chính | |
| 47 | 6 | Tại Khoản 6 Điều 47 về việc thu hồi giấy chứng nhận dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử, có nêu điều kiện thu hồi là: Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận, tổ chức đó không tiến hành triển khai hoạt động cung ứng dịch vụ.  Việc thu hồi có thể xảy ra trong nhiều tình huống, Luật chỉ nêu 1 tình huống này là không đủ; ví dụ như: đã triển khai dịch vụ nhưng để xảy ra sự cố an toàn dữ liệu, gây thiệt hại cho các bên liên quan sử dụng thì nhà nước cũng nên thu hồi giấy phép. Đề nghị xem xét, bổ sung. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý bổ sung, giao Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận và chỉnh sửa tên điều phù hợp | Đà Nẵng | |
| 48 | Khác | Đề nghị làm rõ vai trò của “Tổ chức cung cấp dịch vụ thông tin tín nhiệm số quốc gia” trong mối tương quan với các đơn vị kinh doanh dịch vụ thông tin xếp hạng tín nhiệm số. Đồng thời làm rõ vai trò của dịch vụ đánh giá tín nhiệm hệ thống giao dịch điện tử trong mối tương quan với hoạt động “đăng ký đảm bảo tin cậy trong hoạt động của hệ thống giao dịch điện tử” tại Điều 52 dự thảo. | Tiếp thu và đã lược bỏ dịch vụ này tại dự thảo. | Bộ Công Thương | |
| 48 | Khác | Điều 48 dự thảo quy định: “Dịch vụ đánh giá tín nhiệm hệ thống giao dịch điện tử là dịch vụ đánh giá sự an toàn, tin cậy của hệ thống giao dịch điện tử và trang thông tin điện tử.”  - Nghị định 52/2013/NĐ-CP có quy định về hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử tại Điều 61, Thông tư 47/2014/TT-BCT cũng có quy định về quy trình đăng ký đánh giá tín nhiệm tại Chương 3.  Do đó, quy định tại dự thảo như vậy là trùng lặp về phạm vi, thủ tục hành chính do website thương mại điện tử là thuộc phạm vi cả trang thông tin điện tử và hệ thống giao dịch điện tử. Trường hợp giữ lại quy định này, đề nghị bổ sung quy định nêu rõ “các hệ thống giao dịch điện tử, trang thông tin điện tử mà pháp luật chuyên ngành đã quy định thì thực hiện theo pháp luật đó”. | Tiếp thu và đã lược bỏ dịch vụ này tại dự thảo. | Bộ Công Thương | |
| 48 | Khác | Đề nghị làm rõ Điều 48 Quy định chung về dịch vụ tín nhiệm số. Khoản 3, Điều 48 quy định "Tổ chức cung cấp dịch vụ tín nhiệm số quốc gia là duy nhất và do Bộ Thông tin và Truyền thống chủ trì, các khoản 6-9 Điều 48 lại thể hiện dịch vụ này thuộc xã hội hóa? | Tiếp thu và đã lược bỏ dịch vụ này tại dự thảo. | Hội Vô tuyến điện tử | |
| 48 | 3 | **Đề nghị rà soát, thống nhất về sử dụng từ ngữ tại khoản 3: “Tổ chức cung cấp dịch vụ thông tin tín nhiệm số quốc gia… Tổ chức cung cấp dịch vụ tín nhiệm số quốc gia”.** | Tiếp thu và đã lược bỏ dịch vụ này tại dự thảo. | Bộ Tài chính | |
| 48 | 6 | Đề nghị bỏ quy định tại khoản 6 “Các tổ chức tiến hành cung cấp dịch vụ thông tin xếp hạng tín nhiệm số phải đăng ký với Bộ Thông tin và Truyền thông”, do khoản 10 Điều 50 quy định “Chính phủ quy định chi tiết quy trình thủ tục cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ thông tin xếp hạng tín nhiệm số”. | Tiếp thu và đã lược bỏ dịch vụ này tại dự thảo. | Bộ Tài chính | |
| 48 | 10 | Tại điểm d khoản 10 Điều 48 dự thảo quy định các hành vi nghiêm cấm trong hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ thông tin xếp hạng tín nhiệm số và tổ chức cung cấp dịch vụ đánh giá tín nhiệm hệ thống giao dịch điện tử là không phù hợp với tên của khoản. Đề nghị dự thảo tách riêng nội dung này. | Tiếp thu và đã lược bỏ dịch vụ này tại dự thảo. | Cao Bằng | |
| 49 | Khác | Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, xem xét bổ sung quy định về cơ quan, người có thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử (Điều 47) và Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ đánh giá tín nhiệm hệ thống giao dịch điện tử (Điều 49) để đảm bảo chặt chẽ về quy trình và không làm phát sinh nhiều thủ tục hành chính. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý bổ sung, giao Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận và chỉnh sửa tên điều phù hợp | Kon Tum | |
| 49 | 2 | Đề nghị sửa lại như sau: g) Xây dựng và thực hiện các quy định về việc lập, sử dụng, bảo quản, lưu trữ tài liệu điện tử, đánh giá sự đảm bảo tính toàn vẹn và giá trị của tài liệu điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý bổ sung, giao Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận và chỉnh sửa tên điều phù hợp | Viettel | |
| 49 | 3 | đề nghị nghiên cứu các nội dung sau: - Điểm a khoản 3 Điều 49, bổ sung quy định cụ thể cách thức nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận, bảo đảm bao gồm cả thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý bổ sung, giao Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận và chỉnh sửa tên điều phù hợp | Bộ TNMT | |
| 49 | 4 | đề nghị xem xét các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép để bảo đảm đơn giản giấy tờ công dân trên cơ sở kết nối, sử dụng, xác thực dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư . | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý bổ sung, giao Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận và chỉnh sửa tên điều phù hợp | Bộ TNMT | |
| 49 | 10 | - Tại Khoản 10 Điều 49: đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bỏ cụm từ “giao dịch điện tử” trong Khoản này, cụ thể như sau:  “10. Quyền của Bên sử dụng dịch vụ đánh giá tín nhiệm hệ thống giao dịch điện tử giao dịch điện tử”  Sửa thành:  “10. Quyền của Bên sử dụng dịch vụ đánh giá tín nhiệm hệ thống giao dịch điện tử”. | Tiếp thu và đã lược bỏ dịch vụ này tại dự thảo. | Lai Châu | |
| 49 | Khác | Để phù hợp với tên gọi của Điều 49 của dự thảo, đề nghị chuyển nội dung khoản 1 Điều 49 của dự thảo lên Điều 48 hoặc tách một điều riêng. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | Phú Yên | |
| 50 | 3 | Đề nghị sửa lại theo hướng: Tổ chức cung cấp dịch vụ thông tin xếp hạng tín nhiệm số không được tiết lộ thông tin về tổ chức được thông tin xếp hạng tín nhiệm số theo điều khoản về bảo mật thông tin quy định tại hợp đồng thông tin xếp hạng tín nhiệm số, ngoại trừ các thông tin được tổ chức được xếp hạng tín nhiệm số chấp thuận công bố và thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. | Tiếp thu và đã lược bỏ dịch vụ này tại dự thảo. | Viettel | |
| 50 | 4 | Tại điểm b: Đề nghị sửa lại thành: “Thời gian lưu trữ  hồ sơ tối thiểu là mười (10) năm, tính từ thời điểm kết quả xếp hạng tín nhiệm số  có hiệu lực”. Mục đích để làm rõ thời điểm bắt đầu thực hiện việc lưu trữ hồ sơ. | Tiếp thu và đã lược bỏ dịch vụ này tại dự thảo. | Thanh Hoá | |
| 50 | 5 | Khoản 5 Điều 50 có quy định: “Phương pháp thông tin xếp hạng tin nhiệm số theo quy định tại khoản 11 Điều 43 Luật này". Tuy nhiên tại Điều 43 quy định về nội dung cấp dấu thời gian và không có khoản 11. | Tiếp thu và đã lược bỏ dịch vụ này tại dự thảo. | Tổng Công ty đường sắt VN | |
| 50 | 9 | Đề nghị thống nhất nội dung : bản sao chứng thực hoặc bản sao có công chứng (quy định tại Điều 50, khoản 9, điểm b) | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý, Sử dụng thống nhất thuật ngữ bảo sao công chứng |  | |
| CHƯƠNG VII HỆ THỐNG GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ, NỀN TẢNG SỐ, DỊCH VỤ SỐ | | | | |
| Khác |  | Đề nghị tách các nội dung mang tính mô tả, định nghĩa và chuyển sang phần Giải thích từ ngữ, đồng thời chỉ rõ Nền tảng số cho giao dịch điện tử; lưu ý có nhiều nền tảng số không nằm trong phạm vi điều chỉnh của dự thảo.   Đối với các nội dung mô tả để nhận diện, đề nghị điều chỉnh theo hướng xác định các đặc điểm cơ bản (như quy mô, phân loại dịch vụ, đối tượng ...) để tránh tùy tiện khi áp dụng. Áp dụng tương tự với Mục 3 (Nguyên tắc quản lý và nghĩa vụ cụ thể đối với một số loại hình nền tảng số đặc thù) và với Mục 4 (Các nghĩa vụ bổ sung đối với các nền tảng số lớn). | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Bộ GDĐT | |
| Khác |  | Tại Chương VII dự thảo Luật quy định về hệ thống giao dịch điện tử, nền tảng số và dịch vụ số; đây là các hoạt động có tác động liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhiều bộ, cơ quan ngang bộ. Trong khi đó, các quy định chi tiết về điều kiện hoạt động, nhiệm vụ quản lý nhà nước trong các hoạt động này chưa được xác định rõ ràng, cụ thể tại dự thảo Luật. Do vậy, đề nghị chỉ nên quy định giao Chính phủ quy định chi tiết và thống nhất quản lý nhà nước trong các hoạt động này. Đối với từng nhiệm vụ cụ thể sẽ được Chính phủ phân công, giao cho các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên ngành trong văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật thì sẽ phù hợp hơn. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Bộ Công an | |
| Khác |  | Nghiên cứu, bổ sung quy định đối với dịch vụ số và hàng hoá số là đối tượng của giao dịch điện tử. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | GRAB, VCCI | |
| Khác |  | Tại Mục 3 Chương VII của dự thảo, đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu, bổ sung Nền tảng sàn giao dịch công nghệ trực tuyến. Trong đó, Nền tảng sàn giao dịch công nghệ trực tuyến này cần tuân thủ theo quy định chung đối với nền tảng số, hệ thống giao dịch điện tử tại Luật này và quy định pháp luật chuyên ngành khoa học và công nghệ. Bên cạnh đó, đề nghị giao Bộ KH&CN giám sát hoạt động của nền tảng này. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Bộ KHCN | |
| Khác |  | Loại bỏ các yêu cầu báo cáo không cần thiết đối với các nền tảng trung gian nước ngoài và các nền tảng lớn. Dự thảo Luật yêu cầu báo cáo nửa năm và báo cáo đánh giá hàng năm về việc tuân thủ quy định. của địa phương cho Bộ TT & TT và các cơ quan khác . Các báo cáo này yêu cầu tiết lộ dữ liệu người . dùng và các thông tin hoạt động bí mật khác . Cần lưu ý rằng mặc dù các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài không được thành lập tại Việt Nam , nhưng các nhà cung cấp này phải tuân thủ các quy định hiện hành trong phạm vi quyền hạn của họ. Hơn nữa , các công ty đa quốc gia phải tuân thủ các chính sách nội bộ nghiêm ngặt và các thỏa thuận hợp đồng với khách hàng của họ , bao gồm việc tiết lộ thông tin nhạy cảm , quyền riêng tư và thông tin bí mật kinh doanh. Các yêu cầu đề xuất trong Dự thảo Luật hiện còn khó hiểu và có thể khiến các nền tảng trung gian nước ngoài và các nền tảng lớn giảm mức đầu tư cho việc cung cấp các giải pháp hữu ích và hiệu quả hỗ trợ cho các doanh nghiệp và người dùng địa phương.  Khuyến nghị : Loại bỏ yêu cầu không cần thiết này. Các cơ quan chính phủ quan tâm đến các tài liệu bị loại bỏ thông tin có thể truy cập các báo cáo minh bạch do các công ty lưu trữ dữ liệu của Việt Nam công bố. | Tiếp thu, đã rà soát, chỉnh sửa bổ sung trong Chương VI về hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| Khác |  | Xác định những vấn đề bất cập cụ thể mà Bộ TT & TT mong muốn giải quyết , trước khi điều chỉnh các quy định của Luật Giao dịch điện tử để giải quyết những vấn đề đó . Khi các vấn đề bất cập cần giải quyết được xác định rõ ràng và có bằng chứng cụ thể , Bộ TT & TT có thể nhận ra rằng đã có sẵn các công cụ quản lý hiện hữu để giải quyết những vấn đề đó , thay vì đưa ra một cơ chế pháp lý mới mà không chắc chắn , hoặc gây ra những khó khăn chưa lường trước đối với doanh nghiệp và người tiêu dùng Việt Nam . Đơn cử như Điều 53 , Việt Nam đã có các quy định pháp luật về cạnh tranh hiện hành có thể giải quyết các hành vi chống cạnh tranh , và không cần thiết phải áp đặt các nghĩa vụ bổ sung đối với “ nền tảng số cụ thể . Tương tự , có những yêu cầu kỹ thuật hiện có trong Luật An toàn thông tin mạng sẽ giải quyết những lo ngại liên quan đến an toàn và bảo mật của “ nền tảng số " . Không rõ những điều khoản đề xuất trong Luật Giao dịch điện tử dự kiến sẽ giải quyết thêm những vấn đề nào mà các quy định hiện hành của Việt Nam chưa thể giải quyết được . Ngoài ra , Bộ TT & TT nên tránh áp dụng các bộ nghĩa vụ cứng nhắc cho toàn bộ phân khúc công ty . ( nghĩa là các nghĩa vụ được đặt ra giống nhau để áp dụng cho tất cả “nền tảng kỹ thuật số , “ nền tảng kỹ thuật số trung gian”, “nền tảng kỹ thuật số lớn” và “nền tảng kỹ thuật số thống trị ) . Thay vào đó , Bộ TT & TT phải tính đến sự khác biệt cơ bản giữa các mô hình kinh doanh và các động lực khác nhau trong và giữa các mô hình kinh doanh. Ví dụ: Luật giao dịch điện tử đánh thuế các nghĩa vụ bổ sung đối với “ Nền tảng sàn giao dịch thương mại điện tử , nhưng không áp dụng đối với các cửa hàng thực cũng có hoạt động trực tuyến . Nó tạo ra sự phân biệt tùy tiện giữa các công ty " kỹ thuật số " và " phi kỹ thuật số " , điều này không phù hợp với cách các công ty hiện đại hoạt động hoặc cách người tiêu dùng hành xử . Ngoài ra , Luật Giao dịch điện tử xác định “ nền tảng điện toán đám mây " là một loại " nền tảng kỹ thuật số cần được quản lý. Tuy nhiên, các dịch vụ đám mây vốn đi không phải là kỹ thuật số nhiều hơn ( hoặc ít hơn ) so với các dịch vụ CNTT khác và không phải là một lĩnh vực riêng biệt . Các công ty chọn trong số nhiều tùy chọn để đáp ứng nhu cầu CNTT cụ thể của họ , bao gồm phần cứng tại chỗ truyền thống , trung tâm dữ liệu riêng , cài đặt được lưu trữ , trung tâm dữ liệu đồng đất , dịch vụ được quản lý và dịch vụ đảm mây . Quy định không nên chỉ tập trung vào phương thức phân phối , vì các yếu tố khác như giá cả , hiệu suất và tính linh hoạt là những động lực quan trọng dẫn đến sự lựa chọn của khách hàng . Việc áp dụng phương pháp tiếp cận tổng thể đối với toàn bộ phân khúc công ty có thể vô tình làm sai lệch động lực thị trường và có nguy cơ không giải quyết được các mối quan tâm của Bộ TT & TT . Chúng tôi nhấn mạnh rằng định nghĩa “ nền tảng kỹ thuật số lớn " của Bộ TT & TT đề cập đến việc thu thập và quản lý dữ liệu của nhiều cá nhân và tổ chức tại Việt Nam . Đây không phải là hoạt động dành riêng cho các công ty kỹ thuật số . Có thể có các công ty phi kỹ thuật số cũng thu thập và quản lý dữ liệu của một số lượng lớn các cá nhân và tổ chức ở Việt Nam . Bất kỳ cải cách được đề xuất nào cũng không nên xác định liệu một công ty hoạt động trực tuyến hay ngoại tuyến - nếu không , điều đó có nguy cơ tạo ra một sân chơi không đồng đều . Dựa trên quan điểm trên , Bộ TT & TT nên tránh các định nghĩa quá rộng , chẳng hạn như những gì tạo thành " nền tảng kỹ thuật số lớn ” hoặc “ nền tảng kỹ thuật số thống trị " . Những định nghĩa rộng rãi này cũng làm xáo trộn phạm vi của các thực thể và hoạt động dự định sẽ được điều chỉnh theo luật. Điều này gây ra sự nhầm lẫn và không chắc chắn về mặt pháp lý cho cả doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài , đồng thời làm cho việc tuân thủ trở nên quá phức tạp và tổn kém mà không mang lại lợi ích cụ thể cho người tiêu dùng .Bộ TT & TT cũng chưa nêu rõ các tiêu chí để xác định " nền tảng kỹ thuật số " là " lớn " hay " chiếm ưu thế " .Không có sự rõ ràng về số lượng bao nhiêu đối với “ một số lượng lớn người dùng thường xuyên ” và không có sự rõ ràng về phân tích cơ bản được sử dụng bởi MIC để xác định các nền tăng như vậy . Các tham chiếu đến khái niệm luật cạnh tranh “lớn ” hoặc “ thống trị - trong bối cảnh luật cạnh tranh, chúng tôi nhấn mạnh rằng định nghĩa thị trường không phải là một bài tập được thực hiện trong chân không và không đề cập đến bất kỳ tác hại cụ thể nào đối với các công ty hoặc người tiêu dùng ở Việt Nam . Chúng tôi nhấn mạnh sự cần thiết của Bộ TT & TT để xác định và nêu rõ tác hại được xác định rõ ràng và có bằng chứng mà các cải cách được đề xuất trong Luật Giao dịch điện tử nhằm giải quyết . Trong trường hợp không có sự rõ ràng như vậy , chúng tôi tìm cách xóa các Điều từ 72 đến 74 của Luật Giao dịch điện tử.  Khuyến nghị: Chúng tôi khuyến nghị Bộ TT & TT tiếp cận thiết kế của Luật Giao dịch điện tử được đề xuất với xuất phát điểm là xác định tác hại cụ thể ( đối với các công ty hoặc khách hàng tại Việt Nam ) . Bước tiếp theo sau đó là xác định pháp nhân kinh doanh thích hợp phải chịu trách nhiệm giải quyết tác hại đó - ví dụ: trong bối cảnh người bán bán hàng hóa cho người tiêu dùng , các nghĩa vụ pháp lý nên tập trung vào việc điều chỉnh mối quan hệ giữa người bán và người tiêu dùng , liên quan đến tác hại cụ thể của người tiêu dùng cần được giải quyết. | Tiếp thu, đã rà soát, chỉnh sửa bổ sung trong Chương VI về hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 51.52 |  | Điều 51 , 52 – Hệ thống giao dịch điện tử. Với định nghĩa rộng rãi về hệ thống giao dịch điện tử , bất kỳ hệ thống nào nằm trên trang web và / hoặc ứng dụng đều có thể được coi là hệ thống giao dịch điện tử nếu hệ thống đó có bất kỳ chức năng nào đóng góp vào quá trình giao dịch điện tử ( ví dục mua bán hàng hóa và / hoặc dịch vụ trên Internet ) . Điều này có nghĩa là hệ thống đặt hàng trực tuyến thanh toán trực tuyến có thể được coi là hệ thống giao dịch điện tử . Do đó , người điều hành các ứng dụng và trang web đó sẽ được coi là người điều hành ( các ) hệ thống giao dịch điện tử và phải chịu các nghĩa vụ liên quan . Điều 52.1 . ( a ) đề nghị tất cả các nhà khai thác hệ thống giao dịch điện tử phải đăng ký với Bộ TT & TT . Không rõ liệu nghĩa vụ sẽ chỉ áp dụng cho các nhà khai thác trong nước hay các nhà khai thác nước ngoài . Theo Điều 55.2 ( mà chúng ta sẽ thảo luận sau ) , các nhà cung cấp nền tảng nước ngoài chỉ cần đăng ký hệ thống giao dịch điện tử của họ nếu các nhà cung cấp đáp ứng ít nhất một trong bốn điều kiện theo quy định . Thông thường , hệ thống giao dịch điện tử không phải là một sản phẩm và / hoặc dịch vụ độc lập . Thay vào đó , nó là một hệ thống được cài đặt / có sẵn trên một trang web và hoặc ứng dụng . Người điều hành hệ thống giao dịch điện tử , trong hầu hết các trường hợp , sẽ là người điều hành các trang web và / hoặc ứng dụng . Do đó , việc điều chỉnh các hệ thống giao dịch điện tử và người vận hành chúng là không cần thiết vì Bộ TT & TT và các cơ quan chức năng khác đã đưa ra luật ngành để điều chỉnh người điều hành các loại trang web và / hoặc ứng dụng khác nhau , ví dụ , các trang web và ứng dụng thương mại điện tử đã được quy định theo Nghị định 52 . Điều này cũng có thể dẫn đến chồng chéo các nghĩa vụ áp dụng cho trang web và / hoặc nhà điều hành trang web . Ví dụ : Điều 515 dường như nhắc lại các nghĩa vụ được quy định theo Điều 29 của Nghị định 52 , áp dụng cho một số nhà khai thác trang web thương mại điện tử nhất định . Trong khi đó Quy định số 71 năm 2019 của Chính phủ Indonesia quy định “ hệ thống giao dịch điện tử và “ nhà điều hành hệ thống giao dịch điện tử ” , cần lưu ý rằng Indonesia không quy định cụ thể khái niệm “ nền tảng kỹ thuật số" hay “nền tảng trực tuyến”. Thay vào đó, " nền tảng kỹ thuật số và “ nền tảng trực tuyến " được quy định theo khái niệm “ hệ thống giao dịch điện tử. Do Việt Nam có kế hoạch điều chỉnh " nền tảng kỹ thuật số và đã quy định các loại trang web và ứng dụng khác theo các luật khác của ngành , nên không cần thiết phải đưa ra khái niệm "hệ thống giao dịch điện tử.  Khuyến nghị : Bỏ phần liên quan đến hệ thống giao dịch điện tử. | Tiếp thu, đã rà soát, chỉnh sửa trong Chương VI về hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 51 | 1 | Khoản 1: Khái niệm “Hệ thống giao dịch điện tử” đã được giải thích tại Khoản 9, Điều 4 của Dự thảo. Do đó, đề nghị bỏ Khoản 1, Điều 51 vì trùng lặp và sửa tiêu đề Điều 51 từ “Hệ thống giao dịch điện tử và nguyên tắc hoạt động hệ thống giao dịch điện tử” thành “Nguyên tắc hoạt động hệ thống giao dịch điện tử”. | Tiếp thu, đã lược bỏ khái niệm hệ thống giao dịch điện tử và sử dụng thuật ngữ hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử để thống nhất với các thuật ngữ đã được quy định tại luật khác. | Ngân hàng   Nhà nước | |
| 51 | 1 | Tại Điều 51: Khoản 1 quy định “Hệ thống giao dịch điện tử là hệ thống thông tin…”. Do đó, đề nghị xem xét sử dụng khái niệm “Chủ quản hệ thống giao dịch điện tử” (tương đương “Chủ quản hệ thống thông tin”) thay cho “Bên vận hành hệ thống giao dịch điện tử” trong Điều 51 và các Điều khác để thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hệ thống thông tin (Luật An toàn thông tin mạng năm 2015, Luật An ninh mạng năm 2018). | Tiếp thu. Đã điều chỉnh lại thành chủ quản hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử. | Bộ Tài chính | |
| 51 | 1 | Khoản 1 Điều 51 dự thảo quy định: “Hệ thống giao dịch điện tử là hệ thống thông tin được thiết lập để phục vụ một phần hoặc toàn bộ quy trình hoạt động giao dịch điện tử”. Như vậy, Bộ Công Thương nhận thấy hệ thống giao dịch điện tử là hệ thống thông tin (đã được định nghĩa tại Luật An toàn thông tin mạng, Luật Giao dịch điện tử hiện hành).  Bên cạnh đó, việc quy định về hệ thống giao dịch điện tử tại Dự thảo dẫn đến cách hiểu sau:  Thứ nhất, Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin, Luật An ninh mạng…hiện hành không có quy định về đăng ký, cấp phép đối với hệ thống thông tin. Do đó, việc quy định thêm việc đăng ký hệ thống giao dịch điện tử - hệ thống thông tin dẫn đến phát sinh rất nhiều chi phí, thủ tục hành chính không cần thiết cho cả Nhà nước và doanh nghiệp chưa phù hợp với tinh thần, chủ trương của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh. Quy định này hiện đang được quy định “trùm” lên các quy định hiện hành, theo đó các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, thương mại… vận hành hệ thống thông tin phục vụ hoạt động của chính mình (không phải nền tảng số) sẽ phải đồng thời đăng ký hệ thống giao dịch điện tử và thực hiện các thủ tục, điều kiện theo pháp luật chuyên ngành.  Thứ hai, nội dung về hệ thống giao dịch điện tử tại dự thảo đang quy định chủ yếu về các vấn đề an ninh, an toàn, độ tin cậy của hệ thống thông tin. Đề nghị rà soát quy định này với các quy định pháp luật hiện hành về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và pháp luật khác có liên quan. Nếu trùng lắp về nội dung, đề nghị chuyển nội dung này vào Chương IX của dự thảo Luật về an ninh, an toàn trong giao dịch điện tử.  Thứ ba, trường hợp sử dụng quy định này nhằm tạo hành lang pháp lý cho các hệ thống thông tin, nền tảng số mà pháp luật chuyên ngành chưa có quy định cụ thể, đề nghị sửa nội dung này cùng với nội dung nền tảng số, nền tảng số trung gian theo hướng “đối với các hệ thống thông tin và nền tảng số, nền tảng trung gian mà pháp luật chuyên ngành chưa quy định thì phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn, tin cậy theo quy định tại Luật này trước khi được vận hành, hoạt động” | Tiếp thu. Đã lược bỏ khái niệm hệ thống giao dịch điện tử và quy định lại theo hướng hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử. | Bộ Công Thương | |
| 51 | 4 | Tại điểm c khoản 4 Điều 51, cần bổ sung cụm từ “và hỗ trợ khách hàng” sau  cụm từ “ … hệ thống giao dịch điện tử” cho đầy đủ. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Cà Mau | |
| 51 | 4 | Đề nghị sửa lại điểm b như sau: Số, ngày cấp và nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp, hoặc số, ngày cấp và đơn vị cấp quyết định thành lập hoặc giấy tờ tương đương của tổ chức, hoặc mã số thuế cá nhân của cá nhân.   Lý do: Sửa đổi tên gọi của giấy tờ thống nhất với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Viettel | |
| 52 | 1 | Tại Điều 52: Đề nghị quy định cụ thể và giới hạn đối tượng áp dụng của khoản 1 Điều 52 về “Đăng ký đảm bảo tin cậy trong hoạt động của hệ thống giao dịch điện tử”, do nếu áp dụng quy định này với tất cả các hệ thống giao dịch điện tử sẽ ảnh hưởng tới rất nhiều chủ thể trong xã hội, đi ngược với chủ trương cải cách thủ tục hành chính của Chính phủ, có thể làm chậm quá trình chuyển đổi số. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Bộ Tài chính | |
| 52 | 1 | Dự thảo yêu cầu Bên vận hành hệ thống giao dịch điện tử phải thực hiện đăng ký đảm bảo tin cậy trong hoạt động của hệ thống với Bộ Thông tin và Truyền thông. Thực tế hiện nay các cá nhân, doanh nghiệp đều có thể thiết lập hệ thống này, việc bắt buộc các đối tượng này phải đăng ký đảm bảo tin cậy với Bộ Thông tin và Truyền thông là không cần thiết và không khả thi, làm phát sinh nhiều chi phí và mất thời gian. Các cá nhân, tổ chức này phải tự chịu trách nhiệm về việc đảm bảo tin cậy của hệ thống do mình vận hàn | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | MSB, VCCI | |
| 52.54 | 2.3 | Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại:  Dấu kết thúc đoạn tại Điểm c Khoản 1 Điều 52, điểm a, đ, e Khoản 2  Điều 54;  Thứ tự các điểm tại Khoản 3 Điều 77 (có 2 điểm đ). | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Lai Châu | |
| 53 | Khác | Điều 53 – Nền tảng kỹ thuật số và nguyên lý hoạt động của nền tảng kỹ thuật số. Nền tảng kỹ thuật số ("Nền tảng ") và nền tảng kỹ thuật số trung gian ("Nền tảng trung gian") là các khái niệm mới theo Dự thảo Luật. Từ ngữ hiện tại của hai khái niệm (Nền tảng và Nền tảng trung gian không đủ rõ ràng để phân biệt chúng.  Khuyến nghị: Phân biệt rõ ràng Nền tảng và Nền tảng trung gian | Tiếp thu. Trong quá trình tiếp thu ý kiến và thực tiễn, đơn vị soạn thảo đã điều chỉnh khái niệm nền tảng số, bỏ khái niệm nền tảng số trung gian Tại Điều 4 và Chương 6 dự thảo Luật | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 53 | 1 | Đề nghỉ sửa đổi thành: "Nền tảng số là hệ thống giao dịch điện tử, sử dụng công nghệ số để tạo môi trường mạng cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tương tác, giao dịch, cung cấp dịch vụ, sản phẩm, hàng hoá, có thể sử dụng ngay, đơn giản, thuận tiện, linh hoạt." | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | VNPT | |
| 53 | 1 | Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định cụ thể hơn về khái niệm Nền tảng số cho giao dịch điện tử, do “Nền tảng số” là một khái niệm chung cho nhiều nền tảng khác nhau nên không thể quy định “Nền tảng số là hệ thống giao dịch điện tử…”  Tương tự cho các nội dung “Nền tảng số trung gian”, “Nhà cung cấp nền tảng số”, đề nghị thực hiện rà soát nội dung của dự thảo để chỉnh sửa phù hợp với nội dung như trên. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Thừa Thiên Huế | |
| 53 | 1,2,3 | Khoản 1, 2, 3, Điều 53: Đề nghị chuyển lên Điều 4 - Giải thích từ ngữ. Đồng thời, rà soát các điều, khoản giải thích các từ ngữ khác để chuyển lên Điều 4 cho thống nhất. | Tiếp thu. Đã chuyển lên Điều 4 |  | |
| 54 | Khác | Điều 54 – Dịch vụ số và nghĩa vụ của tổ chức , cá nhân cung cấp dịch vụ số Khái niệm dịch vụ kỹ thuật số quá rộng và bao gồm tất cả các dịch vụ được cung cấp trên mạng Internet. Việc quy định các nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật số là không cần thiết vì BỘ TT&TT và các cơ quan chức năng khác như Bộ Công Thương đã ban hành luật ngành để điều chỉnh các loại dịch vụ khác nhau được cung cấp trên Internet. Ví dụ, các trang web và ứng dụng thương mại điện tử được điều chỉnh theo Nghị định 52, các dịch vụ trò chơi trực tuyến được cung cấp theo Nghị định số 72/2013/NĐ -CP ( đã được sửa đổi ) và các dịch vụ Đăng ký Video theo yêu cầu theo Luật Điện ảnh (đang được sửa đổi) Hơn nữa, nghĩa vụ theo Điều 54.2 (e) liên quan đến việc yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ cung cấp thông tin một cách thường xuyên về tình trạng hoạt động của dịch vụ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền cho mục đích thống kê và báo cáo. Phạm vi nghĩa vụ này quá rộng , vì thông tin về trạng thái hoạt động của dịch vụ có thể bao gồm bất kỳ thông tin nào liên quan đến dịch vụ, chẳng hạn như doanh thu, doanh số và các số liệu tài chính có liên quan của dịch vụ.  Khuyến nghị : Bỏ Điều 54 liên quan đến các dịch vụ kỹ thuật số | Tiếp thu, đã rà soát lược bỏ nội dung này trong dự thảo. | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 54 | 1 | Bộ Công Thương nhận thấy với định nghĩa dịch vụ số tại khoản 1 Điều 54 dự thảo có thể gây nhầm lẫn giữa cung cấp dịch vụ số và nền tảng số trong hoạt động thương mại, cụ thể:  - Trong pháp luật về đầu tư (Nghị định 09/2018/NĐ-CP), pháp luật về thương mại điện tử (Nghị định 85/2021/NĐ-CP) có định nghĩa dịch vụ thương mại điện tử, như vậy, việc cung cấp dịch vụ số tại dự thảo Luật có thể bao gồm dịch vụ thương mại điện tử;  - Tại dự thảo Luật có quy định nền tảng số đặc thù, trong đó quy định nền tảng sàn giao dịch thương mại điện tử là một loại hình nền tảng số.  Từ những cơ sở nêu trên, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ khái niệm dịch vụ số là dịch vụ do các tổ chức, cá nhân kinh doanh thực hiện thông qua nền tảng số, trên nền tảng số và thay khái niệm “dịch vụ số” bằng khái niệm “dịch vụ do tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp trên nền tảng số”.  Đồng thời, đề nghị nghiên cứu việc quy định quyền, trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ nói trên theo hướng giao cho các nền tảng số quản lý, ban hành quy chế quản lý đối với dịch vụ số, Cơ quan quản lý nhà nước chỉ nên quản lý các nền tảng số (trong nước và xuyên biên giới). | Tiếp thu. Đã tiếp thu và điều chỉnh, loại bỏ các quy định không phù hợp liên quan tại Chương 6 dự thảo Luật. | Bộ Công Thương | |
| 54 | 2 | Điểm c khoản 2 Điều 54 “Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ số thuộc dnah mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện phải công bố số, ngày cấp và nơi cấp….” đề nghị nêu rõ công bố trên hệ thống giao dịch điện tử hoặc nền tảng số nơi cung cấp dịch vụ số đó. | Tiếp thu. Đã tiếp thu và điều chỉnh, loại bỏ các quy định không phù hợp liên quan tại Chương 6 dự thảo Luật | Bộ Công Thương | |
| 55 | 2 | Bổ sung quy định về nghĩa vụ/trách nhiệm của các nhà cung cấp nền tảng số nước ngoài cung cấp xuyên biên giới mà không thuộc một trong các trường hợp đã nêu | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | VNPT | |
| 55 | 2 | Tại Điều 54: Đề nghị bổ sung yêu cầu cung cấp “Thông tin về tên, địa chỉ, số điện thoại của bên cung cấp dịch vụ số” tại điểm d khoản 2, nhằm đảm bảo khách hàng có thể tìm hiểu thông tin chi tiết về dịch vụ, các quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan khi mua dịch vụ. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Bộ Tài chính | |
| 55 | 2 | Điều 55 Khoản 2 của dự thảo Luật quy định 4 trường hợp mà Nhà cung cấp nền tảng số nước ngoài cung cấp xuyên biên giới cho người dùng tại Việt Nam cần phải đăng ký hệ thống giao dịch điện tử: Đề nghị Ban soạn thảo cân nhắc làm rõ việc đăng ký này bao gồm những nội dung gì và cần bảo đảm quy định này tương thích với các cam kết về tiếp cận thị trường đối với hình thức cung cấp dịch vụ xuyên biên giới trong các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên (Điều 10.6 Hiệp định CPTPP, Điều 8.11 Hiệp định RCEP quy định một Bên không được yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ của một Bên khác phải thiết lập hoặc duy trì văn phòng đại diện hoặc bất kỳ hình thức doanh nghiệp nào như một điều kiện để cung cấp dịch vụ xuyên biên giới). | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Bộ Ngoại Giao | |
| 55 | 2 | Điều 55.2 - Nghĩa vụ cấp phép. Mục tiêu và mục đích của kế hoạch cấp phép mới cần được làm rõ . Điều này yêu cầu các nhà cung cấp nền tảng kỹ thuật số nước ngoài phải đăng ký cho hệ thống giao dịch điện tử của họ . Dự thảo Luật giới thiệu 11 loại Nền tảng kỹ thuật số chuyên dụng chịu sự giám sát của các cơ quan có liên quan tương ứng ( là BỘ TT & TT , NHNN hoặc Bộ Công Thương ). Trên thực tế , không phải tất cả các nền tảng kỹ thuật số do các tổ chức nước ngoài cung cấp đều phải tuân theo yêu cầu cấp phép này.  Khuyến nghị : Rà soát và hoàn thiện quy định này để tránh tạo gánh nặng không cần thiết cho các công ty do vấn đề chồng chéo và / hoặc mâu thuẫn với các quy định hiện hành. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa tại Chương 6 Dự thảo Luật. | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 55 | 3 | Đề xuất Luật làm rõ nền tảng số đặc thù hoặc cho ví dụ để doanh nghiệp dễ hình dung về nghĩa vụ phải xin cấp giấy phép và giấy chứng nhận. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | VNPT | |
| 55 | 1 | Đề nghị thêm cụm từ “trong và ngoài lãnh thổ”, sửa lại thành “Nhà cung cấp nền tảng số là tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam có nghĩa vụ đăng ký hệ thống giao dịch điện tử theo quy định tại Mục 1 Chương này khi đưa vào vận hành và cung cấp Nền tảng số đến người sử dụng”. Cho phù hợp với quy định tại Điều 55, khoản 2 | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Thanh Hoá | |
| 55 | Khác | Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, khái quát hóa các tiêu chí xác định có hay không việc hoạt động xuyên biên giới. Ngoài ra, cần bổ sung các quy định liên quan đến trụ sở, chi nhánh và các tiêu chí định lượng khác và giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung này | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Bộ Công Thương | |
| 55 | Khác | Bộ Công Thương nhận thấy Điều 55 dự thảo đang quy định chưa rõ ràng trong việc đăng ký, thông báo hoạt động nền tảng số. Vì vậy, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo thể hiện rõ Điều này theo hướng 2 thủ tục này được thực hiện tách bạch, phân định rõ theo quy định của luật này và pháp luật chuyên ngành. | Tiếp thu. Trong quá trình tiếp thu ý kiến và thực tiễn, đơn vị soạn thảo đã bố cục lại kết cấu và nội dung chương này theo hướng chỉ quy định nội dung về hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử như quy định tại Điều 54, Chương 6 dự thảo Luật. | Bộ Công Thương | |
| 55 | 2 | d) Nền tảng số có số lượt truy cập từ Việt Nam đạt từ 500.000 lượt tháng trở lên trong 06 tháng liên tục.  FPT đề nghị Quý Bộ làm rõ hơn nguyên tắc đưa ra điều kiện trên. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | FPTIS | |
| 56 | 2 | Đề nghị làm rõ như thế nào là nền tảng số có “khả năng đáp ứng khi quy mô người dùng tăng trưởng đột biến” tại khoản 2 Điều 56 dự thảo Luật. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Bộ Công Thương | |
| 57 | Khác | Tại Điều 57: Đề nghị sửa tên Điều “Nghĩa vụ hoạt động của nền tảng số” thành “Nghĩa vụ của nhà cung cấp nền tảng số”. Lý do: “nền tảng số” được giải thích là “hệ thống” (theo khoản 1 Điều 57); các quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ không áp dụng được với chủ thể là “hệ thống”. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Bộ Tài chính | |
| 57 | 1 | Điều 57 – Chính sách bảo vệ quyền riêng tư của người dùng áp dụng cho Nền tảng kỹ thuật số . Điều 57.1 được đề xuất sẽ yêu cầu các nhà cung cấp nền tảng kỹ thuật số tiết lộ các điều khoản dịch vụ và chính sách của họ để bảo vệ quyền riêng tư của người dùng . Chúng tôi hiểu rằng Chính phủ Việt Nam hiện đang hoàn thiện Nghị định về Bảo vệ dữ liệu cá nhân ( Nghị định BVDLCN ) . Nghị định BVDLCN có khả năng xây dựng các quy tắc rõ ràng và toàn diện liên quan đến các chính sách về quyền riêng tư của các tổ chức. Nghị định BVDLCN sẽ áp dụng trên toàn nền kinh tế Việt Nam , trong khi Điều khoản đề xuất này trong Luật Giao dịch điện tử sẽ chỉ ràng buộc những tổ chức là nhà cung cấp nền tảng kỹ thuật số . Không có lý do cụ thể nào cho việc trùng lặp liên quan đến các yêu cầu về chính sách bảo mật chỉ áp dụng cho các nhà cung cấp nền tảng kỹ thuật số . Những yêu cầu này nên được áp dụng trên toàn nền kinh tế Việt Nam , và do đó cần được xử lý theo Nghị định BVDLCN như luật toàn diện về quyền riêng tư của Việt Nam.  Khuyến nghị : Bỏ điều khoản này. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 57 | 4 | Tại Điều 57, khoản 4: Đề nghị bỏ cụm từ “cần thiết”, sửa lại thành “Khi  phát hiện ra bất cứ thông tin nào trên nền tảng số vi phạm quy định của pháp  luật, Nhà cung cấp nền tảng số phải thực hiện các biện pháp xử lý, gỡ bỏ theo  quy định của pháp luật”.  Lý do: Với các thông tin vi phạm theo quy định của phát luật, Nhà cung cấp  nền tảng số phải gỡ bỏ là điều bắt buộc. | Tiếp thu. Trong quá trình tiếp thu ý kiến và thực tiễn, đơn vị soạn thảo đã bố cục lại kết cấu và nội dung chương này theo hướng chỉ quy định nội dung về hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử và các nội hàm liên quan đến nghĩa vụ của các chủ quản hệ thống thông tin cung cấp nền tảng số, dịch vụ số. Chi tiết tại Chương 6. | Thanh Hoá | |
| 57 | 4 | Tại khoản 4 Điều 57 (Nghĩa vụ hoạt động của nền tảng số): cần bổ sung quy định gỡ bỏ thông tin vi phạm khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. | Tiếp thu. Trong quá trình tiếp thu ý kiến và thực tiễn, đơn vị soạn thảo đã bố cục lại kết cấu và nội dung chương này theo hướng chỉ quy định nội dung về hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử và các nội hàm liên quan đến nghĩa vụ của các chủ quản hệ thống thông tin cung cấp nền tảng số, dịch vụ số. Chi tiết tại Chương 6. | Bộ VHTTDL | |
| 58 | 2 | Yêu cầu gửi báo cáo minh bạch cho Nền tảng trung gian kỹ thuật số Mức độ chi tiết của thông tin yêu cầu vẫn tương xứng và thực tế về mặt kỹ thuật là điều quan trọng . Việc cân bằng các điều khoản về tính minh bạch trong quy định với nhu cầu bảo vệ bí mật kinh doanh và duy trì tính toàn vẹn của các dịch vụ của chúng tôi và bảo mật của người dung là yêu cầu cần thiết . Nếu không có các biện pháp bảo vệ này , rủi ro là khuyến khích các tác nhân độc hại dễ dàng tìm cách phá vỡ các chính sách của chúng tôi và phá hoại tính bảo mật và tính toàn vẹn của các nền tảng của chúng tôi , gây thiệt hại cho người dùng và xã hội.  Khuyến nghị : Bỏ Điều này | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 58 | 6 | Quy định “Định kỳ 6 tháng một lần, Nhà cung cấp nền tảng số trung gian phải gửi báo cáo đến Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền” tại khoản 6 Điều 58 có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc xác định cơ quan nhà nước phù hợp. Ngoài ra, một số nội dung cần báo cáo tại khoản 6 Điều này có thể gây trùng lặp về nội dung, phạm vi báo cáo tới các bộ, ban, ngành. Đề nghị rà soát các văn bản để tránh trùng lặp về nội dung báo cáo. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Bộ Công Thương | |
| 58 | 6 | Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉ rõ tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà Nhà cung cấp nền tảng số trung gian phải thực hiện báo cáo định kỳ 06 tháng một lần. Dự thảo hiện nay không có nội dung giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định chế độ báo cáo đối với Nhà cung cấp nền tảng số trung gian. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Bộ GDĐT | |
| 58 | 7 | Điều 58.7 – Yêu cầu để thiết lập hệ thống xử lý Khiếu nại và thời gian xoay vòng 48-96 giờ cho Nền tảng trung gian kỹ thuật số Nhìn vào thực tế , những khoảng thời gian này quá ngắn để các nhà cung cấp có thể giải quyết các khiếu nại , đặc biệt là các khiếu nại liên quan đến các yếu tố phức tạp như quyền sở hữu trí tuệ hoặc vu khống , có thể yêu cầu xác nhận chính thức từ chính quyền địa phương . Khung thời gian cho hệ thống xử lý khiếu nại không phải là điều có thể hoặc nên được thực hiện trong một khoảng thời gian chính xác , vì nó thay đổi theo từng trường hợp , tùy thuộc vào mức độ phức tạp , bản chất của khiếu nại và khối lượng khiếu nại đang được xem xét . Ngoài ra còn có các biến thể hợp pháp giữa các công nghệ , mô hình kinh doanh và bối cảnh khác nhau , điều này ảnh hưởng đến lượng thời gian cần thiết để đánh giá và đưa ra hành động thích hợp khi yêu cầu gỡ bỏ . Thời gian quay vòng thường là động cơ khuyến khích việc xóa quá nhiều nội dung hợp pháp tiềm ẩn chứ không phải là một công cụ hữu ích để giải quyết nội dung có hai một cách nhanh chóng. Một cách tiếp cận hệ thống hiệu quả hơn để giải quyết quy định về nội dung hơn là quy định tập trung vào các quyết định cá nhân và vào thời gian quay vòng Chúng tôi cũng đề xuất rằng khoảng thời gian hoạt động sau khi nhận được thông tin đầy đủ để nền tảng xử lí xem xét và đưa ra quyết định phù hợp. Thông tin chính xác là rất quan trọng để các nền tảng đáp ứng các khung thời gian ngắn được đề xuất trong quy định.  Khuyến nghị : Chúng tôi đề nghị rằng dự thảo nên điều chỉnh điều này và cung cấp các nội dung cần thiết để kích hoạt hệ thống xử lý khiếu nại nhanh chóng | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 58 | 8 | Đề nghị bỏ quy định về thời gian tiến hành các biện pháp xác minh bên cung cấp hàng hoá/dịch vụ trên nền tảng số trung gian.  Lý do: Việc yêu cầu các nền tảng số trung gian phải xác minh tính chính xác của các thông tin do người bán hàng, người cung cấp dịch vụ cung cấp trong vòng 48 giờ là không hợp lý và can thiệp vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tuỳ vào nguồn lực, quy trình của từng doanh nghiệp, thời gian xử lý, xác minh hồ sơ người bán của từng nền tảng số có thể khác nhau. Nếu quy định quá cụ thể về thời gian xác minh sẽ tạo ra gánh nặng tuân thủ cho doanh nghiệp | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | GRAB, VCCI | |
| 58 | 8 | Điểm a khoản 8: Đề nghị bổ sung yêu cầu cung cấp thông tin sau đối với bên cung cấp hàng hóa/dịch vụ “Số, ngày cấp và nơi cấp giấy đăng ký doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp; Số, ngày cấp và nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế dành cho cá nhân hoặc số định danh cá nhân”; đồng thời sửa yêu cầu cung cấp “Bản sao của giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý cá nhân (căn cước công dân nếu là cá nhân; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp)” thành “Bản sao của giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp; bản sao giấy chứng nhận đăng ký thuế dành cho cá nhân nếu là cá nhân”. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Bộ Tài chính | |
| 58 | 8 | Điểm b khoản 8: Đề nghị sửa cụm từ “48h” thành “48 giờ”. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Bộ Tài chính | |
| 58 | 8 | Bổ sung “thông tin về hàng hóa/dịch vụ” vào điểm d khoản 8 như sau:  “d) Các thông tin về tên, địa chỉ, số điện thoại, thông tin về hàng hóa/dịch vụ, cam kết của bên cung cấp hàng hóa, dịch vụ trên nền tảng số trung gian sẽ phải được công khai tới tất cả người dùng của Nền tảng số trên cơ sở rõ ràng, dễ tiếp cận và dễ hiểu.”  Lý do: Việc công khai thông tin về hàng hóa/dịch vụ nhằm đảm bảo khách hàng có thể tìm hiểu thông tin chi tiết về các hàng hóa/dịch vụ, giá cả, chi phí liên quan khi mua hàng hóa/dịch vụ. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Bộ Tài chính | |
| 58 | 8 | Quy định cụ thể về các trường hợp cần thiết hoặc tiêu chí, yếu tố xác định mức độ cần thiết trong trường hợp này để Đảm bảo tính khả thi, hiệu quả trong việc áp dụng quy định pháp luật vào thực tiễn, hạn chế nguy cơ lộ lọt thông tin bí mật của Nhà cung cấp nền tảng và các bên tham gia vào quá trình giao dịch điện tử | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | VNPT | |
| 58 | 8 | Điều 58.8 – Yêu cầu xác minh nhà cung cấp hàng hóa / dịch vụ và thời gian quay vòng 48 giờ đối với Nền tảng trung gian kỹ thuật số Chúng ta cần cân bằng giữa việc cung cấp cho mọi người quyền truy câu dễ dàng để thực hiện công việc kinh doanh của họ , trong khi vẫn duy trì tính xác thực . Việc ủy quyền xác minh quá khó khăn có thể không phải điểm cộng trong việc khuyến khích các doanh nghiệp truy cập trực tuyến , đặc biệt là trong thời gian đại dịch này , nơi các doanh nghiệp đang chuyển dịch sang hình thức kinh doanh trực tuyến . Việc các nền tảng trực tuyến được yêu cầu thiết kế mô hình người dùng của họ sao cho dễ sử dụng để tạo ra các quy trình mới nhằm thu thập và xác minh một lượng lớn thông tin một cách hợp pháp , sẽ là một gánh nặng hành chính rất lớn . Việc xác minh bắt buộc không chỉ không khả thi về mặt hoạt động mà còn gây ra những lo ngại nghiêm trọng về quyền riêng tư và cuối cùng sẽ làm tăng lượng thông tin cá nhân mà các nền tảng nắm giữ . Theo cách này , các yêu cầu này trái với nguyên tắc cơ bản của luật bảo mật về giảm thiểu dữ liệu . Chúng tôi cũng tin rằng luật pháp cần phân biệt rõ ràng giữa nhà cung cấp hàng hóa / dịch vụ và những người thỉnh thoảng sử dụng nền tảng Thông tin cần thiết của các nhà giao dịch như được nêu trong dự thảo quy định không nên được coi là tích lũy mà mang tính chỉ dẫn , miễn là nó được coi là cần thiết cho mục đích tham gia vào các hoạt động giao dịch trên nền tảng . Các yêu cầu thông tin quá mức từ phía nhà kinh doanh cũng có thể tạo thành gánh nặng không cân xứng và là rão cần gia nhập . Những nỗ lực của các nền tảng để xác thực nhà cung cấp không nên quá đáng . Dựa trên thời gian quay vòng , các nền tảng phải có khả năng xác định quy trình và thời gian quay vòng thích hợp để xử lý quy trình này , do mỗi nền tảng có thể có các mô hình kinh doanh và phương thức hoạt động khác nhau . Mục đích là để đảm bảo rằng quá trình đạt được mục tiêu dự kiến của quy định và thời gian quay vòng linh hoạt hơn sẽ phù hợp hơn với thực tế.  Khuyến nghị: Sửa đổi các yêu cầu về thời gian quay vòng . Cân nhắc ngôn ngữ thay thế để yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ xác nhận đã nhận từng TDR trong vòng 24 giờ và sau đó xử lý TDR trong một khung thời gian hợp lý tùy theo các trường hợp cụ thể . | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 59 | 2 | Đề nghị làm rõ quy định này vì Dự thảo hiện đang quy định điểm d nêu trên là một trong các trách nhiệm của nhà cung cấp nền tảng số, dịch vụ số đối với các dữ liệu được hình thành trong quá trình giao dịch điện tử hoặc sử dụng nền tảng số.  Tuy nhiên, tuy nhiên việc “cung cấp các biện pháp hỗ trợ cần thiết khi người dùng muốn chuyển các dữ liệu của mình sang nền một nền tảng xử lý dữ liệu khác” có thể gây khó khăn cho đơn vị cung cấp nền tảng số, dịch vụ số khi thực thi trong thực tế.  Thứ nhất là Dự thảo chưa quy định cụ thể “nền tảng xử lý dữ liệu khác” là nền tảng nào. Thứ hai là nền tảng khác đó có đáp ứng được các tiêu chí đảm bảo để nhà cung cấp nền tảng số, dịch vụ số đó có thể xây dựng được các biện pháp hỗ trợ cho người dùng thực hiện chuyển đổi dữ liệu hay không sẽ tùy thuộc về mặt kỹ thuật, hệ thống của từng nền tảng số. Thứ ba là phụ thuộc giữa các bên về kinh phí phát sinh trong quá trình dịch chuyển dữ liệu. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | VNPT | |
| 59 | 2 | Đề nghị làm rõ Điểm d, Khoản 2, Điều 59: Quy định “Nhà cung cấp nền tảng số, dịch vụ số cung cấp dịch vụ xử lý dữ liệu phải cung cấp các biện pháp hỗ trợ cần thiết khi người dùng muốn chuyển các dữ liệu của mình sang một nền tảng xử lý dữ liệu khác”. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | BỘ KHĐT | |
| 59 | 2 | Đề nghị làm rõ khái niệm và bản chất của “dữ liệu”, “dịch vụ xử lý dữ liệu”, cũng như xác định phạm vi dữ liệu liên quan đến giao dịch được hiển thị cho người dùng | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | GRAB, VCCI | |
| 59 | 2 | Điều 59 – Trách nhiệm và nghĩa vụ của nhà cung cấp dịch vụ và nền tảng kỹ thuật số trong việc thu thập , lưu trữ , xử lý và chia sẻ dữ liệu . Các nghĩa vụ được đề xuất theo Điều 59 là tổng thể chung chung và giống với nghĩa vụ liên quan đến dữ liệu cá nhân . Theo cách diễn đạt của Điều 59.2 , có vẻ như các nhà làm luật đang mở rộng phạm vi các quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân để bao gồm dữ liệu nói chung . Điều này sẽ gây ra các vấn đề nghiêm trọng đối với các công ty phải tuân thủ , vi phạm vi dữ liệu được đề cập theo Điều 59 nói chung là quá rộng . Các vấn đề đáng chú ý có thể là • Tại sao dữ liệu thông thường phải được bảo vệ ở cùng cấp độ với dữ liệu cá nhân ? a Làm cách nào các nhà cung cấp Nền tảng và dịch vụ kỹ thuật số có thể cung cấp cho người dùng quyền truy cập vào bất kỳ dữ liệu nào được tạo ra trong quá trình người dùng sử dụng . Nền tảng ? • Làm thế nào để các nhà cung cấp Nền tảng và dịch vụ kỹ thuật số có thể cung cấp dữ liệu được tạo ra từ Giao dịch điện tử Tấn Nền tảng cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi họ không kiểm soát được dữ liệu đó ? Khuyến nghị : Xóa bỏ các nghĩa vụ theo Điều 59.2 . Những yêu cầu đó chỉ nên áp dụng cho dữ liệu cá nhân ( nếu có ) chứ không phải dữ liệu nói chung . Do dự thảo Nghị định về bảo vệ dữ liệu có nhân của Việt Nam đã đặt ra khuôn khổ pháp lý toàn diện cho việc bảo vệ dữ liệu cá nhân , nên không cần thiết phải nhắc lại nghĩa vụ bảo vệ dữ liệu theo Dự thảo Luật . 21. Điều 59.2.a - Yêu cầu các nhà cung cấp nền tảng kỹ thuật số và dịch vụ kỹ thuật số phải cung cấp cho người dùng khả năng truy cập vào dữ liệu được tạo ra trong quá trình hoạt động của người dùng trên nền tảng kỹ thuật số. Yêu cầu này là không rõ ràng , cũng không phải là tốt nhất . Không có dấu hiệu cho thấy người dùng có thể nhìn thấy dữ liệu nào trong quá trình hoạt động trên nền tảng kỹ thuật số hoặc cách người dùng có thể truy cập vào dữ liệu này . Nhiều nhà cung cấp nền tảng kỹ thuật số sử dụng các bài đánh giá kỹ thuật , thống kê và phân tích khác ( trên cơ sở tổng hợp ). Người dùng cuối không cần phải truy cập những nội dung như vậy.  Khuyến nghị : Làm rõ các yêu cầu này. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 58-60 |  | Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, đưa các nội dung về nghĩa vụ về minh bạch thông tin hàng hóa, dịch vụ (khoản 6 Điều 58) và xác minh bên cung cấp hàng hóa, dịch vụ (khoản 8 Điều 58) vào mục nghĩa vụ cụ thể của nền tảng số trung gian có hoạt động thương mại (như đề xuất nêu trên đối với mục 3 Chương này) và đưa nội dung về điều khoản miễn trừ trách nhiệm (điểm b khoản 2 Điều 60) vào nội dung quản lý theo nghĩa vụ chung. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Bộ Công Thương | |
| 60 | 1 | Quy định về các tiêu chí, căn cứ để xác định, đánh giá một hành động là “hành động nhanh chóng” | Tiếp thu. Trong quá trình tiếp thu ý kiến và thực tiễn, đơn vị soạn thảo đã bố cục lại kết cấu và nội dung chương này theo hướng chỉ quy định nội dung về hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử và các nội hàm liên quan đến nghĩa vụ của các chủ quản hệ thống thông tin cung cấp nền tảng số, dịch vụ số. Chi tiết tại Chương 6. | VNPT | |
| 60 | 1 | Tại Điều 60, khoản 1, điểm a: Đề nghị sửa lại thành: “Không biết về hoạt động bất hợp pháp hoặc nội dung bất hợp pháp và liên quan đến yêu cầu bồi thường thiệt hại, không biết về các sự kiện hoặc hoàn cảnh mà từ đó hoạt động bất hợp pháp hoặc nội dung bất hợp pháp là rõ ràng”; bỏ dấu phẩy sau cụm từ “bất hợp pháp và”; bỏ từ “hoặc” cuối câu do không hợp lý. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Thanh Hoá | |
| 60 | 1 | Rà soát lại nội dung “Biết về các hoạt động, nội dung nêu trên thì hành động nhanh chóng để xóa hoặc vô hiệu hóa quyền truy cập vào nội dung bất hợp pháp” tại điểm b khoản 1 Điều 60 để đảm bảo tính rõ nghĩa. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Bộ Công Thương | |
| 60 | 2 | Điểm b, Khoản 2, Điều 60 quy định: “Trong giao dịch điện tử được ký kết giữa người dùng cuối (người tiêu dùng ) với người dùng thương nhân thông qua nền tảng số, nếu thông tin về hàng hóa/dịch vụ được thể hiện trên nền tảng số làm cho người tiêu dùng tin rằng hàng hóa/dịch vụ được cung cấp bởi chính doanh nghiệp nền tảng số hoặc người dùng thương nhân chịu sự kiểm soát, quản lý của nền tảng số. Tương tự như trên, điều khoản này có thể dễ dàng khiến các nền tảng kỹ thuật số gặp các rủi ro tuần thủ vì không có tiêu chí định lượng để xác định thông tin nào trên nền tảng kỹ thuật số được coi là “ khiến người tiêu dùng tin rằng... "   Khuyến nghị: Loại bỏ hoặc làm rõ các điều khoản nêu trên |  | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 61 | Khác | Tại Chương VII, Mục 3 về Nguyên tắc quản lý và nghĩa vụ cụ thể đối với một số loại hình nền tảng số đặc thù:  Đề nghị bổ sung các nội dung quy định liên quan đến nền tảng hợp đồng điện tử và đề xuất giao Bộ Công Thương có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với nền tảng hợp đồng điện tử. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Đà Nẵng | |
| 61 | Khác | Đề nghị bỏ Mục 3, và để pháp luật chuyên ngành xác định và điều chỉnh đối với các hoạt động được thực hiện trên từng nền tảng.  Lý do: Dự thảo chưa đưa ra được các tiêu chí cụ thể trong việc xác định các nền tảng số đặc thù (mục đích sử dụng, cơ chế vận hành, đối tượng giao dịch, v.v.) dẫn đến có những chồng chéo giữa các loại hình nền tảng số đặc thù khác nhau, ví dụ các nền tảng đặt xe trực tuyến và nền tảng đặt phòng ở trực tuyến sẽ được xác định là nền tảng sàn thương mại điện tử hay nền tảng kinh tế hợp tác chia sẻ trực tuyến trong các lĩnh vực vận tải và du lịch. Tương tự, các nền tảng chia sẻ nội dung số trực tuyến khó xác định loại hình là nền tảng chia sẻ nội dung số trực tuyến hay nền tảng kinh tế hợp tác chia sẻ trực tuyến trong lĩnh vực nội dung số. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | GRAB, VCCI | |
| 62-71 | Khác | - Khái niệm “nền tảng số” và “nền tảng số trung gian” tại dự thảo không có sự khác biệt và gây nhầm lẫn, chứa đựng nhiều nội dung, thuật ngữ không mang tính pháp lý. Bên cạnh đó, đề nghị thống nhất với quy định về nền tảng số, nền tảng số trung gian tại dự thảo Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.  Hiện nay dự thảo chưa có điều khoản cụ thể về phân loại các nền tảng số. Đồng thời, dự thảo cũng chưa làm rõ được các nền tảng đặc thù là thuộc nền tảng số trung gian hay loại nền tảng số khác. Vì vậy đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung thêm phân loại đối với các loại nền tảng số theo hướng nhóm các nền tảng từ Điều 62-71 (mục 3 Chương VII của dự thảo) theo hướng:  - Nền tảng số trung gian bao gồm  + Nền tảng số trung gian có hoạt động thương mại hàng hóa, dịch vụ: sàn giao dịch thương mại điện tử, nền tảng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; các nền tảng kinh tế hợp tác chia sẻ trực tuyến và nền tảng số trung gian có hoạt động thương mại điện tử.  + Nền tảng số trung gian thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Thông tin và truyền thông: Nền tảng chia sẻ video, audio; nền tảng chia sẻ ứng dụng, nền tảng giao tiếp trực tuyến…  + Nền tảng số trung gian thuộc các lĩnh vực chuyên ngành: Nền tảng tài chính điện tử, ngân hàng điện tử, thanh toán trực tuyến, …  - Nền tảng số khác: Không thuộc trường hợp là nền tảng số trung gian, mang tính truyền dẫn, cung cấp dịch vụ theo hợp đồng. Nhóm nền tảng số này sẽ bao gồm những nền tảng như nền tảng điện toán đám mây (Cloud services), nền tảng tìm kiếm thông tin, phân tích dữ liệu trực tuyến (Search engine), nền tảng hệ điều hành (Operating system), nền tảng cung cấp dịch vụ công/chính phủ điện tử (như PC-Covid, nền tảng định danh và xác thực điện tử…)  Đề nghị thay cụm từ “đặc thù” bằng cụm từ “chuyên ngành” và việc phân công quản lý nhà nước đối với các loại hình nền tảng nêu trên cần được làm rõ theo phân công quản lý nhà nước hiện hành. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Bộ Công Thương | |
| 61-71 |  | Chương VII Phần 3 - Nguyên tắc quản lý và nghĩa vụ cụ thể đối với một số loại nền tảng kỹ 3 thuật số cụ thể Dự thảo chưa đưa ra tiêu chí xác định nền tảng kỹ thuật số cụ thể (mục đích sử dụng, cơ chế vận hành, đối tượng giao dịch, ..) dẫn đến sự chồng chéo giữa các loại nền tảng , ví dụ nền tảng đặt phòng lưu trú trực tuyến sẽ được xác định là nền tảng thương mại điện tử , hoặc các nền tảng kinh tế chia sẻ trực tuyến trong lĩnh vực vận tải và du lịch. Khuyến nghị: Bỏ Mục 3 và cho phép luật pháp chuyên ngành xác định và điều chỉnh các hoạt động được thực hiện trên mỗi nền tảng. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 67 | 3 | Khoản 3 Điều 67: “Bộ Công Thương” thành “Bộ Công Thương”. | Tiếp thu. | Long An | |
| 72,73,74 | Khác | - Đề nghị bỏ toàn bộ Mục 4 (Điều 72, Điều 73, Điều 74) về nghĩa vụ bổ sung đối với các nền tảng số lớn. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | GRAB, VCCI | |
| 72,73,74 | Khác | Điều 72 , 73 , 74 – Nền tảng kỹ thuật số lớn và chiếm ưu thế . Dự thảo Luật không đưa ra các khái niệm và tiêu chí rõ ràng để xác định đâu là nền tảng kỹ thuật số lớn và chiếm ưu thế , cũng như phân biệt đối xử với các nền tảng kỹ thuật số này . Sự không rõ ràng này có thể gây ra lo ngại về sự không chắc chắn về mặt pháp lý và gây khó khăn cho việc thực thi đối với các doanh nghiệp , do họ không thể chủ động xác định vị trí của mình . Chẳng hạn , một doanh nghiệp năm nay được xác định là nền tảng kỹ thuật số lớn nhưng năm sau không còn nằm trong danh sách đó nữa thì họ phải liên tục điều chỉnh mô hình , bộ máy kinh doanh để đáp ứng các điều kiện phù hợp với quy mô của mình. Hiện nay , hệ thống pháp luật đã có Luật Cạnh tranh để hạn chế và nghiêm cấm việc lạm dụng vị trí thống lĩnh , độc quyền của doanh nghiệp trên thị trường ( với tiêu chí xác định rõ thì phần ). Do đó, không cần quy định phân biệt đối xử nhiều hơn đối với các nền tảng kỹ thuật số lớn và thống tri.  Khuyến nghị: Bỏ Mục 4 ( Điều 72 , Điều 73 , Điều 74 ) về các nghĩa vụ bổ sung đối với các nền tảng kỹ thuật số lớn | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 72 | Khác | Điều 72 - Tiêu chí xác định các nền tảng kỹ thuật số chính . Đã có nhiều quy định về cách phân loại các doanh nghiệp / nền tảng là lớn / chiếm ưu thế : • Luật Cạnh tranh 2018 đã bao gồm các tiêu chí để xác định doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường và các hoạt động cẩm lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường .. • Nghị định 85 và Thương mại điện tử quy định Bộ Công Thương tổng hợp và công bố danh sách hàng năm về 5 doanh nghiệp thương mại điện tử hàng đầu , dựa trên tổng lượt truy cập . số lượng người bán , tổng số giao dịch và tổng giá trị giao dịch ; • Dự thảo sửa đổi Nghị định 72 cũng có các tiêu chỉ để xác định mạng xã hội có số lượng truy cập thường xuyên cao và số lượng truy cập thường xuyên thấp . Với rất nhiều quy định phân loại cùng một chủ thể , các doanh nghiệp sẽ phải cùng lúc gánh vác nhiều gánh nặng khác nhau theo từng quy định . Hơn nữa , sự khác biệt giữa các quy định này tạo ra sự không chắc chắn đối với các doanh nghiệp , điều này không có lợi cho thương mại và đầu tại Việt Nam , vì các nhà lập pháp Việt Nam đang sao chép luật pháp của EU mà không đánh giá một cách hợp lý bối cảnh hiện tại cũng như nhu cầu thực tế để điều chỉnh các nền tảng lớn. tương tự như EU.  Khuyến nghị : Xem lại tất cả các định nghĩa có sẵn về các nền tảng lớn / chiếm ưu thế | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 72 | 1 | Đề nghĩ làm ro quy định này vì Khoản 1 Điều 72 hiện đang đưa ra khái niệm của nền tảng số lớn để các quy định của Dự thảo điều chỉnh các đối tượng này. Tuy nhiên, hiện quy định chỉ xác định nền tảng số lớn dựa trên “số lượng người dùng thường xuyên lớn” và việc “thu thập, quản lý dữ liệu của nhiều cá nhân, tổ chức tại Việt Nam” mà không định lượng được cụ thể về số lượng và khối lượng để xác định được mức “lớn” và “nhiều” được quy định tại khoản 1 Điều 72 này. Việc quy định chung chung như vậy sẽ gây khó khăn cho các nhà cung cấp dịch vụ nền tảng số trên thực tế để thực thi và tuân thủ quy định. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | VNPT | |
| 72 | 1 | Khoản 1, Điều 72: Đề nghị giải thích từ ngữ “nền tảng số lớn” tường minh và quy định cụ thể nền tảng số lớn tại Nghị định này. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Bộ KHĐT | |
| 72 | 1 | - Đề nghị xem lại khái niệm “nền tảng số lớn là nền tảng số trung gian” là chưa phù hợp, thống nhất với chính các khái niệm trong dự thảo Luật này. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Bộ Công Thương | |
| 72 | Khác | - Đề nghị không quy định các tiêu chí, phương pháp xác định các nền tảng số lớn tại văn bản quy phạm pháp luật cấp Thông tư của Bộ trưởng do các nền tảng quy định trong Luật này trải dài trong nhiều lĩnh vực chuyên ngành khác nhau như tài chính, ngân hàng, thương mại, đầu tư…Tương tự như vậy, đề nghị rà soát các trách nhiệm của nền tảng số lớn theo hướng đảm bảo các trách nhiệm này phải tương thích, không chồng chéo với pháp luật chuyên ngành và thống nhất với các quy định phân công quản lý nhà nước tại Luật này đối với nền tảng số. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Bộ Công Thương | |
| 72.73 |  | Cải cách lập pháp được nghiên cứu và áp dụng trong những bối cảnh chính trị , kinh tế và luật pháp rất khác nhau . Trước khi tiếp nhận các quy định pháp luật từ các quốc gia khác , Bộ TT & TT cần xem xét , cân nhắc kỹ lưỡng về tác động của các quy định này đối với nền kinh tế Việt Nam. Cách tiếp cận được thực hiện trong Đạo luật dịch vụ kỹ thuật số ( DMA ) và Đạo luật dịch vụ kỹ thuật số ( DSA ) là độc nhất đối với bối cảnh chính trị , kinh tế và lập pháp của Châu Âu . DMA và DSA được đề xuất như một gói biện pháp toàn diện để cung cấp các dịch vụ kỹ thuật số ở Liên minh Châu Âu ( " EU " ) , nhằm giải quyết những thách thức trong phạm vi quyền hạn đó . Ví dụ , luật pháp trên cơ sở quốc gia được coi là không hiệu quả vì mỗi Quốc gia Thành viên EU sẽ xây dựng các quy tắc riêng và chỉ có thể giải quyết những thất bại của thị trường trong phạm vi quyền hạn của mình . Do đó , một cách tiếp cận lập pháp mang tính quy định cao đã được thực hiện trong bối cảnh đó để tránh việc thực hiện phân tán giữa 27 Quốc gia Thành viên. Tác động của DMA và DSA đã thu hút sự chỉ trích của các nhà bình luận pháp luật ở châu Âu . Frederic Jenny , Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh OECD , nhận xét rằng “ một số nghĩa vụ được áp đặt đối với các nền tảng ' gác cống ' theo đề xuất của EU đường như hiểu sai chức năng của một hệ sinh thái và thực sự có thể hạn chế sự cạnh tranh hoặc đổi mới của các hệ sinh thái đó dưới tên gọi của sự công bằng hoặc bảo vệ sự cạnh tranh trong một hệ sinh thái ”. Không có gì chắc chắn rằng việc nhập các điều khoản từ DMA và DSA vào Luật Giao dịch điện tử sẽ không làm tổn hại đến sự đổi mới và đầu tư của Việt Nam một cách tương xứng với lợi ích được nhận thức của nó . Các đề xuất rộng rãi trong Luật Giao dịch điện tử có thể có tác động tiêu cực đến sự đổi mới ở Việt Nam nếu không được thực hiện đúng cách . Dưới đây là một vài ví dụ về cách các đề xuất có thể có tác động bất lợi vô tình: \* Các nền tảng kỹ thuật số Việt Nam có thể giảm động lực đổi mới và trở thành kẻ phá hoại . tiếp theo nếu quy định làm giảm quy mô lợi ích của họ . • Quy định chỉ dành cho Việt Nam có thể làm giảm quy mô thị trường mà các công ty toàn cầu hoặc khu vực có thể tiếp cận , làm giảm động lực tổng thể của họ để đổi mới hoặc triển khai . dịch vụ tại Việt Nam , ngay cả khi chúng có thể được giới thiệu ở các khu vực khác của châu Á hoặc phần còn lại của thế giới . • Nếu các công ty toàn cầu hoặc khu vực bị hạn chế khả năng đối mới , thì điều này có thể tác động trực tiếp đến các bộ phận khác của nền kinh tế Việt Nam . Ví dụ , một số công ty toàn cầu hoặc khu vực hỗ trợ sự phát triển của các doanh nghiệp Việt Nam hoặc cho phép họ tiếp cận nhiều phân khúc người tiêu dùng hơn trên khắp thế giới . Việc hạn chế khả năng đối mới của các công ty toàn cầu hoặc khu vực này có thể hạn chế tốc độ phát triển của các doanh nghiệp Việt Nam . • Ở giai đoạn non trẻ này của nền kinh tế Việt Nam , có thể phải mất một thời gian nữa các doanh nghiệp Việt Nam mới có thể lấp đầy khoảng trống mà các công ty toàn cầu hoặc khu vực để lại . Điều này có thể có tác động tiêu cực đến các doanh nghiệp và người tiêu dùng Việt Nam , những người sẽ bị thiệt hại do giảm hàng hóa và dịch vụ sẵn có .  Khuyến nghị Tiến hành phân tích chi phi - lợi ích kỹ lưỡng trước khi thông qua các đề xuất trong Luật , đặc biệt là liên quan đến Điều 72 và Điều 73 , để tránh bất kỳ quy định mới nào có thể gây hại cho doanh nghiệp và người tiêu dùng Việt Nam nhiều hơn là có lợi cho họ. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Điều 54 Chương VI dự thảo Luật. | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 73 | Khác | - Đề nghị làm rõ khái niệm “thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập”.  - Đề nghị bỏ quy định “Chuyên viên tuân thủ sẽ trực tiếp báo cáo với cấp quản lý cao nhất của nền tảng số”. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Bộ Công Thương | |
| 73 | Khác | Đề xuất sửa tiêu đề Điều 73 “Nghĩa vụ của các Nền tảng số lớn” thành “Nghĩa vụ bổ sung của các Nền tảng số lớn” cho phù hợp tiêu đề của Mục 4. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Đà Nẵng | |
| Khác |  | Đề nghị làm rõ sự khác nhau giữa các nền tảng số đặc thù trong Mục 3 với các nền tảng số lớn, nền tảng số chi phối trong Mục 4; xem xét lại sự cần thiết đưa vào dự thảo Luật đối với nội dung trong Mục 4 vì các nội dung này (như khái niệm nền tảng số lớn, đánh giá rủi ro, biện pháp giảm nhẹ...) không mang tính quy tắc xử sự để có thể đưa vào dự thảo Luật; đối với các nghĩa vụ của nền tảng số lớn thì đề xuất đưa chung vào nghĩa vụ của nền tảng số trong Mục 2. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Đà Nẵng | |
| 73 | Khác | Điều 73 – Chuyên viên giám sát trên nền tảng kỹ thuật số chính – Dự thảo yêu cầu các nền tảng kỹ thuật số lớn phải có một người giám sát tuân thủ làm việc “ độc lập ” ; nghĩa chính xác của “ độc lập " ở đây không rõ ràng và gây ra những thách thức trong quá trình thực hiện . Hơn nữa , yêu cầu chuyên viên giám sát báo cáo trực tiếp lên cầu quản lý cao nhất của nền tảng kỹ thuật số là một quy định can thiệp không hợp lý vào hoạt động của doanh nghiệp . Nhìn chung , những nghĩa vụ này khá phức tạp và chúng tôi không chắc nó sẽ được thực thi như thế nào trong thực tế . Các nhà lập pháp Việt Nam đang sao chép hệ thống luật pháp của EU mà không đánh giá một cách chính xác bối cảnh hiện tại ở Việt Nam cũng như nhu cầu thực tế để điều chỉnh các nền tảng lớn theo cách thức tương tự như EU. Khuyến nghị: Làm rõ khái niệm “ độc lập ” và bỏ quy định “ Chuyên viên giám sát báo cáo trực tiếp với cấp quản lý cao nhất của nền tảng kỹ thuật số . | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 73 | 3 | Điểm d: Không rõ thế nào là thực hiện nhiệm vụ “một cách độc lập”, gây khó khăn khi thực thi. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | GRAB, VCCI | |
| 73 | 3 | Điểm e: Việc yêu cầu chuyên viên tuân thủ trực tiếp báo cáo với cấp quản lý cao nhất của nền tảng số là quy định can thiệp bất hợp lý vào hoạt động vận hành, kinh doanh của doanh nghiệp. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | GRAB, VCCI | |
| 74 | Khác | - Trường hợp cần phòng ngừa rủi ro và giám sát tuân thủ trong hoạt động của nền tảng số, cần áp dụng các quy định về phòng ngừa rủi ro và giám sát tuân thủ cho tất cả các nền tảng số nói chung, vì bản chất hoạt động của nền tảng số đã liên quan và có thể ảnh hưởng đến nhiều bên tham gia. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | GRAB, VCCI | |
| 74 | Khác | - Đề nghị xem xét lại khái niệm “nền tảng số chi phối” khi quy định tại dự thảo vừa thừa, vừa thiếu và không phù hợp với quy định của pháp luật cạnh tranh. Ngoài ra, với các quy định trách nhiệm của nền tảng chi phối tại dự thảo, hiện chưa xác định rõ là nền tảng số theo quy định này có khả năng chi phối gì (thị phần), vị trí thống lĩnh có đồng nhất với vị trí thống lĩnh của pháp luật cạnh tranh hay không…Ngoài ra, việc xác định một nền tảng có vị trí thống lĩnh, chi phối hay không phải thực hiện theo quy định của pháp luật cạnh tranh thông qua quá trình điều tra, khảo sát thị trường với quy trình chặt chẽ.  Do vậy, đề nghị bỏ quy định về “nền tảng số chi phối”. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Bộ Công Thương | |
| 74 | Khác | Đề nghị bổ sung giải thích, thuyết minh thêm về “thuật toán gợi ý”. Cân nhắc bổ sung quy định Nhà cung cấp dịch vụ phải cung cấp đặc tả thuật toán gợi ý cho cơ quan quản lý và mô tả dễ hiểu thuật toán này cho người dùng, đồng thời xem xét bổ sung quy định Nhà cung cấp dịch vụ phải có thuật toán xử lý thông tin giả và thông tin tiêu cực. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Bộ GDĐT | |
| 74 | Khác | Điều 74 - Cá nhân hóa trên nền tảng kỹ thuật số thống trị Mọi công nghệ trong hệ sinh thái kinh tế kỹ thuật số đều dựa vào việc sử dụng dữ liệu cá nhân để cung cấp các dịch vụ được cá nhân hóa Điều này có lý do chính đúng : nếu không có kiến thức về những gì người tiêu dùng muốn và thích , sẽ không thể điều chỉnh các dịch vụ trực tuyến theo nhu cầu của họ . Mặc dù ngành công nghiệp thừa nhận mong muốn của chính phủ Việt Nam cho phép người dùng chọn không tham gia nguồn cấp dữ liệu được cá nhân hóa , nhưng điều quan trọng là nó vẫn tương xứng trong việc giải quyết các mối quan tâm cụ thể . Việc chọn không tham gia rộng rãi có nguy cơ dẫn đến hậu quả không mong muốn là ngừng đối mới dựa trên dữ liệu , đình trẻ tăng trưởng trong nền kinh tế internet và tận dụng những lợi ích đáng kể mà cá nhân hóa mang lại cho con người và xã hội Quảng cáo được cá nhân hóa vẫn là lựa chọn tốt nhất để đối mới , tăng trưởng và truy cập internet được dân chủ hóa . Lợi ích của các mô hình kinh doanh do quảng cáo tài trợ là không thể bàn cãi : • Dịch vụ miễn phí và tính toàn diện tối đa - mô hình kinh doanh được tài trợ bởi quảng cáo đang phổ biến trên các nền tảng truyền thông xã hội và internet nói chung để cho phép truy cập • Người dùng có thể khám phá các dịch vụ và thương hiệu mới mà họ quan tâm . • Các doanh nghiệp - đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ ( SMB ) - có thể tiếp cận tốt hơn những người quan tâm đến sản phẩm của họ . Các SMB sẽ phải đối mặt với tác động lớn nhất . Ví dụ , các nhà quảng cáo doanh nghiệp nhỏ ở Việt Nam đã phải chịu chi phí gia tăng trong việc thúc đẩy doanh số bán hàng cho doanh nghiệp của họ . Yêu cầu này có thể làm giảm hiệu quả của quảng cáo được cá nhân hóa, có tác động đáng kể đến sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ  Khuyến nghị : Cho phép các dịch vụ cá nhân hóa trên các nền tảng kỹ thuật số thống lĩnh. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Điều 54 Chương VI dự thảo Luật. | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 74 | Khác | Điều 74 - Yêu cầu thuật toán đối với nền tảng kỹ thuật số thống trị - Tính minh bạch và công khai là chìa khóa giúp người dùng kiểm soát nhiều hơn cách tiếp cận nội dung của họ . Nó giúp mọi người hiểu rõ hơn và tin tưởng hơn vào cách thức hoạt động của các thuật toán . Chúng tôi tin rằng sự hiểu biết tốt hơn về mối quan hệ giữa người dùng và thuật toán là vì lợi ích của tất cả mọi người , điều này bắt đầu từ sự công khai và minh bạch cũng như cho phép mọi người kiểm soát nhiều hơn nội dung họ xem . Vì những lý do này , chúng tôi khuyến nghị quy định về Ai nên tuân thủ các nguyên tắc sau để đảm bảo rằng nó có hiệu quả và đứng trước thử thách của thời gian : • Các nhà hoạch định chính sách nên cân nhắc đúng mức lợi ích của Ai và không làm gián đoạn sự đổi mới một cách không cần thiết \* Bất kỳ quy định mới nào cũng nên được nhằm mục tiêu một cách cẩn thận để giải quyết tác hại cụ thể và có thể xác định được , đồng thời dựa trên bằng chứng chắc chắn . Các quy định cũng phải tương xứng và dựa trên rủi ro , đảm bảo rằng các nhà hoạch định chính sách đang giải quyết các rủi ro thực tế ( chứ không phải rủi ro tiềm ẩn hoặc nhận thức được ) . \* Các nhà hoạch định chính sách nên tiếp cận toàn cầu . Cách tiếp cận quản lý tổng thể mà Việt Nam thực hiện cần được nhìn nhận trong bối cảnh cuộc cạnh tranh toàn cầu về tầm nhìn của Internet . Việt Nam nên làm việc với các quốc gia toàn cầu có cùng chí hướng với các hướng dẫn hiện hành như các nguyên tắc AI của DECD để đảm bảo tính nhất quán trong các cách tiếp cận quy định càng nhiều càng tốt . • Quy định phải linh hoạt , dựa trên phạm vi rộng và trung lập về công nghệ . Các quy định mang tính quy định có thể làm tăng chi phí cho doanh nghiệp một cách không cần thiết và có thể không có cải thiện tương xứng về hiệu quả của quy định , đặc biệt là khi các luật nhằm vào các công nghệ cụ thể có thể nhanh chóng trở nên lỗi thời do sự thay đổi trong hành vi của người tiêu dùng , thị trường và công nghệ . \* Tất cả các quy định chính sách cần được đánh giá độc lập về tính hiệu quả . Việt Nam nên làm việc với các công ty quốc tế để đạt được các mục tiêu chung về công nghệ bao gồm cả thuật toán và AI , với sự tham gia của các chuyên gia và đối tác học thuật .  Khuyến nghị : Xem lại quy chuẩn thuật toán hiện tại và kết hợp các nguyên tắc trên , cũng như theo đuổi hợp tác quốc tế để đạt được các mục tiêu chung trong công nghệ . | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Điều 54 Chương VI dự thảo Luật. | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 74 | 2 | Điểm b, Khoản 2, Điều 74 quy định: “Không được thiết lập các mô hình thuật toán gợi ý để khiến người dung không thể đưa ra quyết định chính xác khi mua hàng hóa/dịch vụ hoặc tiêu thụ quá mức”. Các mô hình thuật toán gợi ý trong nền kinh tế nền tảng là những thuật toán có tính năng quảng cáo giúp tăng sự thuận tiện cho người dùng/người tiêu dùng trong việc tìm kiếm thông tin và hàng hóa mà họ quan tâm. Tuy nhiên, quy định này của Dự thảo Luật có thể khiến các thuật toán đề xuất như vậy bị coi là bất hợp pháp vì không có tiêu chỉ cụ thể để xác định mức độ ảnh hưởng của thuật toán đổi lên quyết định của người dùng/người tiêu dùng. Ví dụ, làm thế nào để xác định xem một quyết định của người dùng/người tiêu dùng có đúng hay không? Một quyết định có thể đúng với một người tại một thời điểm nhưng lại sai vào một thời điểm khác, vậy làm sao để xác định liệu một thuật toán đang khiến người dùng/người tiêu dùng thể đưa ra quyết định không chính xác? Và thế nào là tiêu dùng quá mức? Khuyến nghị: Loại bỏ hoặc làm rõ các điều khoản nêu trên | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Điều 54 Chương VI dự thảo Luật. | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 76 | 2 | Tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 76, Mục 4, Chương VII: Đề nghị cân nhắc bỏ cụm từ “phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành và các cơ quan, tổ chức có liên quan”. Bởi vì, công tác thanh tra, kiểm tra trong hoạt động của nền tảng số, dịch vụ số thuộc trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông, còn công tác phối hợp, triển khai trong quá trình thanh tra, kiểm tra thì thực hiện theo quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Bộ Nội vụ | |
| 76 | 5 | Đề nghị quy định rõ ràng các trường hợp, phạm vi, cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp chặn truy cập. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | GRAB, VCCI | |
| 76 | 5 | Điều 76.5 - Quyền của Cơ quan có thẩm quyền để chặn truy cập vào các trang web , ứng dụng , dịch vụ kỹ thuật số vi phạm Biện pháp chặn truy cập có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của doanh nghiệp cùng với hoạt động của các cá nhân , tổ chức tham gia và sử dụng hệ thống giao dịch điện tử , dịch vụ số . Do đó , việc áp dụng biện pháp này cần được cân nhắc và quy định kỹ lưỡng ( thẩm quyền , trường hợp áp dụng , thời điểm và thời hạn áp dụng v .. ) . Khuyến nghị : Ghi rõ các trường hợp, phạm vi cấp có thẩm quyền áp dụng biện pháp chặn truy cập. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Điều 55 Chương VI dự thảo Luật. | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 76 | 6 | 6. Trường hợp phải cung cấp thông tin, báo cáo theo quy định, nhà cung cấp nền tảng số, dịch vụ số, hệ thống giao dịch điện tử có thể lựa chọn cung cấp dữ liệu, thông tin dưới hình thức trực tuyến, hoặc kết nối trực tiếp từ hệ thống của mình đến hệ thống của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát theo quy định pháp luật | Cơ quan chủ trì soạn thảo thu và thực hiện chỉnh lý toàn bộ nội dung Chương VII tại Chương VI của dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định, theo đó chỉ quy định nội dung về hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử và các nội hàm liên quan | GRAB, VCCI | |
| 76 | 6 | - Tại Khoản 6 Điều 76: đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ từ “nhà” trước cụm từ “nhà cung cấp nền tảng số”, cụ thể như sau”:  “6. Trường hợp phải cung cấp thông tin, báo cáo theo quy định, nhà nhà cung cấp nền tảng số, dịch vụ số,…”.  Sửa thành:  “6. Trường hợp phải cung cấp thông tin, báo cáo theo quy định, nhà cung cấp nền tảng số, dịch vụ số,…”. | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Lai Châu | |
| 76 | 6 | Khoản 6 Điều 76: “nhà nhà cung cấp nền tảng số” thành “nhà cung cấp nền tảng số” | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Chương VI dự thảo Luật. | Long An | |
| 76 | 6 | Yêu cầu nền tảng cung cấp dữ liệu thời gian thực . Hiện nay , hầu hết các hoạt động báo cáo , cung cấp thông tin của các doanh nghiệp vẫn được thực hiện thông qua hình thức thư từ , văn bản . Trên thực tế , các cơ quan quản lý chưa được trang bị đầy đủ các nguồn lực , thiết bị để tiếp nhận các báo cáo , thông tin về doanh nghiệp qua phương thức điện tử và trực tuyến . Ngoài ra , doanh nghiệp cũng quan tâm đến tính an toàn , bảo mật của hệ thống khi kết nối hệ thống của mình với hệ thống bên ngoài , cũng như quy trình xác định trách nhiệm trong trường hợp xảy ra sự cố.  Khuyến nghị : Bỏ yêu cầu này . | Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa, loại bỏ các quy định không phù hợp như quy định tại Điều 55 Chương VI dự thảo Luật. | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| CHƯƠNG VIII GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC | | | | |
| Khác |  | Tại Mục 1 “Quy định về Giao dịch điện tử cơ quan Nhà nước” thuộc Chương VIII: Đề nghị xem xét, bổ sung làm rõ các trường hợp cơ quan Nhà nước buộc phải tiếp nhận và xử lý giao dịch điện tử, không được phép từ chối hoặc yêu cầu nộp thêm hồ sơ bản cứng thi mới tiến hành xử lý hồ sơ. | Tiếp thu. Trong quá trình nghiên cứu, tiếp thu nội dung góp ý. Bộ TTTT đã điều chỉnh lại nội dung này tại Khoản 2, Điều 48 như sau: Cơ quan nhà nước phải sẵn sàng thực hiện toàn bộ giao dịch giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức khác bằng giao dịch điện tử trên môi trường mạng trực tuyến, trừ những giao dịch liên quan đến bí mật nhà nước, yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật | Tổng Liên đoàn Lao động VN | |
| Khác |  | Khoản 3 Điều 5 dự thảo Luật quy định: “Các kết quả của giao dịch điện tử được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu, đáp ứng các yêu cầu về mức độ tin cậy theo quy định của pháp luật thì được thừa nhận có giá trị pháp lý tương đương văn bản”. Như vậy, khi cá nhân, tổ chức ngoài cơ quan Nhà nước thực hiện giao dịch điện tử mà kết quả của giao dịch đó là thông điệp dữ liệu và đáp ứng các yêu cầu về mức độ tin cậy theo quy định của pháp luật hoặc nộp hồ sơ điện tử thì cơ quan Nhà nước không được yêu cầu nộp thêm bản giấy bên cạnh thông điệp dữ liệu điện tử hoặc từ chối tiếp nhận hồ sơ điện tử đó, điều này sẽ gây cản trở rất lớn đối với việc điện tử hoá các dịch vụ công, thủ tục hành chính, đồng thời gây mất thời gian, công sức, tiền bạc của người dân và doanh nghiệp, thậm chí có thế tạo ra hệ lụy về nhũng nhiễu, tiêu cực.  Do vậy, đề nghị bổ sung quy định cơ quan Nhà nước chấp nhận và xử lý hồ sơ điện tử gửi đến từ người dân và doanh nghiệp đối với những giao dịch điện tử đáp ứng yêu cầu về mức độ tin cậy theo quy định của pháp luật. | Tiếp thu. Trong quá trình nghiên cứu, tiếp thu nội dung góp ý. Bộ TTTT đã điều chỉnh lại nội dung này tại Khoản 2, Điều 48 như sau: Cơ quan nhà nước phải sẵn sàng thực hiện toàn bộ giao dịch giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức khác bằng giao dịch điện tử trên môi trường mạng trực tuyến, trừ những giao dịch liên quan đến bí mật nhà nước, yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật | Tập đoàn dầu khí | |
| Khác |  | Đề nghị nghiên cứu, đưa thêm mục hoặc điều quy định trách nhiệm của các cơ sở dữ liệu quốc gia hỗ trợ các dịch vụ giao dịch điện tử khi có yêu cầu. | Tiếp thu. Trong quá trình nghiên cứu, tiếp thu nội dung góp ý. Bộ TTTT đã điều chỉnh lại nội dung này tại khoản 3 Điều 44 | Hội Vô tuyến điện tử | |
| Khác |  | Tại Chương VIII có đề cập về cán bộ chuyên trách thực hiện giao dịch điện tử trong cơ quan nhà nước:  Đề nghị làm rõ, bổ sung các quy định liên quan đến biên chế, vị trí việc làm đối với cán bộ chuyên trách giao điện tử, sự khác nhau với cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin/ chuyển đổi số. Trường hợp bổ sung nhiệm vụ, công việc về giao dịch điện tử đối với cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin/ chuyển đổi số cần bổ sung các quy định cụ thể về chính sách ưu đãi, đãi ngộ vì hiện nay nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước rất khó khăn. | Tiếp thu, đã bỏ nội dung cán bộ chuyên trách thực hiện giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước | Đà Nẵng | |
| Khác |  | Xem lại tên của chương 8: “ Giao dịch điện tử của CQNN..., thúc đẩy chuyển đổi sổ", đề nghị bỏ cụm từ “thúc đẩy chuyển đổi số” vì đây chỉ là khẩu hiệu, trong chương không thấy có điều nào lên quan tới nội dung thúc đẩy. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | Hội Vô tuyến điện tử | |
| Khác |  | Tại Mục 1 chương VIII quy định về Giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước, đề nghị bổ sung quy định áp dụng trong trường hợp hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử gặp sự cố không thể khắc phục được, hoặc cần thời gian dài để khắc phục. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý đã bổ sung tại khoản 4 Điều 48 | Bộ Tài chính | |
| Khác |  | Đề nghị làm rõ trách nhiệm pháp lý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc đảm bảo tính chính xác, tin cậy của thông điệp dữ liệu trong giao dịch điện tử với cơ quan nhà nước. Dự thảo cần đề xuất chế tài do Chính phủ quy định cụ thể để xử phạt trong trường hợp cần thiết, nhằm đảm bảo tính tuân thủ của các chủ thể tham gia giao dịch điện tử với cơ quan nhà nước. | Tiếp thu, dự thảo Luật đã có nội dung quy định về mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu trong giao dịch điện tử nói chung tại các khoản 5, 6, 7, 8 Điều 9 và Chương II | BỘ KHĐT | |
| 77 | 1.3 | - Khoản 1, đề nghị sửa lại số thứ tự của các điểm cho thống nhất toàn dự thảo (không có điểm đ).  - Khoản 3, đề nghị sửa lại số thứ tự của các điểm cho thống nhất toàn dự thảo (điểm đ được đánh số 02 lần). | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | Gia Lai | |
| 77 | 1 | Đề nghị sửa lại như sau: g) Giao dịch điện tử giữa cán bộ, công chức, viên chức, người lao động với tổ chức ngoài cơ quan nhà nước để phục vụ cho mục đích công vụ; h) Giao dịch điện tử giữa cán bộ, công chức, viên chức, người lao động với cá nhân ngoài cơ quan nhà nước để phục vụ cho mục đích công vụ. Lý do: Làm rõ mục đích của giao dịch để giới hạn phạm vi, bởi sẽ có những giao dịch không phục vụ cho mục đích công vụ. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý | Viettel | |
| 77 | 2 | Bổ sung 01 điểm (điểm c) tại khoản 2, cụ thể: “c. Các loại hình giao dịch điện tử của các cơ quan Đảng, nhà nước nếu áp dụng chữ ký điện tử thì sử dụng dịch vụ chữ ký điện tử do Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử chuyên dùng Chính phủ”.  Lý do: Bảo đảm phù hợp với Điều 57 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ hướng dẫn Luật Giao dịch điện tử về chữa ký số. | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý tại dự thảo Luật đã có nội dung quy định về chữ ký điện tử chuyên dùng trong cơ quan nhà nước tại Điều 34. | Bộ Quốc Phòng | |
| 77 | 2 | Tại khoản 2 Điều 77, đề nghị bổ sung 01 điểm: "c’. Các loại hình giao dịch điện tử của các cơ quan Đảng, nhà nước nếu áp dụng chữ ký điện tử thì sử dụng dịch vụ chữ ký điện tử do Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử chuyên dùng Chính phủ". | Tiếp thu và đã thực hiện chỉnh lý tại dự thảo Luật đã có nội dung quy định về chữ ký điện tử chuyên dùng trong cơ quan nhà nước tại Điều 34. | Ban Cơ yếu Chính phủ | |
| 77 | 2 | Đề nghị sửa quy định tại điểm c khoản 2 “Cơ quan nhà nước phải chủ động thực hiện toàn bộ giao dịch trên môi trường số (trừ những giao dịch mang tính bí mật theo quy định của pháp luật)” thành “Cơ quan nhà nước phải chủ động thực hiện phần lớn giao dịch trên môi trường số (trừ những giao dịch mang tính bí mật theo quy định của pháp luật và các giao dịch không phù hợp thực hiện trên môi trường số)”, do trong thực tế tồn tại một số loại giao dịch không phù hợp hoặc không hiệu quả khi thực hiện trên môi trường số. | Tiếp thu, quy định rõ hơn tại khoản 1 Điều 48 | Bộ Tài chính | |
| 77 | 2 | Đề nghị bỏ quy định tại điểm đ khoản 2 “Khi tiến hành giao dịch điện tử, cơ quan nhà nước phải quy định cụ thể các phương pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng”, do: từ Điều 94 đến Điều 100 đã quy định về đảm bảo an toàn, an ninh mạng trong giao dịch điện tử; việc các cơ quan nhà nước quy định riêng có thể sẽ không đảm bảo tính tuân thủ mà Luật đã quy định, đồng thời không thống nhất với các quy định tại Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng. | Tiếp thu và lược bỏ nội dung này ra khỏi dự thảo Luật | Bộ Tài chính | |
| 77 | 3 | Tại điểm a khoản 3 quy định “a) Bố trí tối thiểu 1% kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để tổ chức triển khai các giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước, phát triển chính phủ số. Chính phủ quy định cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi triển khai các dự án công nghệ thông tin, duy trì hoạt động các hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước;” cần cân nhắc quy định này để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Đồng thời, để nghị bổ sung làm rõ cơ sở, căn cứ để xác định việc “Bố trí tối thiểu 1% kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để tổ chức triển khai các giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước, phát triển chính phủ số.” để đảm bảo thuyết phục được các đại biểu Quốc hội về nội dung này. | Tiếp thu và lược bỏ nội dung này ra khỏi dự thảo Luật | BHXHVN | |
| 77 | 3 | Điểm a khoản 3 Điều 77 quy định một trong các điều kiện bảo đảm để phát triển giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước là: “Bố trí tối thiểu 1% kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để tổ chức triển khai các giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước, phát triển chính phủ số…”. Nội dung này chưa phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (về nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước, điều kiện chi ngân sách nhà nước…), đề nghị nghiên cứu, chỉnh lý cho phù hợp. Trường hợp cần thiết quy định thì báo cáo rõ Quốc hội, đồng thời, bổ sung nội dung giao cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành quy định này để bảo đảm nguồn lực và tính khả thi khi triển khai thực hiện. | Tiếp thu và lược bỏ nội dung này ra khỏi dự thảo Luật | Bộ Tư pháp | |
| 77 | 3 | Đề nghị bỏ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 77 “Bố trí tối thiểu 1% kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để tổ chức triển khai các giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước, phát triển chính phủ số”, hoặc sửa thành “Nhà nước ưu tiên kinh phí từ nguồn NSNN để tổ chức triển khai các giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước, phát triển chính phủ số…”. Lý do: Quy định tại dự thảo chưa xác định mẫu số cho tỷ lệ 1% (tỷ lệ chi NSNN, tỷ lệ chi thường xuyên,…), cũng như cơ sở, căn cứ tính toán ra tỷ lệ này. Mặt khác:  (i) Giao dịch điện tử được thực hiện ở nhiều lĩnh vực của NSNN (chi quản lý hành chính, các hoạt động kinh tế, y tế...), bao gồm cả ở chi thường xuyên và chi đầu tư, nên việc xác định tỷ lệ chi như trên là rất khó. Ngoài ra, NSNN bố trí cho việc tổ chức triển khai các giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước, phát triển chính phủ số thực hiện theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và các văn bản liên quan; được lồng ghép trong hầu hết các hoạt động của cơ quan nhà nước, bố trí ở nhiều ngành, lĩnh vực, nên quy định bố trí tối thiểu 1% kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để tổ chức triển khai các giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước, phát triển chính phủ số là không phù hợp.  (ii) Khoản 5 Điều 20 Luật NSNN quy định Ủy ban Thường vụ Quốc hội có thẩm quyền quyết định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ NSNN; Điều 30 Luật NSNN quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân (HĐND) cấp trong việc quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách địa phương; quyết định phân bổ dự toán ngân sách cấp mình. Việc dành nguồn cho từng lĩnh vực chi tại địa phương do HĐND quyết định, trừ lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, khoa học công nghệ, HĐND quyết định không được thấp hơn Quốc hội quyết định, Thủ tướng chính phủ giao. | Tiếp thu và lược bỏ nội dung này ra khỏi dự thảo Luật | Bộ Tài chính | |
| 77 | 3 | Tại Điểm a Khoản 3 Điều 77 có quy định “Bố trí tối thiểu 1% kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để tổ chức triển khai các giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước, phát triển chính phủ số”: Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ các hoạt động nào được sử dụng nguồn kinh phí này. | Tiếp thu và lược bỏ nội dung này ra khỏi dự thảo Luật | Lai Châu | |
| 78 | Khác | Tại Điều 78: Đề nghị rà soát tên gọi của Điều “Tạo lập và xác thực điện tử trong Chính phủ điện tử và Chính phủ số”, do từ “Tạo lập” không rõ nghĩa. | Tiếp thu và lược bỏ nội dung này ra khỏi dự thảo Luật | Bộ Tài chính | |
| 79 | 1 | Đề nghị bỏ quy định sau tại khoản 1 “Kết quả giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước có giá trị pháp lý như với các giao dịch truyền thống khi được ký số”, do trong thực tế không phải giao dịch điện tử nào của cơ quan nhà nước cũng yêu cầu phải ký số. | Tiếp thu và lược bỏ nội dung này ra khỏi dự thảo Luật | Bộ Tài chính | |
| 79 | 2 | Đề nghị bỏ quy định tại điểm a khoản 2 “Đảm bảo sử dụng thông điệp dữ liệu trong các giao dịch điện tử của mình”, do nội dung quy định này không có nghĩa. | Tiếp thu và lược bỏ nội dung này ra khỏi dự thảo Luật | Bộ Tài chính | |
| 80 | Khác | Dữ liệu được định nghĩa tại Điều 80 là dữ liệu của cơ quan nhà nước có phạm vi rộng, không chỉ bao gồm dữ liệu về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước. Việc quy định về dữ liệu nói chung trong Luật về giao dịch điện tử không logic về phạm vi điều chỉnh. Do đó đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật hoặc kiến nghị đưa nội dung quản lý về dữ liệu của cơ quan nhà nước vào văn bản pháp luật khác phù hợp về phạm vi điều chỉnh. | Dữ liệu trong Chương Giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước là dữ liệu sinh ra trong các hoạt động của cơ quan nhà nước và để phục vụ các giao dịch điện tử của CQNN. | Viettel | |
| 81 | 3 | Tại khoản 3 Điều 81 dự thảo Luật về phát triển dữ liệu số của nhà nước: Đề nghị bổ sung nguyên tắc bảo đảm sự đồng bộ, tương thích, thông suốt trong quản lý dữ liệu cho rõ ràng. | Tiếp thu, đã chỉnh sửa bổ sung, làm rõ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu, dùng chung giữa các CQNN tại Điều 46 dự thảo mới của Luật | Bộ Công an | |
| 81 | 3 | Điểm c Khoản 3 Điều 81 dự thảo Luật quy định về nguyên tắc quy hoạch cơ sở dữ liệu: “Quản lý và khai thác hiệu quả, tránh chồng chéo trong quản lý, trùng lặp trong thu nhập dữ liệu”, tuy nhiên trên thực tế, khi kết nối, chia sẻ dữ liệu số của Nhà nước (Điều 82), có nhiều cơ quan Nhà nước yêu cầu doanh nghiệp phải cung cấp cùng một nội dung dữ liệu số, gây khó khăn cho doanh nghiệp.  Do đó, đề nghị bổ sung quy định về việc khai thác dữ liệu điện tử chung giữa các cơ quan quản lý Nhà nước, các Bộ/Ngành nhằm tránh chồng chéo giữa các cấp quản lý, tránh việc phải nhập liệu/báo cáo cùng một nội dung trên các phần mềm/ứng dụng khác nhau của các cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với những doanh nghiệp có 100 % vốn Nhà nước. |  | Tập Đoàn dầu khí | |
| 82 | Khác | Đề nghị bổ sung quy định về việc chia sẻ một số thông tin dữ liệu dân cư quốc gia (liên quan đến chứng minh thư, căn cước công dân, hộ chiếu...) cho tổ chức tín dụng để phát hiện, ngăn chặn việc giả mạo giấy tờ khi thực hiện các dịch vụ ngân hàng | Tiếp thu, đã bổ sung tại Điều 46 về kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ giao dịch điện tử | MSB, VCCI | |
| 82 | 1 | Tại khoản 1, Điều 82 của dự thảo quy định “... không cung cấp thông tin qua hình thức văn bản đối với thông tin đã được khai thác qua hình thức kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin”, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét không giới hạn hình thức cung cấp thông tin, có thể dự thảo theo hướng cung cấp thông tin bằng cả hình thức văn bản và khai thác qua kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin. | Giải trình, quy định như vậy là để thúc đẩy kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ giao dịch điện tử. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ quan, tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật | Hà Nội | |
| 82 | 1 | Trên thực tế, bên cạnh việc khai thác thông tin qua hình thức kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ quan, tổ chức, cá nhân vẫn có nhu cầu cung cấp thông tin bằng hình thức văn bản để phục vụ các mục đích khác nhau như lưu trữ, sử dụng làm tài liệu, chứng cứ trong thủ tục tố tụng… Do đó, để đảm bảo tính linh hoạt, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dân, doanh nghiệp, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc bỏ nội dung “không cung cấp thông tin qua hình thức văn bản đối với thông tin đã được khai thác qua hình thức kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin” tại khoản 1 Điều 82 dự thảo Luật. | Tiếp thu, giải trình:  Quy định như này nhằm thúc đẩy kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ giao dịch điện tử. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ quan, tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bổ sung cụm từ “, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác” để loại trù các trường hợp đặc biết ví dụng như cung cấp chứng cứ trong thủ tục tố tụng có thể yêu cầu văn bản giấy. | Bộ Tư pháp | |
| 83 | Khác | Tại Điều 83 dự thảo Luật về hành vi vi phạm về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu của cơ quan nhà nước: Đề nghị bổ sung quy định đối với hành vi phát tán thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước và đối với hành vi chia sẻ thông tin sai sự thật vì những hành vi này là vi phạm pháp luật về bí mật nhà nước, an ninh mạng. | Tiếp thu, tại khoản 2 và 7 của Điều 9 dự thảo Luật đã quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong giao dịch điện tử đã bao gồm cả giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước | Bộ Công an | |
| 87 | 1 | Đề nghị bỏ quy định tại điểm b khoản 1 “Chính sách ưu đãi về biên chế chuyên trách phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước”, do: quy định này không phù hợp với nội dung Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và sắp xếp lại tổ chức bộ máy (việc bố trí nhân sự phải xuất phát từ yêu cầu công việc phát sinh thực tế và danh mục vị trí việc làm của đơn vị). | Tiếp thu và lược bỏ nội dung này ra khỏi dự thảo Luật | Bộ Tài chính | |
| 87 | 2 | Đề nghị bỏ quy định tại điểm b khoản 2 “Chính sách về thi đua khen thưởng, xử phạt cho cán bộ chuyên trách phục vụ, thực hiện giao dịch điện tử”. do: việc thi đua khen thưởng, xử phạt đối với công chức, viên chức phải được thực hiện thống nhất theo quy định của Chính phủ trong quản lý cán bộ, công chức, viên chức. | Tiếp thu và lược bỏ nội dung này ra khỏi dự thảo Luật | Bộ Tài chính | |
| 87 | 1.2 | Đề nghị bỏ quy định về chính sách đãi ngộ với cơ quan nhà nước; cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước tại khoản 1 và 2 Điều 87. Lý do:  (i) Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Kết luận 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp. Do vậy, chính sách hỗ trợ giao dịch điện tử cần phù hợp với Kết luận của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII nêu trên.  (ii) Quy định về chi ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 quy định về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Đối với chi đầu tư thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công. | Tiếp thu và lược bỏ nội dung này ra khỏi dự thảo Luật | Bộ Tài chính | |
| 87, 88 | Khác | Cần làm rõ hơn các hình thức chính sách hỗ trợ giao dịch điện tử (Điều 87) và cân nhắc quy định chế độ đãi ngộ cho cán bộ chuyên trách phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước tại Dự thảo này để bảo đảm thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (Điều 88). | Tiếp thu và lược bỏ nội dung này ra khỏi dự thảo Luật | Bộ GDĐT | |
| 88 | 3 | Đề nghị bỏ nội dung giao Bộ Nội vụ quy định chế độ đãi ngộ cho cán bộ chuyên trách phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước tại Khoản 3, Điều 88, Mục 3, Chương VIII, dự thảo để thực hiện theo đúng Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp | Tiếp thu và lược bỏ nội dung này ra khỏi dự thảo Luật | Bộ Nội vụ | |
| CHƯƠNG IX AN TOÀN DỮ LIỆU VÀ AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG TRONG GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ | | | | |
| Khác |  | Tại Mục 1, Chương IX, đề nghị bổ sung nội dung Quy định về bảo mật thông tin trong giao dịch điện tử, đồng thời giao trách nhiệm cho các cơ quan liên quan quản lý, triển khai, cụ thể như sau: “89a. Quy định về bảo mật thông tin trong giao dịch điện tử.” | Tiếp thu, đã quy định Cơ quan, tổ chức, cá nhân tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng và an ninh mạng khi tiến hành các hoạt động giao dịch điện tử (trong đó có cả bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và trách nhiệm của các bên liên quan) | Ban Cơ yếu Chính phủ | |
| Khác |  | Đề nghị rà soát, xem xét lại. Đối với các nội dung đã được quy định ở các Luật khác, có thể yêu cầu doanh nghiệp có trách nhiệm tuân thủ pháp luật liên quan.  Lý do: Phần lớn các quy định trong Chương IX có phạm vi, nội dung trùng lặp với phạm vi điều chỉnh, nội dung đã được quy định trong Luật An toàn Thông tin mạng và Luật An ninh mạng. Việc quy định cùng một nội dung ở nhiều văn bản Luật khác nhau gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc theo dõi, tuân thủ, và dễ dẫn đến sự mâu thuẫn, chồng chéo giữa các văn bản. | Tiếp thu, đã quy định Cơ quan, tổ chức, cá nhân tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng và an ninh mạng khi tiến hành các hoạt động giao dịch điện tử | GRAB, VCCI | |
| Khác |  | tại Chương IX, Mục 2 bổ sung nội dung: Bảo mật thông tin trong giao dịch điện tử:  - Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn các biện pháp bảo mật phù hợp với quy định của pháp luật khi tiến hành giao dịch điện tử.  - Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được sử dụng, cung cấp hoặc tiết lộ thông tin về bí mật đời tư hoặc thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác mà mình tiếp cận hoặc kiểm soát được trong giao dịch điện tử nếu không được sự đồng ý của họ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác | Tiếp thu, đã quy định Cơ quan, tổ chức, cá nhân tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng và an ninh mạng khi tiến hành các hoạt động giao dịch điện tử; như vậy, đã bao hàm các ý kiến góp ý này. | Hà Giang | |
| Khác |  | Chương IX An toàn dữ liệu và an toàn thông tin mạng trong giao dịch điện tử Hầu hết các quy định tại Chương IX đều có phạm vi và nội dung trùng lập với phạm vi điều chỉnh và nội dung quy định tại Luật An toàn thông tin mạng và Luật An ninh mạng . Việc quy định cùng ndén một nội dung tại nhiều Luật khác nhau khiến doanh nghiệp khó giám sát , tuân thủ và dễ dẫn . mâu thuẫn , chồng chéo  Khuyến nghị : Xem xét lại các quy định để tránh xung đột với các Luật khác. |  | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| Khác |  | Bảo mật dữ liệu trong giao dịch điện tử. Dự thảo Luật Giao dịch điện tử sửa đổi quy định rằng tầm quan trọng của dữ liệu sẽ được chia thành ba cấp độ , trong đó Cấp độ 3 là cấp độ quan trọng nhất . Nó cũng giao trách nhiệm cho các tổ chức về việc thực hiện đánh giá rủi ro và bảo vệ an toàn thông tin . Tuy nhiên , Dự thảo Luật không đưa ra định nghĩa rõ ràng về từng mức độ quan trọng của dữ liệu . Điều này sẽ đặt các công ty vào tình trạng lấp lửng về mặt pháp lý vì họ không được hướng dẫn về thời điểm dữ liệu sẽ đạt đến Cấp độ 3 và khi nào các công ty sẽ tham gia.  Khuyến nghị : Làm rõ 3 mức độ quan trọng của dữ liệu . |  | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 89 | Khác | Tại Điều 89: Đề nghị bổ sung quy định cụ thể về các mức trong quy định tại khoản 2 “Mức độ quan trọng của dữ liệu được chia thành 3 mức”, để đảm bảo tính minh bạch của Luật và làm cơ sở cho quy định tại khoản 4 Điều 91 “Tổ chức, cá nhân xử lý dữ liệu có mức độ quan trọng mức 3 có trách nhiệm sau đây:..” và khoản 1 Điều 93 “Việc di chuyển dữ liệu có độ quan trọng mức độ 3 qua biên giới phải thực hiện đánh giá bảo đảm an toàn dữ liệu theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông”. | Tiếp thu, đã giao Bộ TTTT có trách nhiệm Quy định chi tiết về phân loại và bảo đảm an toàn thông điệp dữ liệu trong giao dịch điện tử | Bộ Tài chính | |
| 89 | Khác | Tại Điều 89 có quy định: Mức độ quan trọng của dữ liệu được chia thành 3 mức.  Đề nghị bổ sung cụ thể các mức độ quan trọng của dữ liệu và các nội dung cần quản lý đối với từng mức độ. | Tiếp thu, đã giao Bộ TTTT có trách nhiệm Quy định chi tiết về phân loại và bảo đảm an toàn thông điệp dữ liệu trong giao dịch điện tử | Đà Nẵng | |
| 89 | Khác | Điều 9 Luật An ninh mạng cho phép tổ chức tự phân loại dữ liệu dựa trên mức độ bí mật của chúng. Tuy nhiên, Dự thảo Luật này quy định dữ liệu được phân loại dựa trên mức độ quan trọng của chúng . Sự khác biệt này khiến các doanh nghiệp khó phân loại dữ liệu trong giai đoạn triển khai để đảm bảo an toàn dữ liệu. Khuyến nghị : Thực hiện theo quy định hiện hành của Luật An ninh mạng. |  | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 89 | 2 | Điều 89 khoản 2: cần có quy định sơ bộ ba mức của “Mức độ quan trọng của dữ liệu”, có thể là: bình thường, quan trọng và rất quan trọng vì ngay các điều sau (khoản 4 Điều 91, khoản1 Điều 93 đã có đề cập áp dụng). | Tiếp thu, đã giao Bộ TTTT có trách nhiệm Quy định chi tiết về phân loại và bảo đảm an toàn thông điệp dữ liệu trong giao dịch điện tử | Hội Truyền thông số | |
| 89 | 2 | Xem xét quy định 03 mức độ quan trọng của dữ liệu tại Nghị định và có thuyết minh về việc phân loại này. | Tiếp thu, đã giao Bộ TTTT có trách nhiệm Quy định chi tiết về phân loại và bảo đảm an toàn thông điệp dữ liệu trong giao dịch điện tử | BỘ KHĐT | |
| 89 | 2 | Đề nghị nêu rõ căn cứ xác định “Mức độ quan trọng của dữ liệu”. Lý do: Mức độ quan trọng của dữ liệu được chia thành 3 mức, tuy nhiên trong dự thảo Luật không quy định rõ là cụ thể 3 mức nào và cũng không trích dẫn văn bản pháp luật khác liên quan quy định về 3 mức này. | Tiếp thu, đã giao Bộ TTTT có trách nhiệm Quy định chi tiết về phân loại và bảo đảm an toàn thông điệp dữ liệu trong giao dịch điện tử | Quảng Ninh | |
| 89 | 2 | Theo quy định tại Khoản 2 Điều 89 Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) thì “Mức độ quan trọng của dữ liệu được chia thành 3 mức. Tổ chức, cá nhân thực hiện phân loại dữ liệu, triển khai phương án bảo vệ dữ liệu phù hợp với mức độ quan trọng của dữ liệu” và giao Chính phủ quy định chi tiết về phân loại dữ liệu.  Do vậy, kiến nghị bổ sung tiêu chí, cách thức xác định “mức độ quan trọng của dữ liệu” ở phân loại 3 mức độ quan trọng của dữ liệu, làm cơ sở xây dựng pháp luật và thực thi trên thực tế. | Tiếp thu, đã giao Bộ TTTT có trách nhiệm Quy định chi tiết về phân loại và bảo đảm an toàn thông điệp dữ liệu trong giao dịch điện tử | Tập đoàn   dầu khí | |
| 89 | 2 | Đề nghị bổ sung tiêu chí để phân loại dữ liệu theo các mức độ quan trọng của dữ liệu | Tiếp thu, đã giao Bộ TTTT có trách nhiệm Quy định chi tiết về phân loại và bảo đảm an toàn thông điệp dữ liệu trong giao dịch điện tử | MSB, VCCI | |
| 89.93 | Khác | Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các quy định về phân loại dữ liệu, đánh giá bảo đảm an toàn dữ liệu để đảm bảo không chồng chéo với các quy định do Bộ Công an đang chủ trì xây dựng (dự thảo Nghị định bảo vệ dữ liệu cá nhân) cũng đang quy định các nội dung này theo quy định của Bộ Công an. | Tiếp thu và đã lược bỏ nội dung trên do trong quá trình cụ thể hóa thấy hành lang pháp lý về an toàn, an ninh mạng hiện nay đã đầy đủ, không cần cụ thể hóa trong Luật này mà chỉ cần dẫn chiếu để bảo đảm tính đồng bộ, nhất quán, đơn giản khi thực hiện. | Bộ Công Thương | |
| 91-93 | ­khác | • Các yêu cầu về an toàn/bảo mật dữ liệu hiện đang được biểu đạt không rõ ràng trong Điều 91-93, đồng thời, định nghĩa về dữ liệu “ cấp 3 " còn đang thiếu xót khiến việc tuân thủ luật trở nên khó khăn, khó lý thích cho lý do tại sao các yêu cầu đó có thể giúp tăng cường bảo mật thông tin. |  |  | |
| 91-93 | ­khác | Điều 91-93 - Yêu cầu về An toàn / Bảo mật Dữ liệu . Mục đích của việc phân loại mức độ quan trọng của dữ liệu theo Dự thảo Luật này là không rõ ràng . Luật An ninh mạng và các quy định thi hành Luật đã có những quy định hiện hành về phân loại hệ thống thông tin và dữ liệu của hệ thống thông tin . Các doanh nghiệp tư nhân nên được phép có hệ thống phân loại riêng của họ . Ở nhiều khu vực pháp lý , các yêu cầu liên quan đến an toàn dữ liệu và chuyển giao xuyên biên BƯỚI BỊ hạn trong ứng dụng của chúng đối với dữ liệu cá nhân , thay vì đối với tất cả các loại dữ liệu . Điều này phản ánh thực tế là cần có sự quan tâm đặc biệt đối với thông tin liên quan đến một cá nhân được xác định hoặc có thể nhận dạng được , trong khi các rủi ro tương tự không áp dụng đối với việc vi phạm dữ liệu không thể xác định được một cá nhân . Tuy nhiên , chúng hiểu rằng Chính phủ Việt Nam hiện đang hoàn thiện Nghị định về Bảo vệ dữ liệu cá nhân ( Nghị định PDP ) , có thể sẽ bao gồm các điều khoản chi tiết liên quan đến an toàn dữ liệu và truyền dữ liệu cá nhân xuyên biên giới . Do đó , các yêu cầu đề xuất theo Luật này có thể trùng lập và thừa hoặc có thể gây ra sự không thống nhất và phức tạp . Ngoài ra , liên quan đến điều khoản rằng việc truyền dữ liệu có mức độ quan trọng cấp 3 xuyên biên giới phải trải qua đánh giá bảo mật dữ liệu theo quy định do Bộ Truyền Thông & Thông tin ban hành , chúng tôi không đồng ý việc áp đặt các tiêu chuẩn bảo mật bắt buộc Thay vào đó , bất kỳ yêu cầu nào cũng phải linh hoạt , trung lập về công nghệ và dựa trên các nguyên tắc . Các tiêu chuẩn bảo mật theo quy định sẽ không tính đến các phát triển công nghệ - vốn phát triển nhanh chóng , làm tăng chi phí tuân thủ cho các tổ chức và không phải lúc nào cũng có thể mang lại lợi ích hữu hình cho chủ thể dữ liệu . Hơn nữa , các biện pháp được thực hiện để bảo vệ dữ liệu cá , nhân phải tương xứng với bản chất của dữ liệu cá nhân và các loại và mục đích xử lý. Không có giải pháp nào phù hợp với tất cả.  Khuyến nghị Xóa các Điều này. Các yêu cầu liên quan đến an toàn dữ liệu và chuyển dữ liệu xuyên biên giới cần được xem xét trong bối cảnh Nghị định PDP sắp tới . |  |  | |
| 91 | 4 | Đề nghị bỏ quy định tại điểm a khoản 4 “a) Chỉ định cán bộ phụ trách và đơn vị bảo đảm an toàn dữ liệu, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về bảo đảm an toàn dữ liệu”, để tránh can thiệp sâu vào tổ chức, bộ máy, phân công công việc của cơ quan, tổ chức. | Bảo lưu; dự thảo hiện quy định trách nhiệm của bên xử lý dữ liệu phải Tuân thủ quy định của pháp luật về chuyển qua biên giới, chỉ định người phụ trách bảo an toàn thông điệp dữ liệu và thiết lập bộ phận chịu nhiệm bảo đảm an toàn thông điệp dữ liệu; dữ liệu là huyết mạch quốc gia, việc có bộ phận/cán bộ chuyên trách sẽ làm tăng mức độ an toàn dữ liệu so với việc đơn vị chỉ có cán bộ kiêm nhiệm dẫn đến rủi ro vi phạm dữ liệu lớn hơn rất nhiều. | Bộ Tài chính | |
| 91 | 4 | Đề nghị bỏ quy định tại điểm c khoản 4 “Báo cáo đánh giá rủi ro bao gồm: quy mô dữ liệu được xử lý, phương thức xử lý, rủi ro an toàn dữ liệu và biện pháp ứng phó”, vì không rõ báo cáo này phục vụ cho đối tượng nào; bên cạnh đó nội dung này đã thuộc nội hàm quy định tại điểm b khoản 4 “Thực hiện đánh giá rủi ro thường xuyên đối với hoạt động xử lý dữ liệu theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông” | Tiếp thu một phần; dự thảo đã sửa đổi quy định thành Bộ TTTT có trách nhiệm Tổ chức đánh giá rủi ro, giám sát và cảnh báo sớm về an toàn thông điệp dữ liệu. | Bộ Tài chính | |
| 92 | Khác | **Đề xuất làm rõ khái niệm dịch vụ trung gian giao dịch điện tử vì Trong Luật chưa có khái niệm "Dịch vụ trung gian giao dịch điện tử" mới có khái niệm "Nền tảng số trung gian".** | Tiếp thu và đã lược bỏ nội dung trên do trong quá trình cụ thể hóa thấy hành lang pháp lý về an toàn, an ninh mạng hiện nay đã đầy đủ, không cần cụ thể hóa trong Luật này mà chỉ cần dẫn chiếu để bảo đảm tính đồng bộ, nhất quán, đơn giản khi thực hiện. | VNPT | |
| 92 | Khác | Tại Điều 92, dự thảo Luật: đề nghị bổ sung nội dung: Tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian giao dịch điện tử phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình. | Tiếp thu, đã lược bỏ quy định này tại dự thảo | Phú Thọ | |
| 92 | Khác | Đề nghị rà soát nội dung quy định tại Điều này (trách nhiệm của Tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian giao dịch điện tử), vì trong dự thảo Luật chưa có Điều, khoản quy định về “dịch vụ trung gian giao dịch điện tử”). | Bảo lưu ý kiến, lý do: đã quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân phải tuân thủ quy định Luật An toàn thông tin mạng, An ninh mạng trong quá trình giao dịch điện tử (bao hàm cả tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian; và bao hàm cả chịu trách nhiệm trước pháp luật của đơn vị góp ý) | Bộ Tài chính | |
| 92 | Khác | Tại khoản 18 Điều 4, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 15 của dự thảo nhắc đến “người trung gian”. Đề nghị rà soát, sử dụng từ ngữ thống nhất để tránh hiểu khác nhau hoặc bổ sung quy định đầy đủ cho phù hợp. Ngoài ra, đề nghị quy định rõ hơn trách nhiệm của “người trung gian” hay “Tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian giao dịch điện tử” đối với các bên liên quan. | Tiếp thu, đã lược bỏ quy định này tại dự thảo | Bộ Tài chính | |
| 93 | 1 | Tại khoản 1 Điều 93 “Việc di chuyển dữ liệu có độ quan trọng mức độ 3 qua biên giới phải thực hiện đánh giá bảo đảm an toàn dữ liệu theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông”, đề nghị xem xét lại cụm từ mức độ 3, vì trong dự thảo Luật tại khoản2 Điều10 dùng cụm từ độ tin cậy cấp 1, cấp 2, cấp 3, cấp 4. | Tiếp thu, đã lược bỏ quy định này tại dự thảo | Daklak | |
| 96 | 2 | Đề nghị rà soát quy định tại điểm b khoản 2 “ An toàn thanh toán và thông tin đơn hàng bằng các mã hóa thích hợp”, vì không phù hợp áp dụng trong các giao dịch điện tử không có nội dung thanh toán. | Tiếp thu, hiện dự thảo Luật chỉ quy định Thông điệp dữ liệu được phân loại và bảo đảm an toàn thông tin mạng dựa trên mức độ quan trọng và giao Bộ TTTT quy định chi tiết. | Bộ Tài chính | |
| 96 | 2 | - Đề nghị bỏ quy định tại điểm d khoản 2 “Có khả năng tương tác và cơ chế đảm bảo an toàn”, vì nội dung quy định này không rõ nghĩa, không cụ thể | Tiếp thu, đã lược bỏ quy định này tại dự thảo | Bộ Tài chính | |
| 97 | 2 | Tại khoản 2, Điều 97: từ “các cơ quan nhà nước” bị lặp lại nhiều, nên đề nghị sửa lại thành: “Cổng thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước phải cung cấp các dữ liệu đặc tả theo các tiêu chuẩn, hướng dẫn hiện hành về dữ liệu đặc tả để hỗ trợ tìm kiếm, trao đổi… theo quy định của pháp luật”. | Tiếp thu, đã lược bỏ quy định này tại dự thảo | Quảng Ngãi | |
| 98 |  | Điều 98 - Trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ Internet , trung tâm dữ liệu và nền tảng kỹ thuật số . Điều 98 quy định các nghĩa vụ chung , cung cấp ( i ) cơ sở pháp lý để các cơ quan có thẩm quyền địa phương yêu cầu Nền tảng thực hiện một số hành vi nhất định , chẳng hạn như xóa hoặc chặn thông tin mà họ cho là bất hợp pháp và ( l ) cơ sở pháp lý để nhà chức trách xử phạt Nền tảng không tuân theo yêu cầu của họ. Đây có thể là cơ sở pháp lý đề Bộ Thông tin & Truyền Thông cùng các cơ quan có thẩm quyền khác yêu cầu các nhà khai thác Nền tảng thực hiện các hành động nêu trên. Khuyến nghị : Loại bỏ Điều này. |  |  | |
| 100 | Khác | Tại Điều 100 “Quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền” đề nghị bổ sung các trang thiết bị có liên quan giao dịch điện tử. | Tiếp thu, đã lược bỏ quy định này tại dự thảo | Daklak | |
| 100 | Khác | Đề nghị làm rõ nội hàm của cụm từ “cơ quan nhà nước có thẩm quyền” được quy định tại Điều 100. | Tiếp thu một phần, điều này kế thừa từ Luật GDĐT 2005 giai đoạn chưa ban hành Luật An toàn thông tin mạng và An ninh mạng. Hiện đã quy định dẫn chiếu sang 02 luật này tại dự thảo. | Bộ KHCN | |
| 100 | Khác | Đề nghị làm rõ nội hàm của Điều 100. Quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, khoản 1d: Ngăn cản việc truy cập vào một hệ thống máy tỉnh; | Tiếp thu một phần, điều này kế thừa từ Luật GDĐT 2005 giai đoạn chưa ban hành Luật An toàn thông tin mạng và An ninh mạng. Hiện đã quy định dẫn chiếu sang 02 luật này tại dự thảo. | Bộ Ngoại Giao | |
| CHƯƠNG X GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ XỬ LÝ VI PHẠM | | | | |
| Khác |  | Bộ Công Thương nhận thấy Chương này không có quy định mới về giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm, những quy định này đã được quy định tại pháp luật về dân sự, thương mại. Vì vậy, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo bỏ Chương này để đảm bảo phù hợp với khoản 3 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật | Tiếp thu và đã lược bỏ nội dung này trong dự thảo Luật để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật do Luật này không quy định nội dung mới về xử lý tranh chấp. | Bộ Công Thương | |
| Khác |  | Vấn đề tranh chấp và xử lý vi phạm: nội dung trong dự thảo còn đơn giản và chung chung quá, cần bổ sung các nội dung lớn, quan trọng mang tính nguyên tắc để thuận lợi cho việc xây dựng Nghị định sau này. | Tiếp thu và đã lược bỏ nội dung này trong dự thảo Luật để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật do Luật này không quy định nội dung mới về xử lý tranh chấp. | Hộ Vô tuyến điện tử | |
| Khác |  | Khoản 4 Điều 102 quy định nguyên tắc giải quyết tranh chấp có yếu tố nước ngoài, nội dung này đề nghị rà soát kỹ để bảo đảm phù hợp với nguyên tắc áp dụng pháp luật đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài quy định tại phần thứ năm Bộ luật Dân sự năm 2015 và quy định pháp luật khác có liên quan về giải quyết tranh chấp có yếu tố nước ngoài | Tiếp thu và đã lược bỏ nội dung này trong dự thảo Luật để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật do Luật này không quy định nội dung mới về xử lý tranh chấp. | Bộ Tư pháp | |
| 101 | Khác | Tại “Điều 101. Xử lý vi phạm pháp luật về giao dịch điện tử và hoạt động kinh tế số” của “Chương X. Giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm” đề nghị bổ sung thêm khoản 3 nội dung sau: Chính phủ quy định chi tiết Điều này. Vì hành vi phạm pháp luật về giao dịch điện tử và hoạt động kinh tế số rất rộng lớn, khó nhận diện và kiểm soát trên không gian mạng nên cần quy định chi tiết để làm căn cứ xử lý vi phạm cho các cơ quan chức năng. | Tiếp thu và đã lược bỏ nội dung này trong dự thảo Luật để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật do Luật này không quy định nội dung mới về xử lý tranh chấp. | Hà Tĩnh | |
| 101 |  | Theo Điều 101 dự thảo Luật, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, các hình thức áp dụng để xử lý đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về giao dịch điện tử gồm: (i) xử lý kỷ luật; (ii) xử phạt hành chính; (ii) truy cứu trách nhiệm hình sự; (iv) bồi thường thiệt hại nếu gây ra thiệt hại. Tương tự, đối với những cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật trong giao dịch điện tử thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị: (i) xử phạt hành chính; (ii) đình chỉ hoạt động; (iii) bồi thường thiệt hại nếu gây ra thiệt hại.  Tuy nhiên, điều luật chưa nêu rõ quy định về chế tài xử lý và chưa dẫn chiếu đến văn bản quy phạm pháp luật nào để áp dụng đối với mỗi hình thức xử lý. Do đó, đề nghị bổ sung nội dung quy định cụ thể về chế tài áp dụng (ví dụ đối với hình thức xử phạt hành chính sẽ xử lý theo Luật này và Luật về xử lý vi phạm hành chính; quy định về mức xử phạt, hình thức xử phạt...) với các đối tượng vi phạm quy định trong Luật. | Tiếp thu và đã lược bỏ nội dung này trong dự thảo Luật để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật do Luật này không quy định nội dung mới về xử lý tranh chấp. | Tập đoàn   dầu khí | |
| 102 | Khác | Đề nghị sửa đổi Điều 102 như sau:  “Điều 102. Giải quyết tranh chấp trong giao dịch điện tử  1. Khi có tranh chấp trong giao dịch điện tử, việc hoà giải giữa các bên phù hợp với quy định của pháp luật được khuyến khích.  2. Trong trường hợp các bên không hoà giải được thì thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp trong giao dịch điện tử được thực hiện theo quy định của pháp luật.”  Lý do: Hiện nay, hệ thống pháp luật về giải quyết tranh chấp trong quan hệ dân sự và quan hệ kinh tế đã tương đối đầy đủ, cụ thể là Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Trọng tài Thương mại. Do đó, Dự thảo không cần thiết quy định chi tiết về giải quyết tranh chấp. | Tiếp thu và đã lược bỏ nội dung này trong dự thảo Luật để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật do Luật này không quy định nội dung mới về xử lý tranh chấp. | GRAB, VCCI | |
| 102 | Khác | Điều 102 - Giải quyết tranh chấp Hiện nay , hệ thống pháp luật về giải quyết tranh chấp trong các quan hệ dân sự , kinh tế đã tương đối hoàn thiện , đó là Bộ luật dân sự , Bộ luật tố tụng dân sự , Luật trọng tài thương mại . Do đó , Dự thảo không cần quy định chi tiết về giải quyết tranh chấp.  Khuyến nghị Bỏ nội dung trùng lập để tránh nhầm lẫn. | Tiếp thu và đã lược bỏ nội dung này trong dự thảo Luật để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật do Luật này không quy định nội dung mới về xử lý tranh chấp. | Hiệp Hội TMĐT Hoa Kỳ | |
| 102 | 3 | Đề nghị nên có biện pháp thông báo trước thời điểm áp dụng tạm dừng, trừ trường hợp thực hiện tạm dừng theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền | Tiếp thu và đã lược bỏ nội dung này trong dự thảo Luật để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật do Luật này không quy định nội dung mới về xử lý tranh chấp. | VNPT | |
| 102 | 3 | Liên quan đến tranh chấp và giải quyết tranh chấp tại khoản 3 Điều 102 dự thảo, đề nghị sửa đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự như sau:  “3. Áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời  Khi có tranh chấp phát sinh trong giao dịch điện tử, các bên có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự và các biện pháp sau:…” | Tiếp thu và đã lược bỏ nội dung này trong dự thảo Luật để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật do Luật này không quy định nội dung mới về xử lý tranh chấp. | Phú Yên | |
| CHƯƠNG XI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH | | | | |
| 103 | Khác | Đề nghị nghiên cứu bổ sung điều khoản chuyển tiếp về thời gian thực hiện việc đăng ký, cấp phép hệ thống giao dịch điện tử đối với những nền tảng số trung gian mới thành lập và đã thành lập theo pháp luật chuyên ngành. | Tiếp thu. Sau khi nghiên cứu, rà soát tính khả thi và sự cần thiết của điều khoản, Cơ quan soạn thảo đã bỏ điều kiện về đăng ký, cấp phép này. Đảm bảo cắt giảm ngành nghề đầu tư kinh doanh, giảm chi phí tuân thủ trong mọi lĩnh vực theo Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 10/01/2022. Nội dung điều chỉnh cụ thể tại Điều 59, 60 dự thảo Luật. | Bộ Công Thương | |
| 103 | Khác | Đề nghị nghiên cứu sửa “Điều khoản chuyển tiếp” thành “Quy định chuyển tiếp” theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Tiếp thu. Đã cập nhật tại Điều 59, 60 dự thảo Luật. | Bộ GDĐT | |
| 104 | Khác | - Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ cụm từ “sửa đổi” trong tên của Luật.  Lý do: Tại khoản 2 Điều 104 của Dự thảo Luật chỉ rõ “Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành”. Do vậy, đây là Luật mới, thay thế hoàn toàn Luật Giao dịch điện tử 2005, không phải Luật sửa đổi. | Tiếp thu. Đã cập nhật tại Điều 59, 60 dự thảo Luật. | Lai Châu | |
| 104 | 2 | - Tại Khoản 2 Điều 104, đề nghị cơ quan soạn thảo thay thế cụm từ “thì hành” bằng cụm từ “thi hành”, cụ thể như sau: “2. Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.” | Tiếp thu. Đã cập nhật tại Điều 59, 60 dự thảo Luật. | Lai Châu | |